

KINH ĐẠI THỪA NHẬP LĂNG GIÀ

TRUNG TÂM NHẬP THẤT CHÙA TỊNH LUẬT
Phát Lịch 2546

KINH ĐẠI THỪA NHẬP LĂNG GIÀ

Phụng dịch theo bản đời Đường của Ngài Thiệt Xoa Nan Đà.
Tham Khảo các bản dịch đời Nguyên, Tống và bản dịch Anh
Ngữ của Suzuki. THÍCH NỮ TRÍ HẢI 1969.
- TÁI HIỆU CHÍNH 1997 -

Phụng Dịch theo bản đời Đường của Ngài Thiệt Xoa Nan Đà



Ns. TRÍ HẢI

---o0o---

Nguồn

<http://www.buddhahome.net>

Chuyển sang ebook 21-6-2009

Người thực hiện : Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

QUYỀN MỘT

CHƯƠNG I - VUA LĂNG GIÀ THỪA HỎI

CHƯƠNG II - THỰC HÀNH TẤT CẢ PHÁP

QUYỀN HAI

QUYỂN BA

CHƯƠNG II - THỰC HÀNH TẤT CẢ PHÁP

QUYỂN BỐN

CHƯƠNG III - VÔ THƯỜNG (anityatiparivatro Màmattriyah)

QUYỂN NĂM

CHƯƠNG III - VÔ THƯỜNG

CHƯƠNG IV - HIỆN CHỨNG

CHƯƠNG V - NHƯ LAI THƯỜNG HAY VÔ THƯỜNG

CHƯƠNG VI - SÁT NA PHẨM

QUYỂN SÁU

CHƯƠNG VII - PHẨM BIẾN HÓA

CHƯƠNG VIII - CẤM ĂN THỊT

CHƯƠNG IX - ĐÀ LA NI

CHƯƠNG X - KỆ TỤNG - PHẦN THỨ NHẤT

QUYỂN BẢY

CHƯƠNG X - KỆ TỤNG - PHẦN THỨ NHÌ

---o0o---

QUYỂN MỘT

CHƯƠNG I - VUA LĂNG GIÀ THỪA HỎI

Như vậy tôi nghe, vào thời gian Phật cùng chúng đại tỳ kheo và đại Bồ tát ở trong thành Lăng già trên đỉnh núi Ma la dà bên biển lớn. Các vị này đều đã thông đạt năm pháp, ba tự tính, tám thức, hai vô ngã, hiểu rõ nghĩa cảnh giới do tự tâm hiện, dạo chơi trong vô số tam muội, tự tại, mười lực và sáu thần thông. Tuy hiện đủ loại hình và phương tiện để điều phục chúng sinh, kỳ thực các Ngài xuất thân từ các cõi Phật, được chư Phật lấy nước cam lộ rưới đầu. Bồ tát Đại Huệ là bậc thượng thủ.

Bấy giờ đức Thế Tôn thuyết pháp trong cung vua Ròng biển đã quá bảy ngày. Ngài từ trong biển lớn đi ra, có vô lượng trời rồng, Phạm vương, Đế Thích - những vị hộ trì thế gian- cung đón. Đức Như lai đưa mắt nhìn thành Lăng già trên đỉnh Ma la dà sơn, mỉm cười nói: "Các bậc Ứng chính đẳng giác ngày xưa cũng đều ở trong thành này diễn nói Pháp mà thánh trí đã chứng. Đó không phải cảnh giới ngoại đạo có thể suy lường, không phải cảnh giới của thanh văn duyên giác. Nay Như lai cũng khai thị pháp này cho La bà vương (Ràvana)." Khi ấy La bà na, vua loài Dạ xoa, nhờ thần lực Phật, nghe được âm thanh lời ngài, từ xa biết Như lai đã ra khỏi cung vua Ròng biển, có các vị hộ thế trời, rồng, Phạm vương, Đế Thích vây quanh.

Nhìn sóng biển, Như lai quán sát A lại gia thức của chúng sinh không khác gì biển lớn bị gió hoàn cảnh thổi động, làm cho sóng thức nổi dậy. La bà na lòng vui mừng nói: "Ta hãy đến thỉnh đức Như lai vào thành Lăng già, để ta cùng các loài trời, người trong đêm tối dài được lợi ích lớn." Nói xong cùng quyền thuộc đi xe hoa đến chỗ Phật, đến nơi xuống xe nhiễu quanh Phật ba vòng, thổi các thứ âm nhạc để cúng dường Như lai. Các nhạc khí đều nạm ngọc nhân đà la màu xanh, ngọc lưu ly..., được bọc trong các thượng y vô giá. Âm thanh vi diệu mỹ lệ, tiết điệu hòa nhịp theo lời kệ ca ngợi Phật:

Tâm Phật là kho tàng chân lý

Vô ngã, lia kiên chấp nhiệm ô

Nguyện Phật vì chúng con diễn nói

Chỗ sở tri thánh trí đã tường

Báo thân do thiện pháp tích thành

Trí giác ngộ nên thường an lạc

Ngưỡng mong đấng Biến hóa tự tại

Vào thành Lăng già diễn pháp sâu

Chư Phật cùng Bồ tát xưa lâu

Cũng từng ở thành này nói pháp

Chúng con loài dạ xoa hết thảy

Nguyện một lòng nghe Pháp cao sâu.

La bà na, chúa tể thành Lăng già, sau khi đã ca bài tán Phật theo âm điệu Đô ta ka (Totaka), còn hát bài tụng như sau:

Thế Tôn trong bảy ngày

Ở trong biên Ma kiệt

Sau ra khỏi Long cung

Ung dung lên bờ này
Con và các thể nữ
Cùng quyền thuộc dạ xoa
Thân đà, Xa Thích na
Cùng các vị thông tuệ
Đều sẽ dùng thần lực
Mà đến chỗ Như lai
Lần lượt xuống xe báu
Lễ kính đức Thế tôn
Lại nhờ uy thần Phật
Trước Phật xưng tên mình:
Con là vua La sát
La bà na mười đầu
Nay đi đến chỗ Phật
Xin Phật thâm nhận con
Và tất cả chúng sinh
Ở trong thành Lãng già
Vô lượng Phật quá khứ
Đều lên đỉnh núi báu
Trong thành Lãng già này
Mà nói pháp sở chứng

Thế tôn cũng nên vậy
Ở núi báu trang nghiêm
Chúng bồ tát vây quanh
Xin nói pháp thanh tịnh
Chúng con nhân ngày nay
Cùng chúng ở Lăng già
Một lòng cung kính nghe
Pháp tự chúng ly ngôn
Con nhớ đời quá khứ
Vô lượng các đức Phật
Có Bồ tát nhiều quanh
Cũng nói kinh Lăng già
Kinh nhập Lăng già này
Phật xưa đều khen ngợi
Nguyện Phật nay cũng thế
Vì chúng sinh khai diễn
Xin Phật vì xót thương
Vô lượng chúng Dạ xoa
Hãy vào thành nghiêm báu
Nói pháp môn vi diệu
Thành Lăng già đẹp này

Trang hoàng bằng châu báu

Vách không bằng đất, đá

Lướìi giảng bằng trăn bảo

Các chúng Dạ xoa đây

Xưa từng cúng dường Phật

Tu hành lìa các lỗi

Thường rõ chỗ chúng tri

Các dạ xoa nam nữ

Khao khát pháp đại thừa

Tự tin theo Pháp ấy

Và thích khiến người tin

Nguyện xin đấng vô thượng

Vì các chúng La sát

Và quyến thuộc Lung nhĩ

Mà đến nơi thành này

Con từ xưa đến nay

Siêng cúng dường chư Phật

Nguyện nghe pháp tự chúng

Đạo đại thừa cứu cánh

Xin Phật thương xót con

Và các chúng Dạ xoa

Cùng các hàng con Phật

Mà vào trong thành này

Đây cung điện thể nữ

Và các chuỗi anh lạc.

Vườn vô ưu khả ái

Xin Phật thương nạp thọ

Để phụng Phật, Bồ tát

Không gì con không xả

Ngay cả đến thân này

Xin Phật thương nạp thọ.

Đức Thế Tôn nghe lời trên, liền dạy: "Này Dạ xoa vương, các đấng đại đạo sư đời quá khứ đều thương xót người, nhận lời thỉnh cầu của người mà đến núi báu này, nói pháp tự chứng. Chư Phật đời vị lai cũng thế. Đây là chỗ ở của những bậc tu thiên quán sâu xa đã biến hiện ra pháp lạc. Ta và các bồ tát vì thương xót sẽ nhận lời cầu thỉnh của người." Nói xong, Phật ngồi im lặng. Vua La bà na liền đem xe kết hoa đẹp của mình để cúng Phật. Phật ngồi lên xe, vua và các bồ tát tuân tự theo sau. Có vô lượng thể nữ ca hát tán thán để đón mừng Phật vào thành. Sau khi vào thành, vua La bà na cùng quyến thuộc lại dùng các thứ vi diệu để cúng dường. Đồng nam đồng nữ trong chúng Dạ xoa lấy lưới báu cúng dường Phật, vua La bà na cúng Phật và Bồ tát các chuỗi anh lạc đeo cổ. Sau khi nhận các phẩm vật cúng dường, chư vị Bồ tát lần lượt nói cảnh giới cao thâm mà các ngài đã thân chứng. La bà na vương và quyến thuộc lại cúng dường bồ tát Đại huệ và khuyến thỉnh như sau:

Tôi và các đại sĩ

Muốn hỏi đức Thế Tôn

Các cảnh giới tự chứng

Của tất cả Như lai

Tôi cùng chúng dạ xoa
Và các bồ tát này
Một lòng nguyện xin nghe
Nên đồng thanh khuyến thỉnh
Ngài là bậc tối thắng
Trong các bậc tu hành
Và thuyết pháp lợi sinh
Tôi một lòng cung kính
Xin ngài vì chúng tôi
Mà thỉnh vấn như lai
Pháp tự chúng thanh tịnh
Cứu cánh vào Phật địa
Lìa tất cả làm lỗi
Của ngoại đạo, nhị thừa.

Bấy giờ trong núi ấy, đức Thế Tôn dùng thần lực hóa ra muôn ngàn núi báu, lại dùng trăm ngàn vạn ức báu vật của chư thiên mà trang hoàng. Trên đỉnh mỗi ngọn núi đều có thân Phật hiện, trước mỗi thân Phật đều có vua La bà na và hội chúng. Tất cả cõi nước trong mười phương đều xuất hiện, trong mỗi cõi nước đều có đức Như lai, trước mỗi đức Phật đều có vua La bà na cùng quyến thuộc, vườn A du già, thành Lãng già trang nghiêm... Mỗi nơi đều có bồ tát Đại huệ thưa hỏi Phật. Phật khai thị cảnh giới tự chứng cho chúng hội. Sau khi dùng muôn ngàn âm thanh vi diệu để diễn nói kinh này, Phật cùng chúng Bồ tát tan biến vào hư không. Khi chỉ thấy còn lại một mình mình trong cung điện, vua La bà na nghĩ: "Vậy, người đang nhìn mọi sự đây là ai? Ai đã nghe thuyết pháp? Ai thấy? Thấy gì? Phật và rừng núi báu trong thành biến đi đâu? Đây là mộng chăng? Hay là ảo giác? Hay cảnh biến hóa của loài càn thát bà? Hay vì ta nhắm mắt? Hay là nắng quán đèn lòa? Đây là ảo mộng, như con của thạch nữ? Như ảo giác vòng lửa quay?"

Lại nghĩ: "Bản tính của vạn pháp đều như vậy, chỉ là cảnh giới do tự tâm phân biệt. Kẻ phàm phu mê hoặc không thể hiểu thấu. Kỳ thực, không có thấy và bị thấy, không người năng thuyết cũng không pháp sở thuyết. Thấy Phật nghe Pháp đều là phân biệt. Những người thấy các pháp như trên không thể thấy được Phật, không sinh phân biệt mới gọi là thấy Phật." Khi ấy chúa tể thành Lăng già bỗng nhiên khai ngộ, lìa ô nhiễm của tự tâm, chứng được vạn pháp chỉ do tâm biến hiện; an trú cảnh giới vô phân biệt. Nhờ những thiện căn đã trồng lâu xa về trước, ông được cái thấy "như thật" đối với hết thấy pháp. Ông không còn lệ thuộc người khác để giác ngộ, có thể dùng trí quán sát các pháp một cách sáng suốt, xa lìa hết thấy ước đoán, tà giải, trở thành một bậc thầy trong các bậc đại tu hành. Có năng lực một thân hiện ra nhiều thân, thấy suốt các phương tiện, biết rõ đặc điểm từng giai đoạn tu hành (địa), thường ưa xa lìa tâm, ý, ý thức, cắt đứt ba kiến "tương tục", lìa chấp trước của ngoại đạo. Tự tâm ông biết mình đã vào kho tàng Như lai, hướng đến Phật địa. La bà na bỗng nghe giữa hư không trong cung điện có tiếng nói: "Hay thay, đại vương ! Như chỗ ông đã học, các bậc tu hành cũng học như thế, thấy như thế. Tất cả các đức Như lai cũng thấy như thế. Nếu thấy (các pháp) khác thế, là đoạn kiến. Ông phải xa lìa tâm, ý, ý thức, nên siêng quán sát hết thấy các pháp, nên tu nội hạnh, chớ đả trước ngoại cảnh, chớ sa vào những pháp tu, những lối giải thích, những cảnh giới, những phép định của nhị thừa ngoại đạo. Chớ ham thích bàn chơi, đàm tiếu, chớ khởi các kiến chấp của phái Vi đà (chấp tự ngã), chớ say đắm an nhàn của vương vị, chớ ở trong những định thuộc về lục định v.v.. Làm như thế là thực hành hạnh của bậc chân tu, có thể phá biện luận của người khác, có thể diệt trừ ác kiến, có thể xả bỏ hết thấy ngã kiến chấp trước, có thể dùng diệu tuệ để chuyển thức sở y, có thể tu đạo đại thừa của Bồ tát, có thể thâm nhập cảnh giới tự chứng của Như lai. Ông nên siêng tu học thêm như vậy, để các pháp sở đắc càng thêm thanh tịnh. Hãy khéo tu Tam muội và Tam ma bát đế (samàpatti), chớ tham đắm cảnh giới mà nhị thừa, ngoại đạo cho là vui thù thắng, vì phân biệt theo phàm phu. Ngoại đạo chấp ngã kiến, có ngã tướng, vướng mắc Thật (dravya), Đức, (Cầu na, guna). Nhị thừa thấy thật có "vô minh duyên hành" nên từ "Tính không" sinh loạn tưởng phân biệt. Lăng già vương, Pháp này là đạo đại thừa rất thù thắng, có thể khiến ông thành tựu "Thánh trí tự chứng", được thọ đời tốt đẹp trong ba cõi. Lăng già vương, các ngoại đạo chấp trước ngã, lập các dị luận, không thể diễn nói xa lìa chấp trước, chỉ thấy nghĩa "hai" của thức tính. Hay thay, Lăng già vương, hãy tư duy nghĩa này như ông tư duy, tư duy như thế chính là thấy Phật ."

Bây giờ Lăng già vương lại nghĩ: "Xin cho con lại được chiêm ngưỡng Như lai. Như lai Thế tôn vốn tự tại trong các phép quán, lìa pháp ngoại đạo, có

thể diễn nói cảnh giới của Thánh trí tự chứng, vượt ngoài ứng thân hóa thân, an trú trong chính định của Như lai, chứng nhập được pháp lạc tam muội. Ngài là đấng "Đại quán hạnh sư", là đấng Đại ai mãn, đã đốt hết lửa phiền não và phân biệt, được các chúng Phật tử vây quanh, đấng hiểu thấu tâm chúng sinh, đấng Biến khắp các cõi, đấng Nhất thiết trí, xa lìa hết thấy sự tướng phân biệt. Con nay xin được thấy lại năng lực đại thân thông của Như lai. Khi được thấy Như lai, nguyện cho con đạt được pháp chưa đạt, không thối chuyển pháp đã đạt, lìa các phân biệt, an trú trong pháp lạc tam muội, tăng trưởng đầy đủ Như lai trí." Đức Phật biết Lăng già vương sẽ chứng Vô sinh pháp nhẫn, vì thương xót nên lại thị hiện sắc thân, biến mọi vật trở lại như trước. Vua mười đầu thấy lại những gì đã từng thấy: rất nhiều sơn thành trang hoàng bằng đủ thứ châu báu, trong mỗi thành đều có đức Phật 32 tướng nghiêm thân, lại tự thấy thân mình và Đại huệ ở trước mỗi đức Phật, có chúng Dạ xoa vây quanh, đang nói các pháp sở hành của bậc Tự chứng trí, lại thấy cõi nước của mười phương Phật. Tất cả các sự vật đều hiện như trước không sai khác.

Bấy giờ đức Thế tôn từ xa dùng tuệ nhãn quan sát khắp hội chúng rồi bỗng vui mừng cười lớn như sư tử vương. Từ giữa đôi lông mày, đôi vé, hông, lưng, cổ cho đến từ vai, cánh tay, dấu chữ vạn, từ mỗi lỗ chân lông trên thân ngài, đều phóng muôn vàn hào quang đẹp, như ráng cầu vồng, như tia mặt trời, lại như ngọn lửa mạnh nổi lên vào thời kiếp tận. Lúc ấy trong hư không, Phạm vương, Đế Thích, Tứ thiên vương từ xa cũng thấy Như lai ngồi như núi Tu di trên đỉnh Lăng già sơn vui mừng cười lớn. Chư Bồ tát và các chúng loài trời đều nghĩ: "Như lai Thế Tôn vốn tự tại trước mọi pháp, nay bởi nhân duyên gì bỗng lại vui mừng cười lớn, thân tỏa hào quang, lặng im không động, an trú trong cảnh tự chứng, nhập pháp lạc tam muội, như sư tử vương nhìn quanh bốn hướng, nhìn La bà na, nghĩ đến các pháp như thật?" Khi ấy Bồ tát Đại huệ trước vì lời thỉnh của La bà na, sau vì biết rõ tâm các Bồ tát trong hội chúng, lại biết chúng sinh đời sau những kẻ bám vào ngữ ngôn văn tự, ôm giữ hạnh nhị thừa ngoại đạo sẽ mê lầm nghĩ: "Thế Tôn đã xa lìa cảnh giới của thức phân biệt, thế thì vì có gì mà vui mừng cười lớn?" Chính vì muốn trừ nghi hoặc cho hạng này, nên Bồ tát hỏi Phật. Phật đáp:

" Hay thay, Đại huệ! Hay thay, Đại huệ ! Ông quán sát thế gian, vì thương xót chúng sinh bị trói buộc trong các quan niệm sai lầm về ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai, muốn cho chúng sinh được khai ngộ mà hỏi ta. Những người trí thường đặt câu hỏi vì lợi mình lợi người như vậy. Nay Đại huệ, Lăng già vương đây đã từng hỏi tất cả các đức Như lai trong quá khứ hai nghĩa Ứng cúng và Chính đẳng giác (A la hán và Phật), nay cũng muốn hỏi, và trong

đòi vị lai cũng thế. Các chỗ khác nhau giữa hai nghĩa ấy, hết thầy nhị thừa, ngoại đạo đều không thể suy lường." Đức Như lai biết Lăng già vương muốn hỏi nghĩa này nên dạy:

Này Lăng già vương, ông muốn hỏi gì cứ hỏi. Ta sẽ phân biệt giải thích cho ông, thỏa mãn mong cầu của ông, khiến ông hoan hỷ, có thể dùng trí tuệ tư duy quán sát để lìa phân biệt, biết rõ các giai đoạn tu hành. Ông sẽ tu tập đối trị các pháp, chứng nghĩa chân thật, nhập pháp lạc tam muội, được chư Phật nhiếp thọ, an trú trong pháp lạc xa ma địa (samapatthi), xa lìa lỗi lầm của định nhị thừa, an trú các cấp bậc Bồ tát: Bất động, Thiện huệ, Pháp vân. Ông sẽ như thật rõ biết các pháp vô ngã, sẽ được ngồi trong hoa sen báu, được chư Phật lấy nước tam muội rưới đầu, được vô số Bồ tát ở trong sen báu vây quanh, cùng chúng hội đều hướng nhìn ông. Các cảnh giới như thế không thể nghĩ bàn. Ông sẽ sinh khởi các hạnh Nhất hạnh và Nhất phương tiện. Ông quyết định sẽ đạt những điều bất tư nghì như thế trong quả vị Như lai, sẽ tùy cơ cảm chúng sinh mà ứng hiện thân tướng. Những gì ông sẽ đạt, hàng nhị thừa, ngoại đạo, Phạm vương, Đế Thích, Tứ thiên vương đều chưa từng thấy.

Được Phật cho phép, Lăng già vương rời chỗ ngồi trên đỉnh núi báu thanh tịnh trang nghiêm như hoa sen lớn đứng dậy, với chúng thể nữ vây quanh, hóa ra vô lượng hoa đủ màu, các loại hương như hương bột, hương thoa, tràng phan, dù lọng, quang bôi (?), anh lạc cùng các đồ trang sức thắng diệu khác thế gian chưa từng nghe. Lại biến hóa ra rất nhiều nhạc khí mà dục giới có, các nhạc khí vượt hơn nhạc khí cõi trời, rồng, nhạc thân, cùng hết thầy thế gian, các nhạc khí mà chư Phật mười phương đều thấy. Lại hóa các lưới báu che khắp chư Phật, Bồ tát. Lại hiện các thứ y phục mỹ lệ, dựng tràng phan để cúng dường Như lai. Xong La bà na liền bay lên hư không cách bảy cây đa la, rưới xuống các lễ vật cúng dường, trỗi nhạc, rồi từ trên không xuống, ngồi ở đỉnh núi sen báu tỏa ánh sáng như mặt trời, vui mừng cung kính bạch: "Con nay muốn hỏi Như lai hai nghĩa. Hai nghĩa này con đã từng hỏi các đức Như lai Ứng chính đẳng giác trong quá khứ. Chư Phật xưa cũng đã nhân lời cầu thỉnh của con mà trình bày. Nay con muốn hỏi lại nghĩa ấy, xin đức Như lai nói rõ cho con. Bạch Thế tôn, hai nghĩa ấy được các đức Như lai biến hóa chứ không phải Phật căn bản (Phật Pháp thân) tuyên thuyết. Phật căn bản thì chỉ nói cảnh giới của pháp lạc tam muội chứ không nói những cảnh giới do hư vọng phân biệt. Hay thay đức Thế Tôn tự tại đối với các pháp, xin ngài rủ lòng thương xót nói hai nghĩa này, hết thầy hàng con Phật đều có lòng muốn nghe." Khi ấy đức Thế Tôn bảo vua :

Ông cứ hỏi, ta sẽ nói cho.

Vua Dạ xoa liền mang thêm các thứ mũ báu và anh lạc, các đồ trang sức để trang nghiêm thân rồi nói:

Như lai thường dạy : "Pháp còn phải xả, huống hồ phi pháp." Bạch Thế Tôn, làm sao xả hai thứ pháp ấy? Pháp là gì, phi pháp là gì? Làm sao có hai pháp để xả? Có hai pháp tức đã sa vào tướng phân biệt giữa hữu thể và vô thể (svabhàvàbhàva) giữa thị và phi (abhautibhautika). Tất cả đây đều là phân biệt, không thể biết được tướng vô sai biệt của A lại đa thức. Như khi thấy vòng lông (mao luân) trong hư không mà cho có thật, (sự phân biệt) đó không phải là cảnh giới của tịnh trí. Pháp tính vốn như vậy, làm sao có thể xả (pháp hay phi pháp) ?

Phật dạy:

Lăng già vương, ông không thấy sự tán hoại vô thường của các vật như bình, v.v.. hay sao ? Phạm phu thấy những pháp ấy liền sinh phân biệt. Ông không biết sự khác nhau giữa pháp và phi pháp sao ? Đây là do phạm phu phân biệt, không phải là cái thấy của bậc chứng trí. Phạm phu sa vào sự phân biệt tướng, các bậc đã chứng thì không thế. Nay Lăng già vương, như khi thiêu đốt cung điện, vườn rừng, thấy các ngọn lửa, tính lửa vẫn là một, nhưng do sức cháy của các nơi phát ra ngọn lửa mà lửa có dài ngắn to nhỏ khác nhau. Sao ông không biết tướng sai biệt giữa pháp và phi pháp? Nay Lăng già vương, như một hạt giống sinh mộng, thân nhỏ, cành, lá cho đến hoa quả, sai biệt vô cùng; ngoại pháp như thế, nội pháp cũng vậy. Do vô minh làm duyên sinh uẩn, giới, xứ cùng hết thấy pháp trong ba cõi, thọ sinh vào các đường, có khổ lạc, tốt, xấu, nói, im, đi, nghỉ đều khác nhau. Lại như tướng của các thứ chỉ là một, song theo cảnh giới mà có trên, giữa, dưới, uế, sạch, thiện, ác v.v.. không đồng. Nay Lăng già vương, không những các pháp như trên có sai biệt, mà các bậc tu hành khi tu quán hạnh cũng thấy trong các hạnh nội chứng của mình có các tướng sai biệt, huống chi pháp với phi pháp mà không phân biệt hay sao? Nay Lăng già vương, pháp cùng phi pháp khác nhau, nên biết đây là do phân biệt các tướng mà ra. Lăng già vương ! Pháp là gì? Ấy là những pháp mà nhị thừa ngoại đạo do hư vọng phân biệt cho là có, thật, làm nhân cho các pháp. Những pháp như vậy cần phải xa lìa, chớ nắm giữ tướng để sinh phân biệt, thấy các pháp do tự tâm biến mà cho là thật. Thấy được pháp tính của tự tâm, ấy gọi là không chấp trước. Các vật như cái bình v.v.. mà phạm phu chấp vốn không tự tính, những người tu quán hạnh lấy tỳ bát xá na (vipassana-quán) như thật quán sát, gọi là xả các pháp. Nay

Lăng già vương, phi pháp là sao? Ấy là các pháp không có tự tính, không tướng, lìa phân biệt; người thấy như thật thì cảnh giới dù có dù không đều không khởi quan niệm, ấy gọi là xả phi pháp. Lại nữa, phi pháp ấy là như sừng thỏ, con của thạch nữ v.v.. đều không tính không tướng, không thể phân biệt, cần phải xa lìa. Phi pháp này tuy không tính không tướng, mà thế gian vẫn có danh từ, không phải như cái bình v.v.. có thể cầm nắm. Các pháp có tướng phân biệt như bình, và không tướng như lông rùa, đều phải xả bỏ, ấy gọi là xả pháp cùng xả phi pháp. Lăng già vương, những chỗ ông hỏi trước ta đã nói xong. Nay Lăng già vương, cái quá khứ ông nói đó chỉ là phân biệt, vị lai cũng là phân biệt, vì ta (hiện tại) cũng như các đức Như lai kia. Lăng già vương, pháp của chư Phật nói đều xa lìa phân biệt, đã ra khỏi hết thấy hí luận, không như sắc tướng có thể phân biệt, chỉ có trí mới chứng nhập được mà thôi. Chính vì muốn cho chúng sinh an vui mà chư Như lai mới diễn nói pháp, dùng trí vô tướng mà nói, gọi là Như lai. Bởi đức Như lai lấy trí làm thể, lấy trí làm thân, nên Như lai không phân biệt cũng không thể bị phân biệt. Không thể lấy tướng ngã, nhân, chúng sinh... mà phân biệt Như lai. Vì sao? Bởi vì ý thức do cảnh mà khởi rồi bám lấy sắc, hình, tướng. Cho nên (Như lai) xa lìa năng phân biệt cũng như sở phân biệt. Nay Lăng già vương, thí như chúng sinh trong bức tranh màu trên vách không có giác tri, chúng sinh ở thế gian cũng vậy, không có nghiệp, báo. Pháp Phật cũng thế, không có nghe, không có nói. Nay Lăng già vương, chúng sinh ở thế gian cũng như cảnh biến hóa, phàm phu ngoại đạo không thấu đạt nghĩa này. Lăng già vương, thấy được như thế gọi là chính kiến, thấy khác gọi là phân biệt kiến, vì phân biệt nên bám giữ nhị nghĩa. Lăng già vương này, ví như có người tự thấy bóng mình trong gương nước, dưới ánh trăng, nghe tiếng mình âm hưởng trong hang núi, bèn sinh phân biệt mà khởi sự bám víu. Đây cũng vậy, pháp, phi pháp chỉ là phân biệt, vì phân biệt nên không thể xa lìa; chỉ tăng trưởng hư vọng, không được an tĩnh. An tĩnh ấy nghĩa là nhất duyên (ekàgra), nhất duyên ấy là tam muội tối thắng, từ đó có thể phát sinh Thánh trí tự chứng, lấy Như lai tạng làm cảnh giới.

---o0o---

CHƯƠNG II - THỰC HÀNH TẤT CẢ PHÁP

Tiết I

Đại Huệ Bồ tát cùng Ma đế Bồ tát những vị đã viếng các cõi Phật, bảy giờ nương uy thần Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy, trật vai áo bên phải, gồi phải quỳ xuống đất, chấp tay hướng Phật cung kính nói bài tụng:

Thế gian lìa sinh diệt
Nhu hoa đốm hư không
Trí không chấp có, không
Hung khởi tâm đại bi
Vạn pháp đều như huyễn
Xa lìa tâm và thức
Trí không chấp có không
Hung khởi tâm đại bi
Thế gian thường như mộng
Xa lìa cả đoạn, thường
Trí không chấp hữu, vô
Hung khởi tâm đại bi
Không có Phật niết bàn
Không Niết bàn cho Phật
Lìa biết và bị biết
Lìa hữu cùng phi hữu
Pháp thân như huyễn mộng
Có gì để ngợi khen
Biết vô tính vô sinh
Ấy mới là khen Phật
Phật không căn, cảnh, tướng

Không thấy là thấy Phật

Làm sao trước Mâu ni

Mà khởi sự khen chê

Ai ở trước Mâu ni

Sinh thanh tịnh, xa lìa

Kẻ ấy đời này, sau

Lìa chấp, không chỗ thấy.

Nói kệ tán Phật xong, Đại Huệ Bồ tát tự xưng tên:

Con tên là Đại Huệ

Thông đạt pháp đại thừa

Xin đem trăm tám nghĩa

Kính hỏi đáng Vô thượng.

Nghe lời ấy, đáng Thế gian giải nhìn khắp hội chúng rồi dạy rằng:

Các người hàng con Phật

Nay cứ tự do hỏi

Ta sẽ nói cho người

Cảnh giới đã tự chứng.

Được Phật chấp thuận, Đại Huệ Bồ tát đánh lễ dưới chân ngài xong, thưa hỏi bằng kệ tụng như sau:

Do đâu suy lường sinh?

Làm sao sạch suy lường?

Do đâu mê hoặc sinh?

Làm sao hết mê hoặc?

Sao gọi là Phật tử

Cùng thứ lớp vô ảnh (nirabhàsa)?

Do đâu hóa cõi nước

Các tướng và ngoại đạo?

Giải thoát đến nơi nào?

Ai bị trói, ai mở?

Cảnh giới thiên ra sao?

Tại sao có ba thừa?

Nhân duyên gì sinh pháp?

Cái gì nhân gì quả?

Ai nói lia bốn nghĩa?

Do đâu các cõi sinh?

Sao gọi định vô sắc?

Sao gọi Diệt tận định?

Thế nào là tướng diệt?

Làm sao từ định giác?

Vì sao sinh hoạt động?

Thân đi, đứng nắm giữ?

Làm sao thấy sự vật?

Làm sao vào các "địa"?

Làm sao có Phật tử?

Ai phá được ba cõi?

Ở đâu, thân ra sao?

Sinh và trú nơi nào?

Làm sao đặng thần thông

Tự tại và chính định?

Tâm tam muội ra sao?

Nguyện Phật vì con nói

Sao gọi là tàng thức?

Sao gọi là ý thức?

Làm sao các kiến khởi?

Làm sao các kiến diệt?

Tính, phi tính là gì?

Vì sao nói duy tâm?

Vì sao kiến lập tướng?

Sao gọi là Vô ngã?

Sao là không chúng sinh?

Sao là tùy tục nói?

Làm sao để khởi khởi

Thường kiến và đoạn kiến?

Sao Phật cùng ngoại đạo

Tướng vốn không khác nhau?

Làm sao đòi vị lai

Có các bộ phái sinh?

Sao gọi là Tịch không?

Sao gọi sát na diệt?

Thai tạng từ đâu sinh?

Sao thế gian bất động?

Vì sao bảo cuộc đời

Như huyễn, lại như mộng

Như thành Càn thất bà

Như ánh nước sa mạc

Như vùng trăng đáy nước?

"Bồ đề phần" là sao?

"Giác phần" từ đâu khởi?

Vì sao cõi nước loạn?

Vì sao hữu kiến sinh?

Làm sao biết thế pháp?

Làm sao lìa văn tự?

Sao là "như không hoa"?

Không sinh cũng không diệt?

Chân như có mấy loại?

"Độ tâm" có mấy loại?

Sao là như hư không?

Sao là lìa phân biệt?

Và thứ tự các "địa"?

Sao là được vô ảnh?

Sao là hai vô ngã?

Sao là hết sở tri?

Thánh trí có mấy loại?

Có mấy loại giới pháp

Phật chế cho chúng sinh?

Ngọc báu dòng tôn quý

Từ đâu mà xuất hiện?

Ai sinh ra ngôn ngữ

Chúng sinh và các vật?

Năm minh và kỹ thuật

Ai làm cho sáng tỏ?

Kệ tụng (gàthà) có mấy loại?

Trường hàng có mấy thứ?

Đạo lý mấy bất đồng?

Giải thích bao sai biệt?

Ăn uống ấy ai làm?

Ái dục vì sao khởi?

Sao gọi Chuyển luân vương

Cho đến các tiểu vương?

Làm sao vua giữ nước?

Chúng trời có mấy loại?

Đất, mặt trời, trăng, sao

Các thứ ấy thế nào?

Giải thoát có mấy loại?

Mấy loại thầy tu hành?

Sao gọi A xà lê?

Đệ tử bao nhiêu hạng?

Như lai có mấy loại?

Chuyện tiền thân ra sao ?

Chúng ma và dị giáo ?

Mỗi thứ có bao nhiêu ?

Tự tính bao sai biệt ?

Tâm có bao nhiêu loại ?

Giả lập nghĩa là gì ?

Xin Phật giải thích cho

Từ đâu sinh mây gió ?

Niệm, trí vì sao có ?

Bụi, bờ, cây hàng lớp

Các thứ ấy ai làm ?

Những thú vật voi ngựa

Nhân gì bị bắt giữ ?

Sao có người hèn xấu ?

Xin Phật giải cho con

Sao gọi là sáu thời ?

Nhất xiển đề do đâu ?

Gái, trai và bất nam ?

Do đâu mà sinh khởi ?

Sao là tu tiến bộ ?

Sao là tu thụt lùi ?

Thầy du già mấy hạng

Dạy người tu pháp ấy?

Chúng sinh sinh các đường

Hình sắc, tướng ra sao?

Giàu có, rất an ổn

Ấy là do nhân gì?

Sao có dòng Thích ca?

Sao có dòng Cam giá?

Tiên nhân khổ hạnh lâu

Ấy do ai chỉ giáo ?

Làm sao Phật Thế Tôn

Hiện thân khắp các cõi

Chúng Phật tử vây quanh

Đủ các loài sai biệt ?

Vì sao không ăn thịt?

Nhân gì dạy bỏ thịt?

Các chúng sinh ăn thịt

Do nhân gì mà ăn?

Sao có các cõi nước

Trông như hình trời trăng

Tu di và hoa sen

Chữ vạn, tượng sư tử?

Sao có các cõi nước

Như lưới trời Đế Thích

Lật úp hoặc nằm nghiêng

Mà thành các món báu?

Sao có các cõi nước

Như nhật nguyệt không dơ

Hoặc như hình hoa quả,

Ổng sáo, trống eo nhỏ?

Phật Biến hóa là gì (Nirmànikabuddha)?

Và Phật Di thực sinh ?(Vipàkajabuddha)

Cùng Phật Chân như trí (Tathàtànàabuddha)?

Xin giải thích cho con.

Vì sao ở Dục giới

Không thành Đẳng chính giác?

Sao ở Sắc cứu cánh (Akanistha)?

Lìa nhiễm được trí tuệ ?

Ai sẽ giữ chính pháp?

Phật trụ thế bao lâu?

Chính pháp trụ dài, ngắn?

Tất đàn có mấy loại?

Kiến chấp có bao nhiêu?

Vì sao lập luận tạn?

Cho đến các Tỳ kheo

Hết thầy các Phật tử

Độc giác và Thanh văn

Làm sao chuyển các thức?

Làm sao được vô tướng?

Làm sao được Thế thông?

Làm sao được xuất thế ?

Lại vì nhân duyên gì

Tâm ở trong bảy địa?

Tăng già có mấy loại?

Sao gọi là phá tăng?

Làm sao vì chúng sinh

Rộng nói phương cứu liệu?

Cớ gì Đại mâu ni

Nói lên lời như vậy:

"Ca diếp, Câu lưu tôn

Câu na hàm là ta?"

Cớ gì nói đoạn thường?

Và nói ngã, vô ngã?

Sao không thường nói thật:

"Hết thấy do tâm tạo"?

Sao có rùng nam nữ

Ha lê (Haritaki), am ma la (amalivana)?

Kê la bà (Kailasa), Luân viên (Cakravada)?

Cho đến núi kim cương (vajra)

Trong các chỗ ấy có

Vô lượng báu trang nghiêm

Tiên nhân, càn thất bà

Tất cả đều sung mãn

Đấy do nhân duyên gì?

Xin Phật vì con nói.

Nghe những lời hỏi về pháp môn tối thượng, pháp môn đại thừa "tâm Phật" vì diệu ấy, đức Thế Tôn liền bảo: "Hay thay, Đại huệ ! Hãy lắng nghe, lắng nghe. Như chỗ ông hỏi, ta sẽ lần lượt nói." Và ngài nói kệ tụng:

Sinh cùng với không sinh

Niết bàn và vô tướng

Lưu chuyển, vô tự tính

Ba la mật, phật tử

Thanh văn, Bích chi Phật

Ngoại đạo, hạnh vô sắc

Tu di cùng biên núi

Cù lao, các cõi đất

Tinh tú và nhật nguyệt

Chúng trời, a tu la

Giải thoát và thần thông

Thiền định và tam muội

Diệt và các thân tức

Bồ đề phần, Bát chính

Thiền cùng vô lượng tâm

Các uẩn cùng đến, đi
Cho đến diệt tận định
Tâm sinh khởi nói năng
Tâm, ý, thức, vô ngã
Năm pháp, ba tự tính
Phân biệt, bị phân biệt
Hai loại kiến năng sở
Cội nguồn của các thừa
Vàng, ma ni, trân châu
Dòng họ lớn, xiển đề
Nước hỗn loạn, một Phật
Trí, trí chướng, đặc hướng
Chúng sinh, có cùng không
Voi, ngựa, thú, nhân gì
Vì sao bị bắt giữ
Vì sao nhân, thí dụ
Tương ưng thành tất đàn ?
Sở tác và năng tác
Núi rừng và mê hoặc?
Lý chân thật "như thị"
Duy tâm, không cảnh giới ?

Các địa không thứ lớp

Không tướng, chuyển sở y?

Y phương, các nghệ thuật

Kỹ thuật, cùng năm minh ?

Tu di và núi, đất

Biển, trời trăng bao lớn ?

Chúng sinh thượng, trung, hạ

Mỗi thân bao vi trần ?

Mỗi cung có mấy trữu?

Câu lô xá mấy cung ?

Nửa do tuần? Do tuần?

Lông, thỏ và bụi cửa ?

Mỗi thân bao vi trần ?

Rận, lông dê, bột mạch?

Nửa đầu và một đầu

Gồm bao nhiêu hạt lúa?

Một học và mười học

Mười vạn và thiên ức

Cho đến tầm bà la (Vimvara: 10 triệu)

Mỗi món số bao nhiêu?

Mấy trần (anu) thành giới tử (sarsapa)?

Mấy giới tử thành thảo tử?

Lại có mấy thảo tử

Mới thành một hạt đậu (màsa)?

Mấy hạt đậu thành thù (Dharana)?

Mấy thù là một lượng (Karsa)?

Mấy lượng thành một cân (pala)?

Mấy cân thành tu di (meru)?

Đấy những điều nên hỏi

Vì sao hỏi chuyện khác?

Thanh văn, Bích chi Phật

Các Phật và Bồ tát

Số lượng thân bao nhiêu?

Mỗi thân mấy vi trần?

Lửa, gió có mấy trần?

Mỗi căn có mấy trần?

Lông mày, lỗ chân lông

Mấy trần thành mỗi thứ?

Các sự việc như thế

Sao không đem hỏi ta.

Vì sao được giàu có?

Sao là chuyển luân vương?

Làm sao vua giữ nước?

Làm sao được giải thoát?

Thế nào là Trường hàng?

Dâm dục và ăn uống?

Thế nào rùng nam nữ?

Các núi, kim cương sơn?

Như huyễn, mộng, ảo ảnh?

Mây do từ đâu sinh?

Thời tiết làm sao có?

Nhân gì có mùi vị?

Nam, nữ và bất nam

Phật, bồ tát trang nghiêm?

Sao có các núi đẹp

Tiên càn thất trang hoàng?

Giải thoát đến chỗ nào?

Ai bị trói? Ai mở?

Sao là cảnh giới thiên?

Biến hóa và ngoại đạo?

Sao là vô nhân tác?

Sao là hữu nhân tác?

Sao là chuyển các kiến?

Sao là khởi suy lường?
Làm sao sạch suy lường?
Hoạt động từ đâu sinh?
Sao gọi là chuyển khứ?
Sao là dứt các tướng?
Sao là sinh tam muội?
Phá ba cõi là ai?
Chỗ nào, thân ra sao?
Sao gọi là không ngã?
Sao là theo tục nói?
Ông hỏi tướng ra sao?
Sao gọi là phi ngã?
Sao gọi là thai tạng
Cùng các chi phần khác?
Sao là thấy đoạn thường?
Sao là tâm một cảnh?
Sao là trí ngôn thuyết?
Giới, dòng họ, Phật tử?
Lý luận và giải thích?
Sao là thầy, đệ tử?
Tính chúng sinh sai khác?

Ăn uống và hư không?
Thông minh, ma, giả lập?
Vì sao hàng cây bày?
Các câu hỏi như thế
Nhân gì hết thấy nước
Các loại tướng không đồng?
Có cõi hình ống tiêu
Trống eo cùng hoa quả
Có chỗ không ánh sáng
Tiên nhân khổ hạnh lâu
Hoặc có giòng họ quý
Khiến chúng sinh tôn trọng
Hoặc có kẻ hạ tiện
Bị người khác khinh khi?
Vì sao trong cõi dục
Tu hành khó thành Phật?
Ở cõi sắc cứu cánh
Mới thành đẳng chính giác?
Vì sao người thế gian
Lại có được thần thông?
Sao gọi là tỳ kheo?

Sao gọi là Tăng già?

Sao là Hóa, Báo Phật?

Phật trí tuệ chân như?

Làm sao khiến tâm mình

An trú trong bảy "địa"?

Nghĩa này và các nghĩa

Ông nay đều hỏi ta

Như Phật trước đã nói

Đủ một trăm tám câu

Mỗi mỗi tương tương ung

Xa lìa các lỗi chấp

Lại lìa pháp thể tục

Do ngôn ngữ mà thành

Ta nay vì ông nói

Phật tử khá lắng nghe.

Khi ấy Bồ tát Đại huệ bạch Phật :

Bạch Thế Tôn! Sao là 108 câu?

Phật dạy:

Này Đại huệ ! Cái gọi là sinh cú (mệnh đề về sinh) phi sinh, thường phi thường, tướng phi tướng, trú dị phi trú dị, sát na phi sát na, tự tính phi tự tính, không phi không, đoạn phi đoạn, tâm phi tâm, trung phi trung, duyên phi duyên, nhân phi nhân, phiền não phi phiền não, ái phi ái, phương tiện phi phương tiện, thiện xảo phi thiện xảo, thanh tịnh phi thanh tịnh, tương ung phi tương ung, thí dụ phi thí dụ, đệ tử phi đệ tử, sư phi sư, chủng tính phi

chủng tính, tam thừa phi tam thừa, vô ảnh tượng phi vô ảnh tượng, nguyện phi nguyện, tam luận phi tam luận, tiêu tướng phi tiêu tướng, hữu phi hữu, vô phi vô, câu phi câu, tự chứng thánh trí phi tự chứng thánh trí, hiện pháp lạc phi hiện pháp lạc, sát phi sát, trần phi trần, nước phi nước, cung phi cung, dòng giống lớn phi dòng giống lớn, xú lậu phi xú lậu, thần thông phi thần thông, hư không phi hư không, mây phi mây, mỹ thuật phi mỹ thuật, kỹ thuật phi kỹ thuật, gió phi gió, đất phi đất, tâm phi tâm, giả lập phi giả lập, thể tính phi thể tính, uẩn phi uẩn, chúng sinh phi chúng sinh, giác phi giác, Niết bàn phi Niết bàn, hiểu biết phi hiểu biết, ngoại đạo phi ngoại đạo, hỗn loạn phi hỗn loạn, huyễn phi huyễn, mộng phi mộng, lửa phi lửa, ảnh tượng phi ảnh tượng, vòng lửa phi vòng lửa, Càn thành phi Càn thành, trời phi trời, ăn uống phi ăn uống, dâm dục phi dâm dục, thấy phi thấy, đáo bỉ ngạn phi đáo bỉ ngạn, thành phi thành, nhật nguyệt tinh tú phi nhật nguyệt tinh tú, đế phi đế, quả phi quả, diệt phi diệt, diệt khởi phi diệt khởi, y phương phi y phương, tướng phi tướng, chi phần phi chi phần, thiên phi thiên, mê phi mê, hiện phi hiện, hộ phi hộ, dòng họ phi dòng họ, tiên phi tiên, vua phi vua, nhiếp thọ phi nhiếp thọ, quý phi quý, ký ức phi ký ức, nhất xiển đề phi nhất xiển đề, nữ nam bất nam phi nữ nam bất nam, mùi vị phi mùi vị, tác phi tác, thân phi thân, suy lường phi suy lường, động phi động, căn phi căn, hữu vi phi hữu vi, nhân quả phi nhân quả, sắc cứu cánh phi sắc cứu cánh, thời tiết phi thời tiết, cây dây phi cây dây, sự vật phi sự vật, diễn thuyết phi diễn thuyết, quyết định phi quyết định, luật tạng phi luật tạng, tỳ kheo phi tỳ kheo, trụ trì phi trụ trì, văn tự phi văn tự. Nay Đại huệ ! 108 nghĩa này đều là những gì Phật quá khứ đã nói.

Đại huệ Bồ tát bạch Phật:

Bạch Thế Tôn ! Các thức có mấy thứ sinh trú diệt ?

Phật dạy:

Đại huệ, các thức có hai thứ sinh trú diệt, không phải dùng suy lường đo tính mà biết được. Ấy là tương tục sinh và tướng sinh, tương tục trú và tướng trú, tương tục diệt và tướng diệt. Các thức có ba tướng: chuyển tướng, nghiệp tướng, chân tướng. Đại huệ ! Thức nói rộng có 8 thức, lược nói thì có hai: hiện thức và phân biệt sự thức. Đại huệ ! Như trong gương sáng các hình sắc đều hiện rõ, hiện thức cũng thế. Đại huệ! Hiện thức và phân biệt sự thức, hai thức này không khác nhau, chúng làm nhân cho nhau. Hiện thức lấy sự biến hóa "bất tư nghì huân" làm nhân, phân biệt sự thức lấy sự phân biệt cảnh giới và tập khí hý luận từ vô thí làm nhân. Đại huệ ! Những tập khí hư vọng

phân biệt của thức a lại da diệt thì hết thấy căn thức diệt, ấy gọi là tương diệt. Đại huệ ! Tương tục diệt ấy là nhân sở y diệt cùng sở duyên diệt thì tương tục cũng diệt. Nhân sở y là tập khí hý luận hư vọng, sở duyên là cảnh giới do tự tâm thấy và phân biệt thành. Đại huệ ! Thí như nắm bùn và vi trần không khác nhau, cũng không phải là một. Vàng và đồ trang sức cũng thế. Đại Huệ, nếu bùn và vi trần khác nhau thì đáng lẽ bùn không do vi trần hợp thành, nên nói không khác. Nếu nắm bùn và vi trần không khác, thì đáng ra không thể phân biệt nắm bùn với vi trần. Đại huệ ! Chuyển thức và tạng thức nếu khác nhau, thì tạng thức không thể làm nhân cho các chuyển thức. Nếu không khác thì khi chuyển thức diệt, lẽ ra tạng thức cũng diệt luôn, song kỳ thật chân tướng của tạng thức không diệt. Đại huệ ! Chân tướng của tạng thức không diệt, chỉ có nghiệp tướng của nó diệt. Nếu chân tướng diệt thì tạng thức cũng diệt hay sao? Nếu tạng thức diệt, thì không khác gì thuyết đoạn diệt của ngoại đạo. Đại huệ ! Ngoại đạo lập thuyết thế này: cái thức tương tục nắm giữ cảnh giới diệt thì thức tương tục từ vô thủy cũng diệt. Đại huệ ! Những người ngoại đạo bảo thức tương tục do một tác giả tạo ra chứ không nói nhân thức do sắc, hình, ánh sáng hòa hợp mà sinh; chỉ nói tác giả làm nhân sinh ra. Tác giả ấy là gì? Họ kể ra Thắng tính (Pradhàna), trượng phu (purusa), Tự tại (Is'vara), Thời (kàla) và vi trần (anu) là những pháp năng tác. Lại nữa, này Đại huệ! có bảy món tự tính, ấy là Tập (Samudaya), Tính (Bhàva), Tướng (Laksana), Đại chủng (Mahàbhàta), nhân (hetu), duyên (pratyaya), Thành (nispatti). Và nữa, này Đại huệ, có bảy thứ đệ nhất nghĩa, là: Tâm sở hành (cittagocara), Trí sở hành (Jnànagocara), nhị kiến sở hành (Drstidvayagocara), siêu nhị kiến sở hành (Drstidvayàtikràntagocara), siêu tử địa sở hành, Như lai sở hành, Như lai tự chứng thánh trí sở hành (Tathàgatasyapratyàtma-gatigocarah). Này Đại huệ, ấy là pháp tự tại, tâm đệ nhất nghĩa của tất cả Như lai Ứng Chính đẳng giác trong ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai, dùng tâm này mà thành tựu các pháp tối thượng của Như lai ở thế gian và xuất thế gian, dùng tuệ nhãn của bậc thánh mà thể nhập các tự tướng và cộng tướng, thấy đều an lập. Những gì các bậc ấy an lập không đồng với chỗ lập thuyết của ngoại đạo ác kiến. Đại huệ ! Sao gọi là ác kiến ngoại đạo? Ấy là không biết rằng cảnh giới vốn do tự tâm phân biệt mà hiện, đối tự tính đệ nhất nghĩa mà chấp có, không, khởi ra ngôn thuyết. Đại huệ ! Ta nay sẽ nói, nếu biết rõ cảnh giới là như huyễn, do tự tâm hiện, thì sẽ diệt khổ vì vọng tưởng ba cõi, diệt các vô tri, ái, nghiệp, duyên. Đại huệ, có những bà la môn và sa môn vọng chấp cái vốn không và cho rằng những pháp hiện ở ngoài y theo nhân quả, thời gian mà trú, hoặc cho rằng uẩn giới xử theo duyên mà sinh, trú, sau khi hiện hữu thì hoại diệt. Đại huệ ! Quan niệm của những người kia đối với các pháp như tương tục, tác dụng, sinh diệt, hiện hữu, Niết bàn, đạo, nghiệp, quả, đê ... đều là lý luận phá hoại, đoạn

diệt. Vì sao? Bởi vì họ không đạt được hiện pháp (pratyaksa), không thấy căn bản. Đại huệ ! Thí như chiếc bình vỡ không thể làm được việc của nó, lại như hạt giống cháy không thể sinh mầm, đây cũng thế. Nếu các pháp uẩn giới xứ đã hiện sẽ diệt, nên biết đây tất không phải tương tục sinh, vì chúng không có nhân, chỉ có tự tâm hư vọng thấy thành. Lại nữa, Đại huệ ! Nếu thức vốn không, do ba duyên hợp mà sinh, thì đáng lẽ rùa cũng sinh lông, cát sẽ sinh dầu; như vậy Tôn (pratijñà) của người hỏng, vì trái với nghĩa quyết định (niyama); những gì lập ra tất sẽ thành vô dụng. Đại huệ ! Ba pháp hợp làm duyên là do tính nhân quả mà nói, và như vậy có (những pháp như) hiện tại quá khứ vị lai, hữu và vô. Nếu họ cứ ở trên lập trường lý giáo (yuktyàgama) ấy, thì những gì họ chứng minh sẽ là do luận lý, lý giáo của họ, vì ký ức những quan niệm sai lầm sẽ mãi mãi huân tập họ (theo bản Suzuki). Đại huệ ! Kẻ phạm phu ngu dốt bị ác kiến cắn rĩa, tà kiến mê hoặc, vô trí mà vọng nói là Nhất thiết trí. Đại huệ ! Lại có các sa môn, bà la môn, quán hết thấy pháp không tự tính, như mây giữa hư không, như vòng lửa quay, như thành biến hóa của loài Càn thất bà, như huyễn hóa, như ảo ảnh, như trăng dưới nước, như cảnh chiêm bao, tất cả đều không ngoài tâm, chỉ vì cái thấy hư vọng từ vô thi mà chấp thật có cảnh giới bên ngoài. Quán như thế rồi, họ bật dứt các duyên phân biệt, xa lìa danh nghĩa mà vọng tâm ôm giữ, biết rằng thân, tài sản và nhà cửa, tất cả đều là cảnh giới tạng thức, không có năng sở, không có sinh, trụ, diệt, họ thường tư duy như thế không rời. Đại huệ ! Những đại Bồ tát ấy không lâu sẽ xem bình đẳng giữa sinh tử và Niết bàn (samsàranirvāna), được hạnh đại bi phương tiện không cần dụng công, quán sát chúng sinh như huyễn như hóa, như hình ảnh theo duyên mà sinh, biết ngoài tâm không có các cảnh giới. Các vị ấy sẽ thực hành đạo vô tướng, dần tiến lên các "địa", an trú trong chính định, hiểu rõ ba cõi do tâm, chứng được định Như huyễn (Màyopamasamādhi), tuyệt dứt các ảnh tượng, thành tựu trí tuệ, chứng pháp vô sinh, nhập định kim cương dụ (vajravimbopama), sẽ được Phật thân (Tathàgatakāya). Nhưng vị ấy sẽ thường trú trong Như như (Tathāta) mà khởi các thần thông biến hóa, trang sức bằng tự tại, trí tuệ, phương tiện để dạo chơi các cõi Phật, xa lìa các ngoại đạo. Tâm, ý, thức, lần lượt chuyển y mà thành tựu thân Như lai. Đại huệ ! Các vị đại Bồ tát muốn được thân Phật, phải xa lìa uẩn giới xứ, vì đây là các pháp do nhân duyên sinh, xa lìa các pháp sinh, trú, diệt, phân biệt, hí luận. Chỉ nên chú tâm quán sát ba cõi là do tập khí hư vọng từ vô thi khởi lên, tư duy Phật địa vốn vô tướng, vô sinh, là thánh pháp tự chứng. Như thế sẽ được tâm tự tại, hạnh không cần dụng công, như ngọc ma ni hiện đủ thứ hình sắc, đạt lý duy tâm, tuần tự nhập vào các địa. Bởi thế, này Đại huệ, các bậc đại Bồ tát nên siêng tu học chân lý tự chứng này.

---o0o---

QUYỀN HAI

Tiết II - THỰC HÀNH TẤT CẢ PHÁP

Bấy giờ Bồ tát Đại huệ lại bạch Phật rằng:

Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn vì con nói về các pháp môn vi diệu : Tâm, ý, ý thức (cittamanomanovijnàna), 5 pháp, ba tự tính (Svabhàvas), tướng (Laksanas). Đây là những gì mà chư Phật, Bồ tát - những vị đã thâm nhập cảnh giới tự tâm, lià các hành tướng - xem là nghĩa chân thật, là nòng cốt của Phật giáo. Xin Thế Tôn thuận theo chư Phật quá khứ, vì chúng Bồ tát trong núi này mà diễn nói cảnh giới của pháp thân, như những làn sóng của biển tạng thức.

Phật bảo Bồ tát Đại huệ :

Có bốn loại nhân duyên chuyển nhãn thức. Bốn nhân duyên ấy là gì? Ấy bởi không biết sự vật do tự tâm hiện nên khởi sự nắm giữ; bởi tập khí hư vọng từ vô thủy chấp trước sắc tướng, bởi bản tính của thức vốn như vậy, bởi ưa nhìn sắc tướng. Đại huệ! Vì bốn duyên ấy nên thức a lại da giống như nước lũ sinh những luồng sóng thức. Về các thức khác cũng vậy. Ở nơi tất cả căn, vi trần, lỗ chân lông v.v.. chuyển thức hoặc sinh liền, như gương sáng hiện sắc hình, hoặc sinh từ từ, như gió mạnh thổi trên biển lớn. Biển Tâm cũng vậy, bị gió cảnh giới thổi làm nổi dậy những làn sóng thức, nổi nhau không cùng. Đại huệ ! Nhân, sở tác và tướng không phải một cũng không phải khác; nghiệp tướng cùng sinh tướng tương quan ràng buộc chặt chẽ. Vì không biết tự tính của sắc (thanh hương vị xúc) nên năm chuyển thức hoạt động. Đại huệ ! Cùng với năm thức này, do nhận thức các cảnh tướng khác nhau mà ý thức sinh khởi. Nhưng các thức ấy không nghĩ "Chúng ta đồng thời làm nhân cho nhau" mà lại khởi các cảnh giới do tự tâm hiện, rồi phân biệt chấp trước đồng thời phát sinh, chứ thật ra không có những tướng riêng biệt tự rõ biết đối tượng của mình. Đại huệ ! Các bậc tu hành nhập chính định, vì sức mạnh tập quán nổi lên một cách vi tế khó biết, nên nghĩ là "Ta đã nhập tam muội diệt các thức." Song kỳ thực họ nhập tam muội chưa diệt các thức, vì chưa diệt các tập khí; chỉ vì họ không chấp lấy các cảnh nên họ gọi là thức diệt. Đại huệ, hành tướng của tạng thức rất vi tế, trừ chư Phật và Bồ tát đã an trú trong các địa, ngoài ra năng lực định, tuệ của nhị thừa ngoại đạo không thể biết. Chỉ có những bậc tu hành như thật, dùng trí tuệ biết rõ tướng các giai đoạn tu hành, thông đạt nghĩa lý, rộng tu các thiện căn ở vô

lượng cõi Phật, không làm phân biệt những cảnh do tự tâm thấy... mới có thể biết được. Đại huệ ! Các bậc tu hành ưa ở chỗ núi rừng, tu các bậc cao, vừa, hay thấp, có thể thấy hành tướng của tự tâm, được chư Phật với Tam muội tự tại thần thông lấy nước cam lộ rưới đầu, Bồ tát vây quanh, biết rõ các cảnh giới do tâm, ý, ý thức làm nên, vượt được biển lớn vô trí (ajnàna), sinh tử, ái nghiệp. Bởi thế các ông nên gần gũi chư Phật Bồ tát, các vị thiện tri thức tu hành như thật."

Thế Tôn lại nói bài kệ:

Như ba đào biển lớn

Đều do gió mạnh thổi

Sóng lớn khua biển, ngòi

Không lúc nào dừng nghỉ

Biển Tạng thức thường bị

Gió cảnh giới lay động

Khiến những luồng sóng thức

Múa nhảy mà chuyển sinh

Các màu xanh cùng đỏ

Muối, mật và thạch nhũ

Hoa, trái, ánh trời, trăng

Không khác, không không khác

Nên biết cũng như thế

Ý và bảy loại thức

Như biển cùng ba đào

Do tâm hòa hiệp sinh

Thí như nước biển động
Chuyển các luồng sóng lớn
Tạng thức cũng như thế
Sinh ra các loại thức
Tâm ý cùng ý thức
Là nói về mặt tướng
Tướng tám thức không khác
Không năng tướng sở tướng
Như biển cùng ba đảo
Hai thứ không khác nhau
Các thức tâm cũng thế
Cũng không thể khác được
Tâm hay chứa các nghiệp
Ý tập hợp đủ thứ
Liễu biệt gọi ý thức
Đôi hiện cảnh có năm.
Khi ấy Bồ tát Đại huệ hỏi Phật bằng bài tụng:
Các sắc tượng xanh đỏ
Hiện nơi thức chúng sinh
Vì sao như sóng biển ?
Xin Phật thương nói rõ.

Đức Thế Tôn đáp :

Các sắc tượng xanh đỏ

Trong sóng vốn không có

Nói tâm khởi các tướng

Để khai ngộ phàm phu

Chứ thật vốn không khởi

Tâm vốn lìa "nắm giữ"

Năng thủ và sở thủ

Cũng như sóng nước kia

Thân, nhà cửa, tư tài

Hiện nơi thức chúng sinh

Nên thấy có sinh khởi

Cùng sóng không sai khác.

Đại huệ lại nói bài tụng:

"Tính sóng" của biển cả

Cuòn cuộn dễ phân biệt

Tạng thức khởi như thế

Vì sao không hay biết?

Thế Tôn đáp:

A lại gia như biển

Chuyển thức như sóng lớn

Là ví dụ khai diễn

Cho phàm phu vô trí.

Đại huệ lại nói bài tụng:

Thí như mặt trời hiện

Trên dưới đều soi chiếu

Phật ngọn đèn của đời

Cũng nên vì bọn ngu

Nói nghĩa lý chân thật

Đã hay mở bày pháp

Vì sao không nói thẳng?

Thế Tôn đáp:

Nếu nói nghĩa chân thật

Tâm kia không chân thật

Ví như sóng đại dương

Bóng trong gương, cảnh mộng

Đồng thời mà hiển hiện

Cảnh giới tâm cũng thế

Vì điều kiện không đủ

Nên tuần tự chỉ ra

Mạt na chấp hiện thức

Ý thức nhận thức ý

Năm thức rõ hiện cảnh
Không thứ lớp nhất định
Thí như người họa sư
Và học trò họa sư
Hòa màu vẽ các hình
Ta dạy cũng như thế
Họa không có trong màu
Trong bút hay trong vải
Vì làm vui chúng sinh
Tạo các hình tươi đẹp
Nói ra tất biến đổi
Chân lý lia vẫn tự
Thật pháp ta an trú
Để nói cho bậc tu
Chỗ tự chứng chân thật
Lìa phân biệt năng sở
Đấy vì Bồ tát nói
Người ngu khởi phân biệt.
Các pháp đều như huyễn
Đối tượng không thể có
Nói những thứ như vậy

Tùy việc mà biến đổi
Giáo lý không phù hợp
Không phải là giáo lý
Ví như đối bệnh nhân
Lương y tùy cho thuốc
Như lai vì chúng sinh
Tùy căn cơ nói pháp
Chỗ chứng trí sở hành
Của đáng đời nương tựa
Không phải cảnh ngoại đạo
Hay của hàng Thanh văn.

Lại nữa, Đại huệ ! Nếu Bồ tát đại hữu tình muốn biết rõ cảnh giới phân biệt năng thủ sở thủ đều do tự tâm hiện, thì hãy xa lìa sự huyên não, hôn trầm, ngủ gật; đầu đêm giữa đêm và cuối đêm nên siêng gia công tu tập, xa lìa tụ hội, nghe tà luận ngoại đạo và các pháp nhị thừa, phân biệt các tướng do tự tâm bày đặt. Lại nữa, này Đại huệ ! Khi bậc đại Bồ tát đã an trú trong tâm trí tuệ, hãy siêng tu học ba tướng của thánh trí cao cả. Ba tướng ấy là gì? ấy là tướng "vô ảnh tượng" (Nirabhàsalaksana), tướng "nhất thiết chư Phật nguyện trì" (Sarvabuddha-svapranidhàradhithànalaksana), tướng "Tự chứng Thánh trí sở thú" (pratyàtmàryajnàna-gatilaksana) (chỗ thú hướng của bậc tự chứng thánh trí). Những vị tu hành khi đạt được các tướng ấy rồi, liền xả bỏ tướng "lừa què" của trí tuệ (khanjagardabha), vào địa thứ 8 của Bồ tát, đối với ba tướng ấy tu hành không gián đoạn. Đại huệ ! Tướng vô ảnh tượng là sao? Là kết quả đạt được do tu tập các pháp nhị thừa ngoại đạo. Tướng "Hết thấy chư Phật nguyện trì" là sao? Là do bốn nguyện gia trì của chư Phật mà sinh. Tướng "Chỗ hướng đến của bậc tự chứng thánh trí" là sao? Là do không giữ hết thấy pháp tướng mà thành tựu các thân tam muội như huyễn, đạt đến Phật địa. Đại huệ ! ấy là ba tướng của Thánh trí cao thượng. Nếu được tướng ấy tức là đạt đến cảnh giới của Thánh trí tự chứng. Ông và các Bồ tát nên siêng tu học."

Khi ấy Đại huệ Bồ tát nhờ uy thần của Phật, biết được ý nghĩ của các Bồ tát trong hội chúng, liền bạch Phật:

Xin Thế Tôn vì chúng con nói rõ thánh trí đối với việc phân biệt 108 câu như thế nào? Hết thầy chư Như lai, Ứng cúng, chính biến giác đều vì các Bồ tát rơi vào tự tướng cộng tướng mà phân tích bản chất và sự sai biệt của những vọng chấp. Biết được nghĩa ấy rồi, tất sẽ thanh tịnh được hai phép quán vô ngã, sáng tỏ các giai đoạn tu hành, vượt trên pháp lạc của định nhị thừa ngoại đạo, thấy được cảnh giới không thể nghĩ bàn của chư Như lai. Khi ấy Bồ tát sẽ rốt ráo xa lìa ba tự tính, năm pháp, dùng trí tuệ của pháp thân Phật mà tự trang nghiêm, thâm nhập cảnh giới như huyễn. Các vị ấy sẽ thành tựu thân Như lai ở các cõi Đâu suất đà (Tusitabhavana), Sắc cứu cánh (Akanis-thàlaya).

Phật dạy:

Này Đại huệ ! Có một hạng ngoại đạo thấy vạn pháp theo nhân mà diệt, liền sinh phân biệt rằng thỏ không sừng, khởi "chấp không". Ví như sừng thỏ vốn không có, hết thầy pháp cũng thế. Lại có hạng ngoại đạo chấp "đại chúng" (bhùta), cầu na (guna) vi trần (anu) v.v.. hình lượng phân vị đều khác nhau, nên đã chấp thỏ không sừng, lại theo đó mà tưởng trâu có sừng. Đại huệ ! Những kẻ ấy lạc vào nhị kiến, không rõ duy tâm, chỉ làm tăng trưởng sự phân biệt nơi tự tâm. Đại huệ ! Thân, tài sản, khí thể gian v.v.. tất cả đều do phân biệt mà hiện. Đại huệ ! Nên biết sừng thỏ vốn lìa có và không, các pháp khác cũng thế, chớ sinh phân biệt. Vì sao sừng thỏ lìa hữu vô ? Vì các nhân đối đãi nhau vậy. Phân chẻ sừng trâu cho đến thành vi trần để tìm thể tính của nó rốt cuộc vẫn không nắm được. Tư duy của Thánh trí xa lìa kiến chấp ấy, bởi thế không nên phân biệt.

Đại huệ Bồ tát lại bạch Phật:

Bạch Thế Tôn ! Phải chăng vì vọng kiến khởi ra tướng, rồi những người (phàm phu) kia mới so sánh phỏng đoán, vọng chấp không?

Phật dạy:

Không phải vì đối với tướng do phân biệt khởi mà nói là không. Vì sao? Những người kia lấy phân biệt làm sinh nhân, lấy sự phân biệt sừng làm chỗ nương của nhân ấy. Chỗ nương cho nhân ấy vốn lìa khác và không khác. Không phải do đối đãi mà chứng minh rằng sừng thỏ không có. Đại huệ ! Nếu sự phân biệt kia khác với sừng thỏ, thì tất không phải do sừng làm nhân.

Nếu nó không khác, tất phải do sùng khởi. Đại huệ ! Chia tách sùng trâu cho đến thành cục vi mà tìm sùng cũng không có, còn khác với sùng nói không sùng thì sự phân biệt ấy tất phi lý. Cả hai (sùng trâu và sùng thỏ) đều không, thì cái gì đối đãi với cái gì? Nếu sự đối đãi đã bất thành, chỉ đối với có mà nói sùng thỏ là không thì không nên phân biệt, vì không phải chính nhân vậy. Những người luận hữu, luận vô, chấp có chấp không, cả hai đều không thành. Đại huệ! Lại có những người ngoại đạo thấy sắc, hình trạng, hư không phân định rõ ràng nên sinh chấp rằng sắc hư không, khởi phân biệt. Đại huệ ! Hư không chính là sắc, thuộc vào sắc. Đại huệ ! Sắc là hư không, vì nương sắc mà có hư không, nương hư không mà có sắc. Để lập ranh giới giữa sắc, không, nên biết như thế. Đại huệ! Khi các đại khởi sinh vũ trụ, tự tướng của chúng khác nhau, không ở trong hư không, không phải chúng không có hư không. Đại huệ ! Sùng thỏ cũng vậy, chính vì đối đãi với sùng trâu mà nói thỏ không sùng. Đại huệ ! Phân tích sùng trâu cho đến vi trần, lại tách chỗ vi trần kia ra thì tướng của vi trần cũng không hiện. Vậy đối đãi với cái gì mà nói vi trần là không? Với các vật khác cũng thế. Này Đại huệ ! Hãy xa lìa những phân biệt về sùng thỏ sùng trâu, hư không cùng sắc... Ông và các đại Bồ tát nên thường quán sát các tướng phân biệt do tự tâm thấy, ở các cõi hãy vì Phật tử mà nói pháp tu quán sát tự tâm."

Bấy giờ Thế Tôn nói bài tụng:

Vật tâm thấy vốn không

Chỉ do tâm mà khởi

Thân, tài vật, chỗ ở

Là bóng Tạng thức hiện

Tâm, ý, thức, tự tính

Năm pháp, hai vô ngã

Đều rốt ráo thanh tịnh

Đầy điều chư Phật nói

Dài ngắn cùng nương nhau

Xoay vần sinh lẫn nhau

Do có mà nói không

Nhân không mà nói có

Phân tích đến vi trần

Không khởi phân biệt sắc

Chỉ do tâm vọng lập

Kẻ ác kiến không tin

Đây không phải ngoại đạo

Hay Thanh văn đã nói

Mà chính đáng cứu đời

Nói cảnh đã thân chúng.

Bấy giờ Bồ tát Đại huệ, vì muốn thanh tịnh tâm hiện lưu nên bạch Phật:

Làm sao thanh tịnh tự tâm hiện lưu (dòng tư tưởng tuôn chảy không ngừng) của chúng sinh? Sự thanh tịnh ấy có thứ lớp hay ngay tức thì?

Phật dạy:

- Nay Đại huệ! thanh tịnh dần dần, không phải tức khắc. Như trái am la (àmrāphala, xoài) chín lần, không chín ngay. Chư Như lai làm cho dòng tâm thức chúng sinh thanh tịnh cũng thế, dần dần chứ không tức khắc. Như người thợ gốm làm các vật dần thành hình, không phải tức khắc. Chư Như lai tịnh dòng tâm thức chúng sinh cũng thế, tuần tự không tức thì. Như đất lớn sinh thảo mộc cũng sinh từ từ, không sinh lập tức, chư Phật thanh tịnh dòng tâm thức tuôn chảy nơi chúng sinh cũng thế, tuần tự không phải tức thì. Đại huệ! Thí như người học âm nhạc, đọc sách, vẽ, hoặc các thứ kỹ thuật, dần dần mà thành tài chứ không tức khắc, chư Phật thanh tịnh dòng tâm thức chảy xiết của chúng sinh cũng vậy, làm hiện tức khắc hết thấy cảnh giới vô tướng không phân biệt. Như vùng nhật nguyệt soi chiếu tất cả sắc hình tượng cùng một lúc, chư Phật làm thanh tịnh tập quán lỗi lầm nơi tự tâm chúng sinh

cũng thế, lập tức vì chúng sinh thị hiện cảnh giới trí tuệ bất khả tư nghì của chư Như lai. Như tạng thức hiện ngay một lúc hết thấy cảnh giới: quốc độ, thân, tài sản; Báo Phật cũng thế (nisyandabuddha) ở cõi Sắc cứu cánh, thường tức khắc thành tựu chúng sinh, khiến chúng tu các hạnh. Như Pháp tính Phật (Dharmatàbuddha) tức khắc hiện Báo Phật và ánh sáng quang minh của Hóa Phật (Nirmànbuddha); Thánh trí tự chứng cũng vậy, hiện ngay các pháp tướng làm ánh sáng chiếu soi, khiến lìa hết tà kiến về có và không. Lại nữa, Đại huệ, đức Phật từ pháp tính lưu xuất (dharmatànisyandabuddha) nói tự tướng cộng tướng của hết thấy pháp, các tướng do tập khí làm nhân (vàsanàhetu) do tự tâm hiện, các tướng do vọng chấp sinh... đều là các tướng huyễn hóa lệ thuộc lẫn nhau, không có tự tính. Những gì chúng sinh chấp thật có đều không thể nắm giữ (bất khả đắc). Lại nữa, Đại huệ ! Tính vọng kế (parikatantrasvabhàva) là do chấp trước vào tính duyên khởi mà sinh. Đại huệ ! Thí như thầy phù thủy dùng huyễn thuật lấy cỏ cây ngói gạch tạo ra bao nhiêu hình tượng chúng sinh, khiến cho người thấy liền phân biệt các sự vật, mà kỳ thật không có gì. Đại huệ ! Đây cũng vậy. Do thói quen cố chấp cảnh giới là thật, nên trong các pháp do duyên khởi lại có ra các tướng vì vọng chấp mà hiện, ấy gọi là phát sinh vọng kế. Đại huệ! Đây là pháp tướng mà chư Phật pháp tính đã nói. Đại huệ, Phật Pháp tính kiến lập các cảnh giới của tự chứng trí, lìa tướng do tự tâm hiện. Đại huệ ! Hóa Phật nói các pháp: Bồ thí, trì giới, tinh tấn, nhẫn nhục, thiền định, trí tuệ, uẩn, giới, xứ, cùng các phương pháp giải thoát các hành tướng của thức, kiến lập sai biệt, vượt trên kiến chấp của ngoại đạo, siêu việt hạnh vô sắc. Lại nữa, Đại huệ ! Phật pháp tính không vin vào đâu cả, xa lìa hết thấy các tướng: sở duyên, sở tác, căn, lượng... không phải cảnh giới mà phạm phu, nhị thừa và ngoại đạo ưa chấp ngã thường quan niệm. Bởi thế, Đại huệ, ông nên siêng tu học cảnh giới thù thắng của bậc Tự chứng Thánh trí, nên mau xa lìa các tướng do tự tâm hiện, do kiến chấp phân biệt. Lại nữa, Đại huệ ! Thanh văn thừa có hai tướng sai biệt, ấy là tướng Tự chứng Thánh trí thù thắng, và tướng phân biệt chấp trước tự tính. Sao gọi là tướng "Tự chứng Thánh trí thù thắng" (pratyàtmàyādhi- gamavisesalaksana)? Ấy là nhân thấy rõ cảnh giới các đế khô, không, vô thường, vô ngã, mà lìa ham muốn, trở nên vắng lặng; biết rõ một cách chân thật các tướng bất hoại ở ngoài uẩn, giới, xứ hoặc tự hoặc cộng, nên tâm trụ vào một chỗ. Khi tâm đã an trú vào một cảnh thì sẽ được các đạo quả thiền định, giải thoát, tam muội... mà được hạnh viễn ly. Họ an trú trong pháp lạc của cảnh giới do Thánh trí tự chứng, song vẫn chưa lìa được tập khí và những hình thái "biến dị sinh tử" khó nghĩ bàn, nên gọi là tướng Tự chứng thánh trí của Thanh văn thừa. Các bậc đại Bồ tát tuy cũng được cảnh giới Thánh trí tự chứng ấy, nhưng vì thương xót chúng sinh, giữ tròn bản nguyện nên không thể chứng

pháp môn tịch diệt cùng pháp lạc tam muội. Các đại Bồ tát không tu học pháp lạc tự chứng thánh trí ấy. Đại huệ ! sao gọi là tướng "phân biệt chấp trước tự tính"? Ấy là biết các pháp như cứng, ẩm, động, xanh, vàng, đỏ, trắng vv.. đều không do một tác giả sinh, nhưng lại y cứ vào sự giảng dạy, lý luận mà có tự tướng cộng tướng và khởi phân biệt chấp trước, ấy gọi là tướng phân biệt của Thanh văn. Các vị đại Bồ tát đối với các pháp ấy nên biết, nên xa lìa kiến chấp nhân vô ngã, nhập vào tướng "pháp vô ngã" dần dần an trú trong các địa vị tu hành.

Bồ tát Đại huệ bạch Phật

Bạch Thế Tôn ! Như lai nói cảnh giới đệ nhất nghĩa của Thánh trí tự chứng là "Thường còn, không thể nghĩ bàn", há không giống với ngoại đạo bảo đấng Tạo hóa của họ cũng thường còn, không thể nghĩ bàn đấy hay sao?

Đại huệ ! Đấy không phải là tướng thường bất tư nghì mà đấng tạo hóa ngoại đạo có. Vì sao? Bởi vì, Đại huệ, tướng thường bất tư nghì của ngoại đạo là do tự tướng, không do nhân thành. Đã do tự tướng, thì lấy gì chứng minh cái thường bất tư nghì? Đại huệ ! Cái thường bất tư nghì của ngoại đạo nói nếu do tự tướng thì tất nó hữu thường, song vì lấy đấng tạo hóa làm nhân nên không thành thường bất tư nghì. Đại huệ ! Đệ nhất nghĩa thường bất tư nghì của ta, xa lìa có, không. Nó có đặc tính riêng của nó vì là cảnh giới do thánh trí tự chứng. Nó do đệ nhất nghĩa làm nhân nên có nhân. Nó lìa có, không, nên không phải là tác giả. Vì nó như hư không, tịch diệt của Niết bàn, nên thường bất tư nghì của ta nói không giống với chỗ tranh luận của ngoại đạo. Đại huệ này, cái thường bất tư nghì của ta là chân lý do thánh trí chứng Như lai tự chứng, nên Bồ tát hãy siêng tu học. Lại nữa, Đại huệ, nghĩa thường bất tư nghì của ngoại đạo là nhân trái với vô thường mà nói thường, không phải do tự tướng. Đại huệ ! Nghĩa thường bất tư nghì của ngoại đạo là do thấy các pháp sinh ra có rồi hoàn không, bởi đó vô thường, so đấy mà nói thường. Ta cũng thấy các pháp sinh ra có rồi lại không, bởi đó vô thường, nhưng không vì thế mà nói nghĩa thường. Đại huệ ! Nếu ngoại đạo lấy tướng nguyên nhân mà thành thường bất tư nghì, thì tướng nguyên nhân ấy vốn không có, cũng như sừng thỏ; cái thường bất tư nghì chỉ là phân biệt, chỉ có trên danh từ. Vì sao? Vì cái nhân ấy cũng như sừng thỏ, không có đặc tính của tự nhân vậy. Đại huệ ! Thường bất tư nghì của ta lấy tự chứng làm nhân, không lấy pháp bên ngoài có rồi hoàn không - vô thường - mà làm nhân. Ngoại đạo, trái lại, chưa từng biết tướng của tự nhân thường bất tư nghì, mà thường ở bên ngoài cảnh giới của Thánh trí tự chứng.

Lại nữa, Đại huệ ! Các hàng Thanh văn vì sợ sinh tử, vọng tưởng, khổ (samsaravikalpadukkha) mà cầu Niết bàn, không biết tất cả tướng sai biệt giữa Niết bàn sinh tử đều do hư vọng phân biệt mà có, chứ thật vốn không. Thanh văn vọng chấp rằng trong tương lai các căn, cảnh đều diệt, cho đó là Niết bàn, mà không biết cảnh giới của trí tự chứng, là chuyển tạng thức bị hạn cuộc thành Đại Niết bàn. Những người ngu kia nói có 3 thừa, không nói ngoài tâm không cảnh. Những người ấy không biết cảnh giới tự tâm mà chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai đều nói, lại chấp trước cảnh ngoài tâm, nên thường trôi lăn không cùng trong sinh tử. Lại nữa, Đại huệ ! Chư Như lai vì sao nói hết thầy pháp quá khứ hiện tại vị lai không sinh (anutpanna) ? Vì cảnh do tự tâm thấy đều không có tự tính, lia có không, nên nói vô sinh, như sừng thỏ, sừng ngựa v.v.. mà phạm phu vọng chấp. Cảnh giới vô sinh này là cảnh của bậc Tự chứng trí, không phải của hạng ngu phu phân biệt nhị nguyên. Đại huệ ! Thân, tài sản, khí thể gian, v.v.. tất cả đều là bóng dáng của tạng thức, năng thủ sở thủ (grāhyagrāhaka) đồng hiện khởi. Hàng ngu phu theo hai kiến chấp về sinh, trú, diệt, mà vọng khởi phân biệt hữu, vô. Đại huệ ! Ông nên siêng năng tu học nghĩa này.

Lại nữa, này Đại huệ ! Có năm loại chủng tính là: Chủng tính Thanh Văn, chủng tính Duyên giác, chủng tính Như lai, chủng tính bất định và vô chủng tính. Đại huệ ! Sao biết được là chủng tính Thanh văn thừa? Những người khi nghe nói tự tướng, cộng tướng, uẩn, giới, xứ, hoặc biết hoặc chứng, thì lông tóc dựng ngược, khao khát tu tập; nhưng đối với lý duyên khởi thì không thích quán sát, nên biết đây là chủng tính Thanh văn thừa. Những người ấy khi đã thấy chỗ mình chứng được, ở vào địa thứ năm thứ sáu, thì dứt được trói buộc của phiền não song chưa đoạn được tập khí phiền não. Họ vẫn vướng vào "bất tự nghi tử" - cái chết không thể nghĩ bàn. Tiếng rống như sư tử của họ là: "Sinh đã tận, phạm hạnh đã hoàn thành, việc nên làm đã xong, không còn thọ thân sau." Họ tu tập "nhân vô ngã" sinh tâm cho mình đã đạt Niết bàn.

Đại huệ ! Lại có chúng sinh cầu chứng Niết bàn, tự nói đã biết tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, cho đây là Niết bàn. Lại có những người nói: Thấy các pháp thầy đều do nguyên nhân sinh ra, đó là Niết bàn. Đại huệ ! Những kẻ ấy không giải thoát, vì chưa thể thấy pháp vô ngã vậy. Đó là chủng tính Thanh văn thừa, ngoại đạo, chưa giải thoát mà cho mình đã giải thoát. Ông hãy siêng tu tập xả bỏ ác kiến này. Đại huệ ! Sao biết được chủng tính duyên giác thừa? Ấy là những người khi nghe nói 12 nhân duyên thì lông tóc dựng đứng, động lòng rơi lụy, xa lìa huyên não, không đam mê gì nữa. Khi nghe nói hiện các thứ thân hoặc tụ hoặc tán, các việc thần thông biến hóa, thì tâm

họ tin chịu, không phản đối. Nên biết đây là chủng tính Duyên giác; hãy nói pháp Duyên giác thừa cho họ. Đại huệ ! Các pháp mà chủng tính Như lai thừa chứng được thuộc ba loại: Ấy là pháp "tự tính vô tự tính", pháp "nội thân tự chứng Thánh trí" và pháp "thấy hết thấy các cõi Phật ở ngoài." Đại huệ ! Nếu có người nghe nói mỗi mỗi pháp này cho đến pháp "thân, nhà cửa, tài sản đều do tự tâm hiện," nghe nói cảnh giới không thể nghĩ bàn của thức a lại gia mà không sợ, không kinh khiếp hãi hùng, nên biết người ấy thuộc chủng tính Như lai. Đại huệ ! Bất định chủng tính là gì? ấy là khi nghe nói về ba thừa trên đây đều có thể khởi phát lòng tin, muốn tu học. Đại huệ ! Ta vì các hạng người mà so sánh các giai đoạn tu tập, nói các chủng tính, vì muốn khiến họ an trú trong cảnh giới vô ảnh tượng nên kiến lập như thế. Đại huệ ! Những người Thanh văn an trú trong pháp lạc tam muội, nếu chứng được thức bị duyên của mình, thấy được pháp vô ngã, sạch tập khí phiền não, thì rất cuộc cũng sẽ được thân Như lai." Thế Tôn liền nói bài tụng:

Quả Dự lưu, Nhất lai

Bất hoàn, A la hán

Những thánh nhân như thế

Tâm họ đều mê hoặc

Ba thừa ta lập ra

Một thừa đến không thừa

Vì kẻ ngu trí nhỏ

Vì bậc Thánh ưa tịch

Pháp môn đệ nhất nghĩa

Xa lìa cả hai chấp

Trong chỗ vô cảnh giới

Làm sao lập ba thừa?

Các thiên cùng vô lượng

Vô sắc tam ma đề (àrùpya samadhi)

Cho đến diệt thọ tướng

Đều không ở ngoài tâm.

Lại nữa Đại huệ, tại sao hạng Nhất xiển đề (Icchantika) đối với pháp giải thoát không sinh vui thích? Đại huệ ! Vì họ đã bỏ mất hết căn lành, hoặc vì từ vô thủy đã khởi nguyên độ chúng sinh. Sao gọi là bỏ mất hết căn lành? Ấy là những người chê bai các tạng kinh của Bồ tát, cho rằng không hợp với Khế kinh, với sự điều phục và giải thoát. Như vậy là đoạn hết căn lành, không nhập niết bàn được. Sao gọi là từ vô thủy vì chúng sinh khởi nguyên? Ấy là những Bồ tát dùng phương tiện bản nguyện, nguyện cho hết thấy chúng sinh đều vào Niết bàn, nếu còn một chúng sinh chưa vào thì Bồ tát cũng không vào. Hạng này cũng ở trong đường của Nhất xiển đề, không có tướng của chủng tính Niết bàn.

Đại huệ Bồ tát bạch Phật:

Bạch Thế Tôn ! Trong hai hạng đó rốt cùng ai không vào Niết bàn?

Phật dạy:

Những Bồ tát Nhất xiển đề kia vì biết rõ hết thấy pháp xưa nay vốn là Niết bàn, nên rốt cuộc không nhập. Song hạng Nhất xiển đề đã bỏ các thiện căn thì hoặc sẽ nhờ uy lực Phật, hoặc có khi phát sinh thiện căn. Vì sao? Vì Phật không bao giờ bỏ rơi một chúng sinh nào. Cho nên chỉ có Bồ tát Nhất xiển đề là không nhập Niết bàn. Lại nữa Đại huệ ! Bồ tát đại hữu tình nên biết rõ tướng của 3 tự tính (svabhàva). Ba tự tính ấy là gì? ấy là vọng kế, duyên khởi và viên thành. Đại huệ, vọng kế tự tính là do tướng sinh. Sao là do tướng sinh? Ấy là nương theo các sự tướng duyên khởi hiện ra các chủng loại mà sinh chấp trước, so đo. Đại huệ ! Sự kế trước ấy sinh hai thứ vọng kế tính, ấy là những gì chư Như lai diễn nói: danh tướng kế trước và sự tướng kế trước. Sự tướng kế trước là chấp các pháp trong và ngoài cho là thật có, danh tướng kế trước là đối các pháp trong và ngoài ấy, chấp có tự tướng cộng tướng. Ấy là hai thứ vọng kế. Đại huệ ! Do duyên sở y mà khởi lên, ấy gọi là tính duyên khởi. Sao gọi là viên thành tự tính? (Parnispannasvabhàva) Ấy là chân như mà đấng tự chứng Thánh trí đạt được, lìa hết thấy danh tướng, sự tướng. Đại huệ! đây là tự tính viên thành, Như lai tạng tâm.

Đức Thế Tôn bèn nói bài tụng:

Phân biệt danh tướng

Là tướng tự tính

Chính trí chân như

Là tính viên thành.

Đại huệ ! đây là pháp môn quán sát 5 pháp, hai tự tính, là cảnh giới của bậc Tự chứng thánh trí. Ông cùng các Bồ tát đại hữu tình nên siêng tu học. Lại nữa, này Đại huệ, Bồ tát nên quán sát hai tướng vô ngã. Hai tướng ấy là gì? Là tướng nhân vô ngã, tướng pháp vô ngã. Đại huệ, sao gọi là tướng nhân vô ngã? Ấy là uẩn, xứ, giới, lìa ngã, ngã sở, vì ngu si và ái nghiệp mà sinh các thức như nhãn v.v.. Do sắc, thanh... mà sinh chấp trước. Lại thân và khí thể gian mà tự tâm thấy đều do tạng tâm biến hiện, từng giây phút tiếp nhau biến hoại không ngừng. Như dòng sông, như hạt giống, như ánh đèn, như gió qua mau, như mây nổi. Nó động chuyển không an như vượn khi, ưa chỗ dơ ứ như ruồi nhặng, không biết chán đủ như lửa mạnh. Nó lấy tập quán tà ác từ vô thủy làm nhân, nên trôi lăn các cõi không ngừng như bánh xe kéo nước, cuốn theo các loại thân hình, như cây chết do mãnh lực bùa chú mà cử động, lại như người gỗ do máy mà chuyển động. Nếu biết rõ tướng của tự thân là như vậy, thì gọi là trí "nhân vô ngã" (Putgalarairàtnyajnàra). Đại huệ ! Sao gọi là trí pháp vô ngã? Ấy là biết uẩn, xứ là tính vọng chấp. Nguyên uẩn, giới, xứ vốn lìa ngã, ngã sở, chỉ vì sợi dây trói buộc của ái và nghiệp tích tụ làm duyên cho nhau mà sinh khởi, không có tác giả. Uẩn giới xứ cũng thế, lìa tự tướng cộng tướng. Những hiện tượng giả dối đủ loại hiện ra chỉ có phạm phu mới phân biệt, thánh giả thì không. Quán sát các pháp như vậy nên lìa tâm, ý, ý thức, 5 pháp, 3 tự tính, ấy gọi là trí pháp vô ngã của Bồ tát đại hữu tình. Khi được trí ấy thì biết không có cảnh giới, hiểu rõ tướng các giai đoạn tu hành. Bồ tát liền nhập sơ địa, tâm sinh vui mừng, tuân tự tiến dần lên đến bậc Thiện huệ và Pháp vân. Các việc phải làm đều thành tựu, ở địa vị ấy có hoa sen báu lớn cùng các báu trang nghiêm, trên hoa có cung điện báu hình hoa sen, do Bồ tát tu pháp môn như huyễn mà thành tựu. Bồ tát ngồi trên hoa sen được các Bồ tát đồng hàng vây quanh, được chư Phật từ các cõi Phật đưa tay tưới đầu bằng nước cam lồ như tưới cho con vua chuyển luân. Khi vượt qua giai đoạn cuối cùng của Bồ tát địa, Bồ tát thành tựu pháp thân tự tại của Như lai. Đại huệ ! ấy gọi là tướng "thấy pháp vô ngã". Ông và các Bồ tát nên siêng tu học.

Bây giờ Đại huệ Bồ tát lại bạch Phật rằng:

Bạch đức Thế Tôn, xin vì con giảng nói tướng lập và phá (samàropàpavàdalaksana) khiến con cùng các Bồ tát lià các kiến chấp ấy, mau được Vô thượng bồ đề. Khi ấy, con sẽ phá được sự chấp thường (lập) và chấp đoạn (phá), đối với chính pháp không sinh hủy báng.

Phật nhân lời thưa thỉnh của Đại huệ bồ tát mà nói bài kệ tụng như sau:

Thân, tài vật, chỗ ở

Đều là bóng của tâm

Phàm phu không biết được

Khởi kiến lập, bác bỏ

Mọi pháp do tâm khởi

Lìa tâm không có được.

Đức Thế Tôn muốn nói rõ lại nghĩa ấy, bảo bồ tát Đại huệ :

Có 4 kiến lập (cho là có, những cái vốn là không), đó là không tướng lập có tướng, không kiến lập có kiến, không nhân lập có nhân, không tính lập có tính. Đại huệ ! Còn hủy báng (phá) là sao? Ấy là các pháp do tà kiến lập ra đều không tự tính, vì không khéo quán sát nên sinh hủy báng (chối bỏ). Đây là tướng kiến lập và hủy báng (xác định cùng phủ định). Nay Đại huệ ! Sao gọi là không tướng lập có tướng? Ấy là tự tướng, cộng tướng của uẩn, giới, xứ vốn không, mà lại sinh ra kẻ chấp cho nó như thế này, không thể khác. Những phân biệt ấy đều do ác tập từ vô thủy sinh ra. Đây gọi là không tướng lập có tướng. Sao gọi là không kiến lập có kiến? Ấy là từ uẩn giới xứ, đặt ra các quan niệm ngã, nhân, chúng sinh v.v.. Sao gọi là không nhân lập có nhân? Ấy gọi là sơ thức (pràgvijnàna) trước kia vốn vô nhân, bất sinh, sơ thức ấy vốn không, mà sau vì mắt, sắc, ánh sáng, niệm v.v.. làm nhân như huyền sinh, sinh rồi có, có rồi hoàn diệt. Ấy là không nhân lập có nhân. Sao gọi là không tính lập có tính? Ấy là chấp trước các pháp vốn vô tác như hư không, Niết bàn không phải thường diệt. Đại huệ ! Những pháp này lià tính phi tính, hết thấy pháp đối với có và không chỉ như bụi lông, sừng thỏ, ngựa... Ấy là không tính lập có tính. Đại huệ ! Kiến lập và bác bỏ đều do kẻ phàm phu không hiểu duy tâm tạo, nên sinh phân biệt. Bậc thánh không làm thế. Các ông nên quán sát để xa lià kiến chấp ấy. Nay Đại huệ, Bồ tát khi đã biết rõ tâm, ý, ý thức, 5 pháp, 3 tự tính, 2 vô ngã, thì sẽ vì chúng sinh, hiện

các loại thân hình, như ngọc ma ni hiện các màu tùy tâm. Các Bồ tát ấy đi vào các Phật hội, nghe Phật dạy các pháp như huyền như mộng, như bóng, như hình trong gương, như trăng đáy nước, xa lìa sinh diệt, đoạn thường. Không ở trong đường Thanh văn và Bích chi Phật, nghe xong chư Bồ tát ấy thành tựu vô lượng trăm ngàn ức na do tha định. Được các định ấy rồi, họ du hành khắp các cõi Phật, cúng dường chư Phật, sinh lên các cõi trời để làm sáng tỏ ngôi Tam bảo. Họ hiện thân Phật vì đại chúng Thanh văn Bồ tát mà nói pháp duy tâm khiến xa lìa các chấp hữu, vô. Bấy giờ Thế Tôn nói bài tụng:

Phật tử hay quán thấy

Thế gian không ngoài tâm

Hiện ra đủ loại thân

Việc làm không ngăn ngại

Sức thần thông tự tại

Tất cả đều viên thành.

Bồ tát Đại huệ lại thỉnh Phật:

Xin Thế Tôn vì con nói tướng không, vô sinh, vô nhị, vô tự tính của vạn pháp. Con và các Bồ tát ngộ được tướng ấy, sẽ lìa phân biệt hữu vô, mau thành Vô thượng bồ đề.

Phật dạy:

Hãy nghe kỹ, ta sẽ nói cho ông. Đại huệ ! "Không" ấy là tính vọng chấp. Đại huệ ! Vì chấp trước, vọng kế nơi tự tính nên nói không, vô sinh, vô nhị, vô tự tính. Đại huệ ! Lược nói tính không có bảy: tướng không, tự tính không, vô hành không, hành không, nhất thiết pháp bất khả thuyết không, đệ nhất nghĩa thánh đế không, bỉ bỉ không. Tướng không là tự tướng cộng tướng của tất cả pháp đều không, chỉ xoay vần tích tụ đối đãi lẫn nhau mà hiện ra, nếu phân tích đến cùng thì không có gì. Không tự sinh, không tha sinh không vừa tự vừa tha, rốt ráo bất sinh. Tự tướng cộng tướng không sinh cũng không trụ, nên gọi hết thấy pháp tự tướng vốn không. Sao gọi là tự tính không? Ấy là hết thấy pháp tự tính vốn không sinh, nên gọi là tự tính không. Sao gọi là vô hành không? Là các uẩn bản lai vắng lặng, không hành động

tạo tác, nên gọi là vô hành không. Sao là hành không? Là các uẩn do nghiệp và nhân hòa hợp mà sinh, lìa ngã, ngã sở, nên gọi là hành không. Sao là nhất thiết pháp bất khả thuyết không? Là tự tính của hết thảy các vọng chấp không thể nói hết, nên gọi là bất khả thuyết không. Sao là đệ nhất nghĩa thánh trí đại không? Là khi được tự chứng thánh trí, thì lìa được tất cả tập khí làm lạc, kiến chấp. Ấy gọi là đệ nhất nghĩa thánh trí đại không. Sao là bỉ bỉ không? Là cái này không cái kia (emptiness of mutual non-existence - Suzuki). Thí như trong giảng đường không có quạ, ngựa, trâu, dê, v.v.. ta nói giảng đường kia không, không phải là không có chúng tỳ kheo. Đại huệ, không phải là phòng không có tự tính của phòng, không phải tỳ kheo không có tự tính của tỳ kheo, không phải các nơi khác không có quạ, ngựa, trâu, dê. Nay Đại huệ, tự tướng cộng tướng của các pháp đều nương nhau mà có, nhưng thực chất là không nên gọi là bỉ bỉ không.

Lại nữa Đại huệ, vô sinh là trí thể không sinh, chứ không phải là bất sinh, trừ khi ở trong định. Vì vô sinh nên theo ý nghĩa sâu xa chính là vô tự tính. Đại huệ, hết thảy pháp không tự tính, vì không sát na nào ở yên, vừa trông thấy, nó đã đổi khác, nên gọi là vô tự tính. Sao là không hai tướng? Đại huệ ! Như sáng tối, ngắn dài, đen trắng, đều đối đãi nhau mà lập, một mình thì không thành. Đại huệ ! Không phải ngoài sinh tử có Niết bàn, không phải ngoài Niết bàn có sinh tử, sinh tử và Niết bàn không phải là hai tướng đối nghịch. Như sinh tử và Niết bàn, hết thảy pháp đều như vậy, ấy gọi là không hai tướng. Đại huệ này, các tướng không, vô sinh, không hai, vô tự tính, ông nên siêng tu học. Khi ấy Thế Tôn lại nói bài tụng:

Ta thường nói pháp "không"

Xa lìa hẳn đoạn, thường

Sinh tử như huyễn mộng

Mà nghiệp cũng không tan

Hư không và Niết bàn

Hai diệt cũng như thế

Phàm phu vọng phân biệt

Thánh giả lìa hữu, vô.

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo Đại huệ Bồ tát:

Đại huệ ! Tướng không, vô sinh, không hai, vô tự tính ấy, có thể tìm thấy trong kinh của chư Phật nói. Đại huệ ! Kinh tùy thuận tâm chúng sinh mà nói, nhưng chân lý không nằm trong lời. Thí như những con thú bị quáng nắng tưởng thấy nước mà thật không có nước, những gì các kinh nói cũng thế, chỉ thuận theo phân biệt của ngu phu, khiến chúng sinh hoan hỷ, đều không phải là các pháp hiển bày chỗ chứng chân thật của Thánh trí. Đại huệ, hãy theo nghĩa, không nên bám vào lời.

Đại huệ Bồ tát bạch Phật:

Bạch đức Thế Tôn ! Trong kinh nói bản tính Như lai tạng vốn thanh tịnh, hằng tồn không dứt, không biến dịch, đủ 32 tướng, ở trong tất cả thân chúng sinh, bị quán trong lớp áo dơ uế của uẩn giới xứ, bị ô nhiễm vì tham, nhuế, si... và sự phân biệt hư vọng, như ngọc vô giá bọc trong áo dơ. Ngoại đạo thì nói ngã là tác giả thường trú, lìa câu na (guna, đức), tự tại, bất diệt. Như lai tạng mà Thế Tôn dạy không phải giống như Ngã của ngoại đạo sao?

Phật dạy:

Này Đại huệ ! Như lai tạng do ta nói không giống ngã ngoại đạo nói. Đại huệ ! Như lai dùng các nghĩa tính không, thật tế, Niết bàn, bất sinh, vô tướng, vô nguyên v.v.. mà diễn tả Như lai tạng. Vì muốn ngu phu lìa sợ hãi đối với vô ngã mà nói pháp môn Như lai tạng, vô phân biệt, vô ảnh tượng. Các Bồ tát vị lai, hiện tại không nên do đó mà chấp ngã. Đại huệ ! Thí như thợ gốm do đất sét, nhân công, nước gỗ, mà làm ra các vật dụng, Như lai cũng thế, vì để giảng dạy pháp môn viên lý hết thấy tướng phân biệt, vô ngã, mà phải dùng trí tuệ phương tiện khéo, sử dụng các danh từ khác nhau như khi thì nói Như lai tạng, khi thì nói vô ngã v.v... Đại huệ ! Ta nói Như lai tạng là để nhiếp phục ngoại đạo chấp ngã, khiến lìa tà kiến, thâm nhập 3 giải thoát, mau chứng Vô thượng Bồ đề. Vì thế Như lai tạng mà chư Phật nói không giống với Ngã của ngoại đạo. Muốn xa lìa tà kiến ngoại đạo, ông nên biết nghĩa Như lai tạng là vô ngã. Khi ấy Thế Tôn nói bài tụng:

Uẩn tương tục và người

Các duyên và vi trần

Thắng, tự tại, tác giả

Đều do tâm phân biệt.

Bồ tát Đại huệ quán chúng sinh đời vị lai mà hỏi Phật rằng:

Bạch Thế Tôn, xin vì con nói pháp tu đầy đủ để thành tựu bậc đại tu hành như các Bồ tát đại hữu tình.

Phật dạy:

Đại huệ ! Bồ tát đại hữu tình đủ 4 điều kiện thì thành bậc đại tu hành, ấy là:

1. Quán sát cảnh tự tâm hiện. 2. Xa lìa kiến chấp sinh, trú, diệt. 3. Biết rõ các pháp do tâm sinh vốn không có tự tính. 4. Chuyên cầu tự chứng thánh trí. Nếu các bồ tát thành tựu bốn pháp ấy thì gọi là bậc đại tu hành. Đại huệ ! Sao là quán sát cảnh tự tâm hiện? Là quán 3 cõi không ngoài tâm, lìa ngã, ngã sở, không có hành động tạo tác, không đến đi, chỉ do tập khí chấp trước từ vô thủy thành. Bồ tát quán sát cảnh tự tâm hiện như thế. Đại huệ ! Sao gọi là lìa cái thấy sinh trú diệt? Ấy là quán sát hết thấy pháp như huyễn mộng sinh, không tự sinh, không cộng sinh, không tự tha cùng sinh, chỉ do tự tâm hiện. Thấy ngoại vật không thực có, thấy các thức không sinh, các duyên không tích tụ, thấy do phân biệt mà có ra ba cõi. Quán sát như thế, hoặc ở trong hoặc ở ngoài, các pháp đều bất khả đắc, biết rõ không có thể tính chân thật, nên xa lìa kiến chấp về sinh, chứng tính như huyễn. Khi ấy Bồ tát liền được vô sinh pháp nhẫn, an trú địa thứ 8, hiểu rõ tâm, ý, thức, 5 pháp, 3 tự tính, 2 vô ngã, chuyên thức sở y, được thân ý sinh.

Đại huệ nói:

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là thân ý sinh?

Đại huệ ! Thân ý sinh nghĩa là, như ý đi rất mau, không bị chướng ngại, gọi là thân ý sinh. Nay Đại huệ ! Thí như tâm ý nhớ đến các sự vật đã thấy được trước kia ở cách ngoài vô lượng trăm ngàn do tuần, niệm niệm nối tiếp không dứt liền đi đến chỗ ấy, không bị thân và sông núi đá tường ngăn ngại. Thân ý sinh cũng thế, được năng lực "như huyễn tam muội" thân thông tự tại, các tướng trang nghiêm, nhớ đến lời nguyện thành tựu chúng sinh nên liền đi nhanh như ý mà sinh vào tất cả Thánh chúng. Ấy gọi là Bồ tát được xa lìa sinh, trú, diệt. Đại huệ ! Sao là quán sát các pháp bên ngoài đều không tính? Ấy là quán hết thấy pháp như ảo tượng, như chiêm bao, như mao lân. Do hí luận, chấp trước, tập khí hư vọng từ vô thủy làm nhân. Quán sát tất cả pháp đều thế, rồi chuyên cầu Thánh trí tự chứng. Đại huệ! Ấy gọi là Bồ tát

đủ 4 pháp thành bậc đại tu hành. Ông nên theo đó siêng năng tu học. Đại huệ Bồ tát lại bạch:

Nguyện xin Thế Tôn vì con nói nhân duyên của hết thảy các pháp, khiến con và các Bồ tát liễu đạt nghĩa ấy, sẽ xa biên chấp hữu, vô, không vọng chấp các pháp sinh từ từ hay sinh lập tức.

Phật dạy:

Đại huệ ! Hết thảy các pháp do duyên sinh khởi. Có hai thứ duyên, trong và ngoài. Ngoài là các duyên như đất sét, nước, gậy, dây, nhân công v.v.. làm thành cái bình. Như bình làm bằng đất sét, hay vải làm bằng sợi tơ, hay tấm thảm làm bằng cỏ, hay mầm sinh từ hạt giống, "gia ua" sinh từ sữa ... tất cả đều như vậy, gọi là duyên bên ngoài. Trong là vô minh, ái, nghiệp v.v.. sinh các pháp uẩn, giới, xứ ấy là duyên bên trong. Đây là do ngu phu phân biệt mà thành có. Đại huệ, nhân có 6 thứ : 1. Đương hữu, 2. Tương thuộc, 3. Tướng, 4. Năng tác. 5. Hiện liễu, 6. Quán đãi. "Đương hữu" là các pháp trong ngoài làm nhân sinh ra quả. "Tương thuộc" là các pháp trong ngoài làm duyên sinh ra quả, các chủng tử uẩn v.v.. "Tướng" là làm cho các tướng không gián đoạn, sinh ra quả tương tục. "Năng tác" là nhân tối thắng để sinh quả như chuyển luân vương. "Hiện liễu" là khi phân biệt sinh, làm cho cảnh tượng hiện rõ như đèn soi các vật. "Quán đãi" là khi hoại diệt thì tương tục cũng dứt, không còn sinh vọng tưởng. Đại huệ ! Đây là do ngu phu tự phân biệt, không phải sinh từ từ cũng không phải sinh tức khắc. Tại sao, nếu như sinh tức khắc thì thành ra năng tác và sở tác không khác nhau, không thể tìm tướng "nhân" của nó. Còn nếu sinh từ từ thì tìm cái thể của nó không được, như chưa sinh con sao gọi là cha? Người lý luận cho rằng vì các nhân duyên (hetipratyaya), sở duyên duyên (ārambanapratyaya) vô gián duyên (nirantarapratyaya), tăng thượng duyên (adhipatipratyaya) v.v.. sở sinh, năng sinh lệ thuộc lẫn nhau, nên theo thứ tự sinh dần. Lý ấy không vững, đều là vọng tình chấp trước. Đại huệ ! Dần dần hay tức khắc đều không sinh, chỉ có tâm hiện ra thân, tài sản v.v.. Ngoài tự tướng cộng tướng ra không có tính, chỉ vì các thức khởi, các kiến tự phân biệt mà thôi. Đại huệ, do đây ông nên xa lìa các kiến chấp tiệm sinh hay đốn sinh, đối với các tướng do nhân duyên hòa hợp thành.

Khi ấy đức Thế Tôn nói bài tụng:

Hết thảy pháp không sinh

Lại cũng không có diệt

Trong các thứ duyên kia
Phân biệt tướng sinh diệt
Không ngăn các duyên hội
Diệt cùng sinh như thế
Mà phải dứt vọng tình
Của phàm ngu chấp trước
Hữu, vô của duyên sinh
Đều rốt ráo không sinh
Tập khí mê chuyển tâm
Do đó ba cõi hiện
Bản lai không vật sinh
Lại cũng không có diệt
Quán các pháp hữu vi
Đều như hoa đóm sinh
Lìa năng thủ sở thủ
Và kiến chấp sai lầm
Không năng sinh sở sinh
Lại cũng không nhân duyên
Chỉ thuận theo thể tục
Mà nói có sinh diệt.

QUYỂN BA

CHƯƠNG II - THỰC HÀNH TẤT CẢ PHÁP

Tiết III - TU TẬP HẾT THẦY PHÁP

Bấy giờ Đại huệ Bồ tát bạch Phật:

Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn vì con nói pháp môn tinh yếu của sự phân biệt ngôn thuyết, để con và chư Bồ tát đại hữu tình biết rõ điều ấy, thông đạt hai nghĩa năng thuyết sở thuyết, mau thành vô thượng bồ đề, khiến các chúng sinh được thanh tịnh đối với hai nghĩa ấy.

Phật dạy:

Đại huệ ! Có 4 thứ ngôn thuyết, ấy là: 1. Lời do tướng, 2. Lời do mộng, 3. Lời do chấp trước lỗi lầm, 4. Lời do vô thi vọng tưởng. Đại huệ ! Lời do tướng là lời nói do chấp văn tự và do phân biệt sắc tướng. Lời do mộng là lời nói do mộng thấy các cảnh, khi tỉnh nhớ lại, không theo cảnh thật có. Lời do chấp trước lỗi lầm là nhớ lại oán thù và những việc đã làm, rồi nói. Lời do vô thi vọng tưởng là lời nói do tập khí vọng chấp từ vô thi ưa hí luận. Đó là 4 thứ ngôn thuyết.

Đại huệ bạch:

Bạch Thế Tôn! Xin vì con nói các hành tướng của ngôn ngữ ở nơi nào, vì duyên có gì, tại sao khởi phân biệt?

Phật dạy:

Đại huệ ! Do đầu, ngực, yết hầu, lỗ mũi, môi, răng, lưỡi hòa hiệp khởi ra lời nói.

Đại huệ :

Bạch Thế Tôn! Ngôn ngữ là khác (anyà) hay không khác (anaya) với phân biệt?

Phật dạy:

Đại huệ ! Không khác cũng không không khác. Vì sao? Phân biệt làm nhân khởi ra ngôn ngữ vậy. Nếu khác, thì lời nói không thể làm nhân cho ngôn

ngữ; nhưng nếu không khác, thì lời nói không thể diễn đạt ý nghĩa. Bởi thế mà nói không khác cũng không không khác.

Đại huệ :

Bạch Thế Tôn! Lời nói là đệ nhất nghĩa, hay cái được diễn đạt bằng lời là đệ nhất nghĩa?

Phật dạy:

Không phải lời cũng không phải cái được diễn bằng lời. Vì sao? Đệ nhất nghĩa là cảnh giới an lạc của bậc thánh, không thể chỉ do lời nói mà vào được, cho nên lời không phải là đệ nhất nghĩa. Đệ nhất nghĩa là cảnh mà Thánh trí tự chứng ở bên trong, không phải cảnh giới của lời và của trí phân biệt. Lời không thể chỉ rõ cảnh giới ấy. Đại huệ ! Lời nói là do nhân duyên sinh, có sinh diệt, giao động, xoay chuyển, cái gì do duyên sinh và có xoay chuyển thì không thể làm rõ đệ nhất nghĩa. Đệ nhất nghĩa không có tướng tự tha, ngôn ngữ có tướng nên không thể chỉ rõ đệ nhất nghĩa. Đệ nhất nghĩa là chỉ có ở tự tâm, mọi tướng bên ngoài đều không, nên ngôn ngữ phân biệt không thể chỉ rõ. Bởi thế, này Đại huệ ! Ông nên xa lìa ngôn ngữ phân biệt.

Bấy giờ Thế Tôn lại nói bài tụng:

Các pháp không tự tính

Cũng không có ngữ ngôn

Không thấy nghĩa không không

Nên ngu phu luân chuyển

Hết thấy pháp không tính

Lìa ngôn ngữ phân biệt

Các hữu là như huyễn

Không sinh tử, Niết bàn

Như vua cùng trưởng giả

Vì khiến các con vui

Trước chỉ cái tương tự

Sau cho cái như thật

Ta nay cũng như thế

Trước nói pháp tương tự

Về sau mới tuyên bố

Pháp tự chúng, thật tế.

Bồ tát Đại huệ bạch:

Xin Phật vì con nói nghĩa lia nhất dị (ekatvānyatva), cùng không cùng (ubhayanobhaya), hữu vô (nāstyastitva), phi hữu vô (naivāstīnanāsti), thường vô thường (nityānitya) v.v.. Những điều mà các ngoại đạo không thể nói, những cảnh giới của Thánh trí tự chúng. Khi hiểu được, con sẽ viễn ly vọng chấp tự tướng cộng tướng, nhập cảnh giới chân thật đệ nhất nghĩa, tuần tự được các địa, vào quả vị Như Lai. Do nguyện lực con sẽ không cần dụng công mà hiện khắp vô biên cảnh giới như ngọc ma ni, vì liễu tri tất cả pháp đều do tự tâm phân biệt. Khi được nghe Phật dạy, con và các Bồ tát đối với những pháp ấy sẽ lia chấp tự tính, lia các kiến chấp tự tướng cộng tướng, mau chúng Vô thượng bồ đề, khiến chúng sinh được đầy đủ các công đức.

Phật dạy:

Đại huệ ! Hay thay, lành thay ! Ông vì thương xót chúng sinh mà hỏi ta nghĩa ấy, vì lợi ích nhiều người, vì an lạc nhiều người. Đại huệ ! Kẻ phàm phu vô trí không biết duy tâm, do tập quán hư vọng mà chấp ngoại vật, phân biệt các tính một, khác, có, không, không có, không không, thường, vô thường v.v... Đại huệ ! Như con thú vì con khát hành hạ, do bóng nắng mà tưởng tượng nước, mê hoặc chạy theo, không biết đây chẳng phải nước. Kẻ phàm phu cũng vậy, do huân tập hý luận phân biệt từ vô thi, do ba độc thiêu đốt tâm nên ưa cảnh giới sắc, thấy có sinh, trú, diệt, chấp thủ pháp trong ngoài, sa vào các chấp trước một, khác v.v.. Đại huệ ! Như thành Càn thất bà không phải thành cũng không phải phi thành, kẻ vô trí vì thói quen chấp trước vào hạt giống "thành" từ vô thi, nên tưởng có thành. Ngoại đạo cũng vậy. Vì vọng tưởng từ vô thi nung nấu, nên không hiểu rõ cảnh tự tâm hiện, bám vào các ngôn thuyết một, khác v.v.. Đại huệ ! Thí như có người nằm mộng thấy trai, gái, voi, ngựa, xe, kẻ bộ hành, thành ấp, vườn rừng ... các

thứ trang nghiêm. Khi tỉnh nhớ lại cảnh kia vốn không phải chuyện thật. Đại huệ ! Ý ông thế nào? Người như thế có khôn ngoan không?

Bạch Thế Tôn không!

Đại huệ ! Ngoại đạo cũng thế. Do ác kiến ngôn ngữ không rõ duy tâm, chấp trước các quan niệm một, khác, hữu, vô v.v.. Này Đại huệ ! Thí như tượng vẽ không có chỗ cao, thấp, kẻ ngu lầm thấy tưởng có cao thấp. Các ngoại đạo đời sau cũng vậy, do ác kiến huân tập, vọng tâm tăng trưởng, nên chấp một, khác v.v...mà tự hại, hại người. Đối với thuyết lìa hữu vô, vô sinh thì xem là chuyện không tưởng, chúng bài bác nhân quả, triệt hết căn lành. Nên biết những kẻ phân biệt có, không, khởi các tướng tự, tha như thế sẽ đọa vào địa ngục. Muốn cầu pháp thù thắng, ông hãy xa lìa. Đại huệ, thí như những người đau mắt thấy hoa đốm (mao luân) bèn gọi nhau: "Thật là việc hiếm có, đẹp tuyệt!" Kỳ thật hoa đốm ấy lìa có không, thấy và bị thấy. Ngoại đạo cũng thế, ác kiến phân biệt một, khác, cùng, không cùng v.v.. phỉ báng chính pháp, tự chôn mình, chôn người. Đại huệ, thí như vòng lửa thật không phải vòng, kẻ ngu mới chấp, không phải bậc trí. Ngoại đạo cũng thế, vì ác kiến chấp trước một, khác, cùng, không cùng...nên khởi sinh các pháp. Đại huệ ! Thí như bọt nước giống ngọc pha lê, kẻ ngu chấp thật chạy theo lợm nhật. Nhưng bọt nước kia vốn lìa ngọc và phi ngọc. Này Đại huệ ! Khi thành lập 3 lượng (hiện lượng, tỉ lượng và phi lượng) thì Thánh trí tự chứng xa lìa được hai tự tính (y tha, biến kế). Đại huệ ! Người tu hành khi chuyển được tâm, ý, thức, năng thủ, sở thủ, an trú pháp tự chứng ở Như lai địa, thì không khởi các tướng có, không. Đại huệ ! Người tu hành nếu khởi những chấp hữu, vô tức đã chấp các tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Đại huệ ! Hết thấy tự tướng và cộng tướng của các pháp đều do hóa thân Phật nói, không phải pháp thân Phật nói. Đại huệ ! Hóa thân Phật nói thì chỉ thuận theo kiến chấp của ngu phu, không phải khai thị pháp lạc tam muội của Thánh trí tự chứng. Đại huệ ! Thí như trong nước có bóng cây, bóng ấy không phải bóng hay phi bóng, không phải không bóng hay không phi bóng. Ngoại đạo cũng thế, vì ác tà kiến huân tập, không rõ tự tâm hiện, nên sinh các phân biệt một, khác v.v.. Đại huệ ! Thí như gương sáng không phân biệt, tùy duyên mà hiện các hình bóng, những bóng kia không phải bóng hay phi bóng, mà lại được thấy ra là bóng với phi bóng, là do người ngu phân biệt, sinh tưởng về bóng. Ngoại đạo cũng thế, đời các hình bóng do tự tâm hiện, lại khởi chấp các tướng một, khác, cùng, không cùng. Đại huệ ! Thí như tiếng vang do các âm thanh của gió, nước, người v.v.. hòa hiệp mà có, tiếng vang ấy không có cũng không không, vì được nghe như tiếng mà thực không phải tiếng. Ngoại đạo cũng thế, do sự huân tập phân biệt của tự tâm, nên khởi các kiến chấp

một, khác, cùng, không cùng. Đại huệ ! Thí như ở trên đất không có cây cỏ, ánh trời chiếu làm nên những làn sóng nắng. Những làn sóng kia không phải có cũng không phải không, vì là đảo tưởng, không phải tưởng. Kẻ phàm ngu cũng vậy, do tập khí sai lầm từ vô thủy, nên ở trong pháp tính do thánh trí chứng lại có sinh, trụ, diệt, một, khác, có, không, cùng, không cùng v.v.. Đại huệ! Thí như người gỗ hay thầy ma nhờ bùa lực của Tỳ xá xá (Pi'sàca) mà cử động chuyển xoay không ngừng, kẻ vô trí xem là thật. Phàm phu ngu si cũng thế, hòa theo ngoại đạo khởi ác tà kiến, vọng chấp một, khác v.v.. Bởi thế, Đại huệ ! Ông nên ở trong pháp Tự chứng xa lìa hết thấy phân biệt sinh, trụ, diệt, hữu, vô, cùng, không cùng v.v..

Bấy giờ Thế Tôn lại nói bài tụng:

Các thức ám có năm

Như bóng cây trong nước

Cái thấy như huyễn mộng

Không nên vọng phân biệt

Ba cõi như ảo tượng

Huyễn mộng và ma luân (hoa đóm)

Nếu quán được như thế

Hoàn toàn được giải thoát

Như bóng nắng mùa hè

Kích động mê loạn tâm

Thú khát chấp là nước

Mà thật không phải nước

Chứng tử thức cũng vậy

Chuyển động thấy cảnh giới

Như mắt thấy không hoa

Ngu phu sinh mê đắm
Từ vô tử sinh tử
Trói buộc trong chấp trước
Nay phải nên xả bỏ
Như người bị diệt tận
Như vật huyễn, như máy
Như mây, mộng, điện, chớp
Quán sát đời như thế
Dứt sạch ba tương tục
Trong ấy không có gì
Như ảo tượng hư không
Biết các pháp như thế
Thì hết sở tri chướng
Năm uẩn như hoa đóm
Không nên vọng phân biệt
Chỉ là tên bày đặt
Tìm tướng bất khả đắc
Như bức vẽ xóa tóe
Như mộng, thành nhạc thần
Vòng lửa và ảo tượng
Thật không mà thấy có

Như vậy thường, vô thường
Một, khác, cùng, không cùng
Do trời buộc vô thi
Ngu phu vọng phân biệt
Gương sáng, mắt pha lê
Ma ni ngọc đẹp báu
Trong đó hiện bóng hình
Kỳ thật không gì có
Tâm thức cũng như vậy
Hiện khắp các sắc tướng
Như mộng, như bóng nước
Lại như con Thạch nữ.

Lại nữa Đại huệ ! Pháp chư Phật nói lia bốn cú nghĩa là lập bác, một khác, cùng không cùng, có không... Đại huệ ! Pháp Phật lấy tứ đế, duyên khởi, diệt đạo, giải thoát làm đầu, không tương ưng với những pháp như thắng tính (praktri), Tự tại (Isvara), Túc tác (không nhân), tự nhiên, vi trần v.v.. Đại huệ ! Pháp Phật nói là để thanh tịnh hai thứ chướng ngại là trí chướng và hoặc chướng, khiến dần an trú trong 108 cú về pháp vô tướng, mà phân biệt rõ các thừa cũng như thương chủ khéo hướng dẫn người. Lại nữa Đại huệ ! có 4 loại thiền : 1. Thiền ngu phu (Halopacàrikadhyàna). 2. Thiền quán sát nghĩa (Arthapravicayadhyàna). 3. Thiền phan duyên chân như (Tathatàlambanadhyàna). 4. Thiền như lai (Tathàgatadhyàna). Đại huệ ! Thiền ngu phu là những người tu hạnh thanh văn, duyên giác biết nhân vô ngã, thấy thân mình thân người chỉ là bộ xương ráp lại, đều là tướng vô thường, khổ, bất tịnh. Quán sát như thế kiên trì không bỏ, dần đạt đến định vô tướng diệt, ấy là thiền ngu phu. Sao là thiền quán sát nghĩa? Ấy là khi biết rõ nhân vô ngã trên phương diện tự tướng, cộng tướng rồi, còn xa lia chấp ngoại đạo cho mọi pháp là tự sinh tha sinh, tự tha sinh, thuận theo nghĩa pháp vô ngã của Bồ tát địa mà quán sát, ấy là thiền quán sát nghĩa. Sao

gọi là thiền phan duyên chân như ? Ấy là, nếu phân biệt có hai vô ngã tức là vọng niệm, nếu biết như thật thì niệm kia không khởi, ấy gọi là thiền phan duyên chân như. Sao gọi là Như lai thiền? ấy là pháp lạc tam muội khi vào Phật địa, an trú trong cảnh giới của Tự chứng thánh trí, vì chúng sinh mà làm các việc không thể nghĩ bàn. Bây giờ Thế Tôn lại nói bài tụng:

Thiền của hàng ngu phu

Thiền quán sát nghĩa tướng

Thiền phan duyên chân như

Thiền Như lai thanh tịnh

Kẻ tu hành trong định

Quán thấy bóng nhật nguyệt

Ba đầu ma thâm hiểm (padmapàtala)

Lửa hư không, tranh vẽ

Các hình tướng như thế

Liên sa pháp ngoại đạo

Lại đọa vào cảnh giới

Thanh văn, Bích chi Phật

Xa lìa tất cả đày

An trú vô sở duyên

Tức có thể thâm nhập

Tướng như như chân thật

Ở mười phương quốc độ

Vô lượng các đức Phật

Liên đưa tay quang minh

Mà xoa đầu người ấy.

Bấy giờ Đại huệ bạch Phật:

Bạch Thế Tôn ! Pháp Niết bàn mà chư Phật Như lai nói là những pháp gì?

Phật dạy:

Khi tập khí và tự tính của các thức cùng thói tà kiến của tạng thức, ý và ý thức được chuyển hoá, thì ta và chư Phật gọi đó là Niết bàn, tức là cảnh giới tính không của các pháp. Lại nữa này Đại huệ ! Niết bàn là cảnh giới của thánh trí tự chứng, xa lìa đoạn, thường, hữu, vô. Sao gọi là phi thường? Là lìa phân biệt tự tướng cộng tướng. Sao là phi đoạn? Vì đây là sở hành của hết thảy các bậc tự chứng thánh trí trong cả ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai. Lại nữa, Đại huệ ! đại Niết bàn không phải hoại không phải chết, nếu chết sẽ sinh lại, nếu hoại sẽ thành ra hữu vi. Cho nên Niết bàn không hoại không chết, đây là chỗ những bậc tu hành đạt đến. Lại nữa, Đại huệ, Niết bàn không xả, không đắc, không đoạn, không thường, không một, không khác, nên gọi là Niết bàn. Lại nữa, Đại huệ ! Thanh văn duyên giác biết rõ tự tướng cộng tướng, xa lìa huyên não, không sinh điên đảo, không khởi phân biệt, do đó liền sinh tướng là Niết bàn. Lại nữa, Đại huệ ! Có hai loại tướng của tự tính, ấy là : 1. Tướng chấp trước tự tính ngôn thuyết. 2. Tướng chấp trước tự tính các pháp. "Tướng chấp trước tự tính ngôn thuyết" là do chấp trước hý luận, và tập khí ngôn thuyết từ vô thỉ mà khởi lên; "Tướng chấp trước tự tính các pháp" là bởi không biết vạn pháp do tự tâm hiện, mà khởi lên. Lại nữa, này Đại huệ ! Chư Phật có hai thứ gia trì để nâng đỡ các Bồ tát, khiến các Bồ tát này đánh lễ chân Phật thỉnh hỏi các nghĩa lý. Hai thứ gia trì ấy là khiến cho Bồ tát nhập tam muội, và hiện thân trước Bồ tát đưa tay lấy nước cam lộ rưới đầu. Đại huệ ! Chư Bồ tát sơ địa nhờ chư Phật nâng đỡ mà nhập định "Đại thừa quang minh". Nhập định ấy xong, chư Phật mười phương đều hiện thân trước mặt nói lời ủy dụ, như trường hợp Bồ tát Kim Cương Tạng và các đại bồ tát khác, những vị đã thành tựu đức tướng. Đại huệ ! Những Bồ tát ấy nhờ Phật nâng đỡ mà nhập tam muội xong, lại nhờ thiện căn tích tụ từ trăm ngàn đời kiếp mà tuần tự tiến lên các địa, thông đạt được cái gì nên làm cái gì không nên (dịch theo Suzuki). Bồ tát ấy lên bực Pháp vân địa, ở trong cung điện đẹp hình hoa sen lớn, ngồi trên tòa báu, được các Bồ tát đồng hàng vây quanh. Đầu vị ấy đội mão ngọc, thân tỏa ánh sáng như ánh vàng ròng của hoa chiêm bặc, như mặt trăng tròn, chiếu hào

quang lớn. Chư Phật mười phương duỗi bàn tay hoa sen tới chỗ ngồi của những Bồ tát này mà rưới đầu với nước cam lộ. Như thái tử con vua chuyển luân nhờ được quán đánh mà được tự tại, những bồ tát này cũng thế. Ấy là hai thứ gia trì. Các đại Bồ tát nhờ hai thứ gia trì này mà diện kiến được hết thầy chư Phật. Nếu không nhờ gia trì thì không diện kiến được. Lại nữa, Đại huệ ! các Bồ tát mà nhập được tam muội, hiện thân thông nói pháp, tất cả ấy đều nhờ hai lực gia trì của chư Phật. Đại huệ ! Nếu Bồ tát là sự gia trì của Phật mà thuyết pháp được, thì phàm phu cũng có thể nói pháp. Đại huệ! Nơi Như lai đến, nhờ lực gia trì của Như lai mà hết thầy núi rừng, cỏ cây, thành quách, cung điện và các nhạc khí đều phô diễn pháp âm, hướng chỉ loài hữu tình. Những kẻ điếc, mù, câm, ngọng, đều được là khổ mà giải thoát. Đại huệ ! Năng lực gia trì của Như lai có những tác dụng rộng lớn như vậy.

Đại huệ Bồ tát bạch:

Vì sao Như lai phải dùng năng lực gia trì để khiến các Bồ tát nhập tam muội, và đạt các địa vị cao ?

Phật dạy:

Này Đại huệ ! Vì muốn khiến các Bồ tát xa lìa phiền não và nghiệp, khiến khỏi sa vào hàng thanh văn, khiến mau vào Như lai địa, khiến tăng trưởng các pháp đã chứng. Này Đại huệ! Nếu không có sự nâng đỡ của Như lai thì các bồ tát ấy sẽ sa vào ma cảnh của ngoại đạo, Thanh văn, không được Vô thượng bồ đề.

Đức Thế Tôn lại nói bài tụng:

Như lai nguyện thanh tịnh

Có lực gia trì lớn

Ở sơ địa, thập địa

Cho tam muội, rưới đầu.

Đại huệ Bồ tát lại bạch:

Bạch Thế Tôn! Nghĩa Duyên khởi Phật nói là, các pháp do có sự xúc tác mà sinh khởi, không phải tự sinh khởi. Ngoại đạo cũng nói Thắng tính, Tự tại (Isvara), Thời (kala), ngã, vi trần, sinh ra các pháp. Như vậy, đức Thế Tôn

chỉ dùng danh từ khác, chú ý nghĩa có khác gì thuyết ngoại đạo? Bạch Thế Tôn! Ngoại đạo nói do tác giả mà từ không sinh có, Thế Tôn cũng nói do nhân duyên mà hết thấy pháp vốn không nay sinh, sinh rồi hoàn diệt. Như chỗ Phật nói, vô minh duyên hành cho đến lão tử, thuyết này là thuyết không nhân, không phải thuyết hữu nhân. Theo như Thế tôn dạy: "Vì cái này có nên cái kia có," nếu đây là đồng thời tạo thành, không phải kế tục đối đãi nhau, thì nghĩa ấy không đúng. Cho nên thuyết của ngoại đạo hay hơn, không phải thuyết của Như lai hay hơn. Vì sao? Ngoại đạo nói nhân không do duyên sinh mà có sinh kết quả. Thế Tôn nói quả đối đãi với nhân, nhân lại đối đãi với nhân khác, xoay vần như thế, thành cái lỗi "vô cùng". Lại "Cái này có nên cái kia có" tức là không nhân.

Phật dạy:

Đại huệ ! Ta thấu rõ các pháp chỉ do tâm hiện, không năng thủ sở thủ, nên nói "Vì cái này có nên cái kia có", đây không phải là lỗi không nhân. Đại huệ ! Nếu không rõ các pháp đều do tâm hiện, cho là có năng thủ sở thủ, chấp trước cảnh ngoài hoặc có hoặc không, thì đây là lỗi của kẻ chấp, không phải thuyết duyên sinh của ta.

Đại huệ Bồ tát lại bạch:

Thế Tôn đã có ngôn thuyết tất phải có các pháp, nếu không có các pháp thì ngôn thuyết do đâu mà khởi?

Đại huệ ! Tuy không có pháp cũng có ngôn thuyết được. Vậy ông không thấy lông rùa sừng thỏ, con của thạch nữ v.v.. thế gian vẫn nói. Đại huệ ! Những pháp kia phi có phi không, mà cũng có ngôn thuyết vậy. Đại huệ ! Như chỗ ông nói, vì có ngôn thuyết nên có các pháp, luận ấy không thành. Đại huệ ! Không phải hết thấy các cõi Phật đều có ngôn thuyết, ngôn thuyết chỉ là giả lập. Đại huệ! Có cõi Phật trừng mắt mà khai thị pháp, hoặc ra dấu, hoặc nhượng mày, hoặc động con ngươi, hoặc mỉm cười, hoặc ngáp, hoặc tăng hấn, hoặc nhớ nghĩ, hoặc rùng mình... dùng những cách ấy mà khai thị pháp. Đại huệ ! Trong các cõi Phật, như cõi Bất thuận (animisa-lokadhatu), cõi Diệu hương (Gandhaskgandha-dhatu), cõi Phổ hiền (Samantabhadra), chỉ nhìn trừng, không chớp mắt mà khiến các Bồ tát được vô sinh pháp nhẫn (anutpattikadharmaksanti) cùng các tam muội thù thắng. Đại huệ ! Không phải do ngôn ngữ mà các pháp trong thế giới này có; ruồi, kiến v.v.. sâu bọ, tuy không ngôn thuyết mà vẫn thành tựu được các công việc của chúng.

Thế Tôn lại nói bài tụng:

Như sừng thỏ, hư không

Cùng con của Thạch nữ

Không có mà có lời

Pháp vọng chấp cũng vậy

Trong nhân duyên hòa hợp

Ngu phu vọng chấp sinh

Không khéo rõ như thật

Nên trôi lăn ba cõi.

Khi ấy Đại huệ Bồ tát lại bạch Phật:

Bạch Thế Tôn ! Thế Tôn dạy âm thanh là thường còn, do đâu mà nói như vậy? (Nityasatda)

Đại huệ ! Do nơi vọng pháp (bhranti) mà nói, vì các vọng chấp ấy Thánh nhân cũng có, nhưng Thánh nhân không điên đảo. Đại huệ, thí như bóng nắng, vòng lửa, tóc rũ, thành càn thất bà, mộng huyễn, bóng trong gương... Những người vô trí sinh giải thích điên đảo, người có trí thì không, nhưng không phải chúng không hiện. Đại huệ ! Khi vọng pháp hiện lên, có muôn sai ngàn biệt, nhưng không phải vô thường. Vì sao? Vì lìa hữu vô vậy. Sao là lìa hữu vô? Vì hết thấy ngu phu có đủ thứ sai biệt, như nước sông Hằng vừa được thấy vừa được không thấy: Ngạ quỷ không thấy nên không thể nói là có, những loài khác thấy, nên không thể nói là không. Bậc thánh đối các pháp hư vọng như thế xa lìa kiến chấp điên đảo. Đại huệ ! Vọng pháp là thường còn vì tướng nó không có sai biệt. Không phải các vọng pháp có tướng (sai biệt) mà vì phân biệt nên có sai khác. Bởi thế nên nói thể của vọng pháp là thường. Đại huệ ! Làm sao gọi là được chân thật của vọng pháp? Ấy là bậc thánh đối vọng pháp không khởi giác điên đảo, không điên đảo. Nếu có một ít lý tưởng nơi vọng pháp tất không phải là thánh trí, đấy là hí luận của ngu phu. Đại huệ ! Nếu phân biệt vọng pháp là điên đảo, không điên đảo, ấy là thành tựu hai thứ chủng tính : 1.Thánh chủng tính (aryagotra). 2. Phạm thiên chủng tính (Bàlaprthagjanagotra). Đại huệ! Thánh chủng tính lại có 3 : Thanh văn, duyên giác, Phật. Đại huệ ! Sao gọi là ngu phu phân biệt vọng pháp sinh ra chủng tính Thanh văn? Ấy là chấp tự tướng

cộng tướng. Đại huệ ! Sao lại nói ngu phu phân biệt vọng pháp mà thành chủng tính Duyên giác? Ấy là khi chấp trước tự tướng, cộng tướng, rồi xa lìa huyền não. Đại huệ ! Sao là người trí phân biệt vọng pháp mà được thành tựu chủng tính Phật thừa? Ấy là liễu đạt các pháp đều do tự tâm phân biệt, ngoài tâm không có pháp. Đại huệ ! Có những người ngu phân biệt các thứ sự vật của vọng pháp, rồi cả quyết thế này với không thế nọ, ấy là thành tựu chủng tính sinh tử. Đại huệ ! Các sự vật thuộc vọng pháp kia không phải thị vật cũng không phải phi vật. Đại huệ ! Những bậc trí, nhờ đã làm một cuộc cách mạng trong tâm, ý, thức, tập khí (tà ác), 3 tự tính, 3 pháp, nên nói các vọng pháp ấy tức là chân như. Cho nên nói chân như là tâm giải thoát. Ta nay khai thị rõ ràng nghĩa ấy; lìa phân biệt là lìa hết thấy các phân biệt.

Đại huệ Bồ tát bạch Phật:

Bạch Thế Tôn, cái vọng pháp nói đó là có hay không?

Vọng pháp ấy cũng như cái huyền vốn không có chấp trước, nếu nó có tướng chấp trước thì nó không thể chuyển được, và như vậy tức là lý duyên khởi không khác gì thuyết "tác giả sinh" của ngoại đạo.

Đại huệ lại nói:

Nếu các vọng pháp đồng với huyền, tất nó sẽ làm nhân cho những vọng pháp khác.

Phật dạy:

Đại huệ ! Không phải các huyền sự làm nhân cho vọng hoặc, vì các huyền không sinh ra cái lỗi lầm, vì các huyền sự không có tính phân biệt. Đại huệ ! Phạm huyền sự là do bùa chú của người mà sinh, không phải do tập khí lỗi lầm của phân biệt mà sinh. Cho nên huyền sự không sinh lỗi lầm. Đại huệ ! Những pháp mê lầm chỉ là chấp trước của tâm kẻ ngu, không phải pháp của bậc Thánh.

Bấy giờ Thế Tôn nói bài tụng :

Thánh không thấy vọng pháp

Trong đó cũng không thật

Vì vọng tức là chân

Trong ấy cũng chân thật

Nếu xa lìa vọng pháp

Mà có tướng sinh ra

Đấy lại tức là vọng

Như lò, chưa thanh tịnh.

Lại nữa, Đại huệ! Huyền không phải là không, vì nó tương tự với không huyền nên nói tất cả pháp đều như huyền.

Đại huệ nói:

Bạch Thế Tôn! Có phải do sự chấp trước các huyền tướng mà nói hết thảy pháp như huyền? Hay vì do nơi các tướng điên đảo của sự chấp trước ấy mà nói như huyền? Bạch Thế Tôn! Không phải hết thảy các pháp đều như huyền cả. Vì sao? Thấy các sắc tướng không có gì là không nhân. Bạch Thế Tôn, nếu hết thảy đều không do nhân mà hiện các sắc tướng, thì các tướng ấy mới như huyền. Vậy nên, bạch Thế Tôn, không thể nói do chấp trước các huyền tướng mà nói hết thảy pháp đều tương tự với huyền.

Phật dạy:

Đại huệ ! Không phải do chấp các huyền tướng mà nói hết thảy pháp như huyền. Đại huệ ! Vì hết thảy pháp không thật, mau diệt như làn chớp nên nói là như huyền. Đại huệ ! Thí như làn chớp vừa thấy đã mất, phàm phu ở thế gian đều thấy, cũng thế, tất cả pháp đều do tự tâm phân biệt tự tướng cộng tướng mà ra, vì không biết quán sát thật ra không có gì, mà lại vọng chấp các sắc tướng.

Khi ấy Thế Tôn nói bài tụng:

Hư huyền, không tương tự

Cũng không có các pháp

Không thật, mau như chớp

Nên biết là như huyền.

Bồ tát Đại huệ lại bạch:

Bạch Thế Tôn, như Phật nói trước kia, hết thấy pháp đều không sinh. Nay lại nói như huyễn, có phải là trước sau nói có mâu thuẫn nhau chăng?

Đại huệ ! Không mâu thuẫn, vì sao? Ta biết rõ chỗ sinh chính là vô sinh, chỉ vì tự tâm thấy ra như thế. Tất cả pháp ngoài hoặc có hoặc không đều thấy là vô sinh, vì chúng vốn không sinh. Đại huệ ! Vì muốn xa lìa thuyết do nhân sinh của ngoại đạo nên ta nói các pháp không sinh. Đại huệ! Ngoại đạo thì nhau chấn hưng tà kiến, nói do có, không, sinh ra các pháp, không cho là do chính sự chấp trước phân biệt của mình. Đại huệ ! ta nói các pháp không có, vô sinh, nên gọi là vô sinh. Đại huệ ! Khi nói các pháp có là vì muốn khiến các đệ tử biết do nghiệp có sinh tử để ngăn ngừa đoạn kiến (cho rằng không có gì cả). Đại huệ! Như lai nói các tướng như huyễn là để khiến lìa chấp cho rằng các tướng có tự tính, vì phạm phu sa đọa vào ác kiến tham dục, không rõ các pháp đều do tự tâm hiện. Vì muốn chúng lìa chấp trước vào các tướng do nhân duyên sinh khởi, nên nói các pháp như huyễn như mộng. Các người ngu chấp trước ác kiến, lừa dối mình, người, không thể thấy rõ chỗ như thật trú (yathabhùtāvasthàna) của hết thấy pháp. Đại huệ ! Thấy chỗ như thật trú của hết thấy pháp nghĩa là hiểu rõ "do tâm hiện".

Bấy giờ Thế Tôn nói bài tụng:

Không tác nên không sinh

Có pháp có sinh tử

Hiểu rõ thấy đều huyễn

Đôi tướng, không phân biệt.

Lại này Đại huệ ! Nay ta sẽ nói tướng trạng của danh, cú, văn. Các Bồ tát quán tướng ấy, hiểu rõ nghĩa, sẽ mau thành tựu vô thượng bồ đề, lại có thể khai ngộ cho hết thấy chúng sinh. Đại huệ! Danh thân là gì ? Ấy là do sự đặt tên, tên tức là thân, nên gọi là danh thân. Cú thân có khả năng làm rõ nghĩa quyết định rõ ràng. Văn thân là từ đó mà thành tên gọi và câu văn. Lại này Đại huệ ! Cú thân là sự đầy đủ ý nghĩa diễn đạt trong một câu. Danh thân là tên của các chữ khác nhau, như từ chữ a đến chữ ha (Akāra - Hakāra). Văn thân là dài ngắn cao thấp. Lại, cú thân là như dấu chân người, súc vật v.v.. để lại trên ngã tư đường, danh là thuộc vào 4 uẩn vô hình nên dùng tên gọi.

Văn là tự tướng của danh, vì nhờ văn mà rõ. Ấy là thân của danh, cú văn. Ông hãy tu tập tướng của danh cú văn ấy.

Rồi Thế Tôn nói bài kệ:

Thân của chữ và câu

Cùng thân vẫn sai khác

Phàm ngu chấp vào đây

Như voi sa bùn sâu.

Lại nữa, Đại huệ ! Trong đời vị lai có những hạng tà trí theo lối ngu ác, lìa pháp như thật, vì thấy các tướng một, khác, cùng, không cùng. Khi được người trí hỏi thì họ đáp: "Hỏi thế này không đúng: sắc v.v.. và vô thường là một hay khác?" Cũng thế, Niết bàn và các uẩn (skandhas), tướng, sở tướng, y, sở y, tạo, sở tạo, kiến, sở kiến, đất, vi trần, trí và kẻ trí... là một hay khác? Các câu hỏi như thế về những tướng sai khác của hiện hữu nối tiếp nhau dựa từ vấn đề này đến vấn đề khác không cùng tận. Những người bị hỏi về những vấn đề không thể nói như thế, sẽ trả lời rằng đức Như lai đã gạt qua một bên những vấn đề đó, cho là bất khả thuyết. Tuy nhiên, những người mê lầm kia không thể hiểu ý nghĩa những gì họ nghe (từ Phật) vì họ thiếu trí giác. Các đức Như lai chính đẳng giác không giải thích những việc ấy cho tất cả, bởi vì muốn cho chúng khỏi kinh sợ. Đại huệ ! không nói những điều bất thuyết (vyàhritani) là vì muốn cho những người ngoại đạo ra khỏi tà kiến về "Tác giả" . Đại huệ ! ngoại đạo chấp có tác giả, bảo rằng "Mạng với thân là một hay khác ?" Những lời như vậy gọi là lời vô ký (avyàktravàda). Các việc không thể diễn đạt mà ngoại đạo nói không phải là giáo lý ta, lìa năng thủ sở thủ, không khỏi phân biệt. Sao có sự gạt sang một bên? Nay Đại huệ ! Nếu có chấp năng thủ sở thủ, tức không hiểu mọi vật đều do tự tâm thấy, nên gạt sang một bên. Đại huệ ! Chư Phật Như lai dùng 4 ký luận để nói pháp cho chúng sinh. Đại huệ ! Có những luận ta sẽ nói vào một thời khác, vì căn cơ chúng sinh chưa thuần thực nên chưa nói.

Lại này Đại huệ ! Vì sao hết thấy pháp không sinh? Vì lìa năng tác sở tác, không có tác giả. Vì sao hết thấy pháp không tự tính? Vì bậc thánh (chứng trí) quán tự tướng và cộng tướng đều không thể có. Vì sao hết thấy pháp không đến, đi ? Vì các tự tướng cộng tướng không từ đâu đến cũng không đi đến đâu. Sao lại hết thấy pháp không diệt? Vì hết thấy pháp không tính, tướng, bất khả đắc. Vì sao nói hết thấy pháp vô thường? Vì các tướng khởi

lên đều có đặc tính vô thường. Vì sao nói hết thầy pháp thường? Vì các tướng khởi tức không khởi, không có gì cả. Cái tính vô thường vốn thường nên ta nói hết thầy pháp thường." Rồi Thế Tôn nói bài tụng :

Nhất hướng và phản vấn

Phân biệt cùng đáp thẳng

Bốn cách nói như thế

Phá phục các ngoại đạo

Số luận và thắng luận

Nói sinh từ có, không

Các thứ thuyết như vậy

Tất cả đều vô ký

Vì khi trí quán sát

Thê tính chúng không có

Bất khả thuyết như vậy

Nên nói không tự tính.

Khi ấy Bồ tát Đại huệ bạch:

Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn vì con nói về bậc Tu đà hoàn và những đặc tính của quả vị ấy. Con và các Bồ tát đại hữu tình nhờ nghe nghĩa ấy sẽ biết rõ các phương tiện để chứng những quả vị Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm, A la hán. Biết nghĩa ấy rồi con sẽ diễn nói lại cho chúng sinh, khiến chúng chứng được hai vô ngã, trừ sạch hai chướng ngại, dần thông đạt đặc tính các địa, được cảnh giới trí tuệ không thể nghĩ bàn của Như lai, như ngọc ma ni nhiều màu, khiến khắp chúng sinh đều được lợi ích.

Phật dạy:

Đại huệ ! Hãy lắng nghe, ta sẽ nói.

Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Đại huệ ! Bạc Tu đà hoàn, và Tư đà hàm có 3 cấp bậc khác nhau, là hạ, trung, thượng. Bậc hạ là còn sinh lại trong các cõi bảy lần, bậc trung còn sinh ba lần, năm lần, bậc thượng thì ngay đời này đã nhập Niết bàn. Đại huệ ! Ba hạng người ấy đã cắt đứt 3 món kết sử (Samyojana) là thân kiến (sathàyadrsti) nghi (Vicikitsà), giới cấm thủ (silavratapasà mar'sa), lần lần tiến lên đắc quả A la hán. Đại huệ ! Thân kiến có hai loại, ấy là câu sinh và phân biệt. Phân biệt thân kiến là, như do duyên khởi có vọng chấp về ba cõi. Đại huệ! Thí như do tính duyên khởi mà sinh các chấp trước vào vọng kế (tưởng tượng sai lầm). Các pháp ấy chỉ là tướng do phân biệt sai lầm sinh ra, chúng lìa hữu và vô, cũng không phải là cũng có cũng không. Kẻ phàm phu ngu si chấp cần, như con thú khát tưởng tượng ra nước. Đại huệ ! Đây là kiến chấp về một cái ngã riêng biệt mà do không có trí tuệ, vị ấy đã tích tập từ lâu đời, đến khi thấy được nhân vô ngã thì xa lìa được. Đại huệ ! Câu sinh thân kiến là quan sát khắp thân mình và thân người, các tướng uẩn vô sắc như thọ, tưởng v.v.. và sắc do tứ đại tạo, các đại ấy làm nhân cho nhau, nên không có cái gọi là sắc uẩn (theo Suzuki trang 102) quán như vậy rồi thấy rõ quan niệm hữu, vô là một quan niệm phiến diện về chân lý, liền xa lìa hữu vô. Vì đã xả thân kiến nên không sinh tham dục. Đó gọi là tướng thân kiến. Đại huệ ! Nghi tướng là khi rõ thấy tướng các pháp sở chứng, và khi hai kiến chấp và phân biệt thân nói trên đã đoạn trừ, thì không còn sinh hoài nghi gì đối với chính pháp của Phật, lại cũng không có ý tưởng theo một bậc thầy nào khác vì (phân biệt) tịnh, bất tịnh. Đây gọi là nghi tướng (mà bậc Dự lưu từ bỏ được.) Đại huệ ! Vì sao Tu đà hoàn không giữ giới cấm? Vì đã thấy rõ tướng khổ của mọi chỗ thọ sinh, cho nên không giữ. Giữ giới là vì kẻ phàm phu ngu tham trước dục lạc thế tục ở trong các cõi cho nên mới khổ hạnh giữ giới nguyện sinh vào các cõi vui. Bạc tu đà hoàn không giữ tướng ấy, chỉ vì cầu chứng được pháp vô lậu, vô phân biệt, rất thù thắng mà tu hành các giới phẩm. Ấy gọi là tướng giới cấm thủ. Đại huệ ! Bạc Tu đà hoàn xả ba kết nên lìa tham sân si. Đại huệ Bồ tát bạch:

Tham có nhiều món. Xả những món tham nào?

Đại huệ ! Xả các tham dục triền miên về nữ sắc, vì thấy rõ cái vui hiện tại sẽ sinh các khổ về sau, lại vì đã được pháp lạc tam muội thù thắng, nên xả cái tham ấy, không phải xả cái tham Niết bàn. Đại huệ ! Sao gọi là quả Tư đà hàm? Ấy là vì không rõ tướng của sắc, khởi phân biệt về sắc, khi sinh trở lại một lần trong đời, khéo tu các thiền định, dứt các khổ mà thực hiện Niết bàn. Ấy gọi là Tư đà hàm. Đại huệ ! Sao gọi là quả A na hàm? Ấy là cũng thấy

hữu, vô của các sắc tướng quá khứ, hiện tại, vị lai, nhưng các phân biệt lỗi lầm không do mắt mà khởi, vĩnh viễn xa lìa các ràng buộc, không trở lại, ấy gọi là A na hàm. Đại huệ ! A la hán ấy là, đã thành tựu tất cả thiên tam muội, giải thoát, các lực, thần thông, đã dứt trừ vĩnh viễn các phiền não, khổ, phân biệt, ấy gọi là A la hán.

Đại huệ bạch:

Bạch Thế Tôn! A la hán có 3 hạng là: Một mực cầu tịch, thối nguyện bồ đề, do Phật biến hóa. Đây Phật muốn dạy A la hán nào?

Đại huệ ! Đây nói về hạng A la hán cầu tịch diệt, không phải hai hạng kia. Nay Đại huệ ! Hai hạng kia là những người đã phát nguyện thực hành phương tiện thiện xảo và những người muốn trang nghiêm hội chúng của Phật mà hóa sinh. Nay Đại huệ ! Họ ở chỗ hư dối mà nói các pháp, nghĩa là họ đã lìa các việc như chứng quả, thiên, thiên giả cùng các các bậc thiên, và vì biết rằng thế giới này không gì khác hơn là do tâm thấy, họ giảng về quả đạt được (cho tất cả chúng sinh). Nay Đại huệ ! Nếu Tu đà hoàn nghĩ thế này:" Ta đã lìa các trói buộc", như vậy tức có hai lỗi, lỗi sa vào ngã kiến, và lỗi không đoạn các trói buộc. Lại nữa, nay Đại huệ ! Nếu vượt khỏi các bậc thiên, các món vô lượng và vô sắc giới, thì hãy xa lìa các tướng do tự tâm thấy. Đại huệ ! Diệt tướng định và diệt thọ định không thể siêu việt được cảnh do tự tâm thấy, vì vẫn chưa lìa được tự tâm vậy.

Thế Tôn lại nói bài tụng:

Các thiên cùng vô lượng

Vô sắc tam ma đề

Cùng định diệt tướng thọ

Ngoài tâm không thể có

Quả Dự lưu, Nhất lai

Bất hoàn, A la hán

Các thánh nhân như thế

Đều nương cọng tâm có

Thiền giả duyên nơi thiền

Dứt hoặc, thấy chân thường

Đầy đều là vọng tưởng

Biết rõ tất giải thoát.

Lại này Đại huệ ! Có 2 món giác trí, ấy là :

1. Trí quán sát (pravicyayabdyhi) và 2. Trí thủ tướng phân biệt chấp trước kiến lập (vikalpalaksanagràhàbhinive'sapratisthàpika-budhi) Trí quán sát là quán hết thấy pháp lìa bốn câu, bất khả đắc. Bốn câu là gì? Ấy là một khác, câu bất câu, hữu vô, thường vô thường. Lìa bốn trường hợp ấy về các pháp gọi là lìa hết thấy pháp. Đại huệ ! Ông nên tu học quán các pháp như thế. Sao gọi là trí thủ tướng phân biệt chấp trước kiến lập? Ấy là đối với các đại cứng, ẩm, ẩm, động, bám giữ tướng, chấp trước hư không, vọng phân biệt, dùng tôn, nhân, dụ (pratijna-hetu-drstanta) mà vọng cho là có, ấy là trí thủ tướng phân biệt chấp trước kiến lập. Đây là hai món tướng giác trí. Bậc Bồ tát đại hữu tình biết các tướng ấy của trí, liền có thể thông đạt nhân pháp đều vô ngã, dùng trí vô tướng khéo quán sát các địa, giải và thành, nhập vào sơ địa, được 100 thứ định, dùng tam muội thù thắng thấy được trăm Phật trăm Bồ tát, biết các chuyện trước và sau 100 kiếp, hào quang chiếu sáng 100 cõi Phật, khéo rõ biết tướng của các địa vị cao tốt, dùng nguyện lực thù thắng mà biến hiện tự tại, đến cõi Pháp vân, được Phật quán đánh, vào các cõi Phật theo 10 nguyện vô tận mà giáo hóa chúng sinh được thành tựu, làm các sự ứng hiện không ngừng, mà vẫn thường an trú trong pháp lạc tam muội thù thắng của cảnh giới Thánh trí tự chứng. Lại nữa, Đại huệ ! Bồ tát đại hữu tình nên rõ biết các sắc do tứ đại tạo. Rõ biết thế nào? Đại huệ ! Bồ tát đại hữu tình nên quán thế này: Các đại chủng kia thật ra vốn không sinh, vì ba cõi chỉ là phân biệt, chỉ có tâm hiện, không có ngoại vật. Quán sát như thế liền xa lìa tính của các sắc do tứ đại tạo, vượt ngoài tứ cú, lìa ngã, ngã sở, an trú chỗ như thật, thành tựu tướng vô sinh. Đại huệ ! các đại chủng kia làm sao tạo sắc? Đại huệ ! Ấy là đại chủng do hư vọng phân biệt cho là ướt, nảy sinh ra nước bên trong và bên ngoài, đại chủng được phân biệt là mãnh liệt sinh ra lửa bên trong và ngoài, đại chủng phân biệt là động sinh ra gió trong và ngoài, đại chủng được cho là phân đoạn các hình sắc sinh ra đất và không gian bên trong và ngoài. Lìa hư không, do chấp trước các tà đế nên có sự nhóm họp của năm uẩn, sinh ra các đại chủng và các sắc do đại chủng tạo. Đại huệ ! Thực là do sự chấp trước cảnh giới và ngôn thuyết làm nhân khởi,

ở các cõi tiếp nối thọ sinh. Đại huệ ! Các đại tạo sắc v.v.. (được cho là) có các đại chủng làm nhân, tuy nhiên những đại chủng này là phi hữu. Bởi vì, Đại huệ ! Về những vật có hình tướng, chỗ ở, tác dụng, v.v.. người ta có thể nói chúng do sự phối hợp của nhiều phần tử sinh quả khác nhau, nhưng về những sự vật không hình tướng đặc biệt thì không thể nói. Bởi lẽ ấy Đại huệ, những đại chủng và sở tạo sắc đều là phân biệt của ngoại đạo, không phải thuyết của ta. Lại nữa, Đại huệ ! Nay ta sẽ nói thể tướng của năm uẩn là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Đại huệ ! Sắc là 4 đại và sở tạo sắc. Những thứ này tướng đều khác nhau. Thọ v.v.. không có sắc. Đại huệ ! Nhưng các uẩn vô sắc không thể đếm được có bốn, vì nó như hư không. Đại huệ, ví như hư không vượt ngoài số đếm và tướng, nhưng do phân biệt mà nói đây là hư không, các uẩn vô sắc cũng thế, lia số đếm và tướng, lia hữu, vô v.v.. bốn cú. Số đếm là do phàm phu nói, không phải thánh giả. Các bậc thánh chỉ nói như huyễn làm ra, giả lập, lia khác và không khác, như mộng với bóng, không có tướng riêng biệt. Vì không hiểu cảnh giới của thánh trí nên thấy có các uẩn phân biệt trước mắt, ấy là tướng tự tính của các uẩn. Đại huệ ! những phân biệt như vậy ông nên xa lia, xa lia đó rồi liền nói các pháp tịch diệt thanh tịnh, được pháp vô ngã, nhập "viễn hành địa" (dùramyamà), thành tựu vô lượng tam muội tự tại, được thân "ý sinh", các định như huyễn, các lực thần thông tự tại đều đầy đủ, như đất lớn lợi ích khắp quần sinh. Lại này Đại huệ ! Niết bàn có 4 thứ. Bốn thứ ấy là gì? ấy là

Niết bàn các pháp tự tính vô tính (Bhàvasvabhàvabhàvanirvana)

Niết bàn các tướng tính vô tính (Laksanavicitrabhàvabhàvanirvana),

Niết bàn giác tự tướng tính vô tính (Svalaksanabhàvabhàvabodhanirvana)

Niết bàn đoạn tự tướng cộng tướng các uẩn.

(skandhànàmsvasàmànyalaksanasamtatiprabandhabyucchedanirvana)

Đại huệ ! Bốn thứ Niết bàn này là nghĩa của ngoại đạo, không phải do ta nói. Đại huệ ! Điều ta nói là, các thức phân biệt nóng v.v... diệt gọi là Niết bàn.

Đại huệ Bồ tát bạch:

Bạch Thế Tôn ! Vậy chớ Thế Tôn không lập có 8 thức đây hay sao?

Ta có lập.

Nếu đã lập thì sao chỉ nói ý thức diệt mà không nói 7 thức kia diệt?

Đại huệ ! Do ý thức làm nhân cùng các sở duyên mà sinh 7 thức kia. Đại huệ ! Khi ý thức phân biệt khởi chấp trước, liền sinh các tập khí nuôi dưỡng tạng thức. Mạt na thức cùng ngã, ngã sở mà nó chấp trước tính toán đều nương tạng thức mà có, không có thể tương riêng biệt. Tạng thức làm nhân và duyên cho nó, chấp trước các cảnh giới do tự tâm hiện, nên toàn thể hệ thống tâm thức đắp đổi làm nhân lẫn nhau. Đại huệ ! Thí như sóng biển, cảnh do tự tâm hiện cũng bị ngọn gió cảnh giới thổi mà có ra sinh diệt. Bởi thế, khi ý thức diệt thì bảy thức kia cũng diệt. Bây giờ Thế Tôn nói bài tụng:

Ta không chấp tự tính

Cùng các tướng đã làm

Hết phân biệt cảnh giới

Thế gọi là Niết bàn

Ý thức nhân của tâm

Tâm làm nhân, sở duyên

Cho cảnh giới của ý

Các thức từ đó sinh

Như thác nước tuôn chảy

Sóng lớn tất không khởi

Cũng thế ý thức diệt

Thì các thức không sinh.

Lại nữa, Đại huệ ! Ta sẽ nói tướng sai biệt của tự tính vọng kế (parikalpitasvabhāvaprabhedanyalaksana) khiến ông và các Bồ tát biết nghĩa ấy mà vượt ngoài các vọng tưởng, chứng cảnh giới của Thánh trí, biết được các pháp ngoại đạo, xa lìa phân biệt năng thủ sở thủ, đối các tướng y tha khởi (paratantra), không còn sinh bám víu vọng chấp. Đại huệ ! Sao gọi là những tướng sai biệt của vọng kế? Ấy là phân biệt ngôn thuyết (abhilāpavikalpa), phân biệt sở thuyết (abhidheyavikalpa) phân biệt tướng

(laksanavikalpa, phân biệt tài, phân biệt tự tính (svabhàva) phân biệt nhân (hetu), phân biệt kiến (drsti), phân biệt lý (yukti), phân biệt sinh (utpàda), phân biệt bất sinh (anutpàda), phân biệt tương thuộc (sambandha), phân biệt phược giải (bandhàbandha). Đại huệ ! Ấy là các tướng sai biệt của vọng kế. Sao là phân biệt ngôn thuyết? Ấy là chấp trước các tiếng lời hay đẹp. Sao là phân biệt ý nghĩa? Là chấp rằng thật có những sự vật như đã được nói ra cho rằng đây là cảnh mà thánh trí đã chứng và theo đó mà nói, ấy là phân biệt sở thuyết (ý nghĩa). Sao gọi là phân biệt tướng? Ấy là chấp vào các sự vật đã được diễn đạt, như con thú khát tưởng tượng ra nước, phân biệt các tướng cứng, ẩm, ấm, động. Ấy là phân biệt tướng. Sao gọi là phân biệt tài? Là bám giữ các thứ tiền tài vàng bạc v.v.. các thứ báu vật, mà nói ra ngôn thuyết. Sao là phân biệt tự tính? Ấy là dùng ác kiến mà phân biệt như thế này: đây là tự tính, nhất định không phải những cái khác. Sao gọi là phân biệt nhân? Là đối với nhân duyên, khởi phân biệt có không. Sao là phân biệt kiến? Ấy là sự chấp trước ác kiến của ngoại đạo, chấp có không, khác không khác, cùng không cùng v.v.. Sao là phân biệt lý? Ấy là chấp có tướng ngã, ngã sở mà sinh ngôn thuyết. Sao là phân biệt sinh? Ấy là kể các pháp hoặc có hoặc không do nhân duyên mà sinh. Sao là phân biệt bất sinh? Ấy là chấp rằng tất cả bản lai không sinh. Sao gọi là phân biệt tương thuộc? Ấy là đây và đó y cứ vào nhau, hỗ tương hệ thuộc, như vàng và dây vàng. Sao là phân biệt phược giải? Ấy là chấp do có cái trói buộc mà có cái bị trói buộc, như dùng sợi dây mà cột rồi lại mở. Ấy là phân biệt trói mở. Đại huệ ! đây là những tướng sai biệt của vọng kế, hết thấy phàm ngu đều chấp trước vào đó hoặc chấp có hoặc chấp không. Đại huệ, ở nơi pháp duyên khởi chấp các tự tính vọng kế, như thấy những huyễn vật khác nhau mà phân biệt vật này huyễn vật kia khác với huyễn (Suzuki 112). Đại huệ ! Huyễn và các vật không phải một cũng không phải khác. Nếu khác thì huyễn không làm nhân cho các sự vật. Nếu là một thì huyễn và các vật đáng lẽ không khác nhau, nhưng vì có khác nên biết không phải là một. Đại huệ ! Ông và các Bồ tát không nên do huyễn mà sinh chấp trước hữu vô. Bây giờ Thế tôn lại nói bài tụng:

Tâm bị cảnh trói buộc

Do đó có giác tướng

Nơi vô tướng cao thượng

Trí tuệ bình đẳng sinh

Theo vọng kế thì có

Theo duyên khởi tất không
Vọng kế tức mê hoặc
Duyên khởi lìa phân biệt
Các thứ phân biệt sinh
Đều huyễn, không thành tựu
Các tướng trạng chỉ hiện
Vọng phân biệt, không chân
Các tướng ấy là lỗi
Do tâm trói buộc sinh
Kẻ vọng chấp không hiểu
Phân biệt pháp duyên khởi
Các tính vọng kế ấy
Đều tức là duyên khởi
Vọng kế có nhiều loại
Trong duyên khởi phân biệt
Thế tục, đê nhất nghĩa
Thứ ba không nhân sinh
Vọng kế là thế tục
Dứt vọng tức thánh cảnh
Như kẻ tu quán hạnh
Nơi một, hiện các tướng

Kỳ thật không có gì
Tướng vọng kể cũng vậy
Như mắt bị đau màn
Vọng tưởng thấy các màu
Màu không sắc phi sắc
Không hiểu duyên khởi vậy
Như vàng lìa cầu bản
Như nước lìa bùn dơ
Như hư không không mây
Sạch vọng tưởng cũng thế
Vọng chấp vốn là không
Theo duyên khởi thì có
Kiến lập và bác bỏ
Đều do phân biệt sinh
Nếu không tính vọng kể
Mà có các duyên khởi
Không pháp mà có pháp
Pháp có từ không sinh
do nhân nơi vọng kể
Mà có các duyên khởi
Tướng, nên thường theo nhau

Mà sinh ra vọng kế
Vì duyên khởi nương vọng
Rốt ráo không thật có
Khi thanh tịnh hiển bày
Gọi là đệ nhất nghĩa
Vọng kế có mười hai
Duyên khởi có sáu thứ
Cảnh tự chứng chân như
thì không có sai biệt
Chân lý là năm pháp
Cùng với ba tự tính
Người tu hành quán đây
Không làm trái chân như
Do nơi tướng duyên khởi
Vọng chấp các thứ danh
Tướng các vọng kế kia
Có ra từ duyên khởi
Trí tuệ khéo quán sát
Không duyên, không vọng kế
Trong chân như không vật
Làm sao phân biệt sinh

Trí viên thành nếu có
Tất phải lìa hữu vô
Đã xa lìa hữu vô
Làm sao có hai tính
Vọng kế thành hai tính
Hai tính do an lập
Phân biệt thấy các tướng
Thanh tịnh là thánh hạnh
Các tướng của vọng kế
Trong duyên khởi phân biệt
Nếu phân biệt khác thế
Là sa luận ngoại đạo
Vì cái thấy sai lầm
Vọng chấp vào cảnh vọng
Lìa hai thứ chấp ấy
Gọi là pháp chân thật.

Đại huệ Bồ tát bạch Phật:

Bạch Thế Tôn xin vì con nói các hành tướng tự chứng thánh trí và hành tướng của Nhất thừa, con và các Bồ tát được hiểu rõ chỗ ấy sẽ không còn tùy kể khác mà giác ngộ.

Phật dạy:

Ông hãy nghe kỹ, ta sẽ nói cho.

Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Đại huệ ! Bồ tát đại hữu tình y nơi thánh giáo, không phân biệt, nên ở một mình chỗ vắng lặng tu quán nội tâm, không do kẻ khác mà ngộ, lìa kiến phân biệt, dần tiến lên Phật địa, tu hạnh như thế gọi là hành tướng của Tự chứng thánh trí. Sao gọi là hành tướng của nhất thừa? Ấy là chứng được đạo Nhất thừa vậy. Sao gọi là biết đạo nhất thừa? Là lìa phân biệt năng thủ sở thủ, an trú trong như thật. Đại huệ ! Đạo nhất thừa này ngoài Như lai, ngoài đạo, nhị thừa, phạm vương v.v.. không thể đạt đến.

Bạch Thế Tôn ! Vì sao nói có 3 thừa mà không nói một thừa?

Đại huệ ! Vì thanh văn, duyên giác không có pháp để tự Niết bàn, nên ta không nói một thừa, vì những kẻ kia thường nương theo lời Như lai dạy mà hàng phục, xa lìa, nhờ tu hành như vậy mà được giải thoát, không phải tự chứng đắc. Lại những người kia chưa thể trừ được chướng ngại của trí và tập khí của nghiệp, chưa giác ngộ được pháp vô ngã, chưa thoát khỏi bất tư nghì biến dị tử, cho nên ta nói có 3 thừa. Nếu những kẻ kia hay trừ được hết các tập khí lỗi lầm, giác ngộ pháp vô ngã, liền xa lìa sự mê say trong định để giác ngộ cảnh giới vô lậu, ở trong các cảnh giới vô lậu cao thượng xuất thế gian mà tu các công đức, đầy đủ các phương tiện, được pháp thân tự tại không thể nghĩ bàn.

Bây giờ Thế Tôn nói bài tụng:

Thiên thừa cùng phạm thừa

Thanh văn, Duyên giác thừa

Chư Phật Như lai thừa

Các thừa mà ta nói

Nếu còn chứa tâm khởi

Các thừa chưa rốt ráo

Khi tâm "bị chuyển" diệt

Không có thừa, thừa giả

(xe và người ngồi xe)
Không có thừa độc lập
Nên ta gọi nhất thừa
Vì nhiếp phục kẻ ngu
Nói các thừa sai biệt
Giải thoát có ba thứ
Là lìa các phiền não
Cùng với pháp vô ngã
Trí bình đẳng giải thoát.
Thí như gỗ trong nước
Theo làn sóng bỗng bênh
Tâm Thanh văn cũng thế
Bị gió tương thổi động
Tuy hết khởi phiền não
Tập khí kia vẫn chuyển
Say vì rượu tam muội
Chấp trước cảnh vô lậu
Không phải đường cứu cánh
Lại cũng không thôi chuyển
Được thân tam muội rồi
Hết kiếp vẫn chưa tỉnh

Như người say bí tử

Nhả rượu liền tỉnh ngộ

Thanh văn cũng như vậy

Giác rồi sẽ thành Phật.

---o0o---

QUYỂN BỐN

CHƯƠNG III - VÔ THƯỜNG (anīyatīparivatro Māmatrīyah)

Tiết I

Bấy giờ Phật bảo Đại huệ Bồ tát đại hữu tình:

Nay ta sẽ vì ông nói các tướng sai biệt của thân do ý sinh. Ông hãy nghe kỹ, khéo suy nghĩ.

Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Này Đại huệ ! Thân do ý sinh có 3 loại, ấy là: 1. Nhập tam muội ý sinh thân là thân do nhập pháp lạc tam muội mà thành. 2. Giác pháp tự tính ý sinh thân, là thân do biết rõ tự tính các pháp mà thành. 3. Chủng loại câu sinh vô tác hành ý sinh thân, là thân sinh ra theo đủ các loài nhưng không có tác hành. Các bậc tu hành nhập sơ địa rồi dần chứng được các thân ấy. Đại huệ ! Sao gọi là thân do nhập pháp lạc tam muội thành? Ấy là , ở các địa thứ 3, 4, 5, không tam muội lìa hết thấy phân biệt, tâm tịch nhiên bất động, biên tâm không khởi sóng chuyển thức, hiểu rõ các cảnh tượng đều do tâm hiện, thật ra không có gì, ấy là thân do nhập pháp lạc tam muội mà sinh. Sao là thân "Giác pháp tự tính"? Ấy là ở địa thứ 8 liễu tri các pháp như huyễn, không tướng, tâm chuyển các thức sở y, an trú định như huyễn và các định khác, có thể hiện vô lượng thần thông tự tại, như hoa nở, mau như ý khởi, như huyễn như mộng như bóng như hình, không phải do tứ đại tạo mà giống như do tứ đại tạo, các sắc tướng trang nghiêm đầy đủ, vào khắp các cõi Phật, hiểu rõ tự tính các pháp, ấy cũng là thân do giác ngộ tự tính các pháp mà sinh. Sao gọi là thân "chủng loại câu sinh vô tác hành"? Ấy là hiểu rõ tướng các pháp do chư Phật chứng đắc. Đại huệ ! Ông nên siêng quán sát ba loại thân ấy. Bấy giờ Thế Tôn lại nói bài tụng:

Đại thừa ta không thừa

Không tiếng cũng không lời

Không chân lý, giải thoát

Cũng không cảnh, vô tướng

Nhưng thừa ma ha diễn

Tam ma đề tự tại

Các loại thân ý sinh

Hoa tự tại trang nghiêm.

Đại huệ lại bạch Phật:

Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn nói có năm nghiệp vô gián (pancānantanya). Năm nghiệp ấy là gì, mà nếu làm thì đọa liền vào A tỳ địa ngục?

Ông hãy nghe, ta sẽ nói cho.

Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Năm tội vô gián là: giết mẹ, giết cha, giết A la hán, phá hòa hiệp tăng, ôm lòng ác độc gây đổ máu thân Phật. Đại huệ ! Sao gọi là mẹ chúng sinh? Ấy là ái dục đưa đến sinh sản cùng ham vui v.v.. đều như mẹ nuôi dưỡng tất cả. Cha là gì? Là vô minh khiến sinh vào sáu xóm làng (dục giới); cắt đứt hai cội gốc ấy gọi là giết cha mẹ. Sao là giết A la hán? Ấy là các tùy miên xem như kẻ thù, như độc của chuột sinh, tận diệt chúng gọi là giết A la hán. Sao là phá hòa hiệp tăng? Là các tướng khác nhau của các uẩn nhóm họp, đoạn trừ chúng gọi là phá hòa hiệp tăng. Sao gọi là ác tâm gây đổ máu thân Phật? Là thân 8 thức vọng sinh tư duy hiểu biết, thấy có tự tướng cộng tướng ngoài tâm, dùng tâm vô lậu, ba giải thoát mà diệt trừ thân Phật 8 thức, ấy gọi là ác tâm đổ máu thân Phật. Đại huệ! ấy là năm tội vô gián bên trong, nếu có người làm, liền có sự vô gián của hiện chứng thật pháp. Lại nữa, Đại huệ này ! Ta sẽ nói cho ông năm tội vô gián ở ngoài, khiến ông và các Bồ tát nghe xong đời sau không sinh nghi hoặc. Sao gọi là năm vô gián ở ngoài? Là nghe các tội vô gián nói trong các kinh khác, nếu có tác giả, thì không thể hiện chứng được ba giải thoát, chỉ trừ Như lai, các đại Bồ tát và đại thanh

văn. Thấy những người tạo nghiệp vô gián, vì muốn khiến họ sửa lỗi nên dùng thần thông chỉ ra các việc đồng như vậy. Những kẻ kia liền sám hối mà được giải thoát. Đấy đều là hóa hiện, không thật có. Nếu có kẻ thực sự tạo nghiệp vô gián, thì suốt đời Phật không hiện thân cho họ giải thoát, chỉ trừ khi họ giác ngộ được thân, tài sản, chỗ ở đều do tâm tạo, lìa kiến chấp phân biệt ngã, ngã sở hoặc đời sau thọ sinh các nơi khác gặp thiện tri thức lìa được lỗi lầm phân biệt.

Thế Tôn lại nói bài tụng:

Tham ái gọi là mẹ

Vô minh ấy là cha

Thức rõ nơi cảnh giới

Thì đấy gọi là Phật

Tùy miên là La hán

Các uẩn, hòa hiệp tăng

Đoạn các vô gián ấy

Gọi là nghiệp vô gián.

Bấy giờ Đại huệ Bồ tát lại bạch Phật rằng:

Bạch Thế Tôn ! Xin vì con nói thể tính của chư Phật.

Đại huệ ! hiểu rõ hai vô ngã, trừ hai chương ngại, lìa hai chết, dứt hai phiền não, ấy là thể tính Phật. Đại huệ ! Thanh văn duyên giác được các pháp ấy rồi cũng gọi là Phật. Ta vì nghĩa ấy mà chỉ nói một thừa.

Khi ấy Thế Tôn nói bài tụng:

Biết rõ hai vô ngã

Trừ hai chương hai não

Cùng bất tư nghì tử

Nên gọi là Như lai.

Đại huệ Bồ tát lại bạch Phật:

Bạch Thế Tôn! Như lai do mật ý gì mà nói cùng đại chúng những lời này: Ta là hết thầy Phật quá khứ, và nói trăm ngàn chuyện tiền thân: Ta vào thời ấy làm vua Đảnh sinh, làm voi lớn, làm chim Anh vũ, Nguyệt quang, Diệu nhân v.v..

Đại huệ ! Đức Như lai ứng chính đẳng giá, do nơi bí mật tứ bình đẳng mà nói với đại chúng những lời như vậy: Ta thuở xưa làm Phật câu lưu tôn, Phật câu na hàm mâu ni, Phật ca điếp. Sao gọi là bốn? ấy là 1. Tự bình đẳng, 2. Ngữ bình đẳng, 3. thân bình đẳng, 4. pháp bình đẳng. Sao gọi là tự bình đẳng? Ấy là: Ta gọi là Phật, tất cả các đức Như lai cũng gọi là Phật. Danh tự không khác nên gọi là tự bình đẳng. Ngữ bình đẳng là, ta nói được 64 phạm âm, chư Như lai cũng vậy, phạm âm như tiếng Ca lăng tần già không tăng không giảm không sai biệt, nên gọi là ngữ bình đẳng. Thân bình đẳng là ta với chư Phật, pháp thân sắc tướng cùng các tướng tốt tướng phụ đều không khác, chỉ trừ khi vì điều phục các loài chúng sinh mà thị hiện các loại thân khác nhau, ấy là thân bình đẳng. Pháp bình đẳng là, ta và chư Phật đồng chứng 37 pháp bồ đề phần. Cho nên Như lai Ứng chính đẳng giác nói với đại chúng những lời như vậy. Khi ấy Thế Tôn nói bài tụng:

Ca điếp, Câu lưu tôn

Câu na hàm là ta

Do bốn thứ bình đẳng

Mà nói lời như vậy.

Đại huệ Bồ tát lại bạch:

Bạch Thế Tôn ! Thế tôn dạy: Khoảng thời gian từ đêm thành đạo cho đến khi nhập niết bàn ta không hề nói một chữ, không đã nói cũng không sẽ nói, vì không nói ấy mới là Phật nói". Bạch Thế Tôn ! Do mật ý gì mà dạy lời ấy?

Do hai pháp bí mật mà nói lời ấy. Hai pháp ấy là gì? Là tự chứng pháp (pratyamadharma) và bản trú pháp (pauranasthitidharma). Sao gọi là tự chứng pháp? Ấy là pháp chư Phật chứng ta cũng chứng hết như vậy không

thêm bớt, cảnh giới của tự chứng trí vốn lìa tướng ngôn thuyết, tướng phân biệt, tướng danh tự. Sao gọi là bản trú pháp? ấy là, bản tính pháp giống như vàng trong mỏ, dù Phật có ra đời hay không có ra đời, pháp vẫn ở ngôi vị của pháp, pháp giới pháp tính đều thường trú. Đại huệ ! Thí như có người đi trong khoảng đồng rộng, thấy có con đường cũ bằng phẳng dẫn vào một ngôi cổ thành, liền theo đường ấy vào nghỉ ngơi vui thú. Đại huệ ! Ý ông nghĩ sao? người kia có làm ra con đường ấy và các thứ trong thành chăng?

Bạch Thế Tôn, không !

Đại huệ ! Chân như và pháp tính thường trú mà ta cùng các Phật chứng được cũng như vậy, cho nên nói từ khi thành Phật cho đến khi Niết bàn, ta không nói một lời nào, không đã nói cũng không sẽ nói.

Khi ấy Thế Tôn lại nói bài tụng:

Từ đêm thành chính giác

Đến đêm vào Niết bàn

Giữa hai thời gian ấy

Ta đều không nói gì

Pháp bản trú tự chứng

Nên nói mật ngữ này

Ta cùng chư Như lai

Không có chút sai biệt.

Đại huệ Bồ tát lại bạch:

Bạch Thế Tôn ! Xin nói tướng hữu vô của hết thầy pháp, khiến con và các Bồ tát lìa tướng ấy, mau được vô thượng chính đẳng chính giác.

Phật dạy:

Hãy nghe kỹ, ta sẽ nói cho.

Xin nghe, bạch Thế Tôn.

Đại huệ ! Đa số chúng sinh ở thế gian đọa vào hai kiến chấp là chấp có (astitvani'srita) và chấp không (nastitvani'srita). Vì đọa vào hai kiến chấp ấy nên không xuất ly mà tướng đã xuất ly. Hữu kiến là sao? Là chấp thật có nhân duyên sinh ra các pháp, không phải không thật có, thật có các pháp do nhân duyên sinh, không phải là không nhân duyên sinh. Đại huệ ! Nói như thế tức là nói không nhân. Sao là vô kiến? ấy là nhân có tham, sân, si nhưng vọng chấp cái làm nhân cho tham v.v.. là phi thực (Suzuki,125). Đại huệ! Lại có kẻ phân biệt có tướng mà không nhận có các pháp. Có kẻ thấy Phật, duyên giác, thanh văn không có tính tham sân si nên chấp những tính ấy không thật có. Đại huệ ! Trong số đó ai là kẻ bị hoại (vaina'sika)?

Bạch Thế Tôn, ấy là kẻ công nhận có tính tham, sân, si nhưng sau lại chấp là không.

Hay thay ! Ông đã đáp đúng lời ta. Người ấy không những chỉ bị hoại vì quan niệm không có tham sân si, mà còn phá hoại Phật, thanh văn, Duyên giác. Vì sao? Vì phiền não ở trong và ngoài đều bất khả đắc, vì thể tính của nó không khác cũng không đồng. Đại huệ ! Tham sân si dù trong hay ngoài đều bất khả đắc, vì nó không có thể tính, không thể nắm bắt. Thanh văn, Duyên giác, Như lai bản tính là giải thoát, vì trong họ không có tính trói buộc hay làm nhân cho trói buộc. Đại huệ ! Nếu có tính trói buộc và làm nhân cho trói buộc tất là có cái bị trói buộc, nói như vậy gọi là kẻ phá hoại.

Đây gọi là tướng vô và tướng hữu. Ta do mật ý ấy mà nói: Thà có ngã kiến to như núi tu di, không thà chấp không, ôm giữ tăng thượng mạn. Khởi chấp không như vậy là kẻ phá hoại, sa vào tự tướng cộng tướng, vui say trong kiến chấp ấy không hiểu các pháp do tự tâm hiện, vì không hiểu cho nên thấy có pháp ngoài, các tướng uẩn, giới, xứ sai biệt xoay chuyển sát na vô thường nối tiếp lưu chuyển rồi lại diệt. Vì hư vọng phân biệt, lìa văn tự (lìa kinh điển) cũng thành kẻ phá hoại. Thế Tôn lại nói bài tụng:

Hữu, vô là hai bên

Cho đến tâm tạo tác

Trừ sạch tạo tác ấy

Tâm bình đẳng tịch diệt

Không nắm giữ cảnh giới

Không diệt, không có gì
Có chân như diệu vật
Như cảnh giới chư Thánh
Vốn không mà có sinh
Sinh rồi lại diệt mất
Nhân duyên có cùng không
Kẻ ấy không trú pháp (ta)
Không do ngoại đạo, Phật
Không do ta, chúng khác
Do nơi duyên mà có
Làm sao mà được "không"
Hữu do duyên mà thành
Ai muốn được là không
Ác kiến nói có sinh
Vọng tưởng chấp có, không
Nếu biết không gì sinh
Cũng không có gì diệt
Thấy thế gian rỗng lặng
Hữu vô đều xa lìa.
Bấy giờ Bồ tát Đại huệ lại bạch:

Bạch Thế Tôn ! Xin Thế Tôn vì chúng con nói tướng của các tông thú, con và chư Bồ tát đạt được nghĩa ấy, sẽ không theo những giải thích sai lầm của ngoại đạo, mau được vô thượng chính đẳng chính giác.

Hãy nghe kỹ, ta sẽ nói cho ông.

Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Đại huệ ! Hết thấy hàng nhị thừa và Bồ tát có hai thứ tướng tông pháp, ấy là 1. Tông thú pháp tướng (siddhàntanayalaksana) 2. Ngôn thuyết pháp tướng (De'sanànyalaksana). Tông thú pháp tướng là tướng sở chứng thù thắng, là phân biệt văn tự ngữ ngôn, nhập cảnh giới vô lậu, thành tựu các hạnh của địa vị mình, vượt lên trên hết thấy những tri giác bất chính, hàng phục ma, ngoại đạo, phát sinh ánh sáng trí tuệ. Ấy gọi là tông thú pháp tướng.

Ngôn thuyết pháp tướng là nói các giáo pháp thuộc 9 bộ loại, là các tướng một, khác, có không, dùng phương tiện khéo léo tùy tâm chúng sinh mà làm cho họ hiểu được pháp này, ấy gọi là ngôn thuyết pháp tướng. Ông và các bồ tát nên siêng tu học. Bây giờ Thế Tôn lại nói bài tụng:

Tông thú cùng ngôn thuyết

Tự chứng và giáo pháp

Nếu hay biết rõ được

Không theo người giải bậy

Như kẻ ngu phân biệt

Không phải tướng chân thật

Kìa há không cầu độ?

Không một pháp có được

Quan sát các hữu vi

Sinh diệt và tương tục

Tăng trưởng hai kiến chấp

Điên đảo không biết gì

Niết bàn lìa tâm ý

Chỉ một pháp đầy thật

Quán thế gian hư dối

Như huyễn, mộng, bẹ chuỗi

Không có tham nhuế si

Lại cũng không có người

Do ái sinh các uẩn

Như cảnh trong chiêm bao.

Bấy giờ Đại huệ Bồ tát ma ha tát lại bạch Phật rằng:

Bạch Thế Tôn ! Xin vì con nói tướng "hư vọng phân biệt" (Abhùtapariokalpa), hư vọng phân biệt này vì sao sinh? Làm sao sinh? Cái gì và do ai sinh? Sao gọi là hư vọng phân biệt?

Phật dạy:

Đại huệ, hay thay ! hay thay ! Ông vì thương xót thế gian, trời, người mà hỏi nghĩa ấy, vì lợi ích cho nhiều người, vì an lạc cho nhiều người. Ông hãy lắng nghe kỹ, khéo suy nghĩ. Ta sẽ nói cho ông.

Đại huệ bạch: "Xin vâng!"

Phật dạy:

Này Đại huệ ! Hết thấy chúng sinh đối ngoại cảnh, không hiểu rõ tự tâm hiện, lại chấp năng thủ, sở thủ, chấp trước hư dối, khởi các phân biệt, sa vào các kiến chấp có và không; tăng trưởng tập khí vọng kiến của ngoại đạo. Khi tâm và các tâm sở tương ưng nhóm khởi, họ liền chấp các nghĩa bên ngoài đều có; chấp ngã, ngã sở; đó gọi là hư vọng phân biệt.

Đại huệ bạch Phật:

Bạch Thế Tôn, nếu quả như Thế Tôn dạy, các pháp bên ngoài tính vốn lìa có không, siêu việt các quan niệm (kiến chấp), thì đệ nhất nghĩa đế cũng vậy, lìa các hạn lượng tông, nhân, dụ. Bạch Thế Tôn ! Vì sao với các pháp khác thì nói khởi phân biệt, mà với đệ nhất nghĩa thì lại không? Phải chăng lời Thế tôn dạy có trái lý, vì một nơi nói khởi, một nơi không nói khởi. Thế tôn lại nói cái thấy hữu, vô là sa vào hư vọng phân biệt. Ví như huyền sự, không thật có; phân biệt cũng thế, lìa các tướng hữu vô. Sao nói là đọa vào hai kiến? Thuyết này lại không đọa vào kiến chấp của thế gian đó sao?

Phật dạy:

Đại huệ ! Phân biệt không sinh không diệt. Vì sao? Vì không khởi tướng phân biệt có, không, vì các pháp thấy bên ngoài đều không có, vì hiểu rõ tự tâm hiện. Chỉ vì ngu phu phân biệt các pháp của tự tâm, bám vào các tướng, mà nói như thế, khiến họ biết những gì thấy đó đều là tự tâm, đoạn trừ các kiến chấp đăm trước ngã, ngã sở, lìa các ác nhân duyên năng tác sở tác, giác ngộ duy tâm, chuyển được ý lạc (?) (cittas'raya), hiểu rõ các địa vị, vào cảnh giới Phật, xả bỏ các kiến về 5 pháp, 3 tự tính. Do đó ta nói do hư vọng phân biệt chấp trước mà sinh các pháp tự tâm hiện và các cảnh giới. Nếu biết rõ "như thật" liền được giải thoát.

Bây giờ Thế Tôn lại nói bài tụng:

Các nhân cùng với duyên

Do đó sinh thế gian

Cùng bốn cú tương ưng

Không biết pháp của ta

Thế lìa có, lìa không

Lìa câu và bất câu

Vì sao các người ngu

Phân biệt nhân duyên khởi

Không có cũng không không

Không vừa không vừa có
Quán thế gian như vậy
Chuyển tâm, chúng vô ngã
Hết thấy pháp không sinh
Vì do duyên khởi vậy
Kết quả của các duyên
Kết quả thì không sinh
Quả không tự sinh quả
Có hai quả là sai
Vì không có hai quả
Không thể có tính có
Quán các pháp hữu vi
Lìa năng duyên sở duyên
Nhất định chỉ là tâm
Nên ta nói tâm lượng
Lượng là chỗ tự tính
Xa cả hai duyên pháp
Được cứu cánh thanh tịnh
Nên ta nói tâm lượng
Ngã là tên bày đặt
Thật ra không thể có

Các uẩn là giả danh
Cũng đều không phải thật
Có bốn thứ bình đẳng
Tướng, nhân cùng sở sinh
Vô ngã là thứ bốn.
Kẻ tu hành quán sát
Lìa hết thấy các kiến
Cùng phân biệt năng sở
Không được cũng không sinh
Ta nói là tâm lượng (mind noun)
Không có cũng không không
Không, có đều xa lìa
Tâm xa lìa cũng bỏ
Ta nói là tâm lượng
Chân như, không, thật tế
Niết bàn cùng pháp giới
Các loại thân ý sinh
Ta nói là tâm lượng
Vọng tưởng tập khí buộc
Các pháp do tâm sinh
Chúng sinh chấp ngoài có

Ta nói là tâm lượng
Cái thấy ngoài không có
Chỉ tâm hiện các pháp
Thân, tài sản, chỗ ở
Ta nói là tâm lượng.

Bấy giờ Đại huệ Bồ tát đại hữu tình lại bạch Phật rằng:

Như lai có nói: Như ta đã nói, ông và các Bồ tát không nên căn cứ vào lời mà phải nắm lấy ý nghĩa. Bạch Thế Tôn ! Vì sao không nên nương lời mà giữ nghĩa. Lời (ngữ) là sao? Nghĩa là sao?

Này Đại huệ ! Lời là do tập khí phân biệt làm nhân; do yết hầu, lưỡi môi, quai hàm mà phát ra các âm thanh, lời nói, đàm luận với nhau; ấy gọi là ngữ. Còn "nghĩa" là gì? Bồ tát đại hữu tình ở một mình nơi chỗ thanh tịnh, lấy trí tuệ văn tư tu, suy nghĩ quán sát hướng về Niết bàn, cảnh giới của tự trí, chuyển đổi các tập khí, thực hành các hành tướng của các địa, ấy gọi là nghĩa. Lại nữa, này Đại huệ ! Bồ tát đại hữu tình rành lời và nghĩa, biết lời và nghĩa không một không khác; và nghĩa đối với lời cũng lại như vậy. Nếu nghĩa khác lời; thì nó sẽ không nhân lời mà rõ nghĩa; nhưng do nơi lời mà thấy được ý, như đèn chiếu rõ hình sắc. Đại huệ ! Ví như có người cầm đèn soi các vật biết vật này như thế ở chỗ như thế. Bồ tát đại hữu tình cũng vậy; do ngọn đèn lời mà đi vào cảnh giới tự chứng, là ngôn thuyết. Lại này Đại huệ ! Nếu có người y theo lời nói mà nắm ý nghĩa về Niết bàn bất sinh, bất diệt, về tam thừa, nhất thừa, 5 pháp, 8 thức, 3 tự tính v.v.. tất người ấy sẽ sinh kiến chấp hoặc có hoặc không, thấy có các sự vật khác nhau liền khởi phân biệt, như thấy huyền sự cho là thật. Ấy là cái thấy của phàm phu, không phải của bậc thánh hiền.

Khi ấy Thế Tôn lại nói bài kệ:

Nếu theo lời giữ nghĩa
Mà kiến lập các pháp
Vì những kiến lập ấy

Chết sa vào địa ngục
Trong uẩn không có ngã
Uẩn không phải là ngã
Không phân biệt như thế
Lại chẳng phải không có
Như kẻ ngu phân biệt
Hết thấy đều có tính
Nếu thấy được như vậy
Tức là thấy chân lý
Tất cả pháp nhiễm tịnh
Đều không có thể tính
Không như chúng được thấy
Cũng không phải là không.

Lại nữa, Đại huệ ! Ta sẽ vì ông nói tướng trí thức (Jnānavijñānakajñāna), ông cùng các Bồ tát đại hữu tình nếu hiểu rõ tướng của trí thức liền mau được vô thượng chính đẳng chính giác. Nay Đại huệ ! Trí có ba loại, ấy là : 1. Thế gian trí (Lautikajñāna) 2. Xuất thế gian trí (Lokottarajñāna), 3. Xuất thế gian thượng thượng trí (Lokottaratamajñāna). Sao gọi là thế gian trí? Ấy là chấp hết thấy các pháp có, không của ngoại đạo, phàm ngu. Sao gọi là xuất thế gian trí? Ấy là các chấp trước tự tướng (ngã), cộng tướng (ngã sở, nhân sinh, vũ trụ) của hàng nhị thừa. Sao là xuất thế gian thượng thượng trí? Ấy là chư Phật Bồ tát quán tất cả pháp đều không tướng, không sinh, không diệt, không phải có, không phải không, chứng pháp vô ngã, nhập Như lai địa. Nay Đại huệ ! Lại có ba loại trí, ấy là: 1. Tri tự tướng cộng tướng trí (svasānānyalakṣaṇāvadhāraṇajñāna); Tri sinh diệt trí (utpādavauauādhāraṇajñāna); 3. Tri bất sinh bất diệt trí (Anutpādānirodhādhāraṇajñāna). Lại nay Đại huệ ! Sinh diệt là thức, không sinh diệt là trí, thức thì sa vào nhị nguyên tướng vô tướng, cùng các

thứ sai biệt làm nhân cho nhau, trí thì lìa tướng và vô tướng, lìa nhân hữu, vô. Có các tướng tích tập ấy là thức, không tích tập tướng ấy là trí. Bám trước vào cảnh giới ấy là thức, không bám trước cảnh giới ấy là trí. Do ba hòa hiệp tương ưng mà sinh là thức, vô ngại tự tính là trí. Tướng "có thể nắm được" là thức, tướng "không thể nắm được" là trí, vì đây là cảnh giới thánh trí tự chứng, như trăng trong nước không vào không ra vậy.

Bấy giờ Thế Tôn lại nói bài tụng:

Nhóm chứa nghiệp là tâm

Quán sát pháp là trí

Tuệ hay chứng vô tướng

Được tự tại uy quang

Bị cảnh buộc là tâm

Tướng "giác" sinh là trí

Cảnh thù thắng, vô tướng

Trí tuệ do đây sinh

Tâm, ý cùng với thức

Lìa các tướng phân biệt

Được pháp vô phân biệt

Bồ tát, phi thanh văn

Nhãn thù thắng tịch diệt

Trí Như lai thanh tịnh

Hay sinh các thắng nghĩa

Xa lìa các sở hành

(samudàcàra - varijitam)

Ta có ba loại trí

Bậc thánh hay sáng rõ

Phân biệt được các tướng

Mở bày hết thấy pháp

Trí ta lia các tướng

Siêu việt nơi nhị thừa

Cùng các hạng thanh văn

Trí Như lai vô cầu

Vì hiểu rõ duy tâm.

Lại nữa, này Đại huệ ! Các ngoại đạo có 9 loại kiến về chuyển biến, ấy là: 1. Hình chuyển biến. 2. tướng chuyển biến (Laksana), 3. Nhân chuyển biến (hetu), 4. Tương ưng chuyển biến (yukti), 5. Kiến chuyển biến (drsti), 6. Sinh chuyển biến (utpada) 7. Vật chuyển biến (Bhava) 8. Duyên minh liễu chuyển biến (pratyayabhivyakti), 9. sở tác minh liễu chuyển biến (kriyabhivyakti). Tất cả ngoại đạo do quan niệm ấy mà khởi các luận về chuyển biến dựa trên có và không. Hình chuyển biến là thấy hình thể thay đổi như vàng làm đồ trang sức; như các thứ vòng, xuyên, chuỗi đeo cổ không giống nhau, hình trạng có sai khác nhưng thể không khác. Hết thấy pháp biến đổi cũng như thế. Các pháp mà ngoại đạo chấp trước đều không "như vậy" cũng không "khác vậy". Nên biết chỉ do phân biệt mà các pháp biến hóa; như ván là do sữa, rượu là do trái chín. Ngoại đạo nói ở đây có biến hóa, mà kỳ thật không "có" cũng không "không", vì do tự tâm thấy, không có vật bên ngoài. Như thế đều là phàm phu mê muội, do tập khí phân biệt của mình sinh ra, chứ thật không có một pháp nào hoặc sinh hoặc diệt; như do mộng huyễn thấy có các sắc tướng, như nói con của người thạch nữ có sống chết.

Bấy giờ Thế Tôn lại nói bài tụng:

Hình tùy thời biến chuyển

Đại chúng cùng các căn

Thân trung hữu (antarabhava) sinh dần

Vọng tưởng, không minh trí

Chư Phật không phân biệt

Duyên khởi cùng thể gian

Thể gian do duyên khởi

Như thành Càn thất bà.

Lúc ấy Đại huệ Bồ tát đại hữu tình lại bạch Phật:

Bạch Thế Tôn! Xin Như lai vì con giải nói nghĩa thâm mật (samdhyattha) cùng giải nghĩa tướng (parimocanàttha) nơi hết thấy pháp, khiến con cùng các Bồ tát đại hữu tình biết rõ sự sai biệt giữa trói buộc và giải thoát, chúng con sẽ biết những phương tiện thiện xảo về hai tướng ấy, và sẽ không còn chấp lời giữ nghĩa. Khi chúng con biết rõ nghĩa trói buộc (thâm mật) là gì và sự giải thoát của các pháp là gì, chúng con sẽ diệt trừ sự phân biệt lời và chữ; và nhờ trí tuệ, chúng con được nhập các cõi Phật và các hội chúng; được ấn thân thông, tự tại tổng trì, được giác tuệ, an trú trong mười nguyện vô tận, không cần dụng công biến hóa các thân, hào quang chiếu sáng như trời trăng, ngọc ma ni, đất nước lửa gió, an trú ở các địa, lia kiến chấp phân biệt; biết các pháp đều như huyễn, mộng; nhập quả vị Như lai, hóa độ khắp chúng sinh; khiến họ biết các pháp hư dối không thật, lia hữu vô, đoạn cái chấp sinh, diệt, không chấp trước vào ngôn thuyết, khiến chuyển thức sở y.

Phật dạy:

Hãy lắng nghe, ta sẽ nói cho ông. Nay Đại huệ ! Sự chấp trước ăn sâu (abhinivésasamdhi) đối với hết thấy các pháp y lời mà nắm ý thật là không cùng. Ấy là: chấp trước tướng (lakasanàbhivivésa); chấp trước duyên (pratayàbhi) chấp trước hữu phi hữu (bhàvabhābhivivesa); chấp trước sinh phi sinh, chấp trước diệt phi diệt chấp trước thừa phi thừa; chấp trước vi vô vi; chấp trước địa và tự tướng của địa, chấp trước vào chính sự phân biệt và vào cái hiện chứng (that arising from enlighthenment), chấp trước vào tướng hữu vô của các tông ngoại đạo, chấp trước 3 thừa, 1 thừa... Nay Đại huệ ! Các loại chấp trước sâu xa ấy thật vô lượng, đều do phạm phu tự phân biệt rồi bám lấy. Những phân biệt ấy như tầm làm kén, lấy tư vọng tưởng tự quán mình, quán người, chấp chặt hữu vô, ham muốn chằng chịt kiên cố. Nay Đại

huệ ! Nhưng thật ở đây không có tướng ăn sâu hay không ăn sâu; vì Bồ tát đại hữu tình thấy các pháp đều ở trong tịch tịnh, không phân biệt. Nếu rõ biết các pháp chỉ do tâm thấy (thì thấy) ngoại pháp hoặc không hoặc có đều đồng một tướng, rồi theo đó quán sát các chấp sâu xa phân biệt hoặc có hoặc không, thấy đều vắng lặng; nên nói không có tướng chấp sâu dày với không sâu dày. Đại huệ ! Ở đây không có sự trói buộc cũng không có sự giải thoát, chỉ những người không rõ chân thật mới thấy có trói buộc, có giải thoát. Vì sao? Vì hết thấy các pháp dù có dù không, thể tính của nó muốn tìm cũng không thấy được. Lại này Đại huệ ! Kẻ phàm phu ngu muội có 3 thứ trói buộc thâm sâu, ấy là tham, sân, si, do đó mà có yêu thích đời sau cùng ham muốn, vui mừng. Sự ràng buộc thâm sâu này khiến chúng sinh tiếp tục sinh trong 5 đường; nếu dây ràng buộc này đứt, thì không thấy đâu là tướng ràng buộc hay không ràng buộc. Lại nữa, Đại huệ này ! nếu có sự chấp trước vào 3 duyên hòa hiệp, các thức bị ràng buộc sâu xa lần lượt khởi lên; và vì có chấp trước nên có trói buộc sâu xa. Nếu thấy 3 giải thoát, lìa 3 thức hòa hiệp, thì hết thấy các trói buộc tất không sinh. Bây giờ Thế Tôn lại nói bài tụng

Phân biệt cái không thật

Ấy là tướng buộc ràng

Nếu biết được như thật

Các trói buộc đều đứt

Phàm ngu không rõ được

Theo lời mà thủ nghĩa

Như tầm ở trong kén

Vọng tưởng tự buộc ràng.

Đại huệ Bồ tát đại hữu tình lại bạch Phật:

Bạch Thế Tôn ! Như Thế Tôn dạy, các pháp đều do phân biệt của tâm thức, không có tự tính; đấy chỉ là vọng kế (tưởng tượng sai lầm) mà thôi. Bạch Thế Tôn! Nếu chỉ do vọng chấp, không thật có các pháp thì có phải các pháp nhiễm hoặc tịnh đều là không? (phải chăng không có gì nhiễm hay tịnh?)

Phật dạy:

Đại huệ ! Chính thế, chính thế ! Như ông nói, phàm phu phân biệt các pháp, nhưng pháp tính không có như vậy; đây chỉ là vọng chấp, không gì có thật tính. Song các bậc thánh lấy tuệ nhãn của thánh mà thấy biết như thật có tự tính các pháp.

Đại huệ bạch :

Nếu các bậc thánh dùng tuệ nhãn của mình mà thấy có tự tính các pháp, không phải thiên nhãn hay nhục nhãn, không giống như chỗ phân biệt của hạng phàm ngu, thì bạch Thế Tôn, làm sao hạng này lại được phân biệt, vì họ không thể nào nhận biết thánh pháp (àryabhàvavastu)? Bạch Thế Tôn ! Những người kia không điên đảo cũng không không điên đảo. Vì sao? Vì họ không thấy những pháp mà thánh nhân thấy. Vì cái thấy của thánh nhân là tướng hữu vô, nên thánh cũng không phân biệt như sự phân biệt của phàm phu, vì không phải là cảnh giới của mình. Bậc thánh cũng thấy có tự tính các pháp - như vọng chấp mà hiện, vì không nói có nhân cùng không nhân, nên họ cũng sa vào kiến chấp tự tính các pháp vậy. Bạch Thế Tôn ! Các cảnh giới khác đã không đồng với cảnh này (của Thánh), như vậy thành lỗi "vô cùng", vì như thế cái gì lập thành tự tính các pháp hóa ra không thể biết được. Bạch Thế Tôn ! Những gì do phân biệt mà có, không thể là tự tính của các pháp. Thế thì sao trong khi đã bảo sự vật có ra là do vọng chấp phân biệt, lại còn nói rằng chúng thật không phải như người ta phân biệt? (Tại sao tự tính các pháp đã nói là không do phân biệt, lại nói do phân biệt mà có các pháp?) Bạch Thế Tôn ! (Đã đành) sự phân biệt khác nhau nên các pháp cũng sai khác, vì nhân không giống nhau. Nhưng tại sao các pháp đều do phân biệt, mà chỉ cái phân biệt của phàm ngu là không "như thật". Và Thế Tôn lại còn nói: "Vì muốn khiến chúng sinh xả bỏ các phân biệt nên ta nói các pháp do phân biệt thấy, không phải là pháp "như thị". Bạch Thế Tôn! Vì sao đã muốn chúng sinh liả các pháp do kiến hữu vô chấp trước, mà còn chấp cảnh giới của Thánh trí, sa vào hữu kiến? Vì sao không nói pháp tịch tịnh không vô, mà nói tự tính của thánh trí?

Phật dạy:

Đại huệ ! Không phải là ta không nói pháp tịch tịnh, cũng không phải ta sa vào hữu kiến vì đã nói tự tính của thánh trí. Ta vì chúng sinh từ vô thì chấp trước nơi "hữu", nên nói có cảnh giới ở trong tịch tịnh, khiến chúng nghe rồi không sinh hoảng sợ, có thể như thật chúng pháp không tịch, liả các mê loạn, đi vào lý duy thức, biết các pháp hữu vô ở bên ngoài đều do tâm thấy, ngộ được 3 giải thoát, được ẩn như thật, thấy tự tính của pháp, rõ cảnh giới

thánh, xa lìa hết thấy chấp trước hữu vô. Lại, này Đại huệ ! Các Bồ tát đại hữu tình không nên lập thuyết rằng "hết thấy pháp không sinh" lời ấy tự nó đã hỏng. Vì sao? Vì tôn kia có đối đãi mà sinh vậy. Lại vì tôn kia tức đã lọt vào trong số "hết thấy pháp", cái tướng không sinh cũng không sinh. Lại vì tôn kia do các phần làm thành. Lại vì các pháp hữu, vô của tôn kia cũng đều không sinh, tôn ấy lọt vào trong số các pháp, nên tướng hữu vô cũng không sinh. Bởi thế "hết thấy pháp không sinh" thuyết ấy tự hỏng, không nên lập như thế, vì có nhiều lỗi lầm trong các phần của tam đoạn luận, lại có nhiều nhân khác nhau lẫn lộn trong đó. Cũng như thuyết (các pháp) không sinh, thuyết cho rằng "các pháp đều không, vô tự tính" cũng lại như vậy. Đại huệ ! Bồ tát đại hữu tình nên nói hết thấy pháp như huyền như mộng, vì vừa được thấy cũng vừa không được thấy, vì hết thấy đều là mê loạn, trừ phi vì bọn ngu phu sợ hãi. Đại huệ! Kẻ phàm phu ngu muội sa vào kiến chấp hữu, vô, chớ nên làm cho chúng hoảng hốt xa lìa đại thừa."

Bấy giờ Thế Tôn lại nói bài tụng:

Không tự tính, không thuyết

Không sự, không chỗ y (S. Alaya)

Phàm ngu phân biệt quấy

Ác giác như thầy ma

"Hết thấy pháp không sinh"

Do ngoại đạo thành lập

Nhưng thuyết kia có sinh

Vì không do duyên thành

Hết thấy pháp không sinh

Kẻ trí không phân biệt

Tôn kia do nhân sinh

Nói thế tức là hỏng

Ví như mắt có màn

Vọng tưởng thấy hoa đóm
Các pháp cũng như vậy
Phàm ngu vọng phân biệt
Ba cõi chỉ giả danh
Mà không có thật thể
Do giả ấy bày ra
Liên phân biệt suy lường
Các sự tướng giả danh
Làm loạn động tâm thức
Con Phật tất vượt qua
Đạo nơi vô phân biệt
Không nước chấp có nước
Đều do khát mà sinh
Ngu thấy pháp cũng vậy
Bậc thánh thì không thể
Thánh nhân thấy thanh tịnh
Sinh nơi ba giải thoát.
Xa lìa cảnh sinh diệt
Thường du cảnh vô tướng
Kẻ tu cảnh vô tướng
Thì cái "vô" cũng không

Hữu vô đều bình đẳng

Cho nên sinh quả thánh

Làm sao hết "pháp hữu"

Làm sao được bình đẳng

Nếu tâm không rõ pháp

Trong ngoài đều loạn động

Rõ rồi liền bình đẳng

Tướng loạn khi ấy diệt.

Đại huệ Bồ tát đại hữu tình lại bạch Phật

Bạch Thế Tôn ! Như Phật đã dạy: Nếu biết cảnh giới chỉ là giả danh, đều bất khả đắc, tất không có sở thủ, vì không sở thủ nên cũng không có năng thủ, cả năng thủ sở thủ đều không, nên không khởi phân biệt, ấy gọi là trí . Bạch Thế Tôn! Vì sao mà trí kia không được cảnh? Có phải vì không rõ nghĩa một, khác, tự tướng, cộng tướng của hết thấy pháp mà nói là "không được"? Hay vì các pháp tự tướng cộng tướng nhiều thứ không giống nhau, che lấp lẫn nhau mà "không được"? Hay vì núi cao tường đá, vì hàng rào, màn, rèm làm chướng ngại che lấp mà nói là "không được"? Hay vì quá xa, quá gần, quá già quá bé, các giác quan (căn) mù tối không đầy đủ mà gọi là "không được"? Nếu vì không rõ biết nghĩa một, khác, tự tướng cộng tướng của các pháp mà nói là không được, thì đây không gọi là trí mà đúng là vô trí, vì có cảnh giới mà không biết được. Nếu vì các pháp có tự tướng cộng tướng không đồng, che lấp lẫn nhau mà "không được", thì đây cũng là phi trí (ajnana); vì biết nơi cảnh giới mới gọi là trí chứ không phải không biết (mà gọi là trí). Nếu vì bị núi cao tường đá, hàng rào, rèm, màn che lấp hay vì quá xa quá gần, già, bé, mù, tối mà không biết, thì đó cũng là phi trí, vì có cảnh giới mà trí không đầy đủ nên không biết.

Phật dạy:

Đại huệ ! Cái thật trí ở đây không phải như ông nói. Chỗ ta nói không phải nói sự ẩn che; ta nói cảnh giới chỉ là giả danh bất khả đắc, vì biết rõ do tự tâm thấy, các pháp bên ngoài có hoặc không, trí tuệ hoàn toàn không chấp.

Vì không chấp nên sở tri chương không khởi, nhập vào ba giải thoát, trí và thể đều quên; không phải như hết thấy phạm phu vì tập khí hí luận từ vô trí chấp trước pháp ngoài hoặc có hoặc không, chấp các hình tướng... Biết như thế gọi là không biết, không hiểu các pháp do tâm hiện, chấp ngã, ngã sở, trí phân biệt cảnh, không biết ngoại cảnh vừa có vừa không, vì tâm những kẻ ấy ở trong đoạn kiến. Vì khiến chúng xa lìa các phân biệt như thế, nên nói hết thấy pháp do tâm kiến lập.

Bấy giờ Thế Tôn lại nói bài tụng:

Nếu có các sở duyên

Trí tuệ không quán thấy

Đấy là ngu, không trí

Ấy là vọng chấp trước

Vô biên tướng lấp nhau

Chương ngại cùng xa, gần

Trí tuệ không thấy được

Đấy gọi là tà kiến

Già, bé, các căn tối

Mà thật có cảnh giới

Không thể sinh trí tuệ

Ấy gọi là tà kiến.

Lại nữa, Đại huệ ! Kẻ ngu si phạm phu bị mê hoặc từ vô trí vì sự hư dối, tà kiến, phân biệt, không hiểu pháp như thật và ngôn ngữ bàn về pháp ấy, chấp trước vào các tướng ở ngoài tâm và những lời thuyết pháp phương tiện; không thể tu tập pháp chân thật thanh tịnh lìa tứ cú.

Đại huệ bạch:

Chính thế, bạch Thế Tôn, chính như Thế Tôn dạy. Nguyên xin Thế Tôn vì con nói pháp như thật (siddhàntanaya) và pháp ngôn thuyết (désanànaya), khiến con cùng các Bồ tát đại hữu tình hiểu rành rẽ hai pháp này, không bị lung lạc vì ngoại đạo và nhị thừa. Phật dạy:

Ông hãy lắng nghe, lắng nghe. Ta sẽ nói cho ông. Nay Đại huệ ! Chư Như lai trong ba đời có hai thứ pháp, ấy là pháp ngôn thuyết và pháp như thật. Ngôn thuyết pháp là tùy theo tâm của chúng sinh mà nói những giáo lý phương tiện khác nhau. Pháp như thật là người tu hành li phân biệt các pháp do tâm hiện, không sa vào hý luận một, khác, cùng, không cùng; siêu việt hết thấy tâm, ý, ý thức; ở nơi cảnh giới của Thánh trí tự chứng, li các kiến chấp về nhân duyên, tương ưng; hết thấy ngoại đạo, thanh văn, duyên giác, những người sa vào nhị biên đều không thể biết được, ấy gọi là pháp như thật. Hai thứ pháp ấy, ông cùng các bồ tát đại hữu tình nên khéo tu học.

Bấy giờ Thế Tôn lại nói bài tụng:

Ta nói hai thứ pháp

"Ngôn giáo" và " như thật"

Giáo pháp cho phàm phu

Thật pháp bậc tu hành.

Lúc bấy giờ Đại huệ Bồ tát đại hữu tình lại bạch Phật:

Bạch Thế Tôn ! Có lần Như lai dạy rằng Lô ca gia đà (Lokàyatika - Thế luận) nói các chú thuật (mantrapratibhàna) chỉ thu được tài lợi chứ không được pháp lợi, vì không được pháp lợi nên không đáng gần gũi thừa sự cúng dường. Vì sao Thế Tôn dạy như vậy?

Phật dạy:

Đại huệ ! Các luận văn của Lô ca gia đà chỉ tô điểm lời văn làm mê cuồng kẻ phàm ngu, tùy thuận thế gian mà hư vọng nói, không đúng nghĩa, không xứng lý, không thể chứng nhập cảnh giới chân thật, không thể hiểu rõ hết thấy các pháp, thường sa vào nhị biên, tự mình đã mất chính đạo, lại còn khiến người khác mất, luân hồi qua các đường tà mãi mãi không ra được. Vì sao? Vì không hiểu các pháp do tâm hiện, chấp vào cảnh ngoài tăng thêm phân biệt. Cho nên ta nói thế luận trau dồi câu, lời, lý lẽ, thí dụ, chỉ lừa bịp

kẻ ngu, không thể giải thoát được các hoạn nạn sinh, già, bệnh, chết, sầu khổ. Này Đại huệ ! Thích đề hoàn nhân (Indra) rộng giải thích các luận, và chính ông cũng tạo nhiều bộ luận (and was himself the author of a work on sound - Suzuki, p150). Kẻ Thế luận kia có một đệ tử hóa hiện làm thân con rồng đi đến cung trời Đế Thích, rồi lập một luận tôn (mệnh đề) và thách Đế Thích rằng: "Này Kiều thi ca, tôi cùng ông tranh luận, nếu ông thua, tôi sẽ phá xe một ngàn cãm của ông, nếu tôi thua, tôi sẽ cắt hết những cái đầu của tôi để chịu phạt. Nói xong, bèn dùng phương pháp biện luận đánh bại Đế Thích, phá xe một ngàn cãm. Đế Thích phải trở xuống lại cõi thế. Đại huệ ! Ngôn luận thế gian (lokàyatika) có đầy đủ nhân, dụ, đến có thể hiện hình làm rồng, dùng văn từ đẹp mà mê hoặc loài trời cùng A tu la, khiến họ chấp trước vào các kiến sinh, diệt v.v.. hưởng chi là loài người. Bởi thế Đại huệ, ông không nên thân cận thừa sự cúng dường, vì những kẻ kia có thể làm sinh nhân khổ. Đại huệ ! Thế luận chỉ nói cảnh giới do thân chứng biết. Này Đại huệ ! Thế luận có trăm ngàn câu lời, trong đời vị lai ác kiến trái nhau, tà chúng phân tán, tách ra thành nhiều bộ, mỗi bộ một lý thuyết riêng. Đại huệ ! Không phải các ngoại đạo khác có thể lập giáo, chỉ có Lô ca gia dùng trăm ngàn câu, rộng nói vô lượng luận cứ (reasonings) sai biệt, không phải lý như thật. Lại chính họ cũng không biết đây là pháp làm mê hoặc thế nhân.

Khi ấy Đại huệ Bồ tát nói:

Bạch Thế Tôn ! Nếu các luận do Lô ca gia tạo - đủ các văn tự nguyên nhân, thí dụ trau chuốt - không phải là pháp như thật, chỉ do Lô ca gia chấp trước vào lý thuyết của mình, nếu luận ấy gọi là ngoại đạo thì Thế Tôn cũng có nói các sự việc thế gian, nghĩa là có dùng các món văn, câu, ngôn từ mà rộng nói cho chúng hội trời, người ở khắp các cõi nước trong mười phương tụ đến, không phải là pháp của tự trí đã chứng được. Vậy thì Thế Tôn cũng nói đồng như ngoại đạo chẳng.

Phật dạy:

Đại huệ ! Ta không dạy thế luận (lokàyata) cũng không dạy đến, đi (àvavyrya). Ta nói các pháp không đến không đi (cf. S. I teach that which is not coming and going). Này Đại huệ ! Đến, ấy là nhóm tụ, sinh trưởng. Đi, ấy là diệt, không đến không đi, ấy tức là không sinh không diệt. Vì sao? Vì ta không chấp vào hữu vô của ngoại pháp, vì biết chỉ do tự tâm, không thấy hai thù, không sinh phân biệt cảnh giới của các tướng, nhập vào pháp môn không, vô tướng, vô nguyện mà được giải thoát. Đại huệ ! Ta nhớ có lần ta ở lại một nơi nào đó, có kẻ Thế luận bà la môn đến, thốt nhiên hỏi ta: "Cồ đàm

! Có phải hết thảy đều được tạo nên chăng?" Ta đáp: "Này bà la môn, nếu hết thảy được tạo ấy là thế luận (materialism) đầu tiên." Người ấy lại hỏi: "Tất cả đều không được tạo chăng?" Ta đáp: "Tất cả đều không được tạo, đây là thế luận thứ hai." Người kia lại hỏi: "Tất cả là thường chăng? Vô thường chăng? Sinh chăng? Không sinh chăng?" Ta đáp: "Đây là thế luận thứ sáu." Người kia lại hỏi: "Tất cả là một chăng? Là khác chăng? Là cùng (câu) chăng? Không cùng (bất câu) chăng? Tất cả đều do các nhân duyên mà sinh chăng?" Ta đáp: "Đó là Thế luận thứ mười một." Người kia hỏi nữa: "Hết thảy đều có thể giải thích (hữu ký - Vyāktra) chăng? Có linh hồn chăng? Có thế giới này chăng? Không có thế giới này chăng? Có giải thoát chăng? Không có giải thoát chăng? Tất cả đều là sát na (chóng qua - momentary) chăng? Không sát na chăng? Hư không, Niết bàn cùng phi trạch diệt (Aprati samkhyānirodha) là được tạo tác chăng? Không được tạo tác chăng? Có trung hữu (antābhava) chăng? Không có trung hữu chăng?" Ta đáp rằng: "Này bà la môn, tất cả đó đều là thế luận của ông, không phải thuyết của ta. Bà la môn ! Ta nói do các tập khí hý luận từ vô thi mà sinh ba cõi, không hiểu rõ chỉ do tự tâm thấy, còn ngoại pháp bị chấp thủ đó thật không thể nắm bắt (bất khả đắc). Theo thuyết ngoại đạo, thì linh hồn (ngã), căn, cảnh cả ba hòa hiệp sinh. Ta không nói có nhân, cũng không nói không nhân, chỉ y theo năng thủ sở thủ của vọng tâm mà nói duyên khởi, không phải cái mà ông cùng những người thủ trước nơi linh hồn có thể hiểu thấu." Đại huệ ! Hư không, Niết bàn cùng phi trạch diệt chỉ có con số 3, vốn không có thể tính, huống nữa là nói tác cùng phi tác (được tạo hay không được tạo). Đại huệ ! Khi ấy người thế luận bà la môn lại hỏi ta rằng: "Do vô minh, ái nghiệp làm nhân duyên mà có tam giới chăng? Hay là không nhân chăng?" Ta đáp: "Đây hai câu ấy cũng là thế luận. Này bà la môn ! cho đến có một chút gì động lưu phân biệt của tâm thức đối với ngoại cảnh đều là thế luận." Này Đại huệ ! Khi ấy người bà la môn lại hỏi ta rằng: "Có gì không phải là thế luận chăng? Tất cả những luận từ các thứ văn, câu, nhân, dụ trau chuốt của ngoại đạo, không có gì là không do từ trong pháp của ta mà ra." Ta đáp: "Có. Không phải là những gì ông tin vào, chứ không phải là mọi người không chấp nhận; không phải không nói tương tung với các thứ văn các nghĩa lý, cũng không phải không tương ưng" Người kia lại hỏi: "Có một luận nào không phải là thế luận mà được thế gian chấp thuận chăng?" Ta nói: "Có; nhưng không phải là cái mà ông cùng hết thảy ngoại đạo có thể biết. Vì sao? Vì (các ông) hư vọng phân biệt, chấp trước sự vật bên ngoài. Nếu hiểu được các pháp hữu, vô đều do tự tâm thấy, không sinh phân biệt, không ôm giữ ngoại cảnh, an trú trong cảnh "tự xứ" (cf. Suz.154) "tự xứ trú" thì không khởi phân biệt. Đây là pháp ta, không thuộc về người. Này bà la môn ! Nói tóm lại bất cứ chỗ nào tâm thức có qua, lại, diệt, sinh, có cầu

mong, bám víu, đối với sự vật có tham ái, đối với quan điểm có chấp trước, đều là thế luận của ông, không phải pháp ta." Nay Đại huệ ! Kẻ thế luận bà la môn đã hỏi như thế, ta đã đáp như thế. Người kia không hỏi ta về thật pháp của ta, mà im lặng bỏ đi, nghĩ như vậy: "Sa môn Cù đàm không có gì đáng tôn trọng, nói hết thấy pháp không sinh không tướng không nhân không duyên, chỉ do tự tâm phân biệt thấy, nếu hiểu được như thế thì không sinh phân biệt." Đại huệ ! Ông nay cũng hỏi ta nghĩa ấy: Vì sao một người gần gũi Thế luận chỉ được tài lợi, không được pháp lợi (Dharmasamgraha).

Đại huệ bạch:

Bạch Thế Tôn, tài và pháp mà Thế Tôn dạy ấy có nghĩa là gì?

Phật đáp:

Hay lắm ! Ông vì chúng sinh đời sau mà suy nghĩ nghĩa ấy. Ông hãy lắng nghe, lắng nghe. Ta sẽ nói cho ông. Đại huệ này, tài là cái gì có thể sờ được, nhận được, cầm nắm ôm giữ được, ném được, khiến người ta bám víu ngoại cảnh, sa vào nhị nguyên, tăng trưởng tham ái, sinh lão bệnh tử buồn lo khổ não; ta và chư Phật gọi đó là tài lợi, do gần gũi thế luận mà thâm nhập. Sao gọi là pháp lợi? Ấy là hiểu rõ pháp chỉ là tâm, thấy được hai vô ngã, không nắm giữ tướng, không phân biệt; biết rõ các giai đoạn tu hành, lià tâm, ý, thức, được chư Phật lấy nước cam lộ rưới đầu, nhận và làm đầy đủ mười nguyện vô tận, được tự tại đối với tất cả pháp, đấy gọi là pháp lợi, vì không sa vào kiến chấp, hý luận, phân biệt nhị nguyên. Nay Đại huệ! Thế luận của ngoại đạo khiến kẻ ngu sa vào hai bên là thường và đoạn. Chấp nhận thuyết vô nhân (Ahetuvàda) là thường kiến (Sàsvatadrsti); cho rằng các nhân đều hoại diệt là đoạn kiến (ucchedadrsti). Không thấy có sinh trú diệt, ta gọi là được pháp lợi. Đây là sự khác nhau giữa tài và pháp; ông cùng các bồ tát đại hữu tình hãy siêng quán sát.

Thế Tôn lại nói bài tụng:

Điều phục, nhiếp chúng sinh

Lấy giới hàng phục ác

Trí tuệ diệt kiến chấp

Giải thoát được tăng trưởng

Các tà thuyết ngoại đạo
Đều là luận thế gian
Vọng chấp tác, sở tác
Không thể tự chứng thành
Chỉ có thuyết của ta
Không chấp trước năng, sở
Nói ra cho đệ tử
Để chúng lìa thế luận
Pháp năng thủ, sở thủ
Ngoài tâm không thể có
Cả hai do tâm hiện
Đoạn, thường bất khả đắc
Chỉ một mảy động tâm
Đó đều là thế luận
Người không khởi phân biệt
Mới thấy rõ tự tâm
"Đến" là do thấy có
"Đi" là do thấy "không"
Hiểu thấu rõ đến, đi
Không khởi sinh phân biệt
Hữu thường cùng vô thường

Được tạo, không được tạo

Cõi này và cõi khác

Đều là pháp thế gian.

Đại huệ Bồ tát đại hữu tình lại bạch Phật:

Bạch Thế Tôn, những pháp gì là Niết bàn mà các ngoại đạo phân biệt?

Phật dạy:

Đại huệ ! Niết bàn theo các ngoại đạo phân biệt đều không phù hợp với tướng của Niết bàn. Ông hãy lắng nghe, ta sẽ nói. Đại huệ ! Hoặc có ngoại đạo nói: Thấy các pháp vô thường nên không tham cảnh giới, uẩn giới xứ đều diệt, tâm tâm sở không hiện ra, không nhớ nghĩ cảnh quá, hiện, vị lai, như ngọn đèn tắt, như hạt giống hoại, như lửa đã tàn, không ôm giữ không dính mắc, không sinh các phân biệt... cho đó là Niết bàn. Này Đại huệ ! Không phải vì thấy hoại mà gọi là Niết bàn.

Có người cho rằng Niết bàn là đi đến một nơi khác, chỗ lìa cái tướng về cảnh giới, như gió ngừng lại. Có người cho rằng Niết bàn là không thấy có người biết và pháp bị biết. Có người cho rằng Niết bàn là không khởi kiến chấp phân biệt thường, vô thường. Có người lại bảo: "Phân biệt các tướng làm phát sinh ra khổ", mà không biết tướng do tự tâm hiện. Vì không biết nên sợ hãi tướng, cầu cái vô tướng, sinh ham thích sâu xa (cái vô tướng), chấp đó là Niết bàn. Có người biết rõ các pháp nội, ngoại tự tướng cộng tướng trong quá khứ, hiện tại, vị lai đều có tự tính không hoại diệt, tướng đó là Niết bàn. Có người chấp rằng ta, người, chúng sinh và thọ mạng cùng hết thấy pháp không có gì hoại diệt, tướng đấy là Niết bàn. Lại có hàng ngoại đạo không trí tuệ, chấp có thần ngã (Prakti, primary substance), sĩ phu (supreme soul), "Thật", câu na (guna) xoay vần biến hóa làm ra muôn vật; cho đó là Niết bàn. Lại có ngoại đạo cho Niết bàn là chấm dứt phước cùng phi phước. Có kẻ chấp không do trí tuệ mà các phiền não dứt. Có kẻ chấp Tự tại (Isvara) là đáng tác giả chân thật, là Niết bàn. Có kẻ chấp chúng sinh xoay vần sinh lẫn nhau, cho đó là nhân, ngoài ra không có nhân khác. Vì những kẻ ngu không hiểu rõ nên chấp đấy là Niết bàn. Có kẻ chấp rằng đạt đến đúng đường ấy là Niết bàn. Có kẻ chấp Niết bàn là khi có sự hòa hiệp giữa Câu na và chủ thể của câu na, giữa tính một và khác, cùng và không cùng. Có kẻ chấp mọi vật do tự nhiên sinh (Suz. dịch: Có kẻ cho Niết bàn là thấy mọi vật đều tồn tại do bản chất của riêng chúng.) như sắc lông sặc sỡ

của chim khổng tước, hay cái bén nhọn của gai góc, hay chỗ sinh báu vật thì có các thứ báu, những vật như vậy do ai tạo đâu? Liền chấp tự nhiên sinh, lấy đó làm Niết bàn. Hoặc chấp hiểu rõ 25 đế (tattvas) là được Niết bàn. Lại có kẻ nói giữ được 6 hạnh gìn giữ chúng sinh là được Niết bàn. Lại có người cho rằng Thời sinh ra thế gian, vậy Thời tức là Niết bàn. Hoặc chấp các vật "có" là Niết bàn, hoặc chấp không vật là Niết bàn, lại có kẻ chấp mọi vật hữu, vô đều là Niết bàn, hoặc chấp các vật và Niết bàn không khác nhau, đây là Niết bàn. Nay Đại huệ ! Lại có những người nói khác với những gì ngoại đạo nói, dùng nhất thiết trí và âm thanh của sư tử rống mà nói, hiểu thấu được cảnh duy tâm, không giữ cảnh ngoài, xa lìa bốn cú (àtuskotika), an trú nơi "như thật" (yathàbhùta), không sa vào nhị nguyên, lìa năng thủ sở thủ, không rơi vào các lượng (đo lường), không bám trước chân thật, an trú nơi pháp hiện chứng của thánh trí, ngộ hai vô ngã, lìa hai phiền não, sạch hai chướng, lần lượt tu các địa Bồ tát, nhập vào Phật địa, được các định như huyền v.v.. vĩnh viễn siêu việt tâm, ý, ý thức gọi là được Niết bàn. Nay Đại huệ ! Những ngoại đạo kia chấp trước hư vọng, không đúng lý, chấp những điều mà bậc trí lìa bỏ, đều là đọa vào hai bên mà tưởng Niết bàn. Nơi đây không ở không ra, ngoại đạo kia đều do thuyết của mình mà sinh vọng giác, trái ngược với lý, không thành cái gì; chỉ khiến tâm ý dong ruổi qua lại tán loạn, rốt ráo không được Niết bàn. Ông và các Bồ tát nên xa lìa.

Thế Tôn nói bài tụng:

Ngoại đạo nói Niết bàn

Mỗi mỗi đều sai biệt

Đây chỉ là vọng tưởng

Không phải phương giải thoát

Xa lìa các phương tiện

Không đến cảnh vô phược

Vọng sinh tưởng giải thoát

Mà thật không giải thoát

Các thuyết của ngoại đạo

Đều chấp thủ khác nhau
Họ không được giải thoát
Ngu si vọng phân biệt
Hết thấy ngoại đạo si
Vọng thấy tác, sở tác
Chấp trước luận hữu vô
Nên không được giải thoát
Phàm ngu ưa phân biệt
Không sinh trí chân thật
Ngôn thuyết gốc ba cõi
Chân thật nhân diệt khổ
Thí như bóng trong gương
Chỉ hiện mà không thực
Trong tập khí, gương tâm
Phàm ngu thấy có hai
Không hiểu duy tâm hiện
Nên khởi hai phân biệt
Nếu biết chỉ là tâm
Thì phân biệt không sinh
Tâm tức là các tướng
(nhưng) lìa tướng, sở tướng

Như kẻ ngu phân biệt
Tuy thấy mà không thấy
Ba cõi do phân biệt
Ngoại cảnh toàn không có
Vọng tưởng hiện các thứ
Kẻ phàm ngu không biết
Các kinh nói khác nhau
Chỉ khác trên danh tự
Nhưng là nơi ngữ ngôn
Thì không thể nắm nghĩa.

---o0o---

QUYỂN NĂM

CHƯƠNG III - VÔ THƯỜNG

Bấy giờ Đại huệ Bồ tát đại hữu tình lại bạch Phật:

Bạch Thế Tôn ! xin Thế Tôn giảng cho con tính tự giác của Như lai (Tathàgata), Ứng chính đẳng giác, khiến con cùng các Bồ tát đại hữu tình hiểu rành rẽ rồi tự giác ngộ, giúp người giác ngộ.

Phật dạy:

Đại huệ ! Như ông hỏi, ta sẽ nói cho ông.

Đại huệ nói:

Vâng, bạch Thế Tôn ! Đấng Như lai, ứng cúng chính đẳng giác là được tạo thành hay không được tạo thành, là quả hay nhân, là tướng (predicating) hay là sở tướng (predicated), là thuyết hay sở thuyết (an expression or what is

expressed), là giác (knowledge) hay sở giác (that which is knowable...) tất cả những điều ấy, Như lai đều như thế hay đều không như thế?

Phật dạy:

Đại huệ! Đấng Như lai ứng chính đấng giác không phải tác (created) cũng không phải phi tác, không phải quả không phải nhân, không phải tướng không phải sở tướng, không phải thuyết không phải sở thuyết, không phải giác không phải sở giác. Vì sao? Vì những điều như thế đều bị mắc vào lỗi nhị nguyên. Nay Đại huệ ! Nếu Như lai là được tạo thành (tác) tức là vô thường, nếu vô thường thì hết thảy pháp được tạo tác đều là Như lai cả, điều ấy ta cùng chư Phật không chấp nhận. Nếu Như lai không được tạo tác tức là không có thể tính, thì hóa ra tất cả những phương tiện tu hành (để chứng quả) thành không, vô ích, giống như sừng thỏ, con của thạch nữ, vì không do nhân tạo thành. Nếu không phải nhân không phải quả tức không có không không; nếu không có không không tức vượt ngoài tứ cú. Nói tứ cú nghĩa là chỉ thuận theo thế gian mà có ngôn thuyết. Nếu vượt ngoài tứ cú, chỉ có ngôn thuyết mà thôi thì khác nào con của thạch nữ. Đại huệ ! Con của thạch nữ chỉ có ngôn thuyết không ở trong tứ cú, vì không ở trong tứ cú nên không thể suy lường. Những người có trí tuệ nên biết như vậy đối với nghĩa của tất cả những lập luận về Như lai. Nay Đại huệ ! Như lai có nói "các pháp là vô ngã" (nirātmanah sarvadharmāh), vì trong các pháp không có tính ngã nên nói là vô ngã, chứ không phải là không có tự tính các pháp. Nên biết những cú nghĩa về Như lai cũng thế. Nay Đại huệ ! Thí như trâu không có tính ngựa, ngựa không có tính trâu, chứ không phải là không có tự tính. Hết thảy các pháp cũng vậy; không có tự tướng, không có mà có (phi phi hữu tức hữu ?), không phải là chỗ phạm phu có thể biết. Vì sao không biết? Vì phân biệt vậy. Hết thảy pháp không sinh, hết thảy pháp không tự tính, tất cũng như vậy. Nay Đại huệ ! Như lai và uẩn không khác, không không khác. Nếu không khác tức vô thường, vì các uẩn là được tạo. Nếu khác thì như hai sừng trâu có chỗ khác và cũng có chỗ không khác vậy. Vì hai sừng trông giống nhau nên không khác, cái ngắn cái dài nên có khác. Như sừng bên phải khác sừng bên trái, sừng trái khác sừng phải, ngắn dài không đồng sắc tướng cũng khác, nhưng cũng không khác.

Uẩn, giới xứ v.v.. cũng vậy, hết thảy pháp đều như vậy. Đại huệ! Như lai ấy là y chỗ giải thoát mà nói, Như lai và giải thoát không khác cũng không không khác. Nếu khác, thì Như lai tức tương ưng với sắc tướng, mà tương ưng sắc tướng tức là vô thường. Nếu không khác, thì lẽ ra không thấy các sai

biệt trong những người tu hành nhưng thật thì có sai biệt, nên không phải là không khác.

Trí và sở trí (cái biết và pháp được biết) cũng thế, không khác cũng không không khác. Nếu không khác không không khác tức là không phải thường cũng không phải vô thường, không phải tác, không sở tác, không phải hữu vi cũng không phải vô vi, không phải giác không phải sở giác, không phải tướng không phải sở tướng, không phải uẩn không phải khác uẩn, không phải thuyết không phải sở thuyết, không phải một không phải khác, không phải cùng nhau không phải không cùng nhau. Vì nghĩa ấy nên siêu việt hết thấy suy lường. Vì siêu việt suy lường nên chỉ có trên danh tự, vì chỉ có trên danh tự nên không có sinh, vì không có sinh nên không có diệt, vì không có diệt nên như hư không. Này Đại huệ! Hư không không phải tác (nhân) cũng không phải sở tác (quả). Vì không phải nhân không phải quả nên xa lìa phan duyên (Nirālambya), vì xa lìa phan duyên nên vượt ra ngoài hết thấy những pháp hí luận. Vượt ngoài hết thấy pháp hí luận ấy là Như lai. Như lai chính là thể Chính đẳng giác. Chính đẳng giác ấy là viên ly tất cả căn, cảnh giới."

Bấy giờ Thế tôn lại nói bài tụng:

Vượt ngoài căn suy lường

Không phải quả hay nhân

Tướng hay là sở tướng

Tất cả đều xa lìa

Uẩn, duyên, cùng chính giác

Một, khác, không ai thấy

Đã không có ai thấy

Sao còn sinh phân biệt

Không phải tác, sở tác

Không nhân, không không nhân

Không uẩn, không lìa uẩn

Cũng không là các vật
Không phải có pháp thể
Như phân biệt kia thấy
Lại không phải là không
Các pháp tính như vậy
Đôi có thành ra không
Đôi với "không" nên có
Không đã không thể giữ
Có cũng không nên nói
Không rõ ngã vô ngã
Chỉ chấp nơi danh từ
Kẻ kia chìm nhị biên
Hoại mình, hoại thế gian
Nếu hay thấy pháp này
Liên lia hết các lỗi
Đó gọi là chính quán
Không hủy báng Đạo sư.

Đại huệ Bồ tát đại hữu tình lại bạch Phật:

Bạch Thế tôn! Như trong kinh Phật dạy đức Như lai không phải chịu sự sinh, diệt, và Thế tôn lại dạy Bất sinh bất diệt ấy cũng là một tên gọi khác để chỉ Như lai. Bạch Thế tôn! Xin Thế tôn chỉ dạy. Cái lẽ bất sinh bất diệt ấy tức là vô pháp (non-entity), sao lại nói đây là tên khác của Như lai. Như Thế tôn dạy : "Hết thấy pháp không sinh không diệt", nên biết đó tức là sa vào

các kiến chấp hữu, vô. Nếu pháp không sinh tức không thể giữ, không có một chút pháp nào cả thì ai là Như lai? Xin Thế tôn giảng rõ.

Phật dạy:

- Hãy lắng nghe, ta sẽ nói. Nay Đại huệ! Ta nói Như lai không phải là vô pháp, lại không phải là thân nhận (nhiếp thủ) các pháp bất sinh bất diệt, cũng không đối đãi nhân duyên (để xuất hiện), cũng không phải là vô nghĩa. Ta nói vô sinh tức là một tên khác cho "pháp thân do ý sinh" (manomayadharmakàya) của Như lai. Hết thấy ngoại đạo Thanh văn Duyên giác, Bồ tát thất địa không rõ nghĩa ấy. Đại huệ! Thí như Đế thích (sakra), đất, hư không, cho đến chân tay, tùy theo mỗi vật, mỗi thứ đều có nhiều tên. Không phải vì có nhiều tên mà thành ra có nhiều thể, hay thành vô thể. Đại huệ! Ta cũng như thế, ở nơi thế giới Ta bà này, có ba a tăng kỳ trăm ngàn danh hiệu, những kẻ phàm ngu tuy nghe tuy nói mà không biết đây là tên khác của Như lai. Trong số ấy có người hoặc nhận ta là Như lai, có người cho ta là bậc Vô sư (Svayambhù), hay đấng Đạo sư (Nàyaka), hay đấng Thắng đạo (Vinàyaka), Phổ đạo (Parinàyaka), hay Phật, hay Ngu vương hay Phạm vương (Brahman), hay Tùy hữu (Visnu), hay Tự tại (Isvara), hay đấng Thắng giả (Pradhàna), hay đấng Ca tỳ la (Kapila), hay đấng Chân thật biên (Bhùtàn-ta), đấng Vô tận (Ariskta?), đấng Đoan tướng (Nemina?); hoặc có kẻ cho ta như là thân gió, thân lửa, hay đấng Câu tỳ la, hay mặt trăng, hay mặt trời, hay như vì vua, hay như tiên nhân, hay như đấng Thức ca (suka) hay như Nhân đà la (Indra), như sao, như sức mạnh lớn, như nước, như cái vô diệt, như cái không sinh, như Tính không, như Chân như (Tathatà), như Đế (satyatà), Thật tính (Bhùtata), Thật tế (Shùtakoti), Pháp giới (Dharmadhātu), Niết bàn, thường trụ, Bình đẳng, Vô nhị, Vô tướng, Tịch diệt, Cụ tướng, Nhân duyên, Phật tính, Giáo đạo, Giải thoát, Đạo lộ, Nhất thể trí, Đấng Tối thắng (Jina), đấng Ý thành thân... hết thấy những tên như thế, đầy ba a tăng kỳ trăm ngàn danh hiệu, không tăng không giảm. Trong thế giới này cùng các thế giới khác, có những kẻ biết ta như trăng trong nước không vào không ra, nhưng hạng phàm ngu tâm bị chìm đắm nơi nhị biên không thể hiểu thấu, mà cũng tôn trọng cúng dường thừa sự, không khéo giải danh tự cú nghĩa, chấp ngôn giáo, mê muội đối với lẽ chân thật, cho rằng vô sinh vô diệt tức là không thể tính, mà không biết đây là một danh hiệu khác của Phật như Nhân đà la, Đế kiệt la v.v.. Vì tin nơi ngôn giáo, mê muội chân thật, ở hết thấy pháp đều y theo lời (bhùta) mà nắm ý nghĩa (atrha), nên những kẻ phàm ngu kia nói: "Nghĩa chính là lời, nghĩa và lời không khác. Vì sao? Vì nghĩa không có thể tính (nên không thể khác với lời. Suz. 166). Kẻ ấy không hiểu rõ tự tính của ngôn âm; cho rằng ngôn tức là

nghĩa, không có thể tính riêng biệt cho nghĩa. Đại huệ! Kẻ kia ngu si không biết rằng ngôn thuyết thì có sinh diệt, còn nghĩa thì không sinh diệt. Đại huệ! Hết thấy ngôn thuyết đều sa vào văn tự, còn nghĩa thì không (sa vào), vì lìa có và không, không sinh, không thể tính. Đại huệ! Như lai không nói pháp sa vào văn tự, vì hữu và vô của văn tự đều bất khả đắc. Đại huệ! Nếu có người nói những pháp sa vào văn tự, ấy là pháp hư dối. Vì sao? Vì tự tính của các pháp lìa văn tự. Cho nên, này Đại huệ! Trong kinh ta nói : "Ta cùng chư Phật và Bồ tát không nói một chữ không đáp một tiếng nào. Vì sao? Vì hết thấy pháp lìa văn tự. Nhưng không phải là ta không thuận theo nghĩa mà phân biệt nói. Đại huệ! Nếu không nói thì giáo pháp phải đứt đoạn, giáo pháp đoạn đứt thì không có thanh văn, duyên giác, bồ tát, chư Phật. Nếu tất cả đều không thì ai nói pháp và nói cho ai? Bởi thế, Đại huệ này, Bồ tát đại hữu tình không nên chấp trước nơi văn tự, mà phải tùy nghi thuyết pháp. Ta cùng chư Phật đều tùy những thứ phiền não, ưa muốn và hiểu biết không đồng của chúng sinh mà khai diễn cho chúng, khiến chúng biết các pháp đều do tâm hiện, không có cảnh ngoài, xả bỏ hai phân biệt, chuyển hóa tâm, ý thức; chứ không phải vì chúng mà nói pháp do thánh trí tự chứng (Su. có thêm một đoạn). Đại huệ! Bồ tát đại hữu tình nên theo nghĩa, chớ theo văn tự, theo văn tự thì đọa vào ác kiến; chấp trước chủ trương của mình mà khởi ngôn thuyết, không thể hiểu rõ các pháp tướng văn từ chương cú, đã tự hại còn hại người, không thể khiến tâm người giải ngộ. Nếu khéo biết rõ hết thấy pháp tướng, văn từ cú nghĩa đều thông, thì có thể khiến tự mình thọ cái vui vô tướng, mà còn giúp người an trú đại thừa. Nếu khiến được người an trú đại thừa thì liền được hết thấy chư Phật Thanh văn Duyên giác cùng chư Bồ tát thâm nhận. Nếu được chư Phật, thanh văn... thâm nhận thì có thể thâm nhận hết thấy chúng sinh, có thể thâm nhận hết thấy chính pháp. Nếu nhiếp thọ được hết thấy chính pháp thì không làm đứt đoạn hạt giống Phật (Budhavamsa). Nếu không đoạn giống Phật thì được chỗ thù thắng tốt đẹp. Đại huệ! Bồ tát đại hữu tình sinh chỗ tốt đẹp thù thắng, muốn chúng sinh an trú Đại thừa, dùng mười lực tự tại hiện các hình tướng, tùy căn cơ của họ mà nói pháp chân thật. Chân thật pháp ấy là không hai, không phân biệt, không đến không đi, hết thấy hí luận đều bật đứt. Cho nên, này Đại huệ! Thiện nam, thiện nữ không nên y lời mà chấp nghĩa. Vì sao? Vì pháp chân thật lìa văn tự. Đại huệ! Thí dụ có người dùng ngón tay chỉ sự vật, đứa bé con chỉ nhìn ngón tay không nhìn vật. Kẻ phàm phu ngu si cũng vậy, theo nơi ngón tay ngôn thuyết mà sinh chấp trước, thậm chí đến chết cũng không xả bỏ được ngón tay văn tự để nắm đệ nhất nghĩa. Đại huệ! Thí như con nít mới sinh đáng phải ăn đồ chín; có người không biết rành cách nấu chín, mà cho nó ăn đồ sống tất phát cuồng loạn. Bất sinh bất diệt cũng thế, không tu phương tiện tất là không tốt. Vì thế hãy nên khéo tu phương tiện, chớ theo

ngôn thuyết như nhìn đầu ngón tay. Đại huệ! Nghĩa chân thật vốn vi diệu tịch tịnh, ấy là nhân của Niết bàn. Ngôn thuyết thì cùng với vọng tưởng mà khiến người trôi lăn trong sinh tử. Đại huệ! Thật nghĩa là do nghe nhiều mà được, nghe nhiều là rành nghĩa không phải rành lời. Người rành nghĩa không theo ác kiến ngoại đạo, tự mình không theo, cũng khiến người không theo. Ấy gọi là nghe nhiều nơi nghĩa, kẻ muốn cầu nghĩa nên gần gũi hạng người này và xa lìa những kẻ chấp trước văn tự.

Đại huệ bồ tát đại hữu tình nương thần lực Phật mà bạch:

Bạch Thế tôn! Như lai diễn nói bất sinh bất diệt không có gì là kỳ lạ đặc biệt. Vì sao? Hết thấy ngoại đạo cũng nói đáng "Tạo tác tác giả" không sinh không diệt; Thế tôn cũng nói hư không Niết bàn cùng phi sát diệt (Amatisamkhyànirodha) là bất sinh bất diệt. Ngoại đạo nói đáng tác giả làm nhân duyên sinh ra thế gian, Thế tôn cũng nói vô minh ái nghiệp sinh ra các thế gian. Cả hai thuyết đều nói nhân duyên sinh, chỉ khác trên danh từ. Vì nhân duyên của các vật bên ngoài cũng thế. Cho nên thuyết của Phật và của ngoại đạo không có sai biệt. Ngoại đạo nói : "Vi trần, thắng diệu (pradhàna) Tự tại (Isvara), Sinh chủ (Prajapati) v.v.. 9 thứ (Navadravya) như vậy là bất sinh bất diệt. Thế tôn cũng nói hết thấy pháp không sinh không diệt; có hay không đều bất khả đắc. Bạch Thế tôn! Các đại chúng không hoại, vì tự tính của chúng không sinh không diệt, lan khắp các cõi mà vẫn không mất tự tính. Bạch Thế tôn! Tuy phân biệt thì có biến đổi chút ít, song hết thấy những điều Như lai dạy không có gì là ngoại đạo không đã nói rồi. Cho nên Phật pháp cũng giống như ngoại đạo. Nếu không giống thì xin Phật diễn bày cho con thuyết của Phật hơn ngoại đạo ở chỗ nào. Nếu không có sai biệt thì ngoại đạo tức là Phật; vì họ cũng nói bất sinh bất diệt vậy. Thế tôn thường dạy trong một thế giới không có nhiều Phật, nhưng theo đây thì có.

Phật dạy:

Đại huệ! Chỗ ta nói không sinh không diệt không đồng với bất sinh bất diệt của ngoại đạo, cũng không đồng với luận của họ về sinh và vô thường (dịch theo Sz.) Vì sao? Thuyết của ngoại đạo là có thật tính không sinh không biến đổi. Ta không sa vào hữu, vô như vậy. Pháp ta nói không hữu không vô, lìa sinh lìa diệt. Sao là phi vô? Vì như thấy các hình sắc huyền mộng. Sao gọi là phi hữu? Vì tự tính của sắc tướng không phải có, nhưng nó đồng thời vừa được thấy vừa không được thấy, vừa được nắm giữ vừa không được nắm giữ. Cho nên ta nói hết thấy pháp không phải có không phải không. Nếu biết rõ tất cả chỉ do tự tâm thấy, thì liền an trú tự tính, không sinh phân biệt, các

việc tạo tác ở thế gian sẽ đều chấm dứt. Phân biệt ấy là việc của phàm phu, không phải hiền thánh. Đại huệ! Vọng tâm phân biệt cảnh giới không thật, như người huyện cùng người huyện buôn bán ra vào trong thành Càn thất bà, tâm mê phân biệt cho là có thật. Những chuyện kẻ phàm ngu thấy như sinh bất sinh, hữu vi vô vi cũng thế, như người huyện sinh, người huyện diệt. Người huyện thật ra không sinh không diệt. Các pháp cũng vậy, là sinh diệt. Này Đại huệ! Kẻ phàm phu hư vọng khởi quan niệm sinh diệt, thánh nhân không vậy. Nói hư vọng nghĩa là không như pháp tính, khởi kiến chấp điên đảo. Điên đảo kiến là chấp pháp có thể tính, không thấy được chỗ vắng lặng. Vì không thấy vắng lặng nên không thể xa lìa hư vọng phân biệt. Cho nên, này Đại huệ! Cái thấy vô tướng là thù thắng, không phải cái thấy có tướng. Tướng là nhân của sinh, nếu không có tướng tất không có phân biệt. Không sinh không diệt ấy là Niết bàn. Đại huệ! Nói Niết bàn ấy nghĩa là thấy chỗ "như thật" xa lìa các pháp tâm và tâm sở phân biệt, được thánh trí nội chứng của Như lai. Ta nói đây là Niết bàn tịch tịnh.

Bấy giờ Thế tôn lại nói bài tụng:

Đề trừ chấp có sinh

Thành lập nghĩa không sinh

Ta nói luận vô nhân

Kẻ ngu không hiểu được

Hết thấy pháp không sinh

Cũng không là vô pháp

Như Càn thành, huyện mộng

Tuy có mà không nhân

Không, vô sinh, vô tính

Có gì mà ta nói?

Lìa các duyên hòa hợp

Kẻ trí không hay thấy

Vì thế nên ta nói
Không vô sinh vô tính
Mỗi mỗi duyên hòa hợp
Chỉ hiện chứ không có
Phân tích không hòa hợp
Không như ngoại đạo thấy
Như mộng và tóc rũ ? (thùy phát)
Huyễn sự cùng Càn thành
Không nhân mà vọng thấy
Thế sự cũng như vậy
Chiết phục luận hữu nhân
Bày rõ lý vô sinh
Nghĩa vô sinh nếu còn
Pháp nhãn thường không diệt
Ta nói luận vô nhân
Ngoại đạo đều sợ hãi
Làm sao, và nhân đâu
Lại vì sao mà sinh
Hòa hiệp ở chỗ nào
Mà lập vô nhân luận?
Quán sát pháp hữu vi

Không nhân không vô nhân
Nên luận sinh diệt kia
Do đó mà bị phá
Vì vô nên không sinh
Hay vì đổi các duyên?
Hay có tên không nghĩa
Nguyện Phật vì con nói
Vô pháp không bắt sinh
Cũng không phải chờ duyên
Không phải tên của vật
Cũng không tên, không nghĩa
Không thuộc của ngoại đạo
Thanh văn cùng Duyên giác
Cùng Bồ tát thập trụ
Ấy là vô sinh tướng
Xa lìa các nhân duyên
không có người năng tác
Chỉ do tâm kiến lập
Ta nói là vô sinh
Các pháp không nhân sinh
Không không cũng không có

Lìa năng sở, phân biệt

Ta nói là vô sinh

Ngoài tâm không có gì

Lại lìa nơi hai tính

Y tha và vọng kế

(paratantra, parikalpita)

Như thế chuyển sở y

Đấy ta nói vô sinh

Ngoại vật có cùng không

Tâm không sở thủ gì

Tất cả kiến đều đoạn

Ta gọi là vô sinh

Cú nghĩa "không, vô tính"

Nghĩa nó đều như vậy

Không vì không nói không

Vô sinh nên nói không

Nhân duyên cùng tụ hội

Cho nên có sinh diệt

Nếu nhân duyên phân tán

Sinh diệt tất không có

Nếu lìa các nhân duyên

Thì tuyệt không có pháp
Tính một cùng tính khác
Do phàm ngu phân biệt
(Vô hữu bất sinh pháp)
Hữu, vô không sinh pháp
Câu, phi cũng như vậy
Chỉ trừ khi duyên hợp
Trong ấy thấy khởi diệt
Theo tục giả ngôn thuyết
Nói vòng móc nhân duyên
Nếu lia vòng nhân duyên
Nghĩa "sinh" (samkalà) bất khả đắc
Ta nói chỉ vòng câu
Không sinh nói bất sinh
Lìa các lỗi ngoại đạo
Phàm ngu không thể hiểu
Lìa vòng xích nhân duyên
Mà riêng có pháp sinh
Ấy là luận vô nhân
Phá hoại nghĩa câu tở
Như đèn hay chiếu vật

Vòng xích nếu như thế
Đấy tức là vòng xích
Mà riêng có các pháp
Vô sinh tức vô tính
Thế tính như hư không
Là duyên sinh tìm pháp
Là kẻ ngu phân biệt
Lại có loại vô sinh
Do bậc thánh chứng được
Sinh kia không phải sinh
Ấy là vô sinh hẳn
Nếu biết cả thế gian
Đều chỉ là vòng xích
Và không gì khác hơn
Kẻ ấy tâm được định.
Vô minh cùng ái nghiệp
Là kèm tỏa bên trong
Các đại, bần, bánh xe
Là câu tỏa bên ngoài.
Nếu nói có pháp khác
Cũng do nhân duyên sinh

Ngoài nghĩa vòng xích này
Đây không phải giáo lý.
Sinh pháp nếu phi hữu
Ai nhận ra nhân duyên ?
Vì các pháp sinh nhau
Nên gọi là nhân duyên
Tính cứng, ướt, ấm, động
Do phàm ngu phân biệt
Chỉ có duyên, không pháp
Nên nói vô tự tính
Nhu lương y trị bệnh
Nguyên tắc không sai khác
Nhưng vì bệnh không đồng
Liều thuốc có khác nhau
Ta vì các chúng sinh
Diệt trừ bệnh phiền não
Biết căn cơ mạnh yếu
Diễn nói các pháp môn
Phiền não không phải khác
Mà sinh ra các pháp
Chỉ có một đại thừa

Bát chính đạo trong mắt.

Đại huệ Bồ tát đại hữu tình bạch Phật:

Bạch Thế tôn hết thấy ngoại đạo vọng nói vô thường; Thế tôn cũng nói các hành là vô thường, là pháp phải chịu sinh diệt. Thuyết ấy con không hiểu là tà hay chính? Vô thường có mấy thứ?

Phật dạy:

Đại huệ! Ngoại đạo nói có 7 thứ vô thường, không phải pháp của ta. Bảy thứ ấy là: 1. Có người cho rằng có sinh khởi rồi xả bỏ, gọi là vô thường, vì sinh rồi bất sinh nên nói là tính vô thường. 2. Lại có kẻ nói hình biến hoại là vô thường. 3. Có kẻ nói sắc là vô thường. 4. Có kẻ nói cái biến dị của sắc là vô thường. Hết thấy các pháp nối nhau không dứt, khiến cái thể tự nhiên biến đổi và diệt; như trước là sữa sau biến thành gia ua, sự biến dịch ấy tuy không thấy được song nó chính là yếu tố hủy diệt nằm ngay trong mọi sự vật. 5. Có kẻ nói các vật có ra là vô thường. 6. Có kẻ cho hữu phi hữu (existence, non-existence) là vô thường. 7. Có kẻ nói bất sinh là vô thường ở khắp trong mọi pháp. Trong số những quan điểm ấy, hữu phi hữu vô thường (Bhàvabhàvànityatà), nghĩa là các tướng năng tạo sở tạo đều hoại diệt, còn tự tính của đại chúng thì bản lai không khởi. Bất sinh vô thường (Anutpàdànityatà) là các pháp thường, vô thường v.v.. đều không có. Như thế hết thấy đều không có gì sinh; cho đến phân tách thành vi trần cũng không thấy gì. Vì không sinh khởi nên nói là vô sinh. Đây gọi là "bất sinh vô thường". Nếu không hiểu nghĩa ấy tức sa vào nghĩa "sinh vô thường" của ngoại đạo, nghĩa là ở chỗ không phải thường không phải vô thường mà tự sinh ra phân biệt. Nghĩa ấy thế nào? Nghĩa là có một vật gọi là vô thường tự nó không bị hoại diệt, nhưng có thể hoại các pháp. Nếu không có cái vô thường hoại hết các pháp, thì rốt cuộc pháp sẽ bất diệt, thành không có (vô hữu) (như chiếc gậy hay hòn đá, hay như một cái búa đập nát mọi vật khác mà tự nó thì không hoại, ở đây cũng vậy). Đại huệ! (đây là nghĩa của ngoại đạo nhưng) vô thường và hết thấy các pháp ta thấy trước mắt thì không thấy đâu là sai biệt năng tác sở tác, để nói được rằng đây là vô thường, còn đây là cái bị vô thường nó hoại diệt. Vậy thành ra năng tác sở tác đều thường cả mới phải, vì không thấy cái nhân khiến cho các pháp thành ra phi hữu. Đại huệ! Về các pháp bị hoại diệt thật ra có nhân, nhưng phiền một nỗi là không phải chỗ phạm ngu hiểu được. Đại huệ, nhân khác không thể sinh ra quả khác, nếu sinh được, thì hết thấy các pháp đều sinh lẫn nhau, pháp này pháp kia năng sinh sở sinh đều không khác nhau gì cả. Nhưng hiện thấy có khác.

Làm sao dị nhân sinh dị quả? Đại huệ! Nếu có một pháp (objective existence) gọi là vô thường thì cũng đồng với cái sở tác (kết quả) và thành ra tự nó cũng vô thường, vì vô thường cho nên các pháp vô thường đây đều là thường cả. Đại huệ! Nếu tính vô thường ở trong các pháp, thì đáng cùng các pháp sa vào ba giai đoạn quá khứ, hiện tại, vị lai, cùng với sắc quá khứ mà diệt, cùng vị lai không sinh, hiện tại cùng hoại.

Các ngoại đạo cho rằng thể tính của bốn đại là không hoại, tức là bốn đại khác với sắc do bốn đại tạo, vì lìa khác với không khác; tự tính của nó cũng không hoại diệt. Đại huệ! Những pháp năng tạo, sở tạo trong ba cõi không có gì là không phải tướng sinh, trụ, diệt, làm sao có riêng một tính vô thường có thể sinh ra các vật mà tự nó không diệt? Thuyết cho rằng đầu tạo sau diệt nên gọi là vô thường (pràrambhavinivttryanīyatā) cũng không vững, vì các đại chủng khác nhau không thể tạo lẫn nhau; không phải mỗi đại tự tạo, vì không có cái khác ở trong nó; cũng không cùng tạo vì trái nhau. Cho nên biết không phải "thủy - tạo vô thường" Hình trạng hoại vô thường (tribhāvācittamātra) ấy là không phải hoại năng tạo cùng sở tạo nhưng hình trạng hoại. Nghĩa ấy thế nào? Ấy là chẻ tách "sắc" cho tới vi trần, chỉ diệt cái hình trạng dài ngắn v.v.. đã thấy. Chứ không diệt cái sắc thể năng tạo sở tạo. Kiến này sa vào số luận (Sāmkhyavadā) "Sắc tức là vô thường" (Rūpam evānīyam) ấy có nghĩa hình trạng là vô thường, không phải tính tứ đại là vô thường. Nếu tính đại chủng cũng vô thường thì tất là không có thể giới. Không có thể giới nên biết ấy là sa vào kiến chấp của Thế luận thấy hết thấy pháp do tự tướng sinh chỉ có trên ngôn thuyết. Chuyển biến vô thường (Vikāraītyatā) ấy là sắc chủng (rūpa) (hay hình thức) biến đổi chứ không phải đại chủng (tứ đại) biến đổi. Thí như lấy vàng làm các món trang sức, các món này có biến đổi nhưng vàng thì không. Đây cũng vậy. Đại huệ! Các kiến ngoại đạo như thế hư vọng phân biệt về vô thường. Họ nói như vậy: "Lửa không thể đốt cháy tự tướng của nó, mà chỉ phân tán ra. Nếu nó có thể thiêu đốt được, tức thì năng tạo sở tạo đều đoạn diệt." Đại huệ! Ta nói các pháp không "thường" không "vô thường". Vì sao? Vì không chấp pháp ngoài, vì ba cõi chỉ là tâm (Tribhāvācittamātra), vì không nói tới các tướng, vì các sai biệt của đại chủng tính đều không sinh không diệt, không có năng tạo sở tạo, vì năng thủ sở thủ đều do phân biệt khởi, vì biết hai tính thủ (năng sở) đúng như thật, vì hiểu rõ duy tâm hiện, vì lìa hai kiến chấp hữu vô của ngoại đạo, lìa kiến hữu vô nên không phân biệt năng tạo sở tạo. Đại huệ! Các pháp thế gian, xuất thế gian, và xuất thế gian thượng chỉ là tự tâm, không thường, không vô thường; không hiểu rõ như thế sẽ sa vào hai biên kiến ngoại đạo. Đại huệ! Ngoại đạo không rõ biết ba pháp ấy do phân

biệt nên khởi ngôn thuyết chấp trước tính vô thường. Đại huệ! Cảnh giới
ngữ ngôn phân biệt của ba pháp này không phải chỗ phạm phu biết được.

Thế tôn lại nói bài tụng:

Trước tạo rồi sau xả

Hình trạng có chuyển biến

Các sắc vật vô thường

Ngoại đạo vọng phân biệt

Các pháp không hoại diệt

Tự tính đại thường trú

Các kiến chấp ngoại đạo

Nói thế là vô thường

Các chúng ngoại đạo kia

Đều nói : "Không sinh diệt"

"Các tính đại tự thường

Cái gì là vô thường?"

Năng thủ và sở thủ

Hết thấy đều là tâm

Hai thứ do tâm hiện

Không có ngã, ngã sở

Các pháp như Phạm thiên

Ta nói chỉ là tâm

Nếu lìa xa nơi tâm

Hết thấy không có được.

---o0o---

CHƯƠNG IV - HIỆN CHỨNG

Bấy giờ Đại huệ Bồ tát đại hữu tình lại bạch Phật:

Bạch Thế tôn! Xin vì con nói tướng "Nhập diệt thứ đệ tương tục" (Nirodhakramānusamdhilaksana) của hết thấy Thanh văn Duyên giác, khiến con cùng các Bồ tát đại hữu tình khéo biết tướng ấy khỏi bị mê hoặc bởi lạc thú "diệt tận định" (nirodhasukkasamāpatti), không sa vào lầm lẫn của nhị thừa, ngoại đạo.

Phật dạy:

Hãy lắng nghe, lắng nghe. Ta sẽ nói cho ông rõ. Nay Đại huệ! Bồ tát đại hữu tình đến địa thứ 6, cùng Thanh văn Duyên giác nhập diệt định, Bồ tát địa thứ 7 niệm niệm thường nhập vì đã lìa bỏ quan niệm về tự tính của các pháp. Nhị thừa thì không thể. Nhị thừa còn hữu tác (something effect-producing), đọa năng thủ sở thủ; không đạt đến tướng vô sai biệt của các pháp; (họ chỉ nhờ) hiểu rõ tự tướng cộng tướng của pháp thiện, bất thiện mà vào diệt định, nên không hiện tiền thường nhập. Đại huệ! Bồ tát ở Bát địa, Thanh văn, Duyên giác, đã diệt các tướng phân biệt của tâm, ý, ý thức. Từ sơ địa cho đến lục địa, họ quán sát hết thấy ba cõi đều chỉ do tâm, ý, ý thức tự phân biệt khởi, lìa ngã, ngã sở, không thấy các tướng ngoài. Kẻ phàm ngu không biết được vì lầm lỗi huân tập từ vô thủy đến nay. Từ nơi tự tâm biến ra tướng năng thủ sở thủ rồi sinh chấp trước. Đại huệ! Tam muội của bát địa Bồ tát đạt được cũng như Niết bàn của thanh văn Duyên giác, nhưng nhờ Phật lực gia trì nên Bồ tát ở trong tam muội không nhập Niết bàn, nếu không có sự gia trì ấy thì Bồ tát không hóa độ chúng sinh, không hoàn thành Như lai địa, lại còn đoạn dứt giống Phật. Bởi thế nên Phật vì Bồ tát mà nói các công đức lớn không thể nghĩ bàn của Như lai, khiến họ rớt cuộc không nhập Niết bàn, Thanh văn Duyên giác tham đắm pháp lạc tam muội, ở trong đó sinh tướng là Niết bàn. Đại huệ! Bồ tát thất địa khéo quán sát tâm, ý, ý thức, các chấp ngã, ngã sở, vô ngã của nhân, pháp, các tự tướng cộng tướng, sinh diệt, được chắc chắn rành rẽ về tứ vô ngại biện (catuhpratisamvid), ở trong tam muội mà được tự tại, dần vào các "địa" đầy đủ các Bồ đề phần. Đại huệ! Ta sợ các Bồ tát không hiểu rõ tự tướng, cộng tướng, không biết thứ lớp các địa mà phải sa vào ác kiến nên nói như vậy. Đại huệ! Thật ra không có gì sinh hay diệt; các địa lần lượt qua lại trong ba giới đều do tâm thấy, nhưng kẻ phàm

ngu không hiểu rõ nên ta và chư phật mới nói như vậy. Đại huệ! Thanh văn, Duyên giác cho đến Bồ tát ở Bát địa, vì pháp lạc tam muội làm say mê hôn ám, chưa hiểu rõ tất cả chỉ do tâm hiện, bị tự tướng cộng tướng ràng buộc che lấp tâm, dính mắc hai vô ngã, tướng đó là Niết bàn, không phải trí tuệ vắng lặng tịch diệt. Đại huệ! Các Bồ tát đại hữu tình khi thấy sự vui của Tam muội tịch diệt, thì liền nhớ đến bản nguyện đại bi, tu tập đầy đủ mười nguyện vô tận; vì lẽ ấy họ không nhập Niết bàn ngay; vì nhập Niết bàn thì không sinh quả, lìa năng thủ sở thủ; liễu đạt duy tâm, nơi hết thấy pháp không phân biệt, không sa vào tâm, ý, ý thức, vào các chấp trước tính, tướng của pháp ngoài. Tuy nhiên không phải là họ không khởi các chính nhân Phật pháp, tùy theo việc làm của trí tuệ mà khởi như vậy, được địa tự chứng của Như lai. Đại huệ! Thí như người chiêm bao thấy mình tìm hết cách để sang sông, nhưng chưa sang thì đã tỉnh ngủ. Tỉnh rồi suy nghĩ về những việc đã thấy, tự hỏi không biết đây là thật hay vọng? Rồi lại tự nhủ rằng : "Không thật cũng không vọng, như thế chỉ là những tập khí phân biệt của thấy nghe hay biết tích tụ lại, lìa có và không, chỉ là những sự việc hiện trong ý thức lúc chiêm bao mà thôi." Đại huệ! Bồ tát đại hữu tình cũng vậy, từ sơ địa cho đến thất địa, cho đến vào bát địa được vô phân biệt, thấy hết thấy pháp như huyền như mộng, lìa năng thủ sở thủ, thấy công năng rộng lớn của tâm và tâm sở, siêng tu Phật pháp, ai chưa chứng thì khiến được chứng, lìa các vọng tưởng phân biệt của tâm, ý, ý thức, chứng "vô sinh nhẫn". Niết bàn mà Bồ tát chứng được ấy không phải là hoại diệt. Đại huệ! Trong đệ nhất nghĩa không có thứ lớp cũng không tương tục, xa lìa hết thấy cảnh giới phân biệt, ấy gọi là pháp tịch diệt.

Bấy giờ Thế tôn lại nói bài tụng:

Các trụ cùng Phật địa

Duy tâm không ảnh tượng

Đây là điều chư Phật

Đã đang và sẽ nói

Bảy địa đâu còn tâm

Bảy địa không ảnh tượng

Chín và mười còn trụ

Trên đó chỉ ta được.
Tự chứng và thanh tịnh
Đây là địa của ta
Thắng xứ của Ma hê (mahesvara)
Sắc cứu cánh (Akanistha) trang nghiêm
Thí như lửa lớn tụ
Ánh sáng nó bùng phát
Hóa hiện ra ba cõi
Vui vẻ mà trong mát
Có thể giới đang hóa
Nơi đây nói các thừa
Đều là địa Như lai
Thập địa cũng là sơ
Sơ cũng là bát địa
Cửu địa là đệ thất
Thất địa lại như bát
Đệ nhị là đệ tam
Đệ tứ là đệ ngũ
Đệ tam là đệ lục
Không tướng đầu thứ lớp.

CHƯƠNG V - NHƯ LAI THƯỜNG HAY VÔ THƯỜNG

Bấy giờ Đại huệ Bồ tát đại hữu tình lại bạch Phật rằng:

Bạch Thế tôn! Đức Như lai Ứng chính đẳng giác là thường hay vô thường?

Phật dạy:

Đại huệ! Đức Như lai Ứng chính đẳng giác không thường, cũng không vô thường. Vì sao? Vì cả hai quan niệm ấy đều lỗi. Sao là lỗi? Đại huệ! Nếu nói Như lai là thường, thì bị lỗi năng tác; hết thấy ngoại đạo nói năng tác là thường. Nếu Như lai là vô thường, thì bị lỗi sở tác, đồng với các uẩn có tướng (qualifying) và sở tướng (qualified), rốt cuộc sẽ đoạn diệt thành không có. Thế mà Như lai thì thật không đoạn diệt. Đại huệ! Nếu Như lai cũng vô thường như tất cả các vật được tạo tác như bình, áo v.v.. thì hóa ra bao nhiêu sự tu phước trí đều thành không, vô ích. Lại nữa, nếu vậy các pháp được tạo đều là Như lai cả, vì nhân không khác nhau. Cho nên Như lai không thường không vô thường. Lại, này Đại huệ! Như lai không phải thường; nếu là thường, thì như hư không không đợi nhân mới thành. Đại huệ! Thí như hư không không thường không vô thường. Vì sao? Vì lia các lỗi thường, vô thường, một, khác, cùng, không cùng (bothness, not-bothness - câu bất câu) v.v.. Lại nữa Đại huệ! Như lai không thường, nếu là thường, thì tức không sinh, đồng như sừng thỏ, sừng ngựa, sừng cá, sừng rắn v.v..

Tuy nhiên, này Đại huệ! Trong một nghĩa khác thì có thể nói Như lai là thường. Vì sao? Vì trí hiện chứng là thường pháp. Chứng trí là thường nên Như lai cũng thường. Đại huệ! Tự tính của pháp, chỗ ở của pháp, và ngôi vị của pháp (pháp tính pháp trụ pháp vị) mà chư Phật chứng được, dù Như lai có hiện ra đời hay không, pháp ấy vẫn thường trụ không dời đổi, ở nơi các pháp sở đắc của hết thấy nhị thừa ngoại đạo, chứ không phải là không có gì. Tuy nhiên đây không phải điều phàm ngu biết được. Đại huệ! Như lai ấy là do pháp tính nội chứng thanh tịnh mà có tên gọi ấy, không phải do tập quán hư vọng về tâm, ý, ý thức, uẩn giới xứ mà có. Hết thấy ba cõi đều do hư vọng phân biệt sinh, Như lai không do hư vọng phân biệt sinh. Đại huệ! Nếu có hai (duality) thì có thường và vô thường. Nhưng Như lai không hai, vì chứng hết thấy pháp không sinh; cho nên không thường không vô thường. Đại huệ! cho đến có một chút nào ngôn thuyết khởi, đều sa vào lỗi thường hoặc vô thường. Bởi thế nên trừ tiệt hai cái "biết" phân biệt, chớ để chút nào còn sót.

Bấy giờ Thế tôn lại nói bài kệ:

Xa lìa thường vô thường
Mà hiện thường vô thường
Thường quán Phật như thế
Không khởi sinh ác kiến
Nếu thường hoặc vô thường
Tu tập đều vô ích
Để trừ giác phân biệt
Không nói thường vô thường
Cho đến lập thuyết gì
Hết thấy đều làm loạn
Nếu thấy do tự tâm
Thì không còn tranh cãi.

---o0o---

CHƯƠNG VI - SÁT NA PHẨM

Bấy giờ Đại huệ Bồ tát đại hữu tình lại bạch Phật:

Bạch Thế tôn! Xin vì con nói tướng sinh diệt của uẩn, giới, xứ. Nếu không có ngã thì ai sinh, sai diệt? Vì các phàm phu bám nơi sinh diệt, không cầu hết khổ, không chứng Niết bàn.

Phật dạy:

Đại huệ! Hãy nghe kỹ. Ta sẽ nói cho ông. Nay Đại huệ! Trong Như lai tạng có nhân thiện lẫn bất thiện, có thể tạo ra đời sống ở tất cả các cõi, như người đóng tuồng biến hiện các cõi, lìa ngã ngã sở, vì không biết thế nên ba duyên (cha, mẹ, và nghiệp) hòa hợp mà có quả sinh. Ngoại đạo không hiểu, chấp là có tác giả. Những gì do tập khí hư ngụy từ vô thi tích tụ lại gọi là tạng thức, sinh ra thất thức là chỗ ở của vô minh, như biển lớn bỗng nổi ba đào mà thế

tướng của nó (nước) vẫn liên tục thường trú, không gián đoạn. Tạng thức cũng thế, bản tính thanh tịnh lia lỗi vô thường, lia lý luận về ngã, còn bảy thất kia: ý, ý thức v.v.. thì niệm niệm sinh diệt; lấy vọng tưởng làm nhân, cảnh tướng làm duyên hòa hiệp mà sinh, không hiểu sắc v.v.. do tự tâm hiện, chấp trước danh tướng sinh khởi những lạc thọ khổ thọ. Danh tướng ràng buộc đã do tham mà sinh ra, lại sinh khởi tham hoặc làm nhân, hoặc làm duyên. Khi các thủ căn (sự chấp trước) diệt không còn tương tục sinh những phân biệt khổ lạc, thì hành giả hoặc được diệt định hoặc được tứ thiền, hoặc khéo thâm nhập các chân lý giải thoát, bèn vọng sinh tưởng mình đã giải thoát; mà kỳ thật chưa xả chưa chuyển được cái gọi là tạng thức ở trong Như lai tạng. Nếu không có tạng thức thì 7 thức kia đều diệt. Vì sao? Vì tạng thức là nhân và duyên sinh ra các thức kia. Nhưng đây không phải là cảnh giới mà hàng tu hành theo ngoại đạo nhị thừa biết được; vì họ chỉ biết tính "nhân vô ngã" chỉ giữ tự tướng cộng tướng của uẩn giới xứ. Nếu thấy được 5 pháp, 3 tự tính của Như lai tạng, các pháp đều vô ngã, tùy thứ lớp các địa lần lần chuyển đổi tạng thức đến chỗ tịch diệt, thì sẽ không bị ác kiến ngoại đạo lay chuyển, an trú "bất động địa", được 10 thứ pháp lạc tam muội. Nhờ năng lực tam muội của chư Phật gia trì, hành giả quán sát các pháp bất tư nghì của Phật và nguyện lực xưa kia của mình, không trú nơi thật tế (biên giới của thực tại) và pháp lạc tam muội, được trí tự chứng, không giống như nhị thừa ngoại đạo; được 10 con đường dẫn đến giòng thánh, được thân ý sinh, lia các hành nghiệp. Bởi thế, này Đại huệ! Bồ tát đại hữu tình muốn được thắng pháp, phải nên thanh tịnh Như lai tạng gọi là tạng thức. Đại huệ! Nếu không có Như lai tạng tên là tạng thức đó thì tất không có sinh diệt. Cho nên người tu hành tuy thấy pháp lạc của sự an trú trong cảnh nội giới mà vẫn không xả bỏ, đồng mãnh tinh tấn. Đại huệ! Tạng thức Như lai tạng ấy bản tính thanh tịnh, chỉ vì bị khách trần nhiễm ô mà thành bất tịnh. Hết thấy nhị thừa ngoại đạo ước đoán mà khởi kiến chấp không thể biện chứng được. Như lai thì thấy rõ ràng phân minh ở nơi đó, như thấy trái am ma lật ở trong lòng tay (amalaka). Đại huệ! Ta vì Thắng man Phu nhân (Srimaladevi) cùng các Bồ tát Thâm diệu tịnh trí (sksmanipunavisudhabudhi-bodhisattva) mà nói Như lai tạng tên Tạng thức cùng 7 thức đồng khởi, khiến hàng Thanh văn thấy rõ pháp vô ngã. Này Đại huệ! Cảnh giới nói cho Thắng man phu nhân nghe là cảnh giới thật, không phải cảnh của nhị thừa ngoại đạo. Đại huệ! Tạng thức Như lai tạng này là cảnh giới Phật, cũng là chỗ đi của những tịnh trí Bồ tát như ông, những người hiểu biết theo nghĩa lý. Đây không phải là chỗ hiểu của hết thấy ngoại đạo nhị thừa chấp trước văn tự. Cho nên ông cùng các Bồ tát đại hữu tình ở nơi thức tạng của Như lai tạng nên siêng năng quán sát, chớ có mới nghe qua bèn tưởng là đủ rồi.

Bấy giờ Thế tôn lại nói bài tụng:

Như lai tạng sâu xa

Gắn liền với bảy thức

Hai thứ chấp trước sinh

Hiểu rõ liền xa lìa

Do vô thi huân tập

Như bóng hiện trong tâm

Nếu quán sát như thật

Thì tướng cảnh không có

Kẻ ngu nhìn ngón chỉ

Thấy ngón không thấy trăng

Kẻ chấp trước văn tự

Không thấy lý của ta

Tâm như người đạo diễn

Mặt nạ kẻ làm hề

Sáu thức kia bầu bạn

Tạo tán tuồng thế gian.

Khi ấy Đại huệ Bồ tát bạch Phật:

Bạch Thế tôn! Xin vì con nói các sai biệt của 5 pháp, 3 tự tính, 8 thức cùng 2 vô ngã. Con cùng các Bồ tát đại hữu tình biết rõ điều ấy rồi, dần tu các địa, đầy đủ các pháp Phật, đạt được quả vị tự chứng của Như lai.

Phật dạy:

Ông hãy lắng nghe, Ta sẽ nói. Đây Đại huệ! 5 pháp, 3 tự tính, 8 thức, 2 vô ngã ấy nghĩa là: danh (màna), tướng (mimitta), phân biệt (vikalpa), chính trí (sanyagnàna), như như (tathatà). Nếu người tu hành quán sát pháp này, thì được vào cảnh giới tự chứng của Như lai, xa lìa các kiến chấp thường đoạn, hữu vô v.v., được pháp lạc tam muội sâu xa. Đại huệ! Kẻ phàm ngu không hiểu 5 pháp, 3 tự tính, 8 thức, 2 vô ngã, nơi cảnh do tâm hiện thấy có ngoại vật mà khởi phân biệt. Thánh nhân không thế.

Đại huệ bạch Phật:

- Bạch Thế tôn! Vì sao không hiểu mà khởi phân biệt?

Phật dạy:

Đại huệ! Kẻ phàm ngu không biết danh chỉ là cái giả lập, tâm theo đó lưu động thấy các tướng, chấp ngã, ngã sở, nhiễm trước đối với sắc, che lấp chướng ngại chính trí, khởi lên tham sân si, tạo tác ác nghiệp như tâm kéo kén, vọng tưởng tự trói buộc mình, đọa vào các nẻo của biên lớn sinh tử, như bánh xe đạp nước tuần hoàn không dứt, không biết pháp như huyễn như ảo tượng như trăng trong nước, chỉ do tự tâm hiện, do vọng phân biệt khởi, lìa năng thủ sở thủ cùng sinh, trú, diệt. (Nhưng kẻ phàm ngu lại) cho rằng do tự tại, thời tiết, vi trần, thăng tính mà sinh, vì họ chạy theo danh, tướng. Đại huệ! Trong đây "tướng" có nghĩa là cái do nhãn thức thấy gọi là sắc, do nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý thức mà có gọi là thanh, hương, vị, xúc, pháp. Tất cả đó ta gọi là tướng; nghĩa là phân biệt đây là voi, ngựa xe, bộ hành, nam nữ v.v.. chứ không gì khác; làm rõ cái tướng của chúng. Ấy gọi là phân biệt. "Chính trí" là quán sát thấy rõ tính và tướng chỉ do hỗ tương đối đãi mà có, không thật, chỉ là khách, nên thức tâm không khởi vì không đoạn không thường, không theo chỗ của ngoại đạo nhị thừa. Thế gọi là chính trí. Đại huệ! Bồ tát đại hữu tình dùng chính trí ấy quán sát danh tướng không hữu không vô, xa lìa hai ác kiến biên chấp là thêm và bớt. Danh tướng và thức xưa nay không khởi, ta nói pháp ấy là "như như". Đại huệ! Bồ tát đại hữu tình an trú nơi như như được "vô chiếu hiện cảnh" (state of imagelessness), lên "hoan hỉ địa" (pramudità) lìa các cõi của ngoại đạo, vào nơi pháp thuận thực của xuất thế pháp, biết hết thấy các pháp đều như huyễn, chứng pháp của Thánh trí tự chứng, lìa kiến chấp ức đoán, như thế lần lượt đến "pháp vân địa", khi đến pháp vân rồi sẽ được đầy đủ các lực tam muội, tự tại, thần thông đầy đủ Như lai. Khi thành Như lai rồi, sẽ vì chúng sinh mà hiện thân khắp nơi như trăng trong nước, tùy theo ưa muốn của chúng mà nói pháp, thân được thanh tịnh lìa tâm, ý, thức, mang áo giáp mười thế nguyện rộng lớn, đầy đủ thành tựu

mười nguyên vô tận, ấy gọi là những điều Bồ tát đại hữu tình thâm hoạch được khi nhập "như như".

Bấy giờ Đại huệ lại bạch Phật:

Bạch Thế tôn, ba tự tính là ở trong năm pháp, hay là có tướng riêng của chúng?

Phật nói:

Đại huệ! Ba tính, tám thức, hai vô ngã đều ở trong năm pháp. Trong số đó, danh và tướng là tính vọng kế (parikalpita; false imagination), vì vọng kế y nơi phân biệt tâm, tâm sở của danh tướng mà khởi lên đồng thời với danh tướng, như mặt trời và ánh sáng chiếu ra là tính duyên khởi. Chính trí và như như không thể hoại, nên gọi là tính viên thành (parinishpanna). Đại huệ! Khi phát sinh chấp trước đối với những pháp do tự tâm hiện, thì tám thức phân biệt khởi. Tướng sai biệt của các pháp đều không thực, chỉ là tính vọng kế (tướng tượng). Nếu bỏ được hai thứ ngã chấp, thì trí nhị vô ngã (nhân vô ngã và pháp vô ngã) liền sinh. Đại huệ! Tất cả thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, Như lai, các cấp bậc của thánh trí tự chứng, cùng tất cả Phật pháp đều bao gồm trong năm pháp này. Lại nữa, này Đại huệ! Trong năm pháp- tướng, danh, phân biệt, như như, chính trí- thì tướng nghĩa là những gì thấy được, như màu sắc, hình trạng v.v.. mỗi mỗi sai khác. Do các tướng ấy mà lập nên những tên gọi như cái bình là bình, không gì khác, gọi là danh. Bày ra các tên gọi, chỉ rõ các tướng tâm và tâm sở, ấy gọi là phân biệt. Tên gọi và tướng rất ráo đều không, chỉ do vọng tâm phân biệt, quán sát như thế cho đến khi "cái biết" diệt, ấy gọi là như như. Đại huệ! Tướng (characteristics) của như như là chân thật, quyết định, rớt ráo, căn bản, tự tính, khả đắc. Ấy là tướng như như. Ta cùng các Phật tùy thuận (theo chúng sinh mà có) chứng nhập, như thật tướng của nó mà khai thị diễn nói. Nếu ai theo đó giải ngộ được, lìa chấp đoạn, thường, không sinh phân biệt, nhập cảnh giới tự chứng, ra khỏi cảnh giới của ngoại đạo nhị thừa, ấy gọi là chính trí. Đại huệ! Năm pháp, ba tính, tám thức, hai vô ngã này, tất cả Phật pháp đều bao gồm trong ấy. Đại huệ! Trong những pháp này ông nên lấy trí mà khéo thông, và khuyên người khác thông đạt. Thông đạt rồi thì nhất định không bị kẻ khác lay chuyển.

Bấy giờ Thế tôn nói bài tụng:

Năm pháp ba tự tính

Cùng với tám thứ thức

Và hai thứ vô ngã

Bao quát hết đại thừa

Danh, tướng cùng phân biệt

Gồm trong hai tự tính

Chính trí và như như

Ấy là tướng viên thành.

Đại huệ Bồ tát đại hữu tình lại bạch Phật rằng:

Bạch Thế tôn! Như trong kinh nói, chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại số nhiều như cát sông Hằng. Ấy nghĩa là gì? Nên như lời mà hiểu, hay có ý nghĩa gì khác?

Phật dạy Đại huệ :

Không nên hiểu theo ngôn từ. Đại huệ! Chư Phật ba đời không phải số như cát sông Hằng. Vì sao? Sự tối thắng của Như lai siêu việt thế gian, không gì có thể sánh, không thí dụ gì có thể đạt tới, chỉ lấy ít phần làm thí dụ mà thôi. Ta vì hàng phàm phu ngoại đạo tâm ưa chấp trước thường, vô thường, ác kiến tăng trưởng sinh tử luân hồi, muốn chúng chán ghét xa lìa, phát sinh hy vọng thù thắng mà nói rằng: Phật dễ thành dễ gặp. Nếu nói Phật khó gặp như hoa Ưu đàm (udumbarapuspa) thì những kẻ kia liền thôi chí không siêng năng. Bởi lẽ đó mà ta nói Phật ba đời nhiều như cát sông Hằng. Ta cũng có lần vì những người thọ sự giáo hóa của ta mà nói Phật khó gặp như hoa Ưu đàm. Đại huệ! Chưa ai từng thấy hoa Ưu đàm cũng không ai sẽ thấy, nhưng Như lai thì có người đã thấy và sẽ thấy. Đại huệ! Thí dụ như thế không nói lên được chính chân lý, chân lý là cảnh giới của thánh trí chúng được tự trong tâm mình, thế gian không sánh được, vượt ngoài các thí dụ, hết thấy phàm ngu không tin nhận nổi. Đại huệ! Như lai chân thật vượt qua các tướng do tâm, ý, ý thức quan niệm, không thể lập thí dụ về Như lai. Tuy nhiên đôi lúc cũng vì chúng mà nói rằng Như lai nhiều như cát sông Hằng cũng không mâu thuẫn. Đại huệ! Thí như cát sông Hằng bị cá, voi, ngựa dẫm đạp mà không sinh phân biệt, thường thanh tịnh không dơ, Thánh trí của Như lai cũng như cát sông Hằng, năng lực thần thông tự tại của Như lai cũng như cát ấy, dù bị bọn cá ngoại đạo đến nhiều loạn Phật vẫn không khởi niệm phân biệt. Vì sao? Vì bản nguyện (pūrvapranīhitatva) của Như lai là lấy tam muội

lạc để an khắp chúng sinh, như cát sông Hằng không ghét yêu không phân biệt. Đại huệ! Như cát sông Hằng, có đặc tính của đất, đến thời kiếp tận, tất cả đất đai đều bị thiêu hủy nhưng địa đại không bỏ tự tính, vì địa đại thường sinh đồng thời với hỏa đại. Những người ngu nói địa đại bị thiêu hủy nhưng kỳ thật không thiêu, vì hỏa là nhân của địa. Pháp thân của Như lai cũng thế, như cát sông Hằng, không bao giờ hoại diệt. Đại huệ, cũng như cát sông Hằng không có hạn lượng, ánh sáng của Như lai cũng vậy, vì muốn thành tựu vô lượng chúng sinh, nên chiếu khắp đại hội Phật. Đại huệ! Thí như cát sông Hằng ở luôn trong tự tính "cát" không biến thành các vật khác, Như lai cũng vậy, ở trong thế gian không sinh không diệt, vì cái nhân để thọ sinh đi các cõi đều bị đoạn diệt. Đại huệ! như cát sông Hằng lấy đi không thấy bớt bỏ vào không thấy thêm, chư Phật cũng thế, trí phương tiện khiến chúng sinh thành thực không tăng không giảm. Vì sao? Vì pháp thân của Như lai vốn không thân. Đại huệ! Cái gì có thân thì có hoại diệt. Pháp thân không thân nên không hoại diệt. Đại huệ! Như cát sông Hằng, dù có khổ công ép để lấy dầu suốt đời cũng không được, Như lai cũng thế, tuy vì chúng sinh mà phải chịu các khổ bức bách, vẫn không bao giờ khởi sân nhuế, không bỏ tướng pháp giới, không bỏ hương vị của pháp, không bỏ bồn nguyện ban bố hạnh phúc cho chúng sinh, vì Phật có đầy đủ đại từ, đại bi. Nếu ta không khiến cho tất cả chúng sinh vào Niết bàn thì tự ta cũng không vào Niết bàn. Đại huệ! như cát sông Hằng chảy theo nước, không phải nơi không có nước, Như lai cũng vậy, các pháp Như lai nói ra không có gì là không thuận theo giòng Niết bàn, vì thế mà nói chư Phật Như lai như cát sông Hằng.

Đại huệ! "Như lai" nói pháp không theo các đường; "đường" có nghĩa là hoại diệt, biên giới sơ khởi (pūrvakoti: bản tế) của sinh tử không thể biết. Đã không biết được thì làm sao nói "đường". Nay Đại huệ! "thú" có nghĩa là đoạn diệt, kẻ phàm ngu không biết.

Đại huệ Bồ tát lại bạch Phật:

Nếu biên giới sơ khai (bản tế) của sinh tử không thể biết được, thì làm sao chúng sinh ở trong sinh tử giải thoát được?

Phật dạy:

Đại huệ! Khi nhân của tập khí hư dối từ vô thủy bị hoại diệt, biết rõ cảnh ngoài chỉ do tâm hiện, khi phân biệt được chuyển y, đấy gọi là giải thoát, chứ không phải là diệt. Cho nên không thể nói không có biên tế (endlessness). Đại huệ! "Không biên tế" chỉ một tên khác của phân biệt. Đại

huệ! lìa tâm phân biệt, thì không có chúng sinh. Khi lấy trí quán sát các pháp trong ngoài, thì thấy tri cùng sở tri đều vắng lặng. Đại huệ! Hết thấy pháp đều do tự tâm phân biệt thấy, vì không hiểu rõ nên tâm phân biệt khởi, khi hiểu rõ thì tâm phân biệt diệt.

Bấy giờ Thế tôn lại nói bài tụng:

Quán sát các Đạo sư

Ví như cát sông Hằng

Không hoại cũng không đi

Người ấy tất thấy Phật

Ví như cát sông Hằng

Lìa tất cả các lỗi

Mà thường tùy theo giòng

Phật thể cũng như vậy.

Bấy giờ Đại huệ Bồ tát đại hữu tình lại bạch Phật rằng:

Bạch Thế tôn! Xin giảng nói cho con tướng sát na hoại của hết thấy pháp. Những pháp nào gọi là có sát na?

Phật đáp:

Hãy nghe kỹ, ta sẽ nói. Đại huệ! Hết thấy pháp ấy là : thiện pháp (kusala), bất thiện pháp (akusala), hữu vi pháp (samsktra), vô vi pháp (asamsktra), thế gian pháp, xuất thế gian pháp, hữu lậu pháp, vô lậu pháp (anàsrava), hữu thọ pháp (upàtta), vô thọ pháp (anupàtta). Đại huệ! Nói tóm lại, năm thủ uẩn do nhân là tập khí của tâm, ý, ý thức mà tăng trưởng, kẻ phạm ngu ở nơi đây phân biệt là thiện, bất thiện. Bạc thánh hiện chứng pháp lạc tam muội gọi là thiện vô lậu pháp. Lại nữa, này Đại huệ! Thiện và bất thiện ấy là tám thức. Tám thức ấy là gì? Ấy là Như lai tạng gọi là Tạng thức, mặt na thức, ý thức và năm thức căn. Đại huệ! Năm thức cùng đi với ý thức, những tướng sai biệt thiện bất thiện xoay chuyển nối tiếp nhau không dứt, vô dị thể (alaya) sinh ra, sinh rồi liền diệt, vì không hiểu cảnh do tự tâm hiện nên khi diệt lại

có một hệ thống 5 thức khác sinh khởi tiếp theo; ý thức hợp với năm thức ấy mà thu vào các hình tướng sai biệt, không giây nào dừng nghỉ, ta nói đây là pháp sát na. Đại huệ! Như lai tạng gọi là tạng thức cùng đi với các tập khí của Mật na và các thức kia, ấy là sát na pháp. Nhưng vô lậu tập khí không phải là sát na pháp. Đây không phải là điều những người theo sát na luận phàm phu có thể hiểu được. Những kẻ kia không biết vừa là sát na vừa không là sát na, nên chấp các pháp vô vi (unmade - asamsktra) cũng hoại diệt như những pháp khác, đọa vào đoạn kiến. Đại huệ! chính năm thức tự chúng không bị lưu chuyển, không phải là nhân khổ lạc, cũng không là nhân Niết bàn. Như lai tạng thì cùng với nhân (tạo nghiệp) mà thọ khổ, vui có sinh diệt, bị bốn tập khí làm mê hoặc ngăn che. Nhưng kẻ phàm ngu bị phân biệt xông đầy tâm thức không hiểu được nên sinh kiến chấp là sát na khởi. Đại huệ! Như vàng, kim cương, xá lợi của Phật, có tính chất đặc biệt không thể tổn hoại. Nếu các pháp chúng đặc có tính sát na diệt, thì thánh nhân lẽ ra không còn là thánh nhân. Nhưng sự thật là bậc thánh không bao giờ mất thánh cách. Như vàng, kim cương, dù trải qua hết kiếp vẫn không giảm cân lượng. Vì sao kẻ phàm ngu không nhận rõ chỗ thâm mật của lời ta nói, lại sinh tướng sát na đối với tất cả pháp?

Đại huệ Bồ tát bạch Phật rằng:

Bạch Thế tôn! Thế tôn thường dạy nếu đầy đủ sáu pháp ba la mật, sẽ thành chính giác. Sao gọi là sáu pháp? Sao gọi là đầy đủ?

Phật dạy:

Đại huệ! Có ba thứ ba la mật khác nhau, ấy là thế gian, xuất thế gian, và xuất thế gian thượng thượng. Đại huệ! Thế gian ba la mật là phàm phu chấp ngã, ngã sở, chấp thủ nhị biên, cầu được thân ở các cõi, tham sắc thanh hương vị xúc, nên tu các hạnh ba la mật: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, thành tựu được thân thông, sinh vào cõi Phạm thế. Đại huệ! Xuất thế gian ba la mật là Thanh văn Duyên giác chấp trước Niết bàn, mong cầu hỷ lạc cho tự thân mà tu các ba la mật. Đại huệ! Xuất thế gian thượng thượng ba la mật là, Bồ tát đại hữu tình đối với hai pháp của tự tâm, biết rõ chỉ do phân biệt khởi, nên không sinh vọng tưởng, chấp trước, không ôm giữ sắc tướng. Vì muốn lợi lạc chúng sinh, Bồ tát thường tu bố thí Ba la mật. Đối với các cảnh giới không sinh phân biệt, ấy là tu thi la (sila), ba la mật. Thực hành nhẫn nhục không lúc nào khởi phân biệt, biết rõ tự tính năng thủ sở thủ, gọi là sần đề ba la mật. Đầu đêm, giữa đêm, cuối đêm, siêng tu không biếng nhác, tùy thuận chân lý mà hiểu, không sinh phân biệt, ấy gọi là tỳ lê

da ba la mật (tinh tấn). Không sinh phân biệt, không khởi kiến chấp Niết bàn theo ngoại đạo, là thiên ba la mật. Dùng trí quán sát mọi pháp, tâm không khởi phân biệt, không sa vào nhị biên, chuyển các thức sở y thành thanh tịnh (a revulsion takes place at the basis) mà không hoại nghiệp trước (while previous karma is not destroyed), được cảnh giới nội chứng của thánh trí, gọi là bát nhã ba la mật. Khi ấy Thế tôn lại nói bài tụng:

Ngu phân biệt hữu vi

Không, vô thường, sát na

Nghĩa sát na phân biệt

Như sông, đèn, hạt giống

Hết thấy pháp không sinh

Tịch tịnh không sở tác

Các tự tính đều lia

Ấy gọi là sát na

Sinh không dừng liền diệt

Không nói cho phàm ngu

Pháp vô gián tương tục

Phân biệt các cõi khởi

Vô minh chính là nhân

Tâm thức do đó sinh

Khi sắc còn chưa đến

Trung gian trú ở đâu

Vô gián tương tục diệt

Mà có tâm khác khởi

Khi (tâm) không trú sắc
Duyên vào đâu mà sinh
Nếu duyên pháp mà khởi
Nhân ấy tất hư vọng
Nhân vọng, thể không thành
Sao lại sát na diệt?
Chính thọ của bậc tu
Kim cương, Xá lợi Phật
Cùng với Quan âm cung (abhàsvara)
Là những thứ bất hoại
Trí Như lai viên mãn
Chỗ tỳ kheo chứng đắc
Các pháp tính thường trú
Sao lại thấy sát na?
Càn thành, các tướng huyễn
Vì sao không sát na?
Đại chúng không thật tính
Sao lại nói năng tạo?

---o0o---

QUYỂN SÁU

CHƯƠNG VII - PHẨM BIẾN HÓA

Bấy giờ Đại huệ Bồ tát đại hữu tình bạch Phật:

Bạch Thế tôn! Như lai vì có gì thọ ký cho các bậc A la hán rằng họ sẽ chứng Vô thượng chính đẳng chính giác? Vì có gì mà nói rằng chúng sinh không chứng pháp Bát Niết bàn cũng thành Phật? Lại có gì nói từ khi Như lai mới thành Phật đến khi nhập Niết bàn, trong thời gian đó Phật không nói một chữ nào? Lại nói Như lai thường trú trong định không giác không quán? Lại nói các phật sự đều là hóa tác. Lại nói các thức sát na biến hoại. Lại nói thần Kim cang thường theo hộ vệ. Lại nói giới hạn đầu tiên (primary limit - tiền tế) không thể biết, nhưng có thể biết tịch diệt. Lại nói có ma và các việc (nghiệp) của ma? Lại nói có dư báo, nói chuyện người con gái Bà la môn tên Chiên giá (Cancàmanavikà), người con gái ngoại đạo Tôn đà lợi (Sundarikà) cùng các chuyện (Phật) đi khát thực bát không trở về v.v.. Thế tôn đã có những nghiệp chướng như vậy (Kàrmavarana), làm sao thành được nhất thiết chủng trí (Sarvākāranatā)? Nếu đã thành bậc nhất thiết chủng trí rồi, thì tại sao không lià được những lỗi ấy?

Phật dạy:

Hãy nghe kỹ, ta sẽ nói. Đại huệ ! Ta vì Niết bàn vô dư nên mật khuyến các Bồ tát cõi này và các cõi khác, những vị tu Bồ tát hạnh mà lại cầu Niết bàn Thanh văn, mật khuyến họ xả bỏ tâm ấy siêng tu hạnh lớn. Lại biến ra Hóa Phật và các Hóa thanh văn mà thọ ký từng người, không phải pháp tính Phật làm việc thọ ký ấy. Đại huệ! Phật và nhị thừa không khác, do ở điểm rằng Phật và Thanh văn, Duyên giác đều cùng có một vị giải thoát là đoạn các hoặc chướng, không phải trí chướng (Jneyavarana). Trí chướng thì phải thấy pháp vô ngã mới được thanh tịnh. Phiền não chướng (klesavarana) thì khi thấy nhân vô ngã, ý thức liền xả. Ban đầu phải đoạn tập khí trong tạng thức thì sự giải thoát khỏi pháp chướng mới được vĩnh viễn thanh tịnh. Đại huệ! Ta y nơi pháp thường trú mà nói mật ngữ này, vì không khác với chư phật

đòi trước và đòi sau, cũng nói pháp đầy đủ vẫn tự như thế. Đại huệ! Cái biết chân chính của như lai không có vọng niệm, không đợi tư lự suy nghĩ rồi mới nói, vì Như lai từ lâu đã đoạn bốn tập khí, (kiến, dục, sắc, hữu- DG) là hai chết (phân đoạn tử và biến dị tử-DG), trừ hai chương ngại (hoặc chương và trí chương- DG). Đại huệ! ý (mạt na) và ý thức của năm thức căn (nhãn nhĩ tỷ thiệt thân- DG), bảy thứ do tập khí làm nhân, ấy là tính sát na, không có vô lậu thiện và cũng không chịu luân hồi. Đại huệ! Như lai tạng chính là nhân của sinh tử lưu chuyển và Niết bàn, của khổ và lạc; kẻ ngu không biết quý chấp là không. Đại huệ! các đức Như lai biến hóa mới thường được Kim cang lực sĩ theo hộ vệ, chứ không phải các đức Phật chân thật. Như lai chân thật vượt ngoài mọi giác quan và đo lường, nhị thừa ngoại đạo không biết được, an trú nơi pháp lạc hiện hữu và đã thành tựu trí nhẫn. Bởi thế không cần được Kim cang lực sĩ hộ vệ. Tất cả hóa Phật đều không do nghiệp sinh, không phải Phật cũng không phải phi Phật. Thí như thợ gốm hòa các thứ lại mà làm các đồ vật, hóa Phật cũng thế; đầy đủ các tướng hiện ra để diễn nói pháp, nhưng vẫn không thể nói được cảnh giới do Thánh trí tự chứng mà có.

Lại nữa, Đại huệ! Các kẻ phàm ngu thấy sáu thức diệt mà chấp đoạn kiến, không hiểu rõ Tạng thức thì sinh chấp thường kiến. Đại huệ! Biên giới đầu tiên của vọng tâm phân biệt vốn không tự tính, bất khả đắc. Là phân biệt ấy liền được giải thoát, đoạn bốn thứ tập khí, là hết thấy lỗi lầm.

Bấy giờ Thế tôn lại nói bài tụng:

Tam thừa cùng không thừa

Không có Phật Niết bàn

Tất thọ ký thành Phật

Nói là các lỗi ác

Thành tựu trí cứu cánh

Cùng vô dư niết bàn
Đề dụ kẻ hèn nhát
Theo mật ý kia nói
Trí sở đắc của Phật
Diễn nói đạo như thế
Ở đây không đâu khác
Nên phật không Niết bàn
Các kiến, dục, sắc, hữu
Bốn tập khí như thế
Ý thức từ đó sinh
Tạng, Mạt na ở đó
Thấy ý thức, năm thức
Vô thường nên chấp đoạn
Mê ý, Tạng chấp thường
Tà trí gọi Niết bàn.

---o0o---

CHƯƠNG VIII - CẤM ĂN THỊT

Bây giờ Đại huệ Bồ tát đại hữu tình lại bạch Phật rằng:

Bạch Thế tôn! Xin vì con nói các công đức và lỗi lầm của việc ăn thịt, không ăn thịt. Con cùng các Bồ tát biết nghĩa ấy rồi sẽ diễn nói cho chúng sinh ăn thịt ở hiện tại, vị lai bị các tập khí huân tập, và khiến họ bỏ vị thịt mà cầu vị pháp, đối với hết thảy mọi loài sinh lòng đại bi, thương như thương con một, ở địa vị Bồ tát, được vô thượng chính đẳng chính giác, hoặc tạm dừng ở nhị thừa rồi cuối cùng cũng thành vô thượng chính đẳng chính giác. Bạch Thế

tôn! Những bọn Thế luận khởi kiến hữu vô, chấp trước đoạn, thường mà còn cấm không cho ăn thịt, hưởng hồ đức Như lai Ứng chính đẳng giác, đầy lòng đại bi, thế gian đều nương cậy, mà lại tự cho phép mình và kẻ khác ăn thịt hay sao. Hay thay! Đáng Thế tôn đầy đủ đại bi thương xót thế gian, thường xem chúng sinh như con một, nguyện xin Thế tôn giải nói cho con về những lỗi lầm và ác độc của sự ăn thịt và những công đức của sự kiêng thịt, khiến con cùng các Bồ tát nghe rồi phụng hành, rộng nói cho người.

Bấy giờ Đại huệ Bồ tát lại nói bài tụng:

Bồ tát đại hữu tình

Chí cầu Vô thượng giác

Rượu thịt cùng tôi hành

Được ăn hay không được

Kẻ ngu tham ăn thịt

Hôi dơ không xiết kể

Đồng như ác thú kia

Làm sao mà ăn được

Kẻ ăn có lỗi gì

Không ăn có đức gì

Xin nguyện đáng Thế tôn

Vì con khai diễn hết.

Khi ấy Phật dạy Bồ tát Đại huệ rằng:

Đại huệ! Hãy nghe, và khéo suy nghĩ. Ta sẽ phân biệt rõ cho ông thấy. Đại huệ! Có vô số lý do khiến Bồ tát thương xót không ăn thịt, ta chỉ nói đôi phần. Đại huệ! Tất cả chúng sinh từ vô thi đến nay không ngừng qua lại trong sinh tử luân hồi, không khỏi có lần làm cha mẹ anh em con cái lẫn nhau, hoặc làm bà con, bè bạn, đây đó thân yêu... Sang đời khác họ sinh làm thân chim và thú, sao nữ đem ăn thịt? Đại huệ! Bồ tát đại hữu tình xem

chúng sinh như thân mình, nghĩ rằng thịt đều do có mạng sống mà ra, làm sao nỡ ăn? Đại huệ! Bọn quỷ la sát v.v.. nghe ta nói thế này còn bỏ ăn thịt, hướng hồ những người thích pháp. Đại huệ! Bồ tát đại hữu tình ở đâu cũng xem chúng sinh là thân thuộc, cho đến nghĩ như con một của mình, nên không ăn tất cả thịt. Đại huệ! những người bán thịt ở góc đường chợ búa hoặc lấy thịt chó ngựa người trâu bò v.v.. đem bán để cầu lợi, ứ tạp như thế làm sao ăn được.

Đại huệ! Hết thấy các thứ thịt đều do máu huyết ô ứ làm ra, người cầu trong sạch sao lại ăn dùng. Đại huệ! chúng sinh khi thấy những người ăn thịt thì sợ hãi, kẻ tu từ tâm sao lại ăn thịt. Đại huệ! Những thợ săn, Chiên đà la (Càndàla), những người bắt cá, lưới chim, chó thấy thì sủa, thú vật thấy thì bỏ chạy. Tất cả chúng sinh bay trên không chạy trên đất, sống dưới nước, trông thấy những người kia đều nghĩ : "Tên ấy trông như quỷ la sát, nay đến đây chắc để giết mình." Vì lo giữ mạng sống nên chúng đều chạy tránh. Người ăn thịt cũng vậy. Cho nên Bồ tát vì tu hạnh từ không nên ăn thịt. Đại huệ ! Người ăn thịt thì thân thể hôi hám dơ bẩn, tiếng ác truyền khắp, hiền thánh, người tốt không thân gần, do vậy Bồ tát không nên ăn thịt. Đại huệ! Máu thịt là thứ mà tiên thánh không dùng, nên Bồ tát không ăn thịt. Đại huệ! Lại vì muốn gìn giữ tín tâm của chúng sinh, không để họ chê bai nhạo báng Phật pháp, nên Bồ tát không ăn thịt. Đại huệ! Nếu đệ tử ta ăn thịt, thì người đời sẽ ôm lòng chê bai, nói: "Sa môn tịnh hạnh sao lại từ bỏ vị ăn của chư thiên mà cư xử như ác thú, ăn thịt đầy bụng đi khắp thế gian, khiến chúng sinh cảm thú hoảng sợ, phá hạnh thanh tịnh, lỗi đạo sa môn? Xem đây đủ biết Phật pháp không có hạnh điều phục." Bồ tát thương chúng sinh, muốn giữ cho họ khỏi sinh tâm ấy, nên không ăn thịt. Đại huệ! Khi thịt người cháy thì hơi hôi xông lên, các thứ thịt nướng khác cũng vậy. Cũng cùng là thịt, sao lại có thứ ăn, có thứ không ăn. Cho nên những người vui đạo thanh tịnh

không nên ăn thịt. Đại huệ! Các nam nữ thiện tín tu hành thanh tịnh ở dưới cây hay nơi vắng vẻ để an trú tâm từ, trì chú cầu giải thoát, hoặc cầu pháp Đại thừa, nhưng vì ăn thịt mà không đạt được các mục đích trên. Bởi thế Bồ tát muốn lợi mình lợi người không nên ăn thịt. Đại huệ! Người ăn thịt khi trông thấy thịt liền sinh lòng tham ăn ngon. Bồ tát thương nghĩ hết thấy chúng sinh như thân mình, làm sao thấy thịt mà nghĩ đến chuyện ăn được? Vì thế Bồ tát không nên ăn thịt. Đại huệ! Lại người ăn thịt thì chur thiên xa lánh, hơi miệng thường hôi, ngủ mộng bất an, tinh dậy lo sợ, bị ác quỷ dạ xoa hút mất tinh khí, lòng nhiều hoảng sợ, ăn không biết đủ, tăng trưởng bệnh, dễ sinh ghẻ lở, mụn nhọt, thường bị vi trùng đục khoét, không thể sinh tâm chán ghét muốn xa lìa thịt. Đại huệ! Ta thường nói : "Tỳ kheo ăn cái gì cũng nên nghĩ như ăn thịt con." Các thức ăn khác còn thế, thì sao ta lại cho phép đệ tử ăn thịt được? Đại huệ! Thịt không tốt đẹp, không sạch, làm sinh các tội ác, phá hoại các công đức, bị chur thiên, thánh nhân xa lìa, sao ta lại cho phép đệ tử ăn thịt? Kẻ nào nói ta thuận cho ăn thịt chính là phi báng ta vậy. Đại huệ! Thức ăn sạch là lúa gạo, đậu, đại mạch, tiểu mạch, dầu mè, ván sữa, đường. Những loại như thế đều được chur Phật quá khứ cho phép ăn. Những thứ nên ăn ta nói đây là để cho những thiện nam tín nữ trong dòng họ ta, những kẻ có đức tin thanh tịnh, đã trồng căn lành từ lâu đời, không tham trước thân mạng tài sản, xót thương hết thấy như chính thân mình. Ta nói những vật nên ăn cho những người như vậy, chứ không phải cho những kẻ có thói quen độc ác, tính như hổ lang, lòng nặng dục vọng.

Đại huệ! Xưa có quốc vương tên Sư tử sinh (Simhasaydàsa), ưa mùi vị thịt, ăn đủ thứ thịt đến cả thịt người, thần dân không chịu nổi nên làm phản. Cuối cùng vua phải mất nước, chịu khổ não lớn. Đại huệ! Thích đề hoàn nhân đã ở địa vị vua trời, do tập khí ăn thịt đời trước còn lại, nên biến làm chim ưng

săn đuổi một con bò câu. Ta lúc ấy làm vua tên Thi tỳ (Sivin), thương xót bò câu nên tự cắt thịt mình để thế mạng cho nó.

Đại huệ! Tập khí còn lại của Đế thích còn làm khổ chúng sinh, hướng gì những kẻ ăn thịt thường xuyên không biết hổ thẹn. Ăn thịt đã tự hại còn hại người, vì thế Bồ tát không nên ăn thịt. Đại huệ! xưa có ông vua cỡi ngựa đi săn, ngựa sợ chạy vào núi hiểm, chón không người ở, cũng không có lối ra. Vua gặp một sư tử cái cùng nó hành dâm sinh nhiều con. Trong số con có một trưởng giả rất giàu có tên Ban túc, về sau làm vua thống lĩnh 7 ức nhà, vì quen thói ăn thịt nên không phải thịt thì không ăn. Ban đầu ăn thú vật sau đến ăn người, sinh con trai con gái đều là quý la sát, chết tái sinh làm sư tử, sài lang, cạp beo, chim điêu, chim thúu v.v.. muốn cầu được thân người còn không được, nói gì đến cầu thoát sinh tử đạt Niết bàn. Đại huệ! Ăn thịt có vô lượng lỗi làm tai hại như thế, nên chấm dứt ăn thịt sẽ được công đức lớn. Kẻ phàm ngu không biết những tổn hại của sự ăn thịt và lợi ích của không ăn. Bởi thế nay ta vì người mà nói rõ. Bất cứ cái gì là thịt đều không nên ăn. Đại huệ ! Người ta sát sinh phần lớn là do có người ăn thịt, nếu không người ăn thì cũng không có việc giết; bởi thế ăn thịt cũng có tội như giết. Quái lạ cho người đời tham đắm vị thịt, thịt người còn ăn huống là thịt chim thú. Vì tham ăn ngon, chúng đặt ra đủ cách giăng lưới bày bẫy khắp nơi, loài dưới nước, loài ở trên đất, loài bay trên không đều bị giết hại, nếu không tự mình ăn thì cũng đem bán để lấy tiền.

Đại huệ ! Thế gian có những kẻ không lòng thương xót, chuyên làm việc tàn bạo như quý la sát; khi thấy chúng sinh thân hình béo tốt là nghĩ đến thịt, và bảo "Con vật này ăn được đấy." Đại huệ ! Thế gian không có thứ thịt nào không do mình giết hay người giết, lòng mình không nghi là nó bị giết (để có thể ăn được.) Do nghĩa này mà ta cho phép thanh văn ăn thứ thịt như thế. Đại huệ ! Đời sau có những kẻ ngu si xuất gia trong pháp luật của ta, giảng

quấy giới luật, làm loạn chính giáo, phỉ báng ta với lời nói ta cho phép ăn thịt và chính ta cũng đã từng ăn. Đại huệ ! Nếu ta cho phép thanh văn ăn thịt, tức ta không phải người an trú tâm từ, người tu quán hạnh, người hành đầu đà, người đi nơi đại thừa; làm sao có thể khuyên thiện nam tín nữ nên xem chúng sinh như con một, nên dứt ăn tất cả thịt? Đại huệ! Có chỗ ta nói cho ăn ba thứ tịnh nhục, đấy là để dần dần cấm hẳn, khiến dễ tu học. Nay trong kinh này, tất cả thịt của con vật tự chết hay bị giết, đều không được ăn. Đại huệ ! Ta chưa bao giờ cho phép đệ tử ăn thịt, cũng không đang cho phép, cũng không sẽ cho phép.

Đại huệ ! Tất cả sự ăn thịt đối với người xuất gia đều là bất tịnh.

Đại huệ ! Nếu có kẻ ngu si phỉ báng ta bằng cách nói Như lai cho phép ăn thịt và chính Như lai cũng đã có ăn, nên biết kẻ ấy bị ác nghiệp buộc ràng, sẽ bị đọa vào những chỗ không lợi lạc. Đại huệ ! Các thánh đệ tử còn không ăn những thứ đoàn thực của phàm phu, huống gì thịt vốn là thức ăn dơ uế. Đại huệ ! Thanh văn duyên giác bồ tát còn chỉ ăn pháp thực (dharmàhàra) huống gì Như lai. Đại huệ ! Pháp thân Như lai không phải là thân ô tạp. Như lai đã dứt trừ hết phiền não, tẩy sạch hết tập khí, khéo thanh lọc tâm tuệ, đại bi bình đẳng quán khắp chúng sinh như con một; há lại cho phép đệ tử thanh văn ăn thịt con ta sao? Huống nữa là tự ta ăn. Nói như vậy là chuyện không có.

Bấy giờ Thế Tôn lại nói bài tụng:

Đều từng làm thân thuộc

Do các uế mà thành

Làm khiếp sợ chúng sinh

Nên không được ăn thịt

Tất cả các loại thịt

Hành tội, các thứ rượu

Những vật bất tịnh ấy
Người tu hành lìa xa
Lại thường lìa dầu thoa
Cùng giường có thùng lổ
Vì các côn trùng nhỏ
Trong đó rất sợ hãi
Ăn (thịt) sinh phóng dật
Phóng dật sinh tà giác
Tà giác sinh tham lam
Bởi vậy không nên ăn
Vì tà giác sinh tham
Tâm bị mê vì tham
Tâm mê tăng ái dục
Sinh tử không giải thoát
Vì lợi sát chúng sinh
Lấy tiền ra mua thịt
Cả hai đều ác nghiệp
Chết đọa ngục gào thét
Không thấy nghe nghi giết
Ba thứ ấy gọi tịnh
Vì thịt ấy không có
Kẻ ăn ta quở trách
Lại cùng ăn nuốt nhau
Chết đọa vào ác thú
hôi dơ và si cuồng
Bởi thế không nên ăn
thợ săn, chiên đà la

Đồ tể, la sát bà
Sinh trong các hạng ấy
Là quả báo ăn thịt
Đã ăn không hổ thẹn
Đời đời bị si cuồng
Chư Phật cùng Bồ tát
Thanh văn đều nghi ghét
Tượng kiếp (Hastikakshya) cùng Đại vân (Mahàmegha)
Niết bàn, ương quật ma (angulimàlika)
Cùng lãng già kinh này
Ta đều bảo dứt thịt
Trước nói kiến, văn, nghi
Để dứt hết thầy thịt
Vì ác tập cho nên
Kẻ ngu vọng phân biệt
Như tham ngăn giải thoát
Các thịt cũng như thế
Nếu người có ăn thịt
Không thể vào thánh đạo
Chúng sinh đời vị lai
Nói ngu si về thịt
Nói "đây tịnh không tội
Phật cho chúng ta ăn."
Tịnh thực còn (xem) như thuốc
Như đói ăn thịt con
Cho nên kẻ tu hành
Biết lượng đi xin ăn

Ăn thịt trái giải thoát
Cùng trái biểu tượng thánh
Khiến chúng sinh sợ hãi
Cho nên không được ăn
Kẻ an trú từ tâm
Thường phải nên xa lìa
Su tử và hổ lang
Ăn thịt sinh trong đó
Nếu các thứ rượu thịt
Hết thấy đều không dùng
Sẽ sinh dòng hiền thánh
Thịnh vượng, đủ trí tuệ.

---o0o---

CHƯƠNG IX - ĐÀ LA NI

(Dhàranìparivatro nàma Navamah)

Phật dạy Đại huệ Bồ tát đại hữu tình:

Đại huệ ! Chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai vì muốn ủng hộ người thọ trì kinh này, nên diễn nói chú lãng già. Nay ta cũng nói chú ấy, ông nên thọ trì.

Liên nói bài chú:

"Đát điệt tha, đở tra, đở tra, đở tra, đở tra, bát tra. bát tra, cát tra cát tra, a ma lệ, a ma lệ, tỳ ma lệ, tỳ ma lệ, nễ mé né mé, hê mé hê mé, phược mé phược mé, cát lệ cát lệ, yết ra cát lệ, a tra mạt tra, chiết tra đốt tra, kỳ nhã tra tát phỏ tra, cát địa, lạt địa bạt địa, hê mé, hê mé, đê mé, chiết lệ chiết lệ, bát lệ bát lệ,

hạn đệ tỳ đệ, án chiết mẫn chế, đễ trà rị đễ trà rị, bát trà rị, át kế át kế, hê mế hê mế, đở đở đở đở, lỗ lỗ lỗ lỗ, đở đở đở đở, hỏ đở hỏ đở, hỏ đở hỏ, ta bà ha."

(Tadyathà tutte tutte vutte vutte patte patte katte katte amale amale vimale vimale nime nime hime hime vame vame kale kale atte matte vatte tuttle jnette sputte katte katte latte patte dime dime cale cale pace pace bandhe bandhe ance mance dutare dutare patare patare arkhe arkhe sarkhe sarkhe cakre cakre dine dine hime hime tu tu tu tu du du du du ru ru ru ru phu phu phu svàha)

Đại huệ ! Trong đời vị lai, nếu có người thiện nam thiện nữ thọ trì đọc tụng, vì người khác mà nói đà la ni này, nên biết những người ấy không bị tất cả người, phi nhân, quỷ thần v.v.. động tới. Nếu có người bỗng gặp chuyện dữ, mà tụng niệm cho người ấy 108 biến chú này, thì ác ma liền bỏ chạy. Đại huệ, ta lại nói cho ông Đà la ni này nữa. (Đức Phật liền nói bài chú):

Đát điệt tha, bát đầu ma đệ bệ, bát đầu mế hế, nê hế mễ hế nê, lệ chủ la chủ lệ, hỏ lệ hỏ la hỏ lệ, sáu lệ sáu lệ, bả lệ bả la bả lệ, sấn đệ tàn đệ, bạn thệ mặt đệ, ni la ca lệ, sa bà ha.

(Tadyathà- padma padmadeve - hime hini hine - cu cule culu cule - phale phula phule - yule ghule yula yule - ghule ghula ghule - pale pala palemunce cchinde bhinde bhannje marde pramarde dikakare svàhà)

Đại huệ ! Nếu có thiện nam thiện nữ thọ trì đọc tụng, vì người diển nói đà la ni này, thì sẽ không bị trời, rồng, dạ xoa, nhân và phi nhân v.v.. cùng các ác quỷ thần làm hại. Ta vì muốn cấm chỉ các loài la sát mà nói thân chú này. Người trì chú này cũng như thọ trì tất cả bộ kinh Nhập lăng già vậy.

CHƯƠNG X - KỆ TỤNG - PHẦN THỨ NHẤT

Bấy giờ Thế Tôn muốn nói lại các nghĩa rộng trong tu đa la (kinh) này nên nói bài kệ:

Các pháp không chắc thật
Đều do phân biệt sinh
Vì phân biệt là không
Bị phân biệt không có
Do hư vọng phân biệt
Mà có các thức sinh
Tám, chín thức các món
Như sóng lớn trong biển
Tập khí thường tăng trưởng (1)
Tâm chuyển theo cảnh giới
Như sắt với nam châm
Tính chúng sinh sở y
Xa lìa các suy lường
Cùng lìa trí, sở tri
Chuyển y đặng giải thoát
Được như huyễn tam muội
Siêu quá nơi thập địa
Khi quán thấy tâm vương
Tưởng thức đều xa lìa
Khi tâm đã chuyển y
Ấy gọi là thường trụ
Ở nơi Liên hoa cung
Khởi ra các huyễn cảnh

Đã ở cung ấy rồi
Tự tại không dụng công
Lợi ích cho chúng sinh
Như màu ngọc ma ni
Không hữu vi, vô vi
Chỉ trừ vọng phân biệt
Phàm ngu mê chấp giữ
Như thạch nữ mộng con
Nên biết rằng linh hồn
Uẩn, giới, các thứ duyên
Các kiến hữu, phi hữu
Đều không, vô tự tính
Ta dùng phương tiện nói
Nhưng thật không có tướng
Phàm phu vọng chấp giữ
Năng tướng cùng sở tướng
Tất cả biết cùng không
Tất cả không tất cả
Do phàm ngu phân biệt
Phật không giác tự, tha
Các pháp như mộng huyễn
Không sinh, không tự tính
Vì đều là tính không
Không có, bất khả đắc
Ta chỉ nói một tính
Lìa nơi vọng kế chấp
Tự tính không có hai

Chỗ làm của các Thánh
Như tứ đại bệnh suy
Khắp cõi thấy hoa đóm
Cái thấy đó không thực
Thế gian cũng như vậy
Như huyễn hiện các tượng
Cây cỏ cùng ngói sỏi
Mà thật không có gì
Các pháp cũng như vậy
Không năng thủ sở thủ
Không trói không bị trói
Như huyễn như ảo tượng
Như mộng như hoa đóm
Nếu muốn thấy chân thật
Hãy lià phân biệt, thủ
Nên tu quán chân thật
Tất không Phật, không nghi
Thế gian đồng như mộng
Sắc, của cái đều thế
Nếu thấy được như vậy
là tối tôn trên đời
Ba giới do tâm khởi
Do mê hoặc thấy có
Lià vọng không thế gian
Biết rồi chuyển nhiễm y
Sở kiến của phàm ngu
Vọng chấp có sinh diệt.

Bạc trí quán như thật
Không sinh cũng không diệt
Thường hành "vô phân biệt"
Xa lìa tâm, tâm pháp
Trú trời sắc cứu cánh
Lìa các chỗ lỗi lầm
Nơi đây thành chính giác
Đủ thần thông tự tại
Cùng các định thù thắng
Hóa hiện nơi thành này
Hóa thân vô lượng ức
Du khắp hết các cõi
Khiến ngu phu được nghe
Như hương, khó nghĩ lường
Xa lìa đầu, giữa cuối
Lại xa lìa hữu, vô
Không nhiều mà hiện nhiều
Không động mà biến khắp
Nói trong thân chúng sinh
Tính chân bị che lấp
Mê hoặc thành huyễn có
Không phải huyễn bị mê
Do tâm mê hoặc nên
Hết thấy đều thành có
Vì chúng trói buộc nhau
Tạng thức sinh thế gian
Như thế các thế gian

Chỉ có giả hiện bày
Các kiến như thác chảy
Có ra pháp và người
Nếu biết được như thế
Tức là chuyển sở y
Làm con ta đích thực
Thành tựu pháp tùy thuận
Do ngu phu phân biệt
Pháp cứng, ảm, ảm, động
Giả danh không có thật
Lại không tướng, sở tướng
Thân hình và các căn
Đều do tám vật thành
Phàm ngu chấp sắc tướng
Thân kia bị lao lung
Phàm ngu vọng phân biệt
Nhân duyên hòa hiệp sinh
không rõ tướng chân thật
Trôi lăn trong ba cõi
Các chủng tử trong thức
Hay hiện cảnh giới tâm
Do phàm ngu phân biệt
Vọng chấp nơi hai thủ
Vô minh cùng ái nghiệp
Các tâm do đó sinh
Vì vậy ta biết rõ
Đó là tính y tha

Vọng phân biệt có vật
Mê hoặc các tâm pháp
Phân biệt kia đều không
Mê vọng chấp là có
Tâm bị các duyên buộc
Sinh khởi nên chúng sinh
Nếu xa lìa các duyên
Ta nói không sở kiến
Đã lìa hết các duyên
Tự tướng và phân biệt
Trong thân không sinh khởi
Ta gọi là vô vi
Tâm sở chúng sinh khởi
Năng thủ và sở thủ
Sở kiến đều vô tướng
Phàm ngu vọng phân biệt
hiển thị A lại gia
Tạng thức rất thù thắng
Lìa năng thủ sở thủ
Ta nói là chân như
Trong uẩn không có người
Không ngã, không chúng sinh
Sinh chỉ là thức sinh
Diệt chỉ là thức diệt
Như tranh có cao thấp
Tuy thấy mà không thật
Các pháp cũng như vậy

Tuy thấy mà không có
Như thành càn thát bà
Lại như bóng nắng lò
Sở kiến thường như vậy
Trí quán không thể có
Nhân duyên cùng thí dụ
Lấy đó mà lập tôn
Càn thành, mộng, vòng lửa
Ảo tượng, ánh mặt trời
Nơi lửa, và mao luân
Lấy đó làm ví dụ
Để bày nghĩa vô sinh
Thế phân biệt đều không
Mê hoặc, như huyễn mộng
Thấy các loài không sinh
Ba cõi không sở y
Trong ngoài cũng như vậy
Thành tựu vô sinh hẳn
Được như huyễn tam muội
Cùng với Ý sinh thân
Đủ các món thân thông
Các lực và tự tại
Các pháp vốn vô sinh
Không, không có tự tính
Mê hoặc các nhân duyên
Nên nói có sinh diệt
Ngu phu vọng phân biệt

Lấy tâm hiện ra tâm
Cùng hiện các ngoại sắc
Mà thật không có gì
Nhu định lực quán thấy
Tượng Phật cùng khớp xương
Phân chẻ đến đại chủng
Giả bày ra thế gian
Thân, tài sản, chỗ ở
Ba pháp làm sở thủ
Ý thủ và phân biệt
Ba pháp làm năng thủ
Mê hoặc cùng vọng kế
Là phân biệt năng, sở
Chỉ theo văn tự, cảnh
Mà không thấy chân thật
Hành giả lấy tuệ quán
Các pháp không tự tính
Khi ấy trụ vô tướng
Hết thấy đều dứt bật
như lấy mực vẽ gà
Kẻ vô trí vọng thủ
Thật không có ba thừa
Phàm ngu không hiểu được
Nếu thấy các thanh văn
Cùng với bích chi Phật
Đều là chỗ hóa hiện
Của Bồ tát đại bi

Ba cõi chỉ là tâm
Phân biệt hai tự tính
Chuyển y lìa nhân pháp
Ấy tức là chân như
Nhật nguyệt ánh đèn lửa
Đại chúng và ma ni
Không phân biệt tác dụng
Chư Phật cũng như vậy
Các pháp như mao luân
Xa lìa sinh, trụ, diệt
Lại lìa thường, vô thường
Nhiễm tịnh cũng như thế
Như bôi thuốc vào mắt
Thấy đất thành sắc vàng
Mà thật trong đất kia
Vốn không có tướng vàng
Kẻ ngu cũng như vậy
Tâm mê loạn vô thi
Vọng chấp các pháp thật
Như huyễn như ảo tượng
Nên quán một chúng tử
Cùng phi chúng đồng ản
Một chúng hết thấy chúng
Gọi các pháp của tâm
Các chúng tử là một
Chuyển y thành phi chúng
Bình đẳng đồng pháp ản

Tất đều không phân biệt
Tất cả những chủng tử
Làm nhân cho các thức
Sinh các sự phiền não
Gọi là các chủng tử
Quán tự tính các pháp
Mê hoặc không bỏ đời
Tính vật vốn vô sinh
Biết rõ tức giải thoát
Bậc định quán thế gian
Các sắc do tâm khởi
Vô thi tâm mê hoặc
Thật không có sắc, tâm
Như huyễn và Càn thành
Mao luân và ảo tượng
Không có mà hiện có
Các pháp cũng như vậy
Hết thấy pháp không sinh
Chỉ do mê hoặc thấy
Đã do mê vọng sinh
Ngu vọng chấp có hai
Do các thứ tập khí
Sinh các làn sóng tâm
Nếu khi tập khí đoạn
Sóng tâm không còn khởi
Tâm duyên các cảnh khởi
Như tranh nung vào vách

Nếu ở giữa hư không
Làm sao mà họa được
Nếu duyên một ít phần
Khiến tâm kia được sinh
Tâm đã do duyên khởi
Nghĩa duy tâm không thành
Tính tâm vốn thanh tịnh
Cũng như hư không lặng
Đem tâm mà chấp tâm
Do tập khí không khác
Chấp trước tự tâm hiện
Do tâm mà sinh khởi
Sở kiến không ngoài tâm
Nên nói rằng duy tâm
Tạng thức gọi là tâm
Tư lương lấy làm ý
Hay rõ các cảnh giới
Ấy tức gọi là thức
Tâm thường là vô ký (avyākṛta)
Ý đủ hai thứ hành
Hiện tại thức đầy đủ
Các pháp thiện, bất thiện
Tu chứng không nhất định
Các địa vào cõi nước
Vượt ra ngoài tâm lượng
An trú không quả tướng
Các sở kiến hữu, vô

Cùng với các món tướng
Đều là do phàm phu
Điên đảo vọng chấp trước
Bậc trí lia phân biệt
Sự vật đã trái nhau
Do tâm không sắc tướng
Bởi thế vô phân biệt
Các căn đều như huyễn
Cảnh giới thì như mộng
Năng tác cùng sở tác
Hết thấy đều phi hữu
Tục đế có tất cả
Đệ nhất nghĩa tuyệt không
Vô tính của các pháp
Gọi là đệ nhất nghĩa
Trong chỗ vô tự tính
Nhân vì các ngôn thuyết
Nên có các vật khởi
Ấy gọi là tục đế
Nếu không có ngôn thuyết
Các vật khởi cũng không
Trong tục đế không có
Chỉ có lời, không sự
Pháp điên đảo hư vọng
Thật ra không có gì
Nếu đảo là thật có
Thì vô không tự tính

Vì hữu không có tính
Mà pháp điền đảo kia
Hết thấy các vật có
đều là bất khả đắc
Ác tập huân nơi tâm
Hiện ra đủ các tướng
Mê hoặc nói ngoài tâm
vọng thủ các sắc hình
Phân biệt vốn là không
Nên phân biệt đoạn được
Vô phân biệt sẽ thấy
Thật tính, chúng chân không
Vô minh huân nơi tâm
Nên thấy các chúng sinh
Như các voi ngựa huyễn
Cùng cây lá và vàng
Như kẻ bị đau mắt
Mê hoặc thấy mao luân
Phàm phu cũng như vậy
Vọng thủ các cảnh giới
Phân biệt, sở phân biệt
Cùng người khởi phân biệt
Chuyên, sở chuyên, nhân chuyên
Do đó sáu giải thoát
Do nơi vọng kế nên
Không địa, không các đế
Lại không có sát độ

Hóa Phật và nhị thừa
Tâm khởi hết thấy pháp
Hết thấy xứ và thân
Tâm tính thật vô tướng
Vô trí thủ các món
Phân biệt mê hoặc tướng
Gọi là y tha khởi
Trong tướng có các tên
Ấy là vì vọng kể
Các duyên pháp hòa hợp
Phân biệt thành danh, tướng
Tất cả đều không sinh
Gọi là viên thành thật
Mười phương các sát độ
Trong chúng sinh, Bồ tát
Bao nhiêu pháp, Báo Phật
Hóa thân cùng biến hóa
Đều từ cực lạc giới
Của Di đà mà ra
Ở trong kinh Phương quảng
Nên biết nghĩa bí mật
Những gì Phật tử nói
Cùng của Đạo sư dạy,
Đều do Hóa thân nói
Không phải Thật Báo Phật
Các pháp không từng sinh
Cũng không phải không có

Như huyễn, lại như mộng
Như hóa, như Càn thành
Các pháp do tâm khởi
Các pháp do tâm thoát
Tâm khởi không cách khác
Tâm diệt cũng như thế
Vì chúng sinh phân biệt
Các tướng hư vọng hiện
Duy tâm thật không cảnh
Lìa phân biệt, giải thoát
Do phân biệt, hí luận
Tích tập từ vô thi
Vì các ác tập huân
Khởi cảnh hư vọng này
Các pháp đều không sinh
do tự tính vọng kế
Y chỉ nơi duyên khởi
Chúng sinh mê phân biệt
Phân biệt không tương ưng
Thì y tha cũng dứt
Sở trú rời phân biệt
Chuyển y tức chân như
Chớ vọng kế hư vọng
Vọng kế tức không thật
Mê hoặc vọng phân biệt
Năng, sở thủ đều không
Phân biệt thấy ngoại cảnh

Ấy là tính vọng kế
Do hư vọng kế ấy
Duyên khởi tự tính sinh
Tà thấy các ngoại cảnh
Không cảnh chỉ do tâm
Quán sát đúng như lý
Năng, sở thủ đều diệt
Cảnh ngoài thật không có
Tập khí nhiễm ô tâm
Mà chuyển có tợ cảnh
Khi diệt hai phân biệt
Trí tịnh thuộc chân như
Khởi ra cảnh vô ảnh
Cảnh thánh khó nghĩ bàn
Do cha mẹ hòa hiệp
Như gia ua trong bình
A lại gia, ý đủ
Khiến tăng trưởng xích, bạch
Bé thi (pesi) và Trù bào (Ghanàrbuda)
Các thứ uế nghiệp sinh
Gió nghiệp tăng bốn đại
sinh ra như trái chín
Năm cùng năm và năm
Sang khiêu có chín lỗ
Móng, răng, lông đầy đủ
Đủ rồi bèn sinh ra
Mới sinh như phân trùng

Lại như người tỉnh ngủ
Mắt mở ra thấy sắc
Phân biệt dần tăng trưởng
Phân biệt quyết xong rồi
Các môi răng hòa hiệp
Bắt đầu phát nói năng
Như giống chim anh vũ
Thuận chúng sinh ý lạc
Ta lập ra đại thừa
Không phải chỗ ác kiến
Ngoại đạo không thể thọ
Thừa do ta tự chứng
Không thể suy lường được
Sau khi Phật diệt độ
Xin nói ai thọ trì
Đại huệ ! Ông nên biết
Sau khi ta Niết bàn
Đời vị lai sẽ có
Kẻ thọ trì pháp ta
Trong xứ Nam Ấn độ
Tỳ kheo danh đức lớn
Quyết hiệu là Long thọ
Hay phá luận hữu, vô
Trong thế gian làm rõ
Vô thượng đại thừa ta
được sơ hoan hỉ địa
Vãng sinh xứ an lạc

Trong nghĩa lý duyên khởi
Hữu vô đều không thành
Trong duyên tướng tượng vật
Phân biệt ra có, không
Kiến ngoại đạo như vậy
Xa lìa pháp của ta
Danh tự của các pháp
Đã nối nhau nhiều đời
Tập (khí) quá khứ, hiện tại
Xoay vần cùng phân biệt
Nếu không nói ra tên
Tất thế gian mê hoặc
Vì muốn trừ mê hoặc
Nên lập ra danh ngôn
Kẻ ngu phân biệt pháp
Mê hoặc nơi danh tự
Mê hoặc các duyên sinh
Ấy là ba phân biệt
Chấp bất sinh bất diệt
Tự tính như hư không
Tự tính vốn không có
Đây là tướng vọng kế
Như huyễn, bóng, ảo tượng
Mộng, bóng gương, vòng lửa
Như tiếng vang, Càn thành
Ấy là y tha khởi
Chân như, không, bất nhị

Thật tế cùng pháp tính
(Bhùtakoti, Dharmatà)
Đều không có phân biệt
Ta nói là viên thành
Ngữ ngôn thuộc về tâm
Hư vọng sa nhị biên
Tuệ phân biệt thật đế
Là tuệ không phân biệt
Nơi người trí mới hiện
Nơi người ngu không hiện
Cái hiện nơi trí ấy
Hết thấy pháp không tướng
Nhu chuỗi đeo vàng giả
Kẻ ngu cho là vàng
Các pháp cũng như vậy
Ngoại đạo vọng suy lường
Mọi pháp vô thủy chung
Ở nơi tướng chân thật
Thế gian đều vô tác
Vọng kế không hiểu được
Các pháp trong quá khứ
Vị lai cùng hiện tại
Hết thấy pháp như thế
Tất cả đều không sinh
Do các duyên hòa hợp
Nên nói có các pháp
Nếu lia sự hòa hợp

Không sinh cũng không diệt
Mà các pháp duyên khởi
Một, khác đều không có
Lược nói là không sinh
Nói rộng là không diệt
Một đàng "bất sinh không"
Một đàng là "sinh không"
Bất sinh không là thắng
Sinh không tất diệt hoại
chân như, không, thật tế
Niết bàn cùng pháp giới
Các thứ ý sinh thân
Ta nói là dị danh
Nơi các kinh luật luận
Khởi phân biệt về tịnh
Nếu không hiểu vô ngã
Là theo lời, không nghĩa
Chúng sinh vọng phân biệt
Sở kiến như sừng thỏ
Phân biệt tức mê hoặc
Nhu thú khát đuổi bóng
do nơi vọng chấp trước
Mà khởi ra phân biệt
Nếu lìa nhân vọng kế
Tức không khởi phân biệt
Đại phương quảng sâu xa
Biết các cõi tự tại

Ta vì Bồ tát nói
Không phải vì thanh văn
Ba cõi không, vô thường
Xa lìa ngã, ngã sở
Ta vì các Thanh văn
Nói tổng tướng như thế
Không trước hết thấy pháp
Đi một mình tịch tịnh
Tư niệm Bích chi quả
Ta vì duyên giác nói
Thân là y tha khởi
Mê hoặc không tự thấy
Phân biệt tự tính ngoài
Mà khiến tâm vọng khởi
Nhờ chúng, nhờ gia trì
Do sinh vào các loài
Do có được trong mộng
Ấy bốn thứ thân thông
Thần thông được trong mộng
Cùng do oai lực Phật
Hay do sinh các loài
Đều không phải "báo đặc"
Do tập khí huân tâm
Nên bóng tự-vật khởi
Kẻ phàm ngu chưa hiểu
Cho nên nói là sinh
do nơi vọng phân biệt

Khi còn thấy ngoại tướng
Thì còn tăng thêm vọng
Vì không thấy tâm mê
Vì sao nói có sinh
Mà không nói sở kiến
Khi không vật mà thấy
Nói cho ai? Vì sao?
Thở tâm vốn thanh tịnh
Ý cùng với các thức
Do tập khí thường huân
Mà làm các uế loạn
Tạng thức xa lìa thân
Ý bèn tìm đường nẻo
Thức bày tợ cảnh giới
Thấy rồi tham nắm giữ
Sở kiến đều do tâm
Ngoại cảnh bất khả đắc
Nếu tu quán như thế
Xả vọng đạt chân như
Cảnh giới của định chứng
Nghiệp cùng oai lực Phật
Ba thứ bất tư nghì
Chỗ khó lường của trí
Quá khứ, vị lai, ngã
Hư không cùng Niết bàn
Ta tùy thế tục nói
Chân đế lìa văn tự

Nhị thừa cùng ngoại đạo
Cùng y chỉ các kiến
Mê hoặc lý duy tâm
Vọng phân biệt ngoại cảnh
La hán, Bích chi Phật
Cùng với trí giác Phật
Chúng tử đã thành tựu
Mộng thấy Phật quán đánh
Huyễn tâm tịch tịnh đến
Vì sao nói hữu vô
Ở đâu, nói cho ai?
Cớ gì, nguyện Phật giải
Vì kẻ mê duy tâm
Ta nói huyễn, hữu, vô
Khi sinh, diệt tương ưng
Tướng sở tướng bình đẳng
Ý thức tên "Phân biệt"
Cùng với năm thân thức
Như bóng hình trôi chảy
Từ tâm khởi chúng tử
Nếu tâm cùng với ý
Các thức thân không khởi
Thì được ý sinh thân
Lại được đến Phật địa
Các duyên cùng uẩn, giới
Tự tướng của nhân, pháp
đều do tâm bày ra

Như mộng cùng mao luân
Quán thế gian huyễn mộng
Y chỉ nơi chân thật
Chân thật lia các tướng
Lại lia nhân tương ung
Cảnh chứng của bậc thánh
Thường trú nơi vô niệm
Mê hoặc nhân tương ung
Chấp thế gian làm thật
Hết thấy hí luận diệt
Thì mê hoặc không sinh
Mê theo pháp, phân biệt
Si tâm thường hiện khởi
Các pháp không, vô tính
Nói thường hay vô thường
Là kiến của "sinh luận" (utpàdavàdin)
Không phải vô sinh luận (anutpàdavàdin)
Nhất, dị, câu, bất câu
Tự nhiên cùng tự tại
Thời, vi trần, thắng tính
Duyên, phân biệt thế gian
Thức là giống sinh tử
Có giống nên có sinh
Như họa nương nơi tướng
Biết rõ tức liền diệt
Thí như thấy người huyễn
Mà có sinh tử huyễn

Phàm ngu cũng như vậy
Do si có buộc, mở
Hai thứ pháp trong, ngoài
Cùng các nhân duyên kia
Kẻ tu hành quán sát
Đều trụ nơi vô tướng
Tập khí không lìa tâm
Cũng không cùng với tâm
Tuy tập khí trói buộc
Tướng tâm không sai khác
Tâm như áo sắc trắng
Bị tập ý thức nhiễm
Cấu tập làm ô ứ
Khiến tâm không hiện rõ
Ta nói như hư không
Không hữu cũng không vô
Tạng thức cũng như vậy
Hữu, vô đều xa lìa
Nếu ý thức chuyển y
Thì tâm lìa cấu loạn
Ta nói tâm là Phật
Đã rõ hết thấy pháp
Đoạn dứt ba tương tục
Lại lìa nơi bốn cú
Hữu, vô đều xa lìa
Các hữu (bhava) thường như huyễn
Bảy địa do tâm khởi

Nên có hai tự tính
Hai địa cùng Phật địa
Chính là viên thành thật
Dục, sắc, vô sắc giới
Cùng với cõi Niết bàn
Đều ở nơi thân này
Đều là tâm cảnh giới
Khi còn có sở đắc
Thì còn mê hoặc khởi
Nếu biết tự tâm khởi
Thì mê hoặc không sinh
Ta lập hai thứ pháp
Các tướng và thực chứng
Dùng đủ thứ nguyên tắc
Mà phương tiện lập thuyết
Thấy các thứ danh, tướng
Là mê hoặc, phân biệt
Nếu lìa xa danh tướng
Là tính tịch cảnh thánh
Do phân biệt năng, sở
Tất có tướng vọng kế
Nếu lìa phân biệt kia
Tự tính là chỗ thánh
Tâm đã được giải thoát
Là chân lý thường tồn
Chứng tính và pháp tính
Chân như lìa phân biệt

Đã có thanh tịnh tâm
Thì có tạp nhiễm hiện
Không tịnh tức không nhiễm
Là chân tịnh của thánh
Thế gian do duyên sinh
Tăng trưởng thêm phân biệt
Quán nó như huyễn mộng
Khi ấy tức giải thoát
Các thứ ác tập khí
Cùng với tâm hòa hiệp
Chúng sinh thấy ngoại cảnh
Không thấy pháp tính tâm
Tâm tính vốn thanh tịnh
Không sinh các mê hoặc
Mê do ác tập khởi
Cho nên không thấy tâm
Mê hoặc tức là chân
Chân không ở chỗ khác
Không nơi hành, phi hành
Cũng không thấy nơi khác
Nếu quán các hữu vi
Xa lìa tướng, sở tướng
Vì đã lìa các tướng
Thấy thấy đều là tâm
An trụ nơi duy tâm
Không phân biệt ngoại cảnh
Trú sở duyên chân như

Vượt quá ngoài tâm lượng
Khi siêu đến tâm lượng
Cũng siêu đến vô tướng
Đã trú ở vô tướng
Không thấy cả đại thừa
Hành tịch, không dụng công
Tịnh tu các đại nguyện
Trí tối thắng vô ngã
Vô tướng nên không thấy
Hãy quán tâm sở hành
Lại quán trí sở hành
Quán thấy tuệ sở hành
Nơi tướng không mê hoặc
Khô để thuộc về tâm
Tập là cảnh của trí (jnàna)
Diệt, đạo và Phật địa
Đều là cảnh của tuệ
Đắc quả và Niết bàn
Cùng với tám thánh đạo
Khi biết các pháp ấy
Là trí Phật thanh tịnh
Nhân căn cùng sắc cảnh
Không, minh và tác ý
Nên khiến từ tạng thức
Sinh nhãn thức chúng sinh
Năng, sở thủ, thủ giả
Mỗi thứ đều không có

Không nhân vọng phân biệt
Ấy là kẻ vô trí
Danh, nghĩa không sinh nhau
Riêng danh nghĩa cũng thế
Do nhân, vô nhân sinh
Đều không ngoài phân biệt
Vọng nói trụ chân đế
Tùy kiến giải bày nói
Một tính, năm không thành
Xa lìa nơi để nghĩa
Hí luận về hữu, vô
Nên vượt các ma ấy
Khi đã thấy vô ngã
Không vọng cầu các cõi
Chấp tác giả là thường
Chú thuật hưng tranh luận
Chân đế lìa ngôn thuyết
Mà thấy pháp tịch tịnh
Do nương vào tạng thức
Mà có mặt na chuyển
Dựa vào tâm và ý
Mà có các thức sinh
Các pháp hư vọng lập
Cùng tâm tính, chân như
Định giả quán như thế
Thông đạt tính duy tâm
Quán ý cùng tướng, sự

Không nghĩ thường, vô thường
Cùng với sinh, bất sinh
Không phân biệt hai nghĩa
Do nơi A lại gia
Các thức đều sinh khởi
Trọn không nơi một nghĩa
Mà sinh hai món tâm
Do thấy duy tị tâm
Lìa không, lìa ngôn thuyết
Nếu không thấy tị tâm
Bị lưới tà kiến trói
Các duyên không từng sinh
Các căn không chỗ có
Không tham, không uẩn, giới
Tất không các hữu vi
Vốn không các nghiệp báo
Không tác không hữu vi
Xưa nay không chấp trước
Không buộc cũng không mở
Pháp hữu, vô, vô ký
Pháp, phi pháp, đều không
Không thời, không Niết bàn
Pháp tính bất khả đắc
Không Phật không chân đế
Không nhân cũng không quả
Không điên đảo, Niết bàn
Không sinh cũng không diệt

Lại không mười hai chi
Biên, vô biên không có
Hết thấy kiến đều đoạn
Ta nói là duy tâm
Phiền não nghiệp cùng thân
Quả sở đắc của nghiệp
Đều như huyễn như mộng
Như Càn thất bà thành
Vị trụ nơi duy tâm
Nên thấy có đoạn thường
Niết bàn không các uẩn
Không ngã cũng không tướng
Đã nhập vào duy tâm
Chuyển y được giải thoát
Do ác tập làm nhân
Ngoài hiện ra đại địa
Cùng với các chúng sinh
Duy tâm không thấy gì
Hình bóng, thân, tài sản
Do tập chúng sinh hiện
Tâm không là hữu, vô
Tập khí khiến không rõ
Cấu hiện ra trong tịnh
Không phải tịnh trong cấu
Như mây che hư không
Tâm không hiện cũng thế
Tính vọng chấp nói có

Nơi duyên khởi tất không
Vì vọng kế mê chấp
Duyên khởi không phân biệt.
Không sở tạo đều (là) sắc
Có sắc không sở tạo
Mộng, huyễn, ánh, Càn thành
Đều không phải được tạo.
Nếu nơi pháp duyên sinh
Nói thật cùng không thật
Kẻ ấy tất tin theo
Các kiến nhất cùng dị.
Thanh văn có ba hạng:
Nguyện sinh và biến hóa
Và lìa tham, sân si
Từ chính pháp sinh ra.
Bồ tát cũng ba hạng
Chưa có các Phật tướng
Vì nhớ nghĩ chúng sinh
Mà hiện hình tướng Phật
Các loại tâm chúng hiện
Đều từ tập khí sinh
Các loại hình và bóng
Như sao, mây, trời, trăng
Nếu đại chúng thật có
Sẽ có "sở-tạo" sinh
Vì đại chúng vô tính
Nên không tướng năng, sở

Đại chúng là năng tạo
Địa thủy là sở tạo
Đại chúng vốn vô sinh
Nên không sở-tạo-sắc
Sắc giả, thật các thứ
Cùng huyễn sở tạo sắc
Sắc mộng, sắc Càn thành
Sắc năng là thứ năm
Năm hạng nhất xiển đề
Năm chủng tính cũng vậy
Ngũ thừa cùng phi thừa
Niết bàn có sáu loại
Các uẩn hai mươi bốn
Các sắc có tám món
Phật có hai mươi bốn
Phật tử có hai loại
Pháp môn trăm lẻ tám
Thanh văn có ba hạng
Các cõi Phật chỉ một
Một Phật cũng như vậy
Giải thoát có ba loại
Tâm lưu chú có bốn
Vô ngã có sáu thứ
Sở tri cũng có bốn
Xa lìa nơi tác giả
Cùng lìa các lỗi kiến
Trong tự chúng bất động

Là vô thượng đại thừa
Sinh cùng với bất sinh
Có tám thứ chín thứ
Một niệm cùng tiếm thứ
Chúng đấng chỉ có một
Vô sắc giới tám thứ
Thiền sai biệt có sáu
Các Phật tử, Bích chi
Xuất ly có bảy hạng
Ba cõi tất không có
Thường vô thường cũng không
Tác nghiệp và quả báo
Đều như chuyện trong mộng
Chư Phật vốn không sinh
Vì đệ tử Thanh văn
Tâm thường không thấy được
Các pháp đều như huyễn
Nên ở nơi các cõi
Từ Đâu suất nhập thai
Sở sinh và xuất gia
Không từ bào thai sinh
Vì chúng sinh lưu chuyển
Mà nói pháp Niết bàn
Các đế cùng các cõi
Tùy cơ khiến giác ngộ
Thế gian, các châu, rừng
Vô ngã, ngoại đạo, hành

Thiền, thừa, A lại gia
Quả, cảnh bất tư nghi
Các loài tinh tú, trăng
Các vua, các loài trời
Loài Càn thát, dạ xoa
Đều do nghiệp ái sinh
Biến-dị-tử khôn lường
Cũng cùng hiệp tập khí
Đến khi chết vĩnh tận
Lưới phiền não đã dứt
Tiền lúa cùng vàng bạc
Ruộng vườn và tôi tớ
Voi ngựa và trâu dê
Đều không nên nuôi giữ
Không nằm giường có lỗ
Không bôi bùn trát đất
Bát bằng vàng, bạc đồng
Đều không được nắm giữ
Ứng khí (vỏ) ốc, pha lê
Đất, đá, cùng bằng sắt
Đầy một lượng Ma kiệt
Tùy bát ta cho phép
Thường mặc màu thanh tịnh
Nhuộm các mảnh giẻ trắng
Bằng phân trâu, bùn, lá
Thành sắc áo ca sa
Con dao dài bốn ngón

Có hình nửa mặt trăng
Dùng để cắt vải áo
Kẻ tu hành được giữ
Chớ học các kỹ thuật
Lại không được mua bán
Nếu cần, sai tịnh nhân
Đấy là pháp ta dạy
Thường giữ gìn các căn
Khéo rõ nghĩa kinh luật
Không giao thiệp người tục
Ấy là bậc tu hành
Dưới cây trong hang núi
Nhà thô, trong mả mồ
Hang cỏ cùng đất trống
Kẻ tu hành nên trú
Trong mồ và chỗ khác
Ba y mang theo mình
Nếu khi thiếu áo mặc
Có kẻ cho nên nhận
Khi ra đi khát thực
Nhìn phía trước một tầm
Nhiếp niệm mà xin ăn
Cũng như ong hút mật
Chỗ có nhiều người nhóm
Có chúng tỳ kheo ni
Sinh sống với thế tục
Đều không nên khát thực

Các vua cùng con vua
Quan lớn, kẻ giàu sang
Kẻ tu hành khát thực
Đều không nên thân gần
Nhà có kẻ sinh và chết
Nhà bạn bè, bà con
Chỗ tăng ni hỗn tạp
Người tu hành không ăn
Trong chùa khói không dứt
Thường nấu các món ăn
Nếu vì mình mà nấu
Người tu hành không ăn
Hàng giả quán thế gian
Năng tướng cùng sở tướng
Đều xa lìa sinh diệt
Lại xa lìa hữu vô.

---o0o---

QUYỂN BẢY

CHƯƠNG X - KỆ TỤNG - PHẦN THỨ NHÌ

Nếu những bậc tu hành
Không khởi các phân biệt
Không lâu được tam muội
Lực, thông, và tự tại
Kẻ tu hành không nên

Vọng chấp nhân, vi trần
Thời, thắng tính, tác giả
Duyên sinh ra thế gian
Thế gian do phân biệt
Các thứ tập khí sinh
Kẻ tu hành hãy quán
Các hữu như mộng huyễn
Xa lìa kiến chấp thường
Phủ định và xác định
Thân, tài sản, chỗ ở
Không phân biệt ba cõi
Không nghĩ việc ăn uống
Chính niệm đốn thân trú
Luôn luôn cung kính lễ
Chư Phật và Bồ tát
Khéo giải nghĩa kinh luật
Pháp lý thú chân thật
Năm pháp, hai vô ngã
Lại tư duy tự tâm
Pháp nội chứng thanh tịnh
Các địa cùng Phật địa

Hành giả tu như thế
Ngồi đài sen, (được) quán đảnh
Du hành khắp các nẻo
Chán ghét tất cả hữu
Đến gò mả, chỗ tịnh
Tu tập các quán hạnh
Có vật không nhân sinh
Vọng nói là đoạn, thường
Lại nói là hữu, vô
Vọng chấp là trung đạo
Vọng chấp vô nhân luận
Vô nhân là đoạn kiến
Vì không rõ ngoại vật
Phá hoại lý trung đạo
Sợ sa vào đoạn kiến
Không xả pháp sở chấp
Vừa xác định phủ định
Vọng nói là trung đạo
Khi đã rõ duy tâm
Xả lìa hết ngoại pháp
Lại lìa vọng phân biệt

Như thế hợp trung đạo
Duy tâm, không có cảnh
Không cảnh, tâm không sinh
Ta và chư Như lai
Nói đó là trung đạo
Dù sinh hay không sinh
Tự tính, không tự tính
Hữu và vô đều không
Không nên phân biệt hai
Không thể khởi phân biệt
Kẻ ngu nói giải thoát
Tâm không biết trí sinh
Sao đoạn được nhị chấp
Vì hiểu rõ tự tâm
Đoạn được hai sở chấp
Hiểu rõ nên đoạn được
Không phải không phân biệt
Biết rõ do tâm hiện
Phân biệt sẽ không khởi
Vì phân biệt không khởi
Tâm chân như chuyển y

Nếu thấy pháp khởi ra
Lìa các lỗi ngoại đạo
Niết bàn của bậc trí
Không phải là diệt hoại
Ta và chư Phật nói
Biết vậy sẽ thành Phật
Nếu lại thêm phân biệt
Tức là luận ngoại đạo
Không sinh mà hiện sinh
Không diệt mà hiện diệt
Biến khắp muôn ức chỗ
Liên hiện như trăng nước
Một thân làm nhiều thân
Đốt lửa cùng rưới mưa
Tùy cơ hiện trong tâm
Cho nên nói duy tâm
Tâm cũng là duy tâm
Phi tâm cũng tâm khởi
Thông đạt các sắc tướng
Tất cả đều duy tâm
Hình tướng Phật, thanh văn

Cùng hiện tướng Duyên giác

Và các hình sắc khác

Đều nói là duy tâm

Từ nơi vô sắc giới

Cho đến trong địa ngục

Vì chúng sinh hiện khắp

Đều do tâm làm nên

Các tam muội như huyền

Cùng với thân ý sinh

Mười địa và tự tại

Đều do chuyển y thành

Kẻ ngu bị tướng chuyển

Theo thấy nghe hay biết

Tự phân biệt điên đảo

Bị hý luận làm động

Hết thấy không, vô sinh

Ta thật không Niết bàn

Hóa Phật ở các cõi

Nói tam thừa, nhất thừa

Phật có ba mươi sáu

Mỗi loại có mười hạng

Tùy tâm khí chúng sinh
Mà hiện ở các cõi
Pháp Phật ở thế gian
Cũng như tính vọng kể
Tuy thấy có đủ thứ
Kỳ thực không có gì
Pháp Phật là chân Phật
Ngoài ra đều (là) Hóa Phật
Tùy chủng tử chúng sinh
Thấy hiện thân của Phật
Vì mê hoặc các tướng
Nên khởi ra phân biệt
Phân biệt không khác chân
Tướng bất (?) nơi phân biệt
Tự tính cùng thọ dụng
Hóa thân cùng Hiện hóa
Ba mươi sáu vị Phật
Đều do tự tính thành
Do giống tập huân ngoài
Mà sinh ra phân biệt
Không giữ cái chân thật

Mà giữ cái vọng chấp
Mê hoặc do nội tâm
Cùng duyên ở ngoại cảnh
Chỉ hai thứ ấy khởi
Không có duyên thứ ba
Mê hoặc nương trong ngoài
Mà có ra sinh khởi
Sáu mươi hai, mười tám
Nên ta nói là tâm
Biết chỉ có căn, cảnh
Tất lià nơi ngã chấp (àtmagràha)
Rõ tâm không cảnh giới
Liên lià được pháp chấp
Do nương nơi bản thức (àlaya)
Mà có các thức sinh
Do nương vào nội xứ
Mà tự hình hiện ngoài
Kẻ ngu thường phân biệt
Hữu vi cùng vô vi
Đều là bất khả đắc
Như hoa đốm, mao luân

Như thành Càn thất bà
Như huyễn như ảo tượng
Không có mà thấy có
Duyên khởi pháp cũng thế
Ta do ba thứ tâm
Giả lập căn, cảnh, ngã
Mà tâm, ý, thức kia
Tự tính thật không có
Tâm ý cùng với thức
Vô ngã có hai thứ
Năm pháp và tự tính
Ấy là cảnh giới Phật
Nhân tập khí là một
Mà thành ra ba tướng
Như lấy một màu hòa
Tường vẽ thấy các hình
Năm pháp hai vô ngã
Tự tính, tâm, ý thức
Ở trong chủng tính Phật
Đều là bất khả đắc
Xa lìa tâm, ý, thức

Lại là nơi năm pháp
Và là nơi tự tính
Đấy là chúng tính Phật
Nếu nghiệp thân ngữ ý
Không tu pháp bạch tịnh
Chúng tính tịnh của Phật
Tất là nơi hiện hạnh
Thần thông lực tự tại
Tam muội, tịnh trang nghiêm
Các thứ ý sinh thân
Ấy chúng tính Phật tịnh
Chỗ nội chứng vô cấu
Xa là các tướng nhân
Bát địa và Phật địa
do Như lai tính thành
Viễn hành cùng Thiện thế
(Dùramgamà, Sàdhumatì)
Pháp vân và Phật địa
Đều là chúng tính Phật
Ngoài ra đều nhị thừa
Tâm Như lai tự tại

Nhưng vì hàng ngu phu
Tướng tâm có sai biệt
Mà nói bảy thứ địa
Địa thứ bảy không khởi
Lỗi lầm thân ngữ ý
Sở y địa thứ tám
Như mộng thấy qua sông
Địa thứ tám thứ năm
Hiểu rõ công xảo minh
Các Bồ tát hay làm
Vua trong các cõi hữu
Kẻ trí không phân biệt
Sinh hay là không sinh
Không cùng với bất không
Tự tính, vô tự tính
Thấy chỉ là tâm lượng
Mà thật bất khả đắc
Vì hàng nhị thừa nói
Đây thật, đây hư vọng
Không phải vì Bồ tát
Không nên nói phân biệt

Hữu phi hữu đều không
Cũng không tương sát na
Pháp giả, thật cũng không
Ngoài tâm không có được
Hữu pháp là tục đế
Vô tính đệ nhất nghĩa
Mê hoặc chỗ vô tính
Ấy tức là thế tục
Hết thấy pháp đều không
Ta vì hàng phàm ngu
Theo tục giả bày nói
Nhưng đây không chân thật
Các pháp do ngôn khởi
Tất có nghĩa sở hành
Khi thấy do ngôn sinh
Thì các pháp không có
Nhu lìa tướng không hoa
Lìa hình cùng không bóng
Nếu tạng thức thanh tịnh
Thì sóng thức không sinh
Nương pháp thân có báo

Từ Báo khởi Hóa thân
Đấy là Căn bản Phật
Ngoài ra Hóa Phật hiện
Không nên vọng phân biệt
Không cùng với bất không
Vọng chấp hữu và vô
Lời nghĩa đều không có
Kẻ phạm vọng phân biệt
Đức, thật, trần làm sắc
Một mảy trần không có
Cho nên không cảnh giới
Chúng sinh thấy tướng ngoài
Đều do tự tâm hiện
Cái bị thấy đã không
Nên không có ngoại cảnh
Như voi bị sa lầy
Không thể nào di động
Thanh vắng trú trong định
Chìm đắm cũng như thế
Nếu thấy các thế gian
Do tập khí làm nhân

Hữu vô đều không thấy
Pháp vô ngã, giải thoát
Tự tính là vọng kế (parikalpita)
Duyên khởi tức y tha (paritantra)
Chân như là viên thành
Trong kinh ta thường nói
Tâm, ý cùng với thức
Phân biệt cùng biểu thị
Tạng thức làm ba cõi
Đều đồng nghĩa với tâm
thọ mạng, hơi ấm, thức
A lại gia, mạng căn (jìvitendriyà)
Ý cùng với ý thức
Đều đồng nghĩa "phân biệt"
Tâm hay giữ được thân
Ý (manas) xét đoán suy lường
Ý thức cùng năm thức
Rõ cảnh giới tự tâm
Hoặc thật có ngã thể
Khác uẩn cùng trong uẩn
Nơi đó tìm ngã thể

Rốt ráo không thể được
Quán thế gian mỗi mỗi
Các phiền não chính, phụ
Đều do tự tâm hiện
Lìa khổ được giải thoát
Tâm trí thanh văn đạt
Tịch tịnh trí duyên giác
Trí tuệ của Như lai
Sinh khởi vô cùng tận
Thật không có sắc ngoài
Chỉ do tự tâm hiện
Phàm phu không hay biết
Vọng phân biệt hữu vi
Không biết cảnh giới ngoài
Các thứ đều do tâm
Kẻ ngu dùng nhân, dụ
Lập thành bốn cú nghĩa
Bậc trí tất hiểu rõ
Cảnh giới tự tâm hiện
Không dùng tôn nhân dụ
Lập ra các cú nghĩa

Phân biệt, bị phân biệt
Đều là tướng vọng kế
Y chỉ nơi vọng kế
Mà khởi thêm phân biệt
Xoay chuyển nương lẫn nhau
Đều do một tập khí
Cả hai đều là khách
Không (phải) tâm chúng sinh khởi
Ở yên trong ba cõi
Phân biệt tâm, tâm sở
Tợ cảnh giới hiện ra
Là tự tính vọng kế
Hình bóng cùng chủng tử
Hợp thành mười hai xứ
Sở y, sở duyên hợp
Nói có vật được sinh
Cũng như bóng trong gương
Mắt lò thấy mao luân
Tập khí che cũng thế
Kẻ ngu khởi vọng kiến
Nơi cảnh tự phân biệt

Mà khởi thêm phân biệt
Ngoại cảnh không thể có
Nhu ngu không biết dây
Lầm cho dây là rắn
Không hiểu tự tâm hiện
Vọng phân biệt cảnh ngoài
Nhu thế tự thể dây
Tính nhất dị đều lia
Chỉ vì tâm mê lầm
Vọng khởi phân biệt dây
Khi vọng kế phân biệt
Tính vọng kế không còn
Nhu các vật cũng vậy
Chỉ do phân biệt sinh
Sở kiến tuyệt phi hữu
Từ vô thí mê hoặc
Khởi phân biệt hữu vi
Pháp nào khiến mê hoặc
Nguyện Phật vì con nói
Các pháp không tự tính
Chỉ do tự tâm hiện

Không hiểu rõ tự tâm
Cho nên phân biệt sinh.
Như kẻ ngu phân biệt
Vọng kể thật không có
Có những cái khác thể
Mà kẻ ngu không biết
Những cái bậc thánh có
Kẻ ngu không biết đến
Nếu thánh cũng như phàm
Thì thánh có hư vọng
Vì tâm thánh vốn tịnh
Nên không có mê hoặc
Tâm phàm ngu không tịnh
Nên có vọng phân biệt
Như mẹ bảo con thơ:
"Thôi con đừng khóc nữa
Trên trời có quả rơi
Xuống nhiều cho con bắt"
Ta vì chúng sinh nói
Các thứ quả tướng tượng
Khiến chúng vui ham theo

Pháp thật là hữu vô
Các pháp trước không có
Các duyên không hòa hợp
Vốn không sinh mà sinh
Tự tính vốn không có
Pháp chưa sinh không sinh
Lìa duyên, không chỗ sinh
Pháp hiện sinh cũng thế
Lìa duyên không thể có
Quán thật chỉ duyên khởi
Không hữu cũng không vô
Không hữu vô cùng sinh
Kẻ trí không phân biệt
Kẻ ngu phu ngoại đạo
Vọng nói tính nhất, dị
Không hiểu lý duyên khởi
Thế gian như huyễn mộng
Đại thừa ta vô thượng
Siêu việt nơi danh ngôn
Nghĩa ấy rất rõ ràng
Mà kẻ ngu không biết

Thanh văn cùng ngoại đạo
Thuyết họ đầy xan lẫn
Khiến nghĩa đều biến đổi
Tất cả do vọng kể
Các tướng cùng tự thể
Hình trạng cùng với tên
Bốn thứ ấy duyên nhau
Mà khởi các phân biệt
Chấp do Phạm, Tụ tại
Một thân (Suz. nhân) cùng nhiều thân
Cùng nhật nguyệt vận hành
Kẻ ấy không (phải) con ta
Đầy đủ các Thánh kiến
Thông đạt pháp như thật
Khéo léo chuyển các tướng
Đến bên kia bờ thức
Dùng pháp giải thoát này
Lìa hẳn nơi hữu vô
Cùng lìa chỗ khứ, lai
Đẩy (là) con trong pháp ta
Nếu sắc, thức chuyển diệt

Các nghiệp bị hư hoại
Tức là không sinh tử
Cũng không thường, vô thường
Nhưng khi chúng chuyển diệt
Tuy xả ly sắc xứ
Nghiệp vẫn ở tạng thức
Lìa lỗi làm hữu vô
Sắc thức tuy chuyển diệt
Mà nghiệp không hoại mất
Khiến ở trong các cõi
Sắc thức lại tương tục
Nếu các chúng sinh kia
Nghiệp đã khởi bị hoại
Ấy là không sinh tử
Lại không có Niết bàn
Nếu nghiệp cùng sắc thức
Đồng thời mà diệt hoại
(Nếu) trong sinh tử có sinh
Sắc, nghiệp sẽ không khác
Sắc, tâm và phân biệt
Không khác, không không khác

Kẻ ngu nói diệt hoại
Mà thật lia hữu, vô
Duyên khởi cùng vọng kế
Xoay vắn không tướng riêng
Như sắc với vô thường
Xoay chuyển sinh cũng thế
Đã lia khác, không khác
Vọng kế không thể biết
Như sắc tính vô thường
Vì sao nói có không
Khéo đặt chỗ vọng kế
Duyên khởi tất không sinh
Do thấy chỗ duyên khởi
Vọng kế tức chân như
Nếu diệt tính vọng kế
Tức là hoại pháp nhãn
Bèn ở trong pháp ta
Xác định cùng phủ định
Các hạng người như thế
Thường hủy báng chính pháp
Kẻ kia cùng phi pháp

Diệt hoại pháp nhãn ta
Bậc trí không giao thiệp
Lại bỏ việc tỳ kheo
Vì phá hoại vọng kế
Nên xác định, phủ định
Nếu theo sự phân biệt
Khởi các kiến hữu, vô
Họ như huyễn, mao luân
Mộng, nắng cùng Càn thành
Họ không học Phật pháp
Không nên cùng ở chung
Đã tự do hai biên (?)
Lại còn phá người khác
Nếu có bậc tu hành
Quán nơi tính vọng kế
Vắng lặng lìa hữu vô
Phật tử nên cùng ở
Như thế gian có chỗ
Sinh vàng, ngọc ma ni
Chỗ kia không tạo tác
Mà chúng sinh thọ dùng

Nghiệp tính cũng như vậy
Xa lìa các thứ tính
Nghiệp được thấy vốn không
Mà vẫn sinh các nẻo
Như chỗ thánh biết rõ
Pháp đều không có gì
Do kẻ ngu phân biệt
Pháp vọng kế phi không
Vì kẻ ngu phân biệt
Pháp ấy không có vậy
Đã không hết thấy pháp
Chúng sinh không tạp nhiễm
Vì có pháp tạp nhiễm
Bị vô minh, ái buộc
Hay khởi thân sinh tử
Các căn tất đầy đủ
Nếu nói ngu phân biệt
Pháp này đều là không
Thì không các căn sinh
Kẻ tu hành không chơn
Nếu không có pháp này

Vẫn làm nhân sinh tử
Kẻ ngu không đợi tu
Tự nhiên mà giải thoát
Nếu không có pháp kia
Phàm Thánh làm sao phân
Lại tất không Thánh nhân
Tu hành ba giải thoát
Các uẩn cùng nhân, pháp
Tự, cộng tướng sáu tướng
Các duyên và các căn
Ta vì Thanh văn nói
Duy tâm và không nhân
Các địa và tự tại
Chân như tịnh nội chứng
Ta vì Bồ tát nói
Đời vị lai sẽ có
Kẻ mặc áo ca sa
Vọng nói chỗ hữu, vô
Hủy hoại chính pháp ta
Pháp duyên khởi vô tính
là lãnh vực chư Thánh

Tính vọng kể không vật (Bhàva)

Kẻ suy tính phân biệt

Vị lai có kẻ ngu

Các ngoại đạo Kiệt ma (Kanabhuj)

Nói ra luận vô nhân (Asatkàryavàda)

Ác kiến hoại thế gian

Vọng nói các thế gian

Đều do vi trần sinh

Mà trần kia không nhân

Chín món thật vật thường

Do thật mà sinh thật

Do đức mà sinh đức

Pháp tính khác với đây

Hủy báng nói không có

Nếu vốn không mà sinh

Thế gian có nhân đầu

Sinh tử không nhân đầu

Ấy là pháp của ta

Hết thấy vật ba cõi

Vốn không mà sinh ra

Thì lừa, chó sinh sùng

Đáng lẽ không nghi ngại
Noãn sắc thức vốn không
Mà nay mới có sinh
Áo, mũ, đệm các thứ
Lẽ ra do bùn sinh
Trong vải không có đệm
Trong cây bồ cũng không
Trong mỗi duyên sao không
Đều sinh ra cái đệm
Nếu mạng và thân kia
Vốn không mà nay sinh
Như ta đã nói trước
Đấy là luận ngoại đạo
Tôn ta nói trước kia
Vì để ngăn ý ấy
Khi ngăn ý ấy rồi
Sau mới nói tên mình
Sợ rằng chúng đệ tử
Mê chấp tôn hữu vô
Nếu ta vì kẻ ấy
Trước nói luận ngoại đạo (tithavàda)

Ác tuệ Ca tỳ la

Vì các đệ tử nói

Thắng tính sinh thế gian

(Bị cầu na) chuyển biến

Vì các duyên không có

Không đã sinh, hiện sinh

Các duyên đã là không

Không sinh không bất sinh

Tôn ta là hữu vô

Lại là các nhân duyên

Sinh diệt và sở tướng

Hết thấy đều xa là

Thế gian như huyễn mộng

Nhân duyên đều vô tính

Thường quán sát như vậy

Phân biệt tuyệt không khởi

Nếu quán được các hữu

Như ảo tượng, mao luân

Lại như Tầm hương thành

Thường là hữu là vô

Nhân duyên đều xả ly

Khiến tâm được thanh tịnh
Nếu nói không ngoại cảnh
Mà chỉ có tâm thôi
Không cảnh tức không tâm
Làm sao thành duy thức (cittamàtra)
Nếu có cảnh sở duyên
Tâm chúng sinh khởi lên
Không nhân tâm không sinh
Làm sao thành duy thức
Chân như cùng duy thức
Là lãnh vực chúng Thánh
Có danh ngôn không thật
Không giải được pháp ta
Do năng thủ sở thủ
Mà tâm có sinh khởi
Tâm thế gian như vậy
Nên không là duy tâm
Hình bóng, thân, tài, đất
Nhu huyễn, do tâm sinh
Tâm tuy phân làm hai
Mà tâm không hai tướng

Như dao không tự cắt
Như ngón không tự sờ
Tâm không tự thấy mình
Việc ấy cũng như vậy
Không có hình tượng xứ
Tất không y tha khởi
Tính vọng kế cũng không
Năm pháp hai tâm diệt
Năng sinh và sở sinh
Đều là tướng tự tâm
Mật ý nói năng sinh
Mà thật không tự sinh
Các thứ cảnh hình trạng
Nếu do tướng tượng sinh
Hư không cùng sùng thờ
Đáng cũng thành cảnh tướng
Tợ cảnh do tâm khởi
Cảnh ấy không phải vọng
Nhưng cảnh vọng kế kia
Lìa tâm không thể có
Trong vô thi sinh tử

Cảnh giới đều không có
Tâm không có chỗ khởi
Làm sao thành hình tượng
Nếu vật không có (mà) sinh
Sùng thờ đáng cũng sinh
Không thể vô vật sinh
Mà khởi ra phân biệt
Nhu bóng gương không có
Thì trước kia cũng không
làm sao trong vô cảnh
Mà tâm duyên cảnh khởi
Chân như, không, thật tế
Niết bàn cùng pháp giới
Hết thấy pháp không sinh
Ấy tính đệ nhất nghĩa
Kẻ ngu sa hữu vô
Phân biệt các nhân duyên
Không thể biết các hữu
Không sinh, không tác giả
(Do) tâm vô thi làm nhân
Duy tâm không có vật

Đã không cảnh vô thi
Tâm do đâu mà sinh?
Vô vật mà sinh được
Thì nghèo đáng là giàu
Vô cảnh mà sinh tâm
Nguyện Phật vì con nói
Hết thấy đều không nhân
Không tâm cũng không cảnh
Tâm đã không chỗ sinh
Lìa chỗ làm ba cõi
Nhân các bình, áo, sừng
Mà nói không sừng thỏ
Cho nên không được nói
Không có pháp nhân nhau
Không nhân có mà không
Cái không ấy không thành
Có đối không cũng thế
Xoay chuyển nhân nhau khởi
Nếu y theo vài pháp
Mà có vài pháp khởi
Ấy tức cái đã y

Không nhân mà tự có
Nếu vật có chỗ nương
Chỗ nương cũng có nương
Thì thành lỗi vô cùng
Lại không có ít pháp
Như nương các cây lá
Hiện ra các huyễn tướng
Chúng sinh cũng như vậy
Nương sự hiện các vật
Nương năng lực huyễn sư
Kẻ ngu thấy huyễn tướng
Nương nơi các cây lá
Không huyễn nào có được
Nếu y chỉ nơi sự
Pháp ấy tức liền hoại
Sở kiến đã không hai
Còn chút nào phân biệt
Phân biệt không vọng kể
Phân biệt cũng không có
Vì phân biệt là không
Không sinh tử Niết bàn

Do không (cái) bị phân biệt
Phân biệt tất không khởi
Làm sao tâm không khởi
Mà có được duy tâm
Ý sai biệt vô lượng
Đều không pháp chân thật
Không thật không giải thoát
Lại không các thế gian
Như kẻ ngu phân biệt
Sở kiến ngoài đều không
Tập khí quấy đục tâm
Như hình ảnh hiện ra
Các thứ pháp hữu, vô
Hết thấy đều không sinh
Chỉ duy tự tâm hiện
Xa lìa nơi phân biệt
Nói các pháp do duyên
Cho kẻ ngu, chẳng trí
Tự tính tâm giải thoát
Tịnh tâm lãnh vực thánh
Số, thắng cùng lộ hình (nanga)

Phạm chí (Vipra) và tự tại
Đều sa vào vô kiến
Xa lìa nghĩa tịch tịnh
Không sinh, không tự tính
Ly cấu, không như huyễn
Phật xưa và Phật nay
Vì ai nói như vậy
Kẻ tịnh tâm tu hành
Lìa các kiến, kẻ đạt
Chư Phật vì họ nói
Ta cũng nói như vậy
Nếu tất cả do tâm
Thế gian ở chỗ nào
Nhân gì thấy đại địa
Chúng sinh có đi lại
Như chim bay trong không
Tùy phân biệt mà đi
Không nương cũng không ở
Như đạp đất mà đi
Chúng sinh cũng như vậy
Do nơi vọng phân biệt

Dạo đi nơi tự tâm
Như chim trong hư không
Bóng thân, tài, quốc độ
Phật nói chi tâm khởi
Xin nói bóng chỉ (là) tâm
Nhân gì, vì sau khởi
Bóng thân, tài, quốc độ
Đều do tập khí chuyển
Lại nhân không như lý
Phân biệt mà sinh ra
Cảnh ngoài là tướng tượng
Tâm duyên cảnh mà sinh
Rõ cảnh chỉ là tâm
Thì phân biệt không khởi
Nếu thấy tính vọng ké
Danh nghĩa không hòa hợp
Xa lìa giác, sở giác
Giải thoát các hữu vi
Danh, nghĩa đều xa lìa
Đấy là pháp chư Phật
Nếu lìa đó cầu ngộ

Tất không giác tự tính
Nếu thấy được thể gian
Lìa năng giác, sở giác
Khi ấy tất không khởi
Phân biệt danh, sở danh
Do thấy được tự tâm
Danh tự vọng tác diệt
Không thấy được tự tâm
Tất khởi lên phân biệt
Bốn uẩn không sắc tướng
Số bốn không có được
Đại chủng tính khác tên
Làm sao cùng sinh sắc
Do lìa được các tướng
Năng sở tạo không có
Dị sắc riêng có tướng
Các uẩn sao không sinh
Nếu thấy được vô tướng
Uẩn xứ đều xả ly
Khi ấy tâm cũng ly
Nên thấy pháp vô ngã

Do căn cảnh sai khác
Sinh ra tám loại thức
Ở trong vô tướng kia
Ba tướng ấy đều là
Ý duyên A lại gia
Khởi chấp ngã, ngã sở
Cùng hai chấp của thức
Biết rõ tất xa lìa
Quán thấy là nhất, dị
Ấy tức không bị động
Lìa nơi ngã, ngã sở
Hai thứ vọng phân biệt
Không sinh không tăng trưởng
Lại không lâm (?) nhãn thức
Đã lìa năng sở tác
Diệt rồi không sinh lại
Thế gian không năng tác
Lại lìa tướng năng sở
Vọng kế cũng duy tâm
Ra sao xin Phật nói
Tự tâm hiện các thứ

Phân biệt các hình tướng
Không hiểu do tâm hiện
Vọng cho là ngoài tâm
Vì không có trí giác
Nên khởi ra vô kiến
làm sao nơi tính hữu
Mà tâm không sinh chấp
Phân biệt không hữu, vô
Nên nơi hữu không sinh
Rõ sở kiến duy tâm
Phân biệt tất không khởi
Vì phân biệt không khởi
Chuyển y không chỗ vương
Đình chỉ bốn tông kia
Gọi là nhân pháp hữu
Đây là phân biệt tên
Chỗ lập đều không thành
Nên biết nhân năng tác
Cũng thành lập như thế
Vì người thuyết năng tác
Nói nhân duyên hòa hợp

Vì ngăn lỗi chấp thường
Nói duyên là vô thường
Kẻ ngu nói vô thường
Mà thật không sinh diệt
Không thấy pháp hoại diệt
Mà vẫn có sở tác
Trời, người, A tu la
Quý, súc sinh, diêm la
chúng sinh sinh trong đó
Ta nói là lục đạo
do nghiệp thượng, trung, hạ
Mà thọ sinh trong đó
Giữ gìn các thiện pháp
Mà được thắng giải thoát
Phật vì các tỳ kheo
Nói các chỗ thọ sinh
Niệm niệm đều sinh diệt
Xin Phật vì con nói
Sắc sắc không tạm ngừng
Niệm niệm cũng sinh diệt
Ta vì đệ tử nói

Sinh diệt cũng như thế
Phân biệt là chúng sinh
Lìa phân biệt không có
Ta vì nhân duyên ấy
Nói các niệm niệm sinh
Nếu lìa bám nơi sắc
Không sinh cũng không diệt
Duyên sinh không duyên sinh
Vô minh cùng chân như
Hai pháp nên có khởi
Không hai tức chân như
Nếu duyên kia không duyên
Sinh pháp có sai biệt
Thường, vô thường, các duyên
Có năng tác sở tác
Đó tức đại Mâu ni
Cùng chư Phật đã nói
Có năng tác sở tác
Không khác với ngoại đạo
Ta vì Phật tử nói
Thân là khổ ở đời

Cùng là tập ở đời
Diệt, đạo tất đều đủ
Kẻ ngu vọng phân biệt
Nên giữ ba tự tính
Thấy có năng, sở thủ
Thế cùng xuất thế pháp
Ta trước quán đối đãi
Nói thủ nơi tự tính
Nay vì ngăn các kiến
Không nên vọng phân biệt
Tìm lỗi là phi pháp
Lại khiến tâm không định
Đều do hai thủ khởi
Không hai tức chân như
Nếu vô minh, ái, nghiệp
Mà sinh ra các thức
Tà niệm lại có nhân
Ấy tức lỗi "vô cùng"
Không trí nói các pháp
Có bốn thứ hoại diệt
Vọng khởi hai phân biệt

Pháp thật là hữu, vô
Xa là bốn cú nghĩa
Lại là nơi nhị kiến
Hai thứ phân biệt khởi
Biết rõ không sinh lại
Trong bất sinh biết sinh
Trong sinh biết bất sinh
Vì pháp kia đồng đẳng
Không nên khởi phân biệt
Nguyện Phật vì con nói
Lý ngăn ngừa hai kiến
Khiến con cùng các chúng
Thường không sa hữu, vô
Không lẫn ngoại đạo luận
Lại xa là nhị thừa
Chỗ mà Phật đã chứng
Chỗ con Phật không lụi
Giải thoát nhân phi nhân
Cùng một tướng vô sinh
Vì mê chấp dị danh
Kẻ trí nên thường là

Pháp do phân biệt sinh
Nhu mao luân, huyễn ảo
Ngoại đạo vọng phân biệt
Thế do tự tính sinh
Vô sinh cùng chân như
Tính không và chân tế (bhùtakoti)
Các thứ ấy đồng nghĩa
Không nên chấp là không
Nhu lông có nhiều tên
Tên Đế thích cũng thế
Các pháp cũng như vậy
Không nên chấp là không
Sắc và không không khác
Vô sinh cũng như thế
Không nên chấp là khác
Thành ra lỗi kiến chấp
Vì phân biệt tổng, biệt
Cùng với biến phân biệt
Chấp trước các tự tướng
Dài ngắn cùng vuông tròn
Tổng phân biệt (samkalpa) là tâm

Biến phân biệt (parikalpa) là ý
Biệt phân biệt (Vikalpa) là thức
Đều lìa tướng năng sở
Trong pháp ta khởi kiến
Cùng vô sinh ngoại đạo
Đều là vọng phân biệt
Lỗi lầm, đều không khác
Nếu có người rõ được
Pháp vô sinh ta nói
Cùng cái vô sinh làm
Người ấy hiểu pháp ta
Vì muốn phá các kiến
Vô sinh vô trú xứ
Khiến biết hai nghĩa ấy
Nên ta nói vô sinh
Phật nói pháp vô sinh
Dù là hữu hay vô
Tức đồng với ngoại đạo
Luận vô nhân, bất sinh
Ta nói là Duy tâm
Xa lìa nơi hữu vô

Dù sinh hay bất sinh
Kiến ấy đều nên lia
Vô nhân nói không sinh
Sinh tất chấp tác giả
Tác tức lẫn các kiến
Vô tức tự nhiên sinh
Phật nói các phương tiện
Chính kiến cùng đại nguyện
Hết thấy pháp nếu không
Thì sao thành đạo tràng
Lìa năng thủ sở thủ
Không sinh cũng không diệt
Chỗ thấy pháp phi pháp
Đều do tự tâm khởi
Thuyết do Mâu ni nói
Trước sau tự mâu thuẫn
Vì sao nói các pháp
Lại nói là không sinh
Chúng sinh không thể biết
Nguyện Phật vì con nói
Được lia lỗi ngoại đạo

Cùng cái nhân điên đảo (Visamàhetu)

Duy nguyện bậc Thắng thuyết

Nói chỗ sinh và diệt

Đều là nơi hữu vô

Mà không hoại nhân quả

Thế gian sa nhị biên

Bị các kiến mê hoặc

Nguyện xin đáng Mắt xanh

Nói thứ lớp các địa

Thủ, sinh, cùng bất sinh

Không rõ nhân tịch diệt

Đạo tràng không chỗ được

Ta cũng không nói gì

Pháp sát na đều không

Không sinh không tự tính

Các Phật đã sạch hai

Có hai tức thành lỗi

Bị các kiến che lấp

Phân biệt không phải Phật

Tướng tượng ra sinh diệt

Nguyện vì chúng con nói

Tích tập các hí luận
Do hòa hiệp mà sinh
Tùy chủng loại hiện ra
Sắc cảnh đều đầy đủ
Thấy các ngoại sắc rồi
Bèn khởi ra phân biệt
Nếu hiểu được chỗ ấy
Tức thấy nghĩa chân thật
Đều lìa nơi đại chúng
Các Phật đều không thành
Đại chúng đã duy tâm
Nên biết không gì sinh
Tất thuận chủng tính thánh
Chớ phân biệt phân biệt
Không phân biệt là trí
Phân biệt nơi phân biệt
Là hai, không Niết bàn
Nếu lập tôn vô sinh
Tất hoại cái huyễn pháp
Nếu không nhân khởi huyễn
Tồn giảm tự tôn mình

Ví như bóng trong gương
Tuy là tính một, khác
Chỗ thấy không phải không
Tướng sinh cũng như vậy
Như Càn thành, vật huyễn
Tức đối nhân duyên có
Các pháp cũng như vậy
tuy sinh mà không sinh
Phân biệt nơi nhân pháp
Mà khởi hai thứ ngã
Đây chỉ thế tục nói
Kẻ ngu không biết rõ
Do nguyện và tập khí
Tự lực và tối thắng
Thứ năm pháp thanh văn
Mà có các La hán
Thời gian và hoại diệt
Thắng giải cùng đời
Bốn thứ vô thường ấy
Ngu phân biệt, không (phải) trí
Kẻ ngu đọa nhị biên

Vi trần, tự tính (praktri), tác (Kàrapa)

Vì chấp tôn hữu, vô

Không biết nhân giải thoát

Đại chủng trái nghịch nhau

Đâu hay khởi sắc tướng

Chỉ là tính đại chủng

Không có sắc sở tạo

Lửa thiêu hoại sắc tướng

Nước đắm chìm mọi vật

Gió thổi phăng mọi sự

Làm sao sinh các sắc

Sắc uẩn và thức uẩn

Chỉ có hai không năm

Ngoài ra chỉ tên khác

Ta nói là cừu oán

Tâm, tâm sở (cittacaitta) sai biệt

Mà khởi ra hiện pháp

Phân tích các sắc tướng

Chỉ tâm, không vật tạo

Xanh trắng đối đãi nhau

Tác sở tác cũng thế

Sở sinh và Tính không
Lạnh nóng, tướng sở tướng
Cùng hết thủy hữu vô...
Tướng tượng, không có thật
Tâm ý và sáu thức
Cùng tương ưng lẫn nhau
Đều nương tựa thức sinh
Không một cũng không khác
Số, tháng và Lộ hình
Những kẻ chấp Tự tại
(Tàrkika, Isvarodita)
Đều sa vào hữu vô
Xa lìa nghĩa tịch diệt
Đại chúng sinh hình (samthàna)
tướng (àkriti)
Không sinh ra đại chúng
Ngoại đạo nói đại chúng
Sinh đại chúng và sắc
Ngoài các pháp vô sinh
Ngoại đạo chấp tác giả
Theo nơi tôn hữu, vô

Kẻ ngu không biết rõ
Tướng thanh tịnh chân thật
Cùng ở với đại trí
Chỉ cùng tâm tương ưng
Không hòa hiệp với ý, (vv.)
Nếu nghiệp đều sinh sắc
Tất trái nhân các uẩn
Chúng sinh đừng nên chấp
Vô hữu trú vô sắc
Nói sắc mà không có
Thì chúng sinh cũng không
Luận vô sắc là đoạn
Các thức cũng không sinh
Thức nương bốn chỗ trú
Nói vô sắc sao được?
Nội ngoại đã không thành
Nên thức cũng không khởi
Nếu thức chúng sinh (là) không
Tự nhiên được giải thoát
Ấy là luận ngoại đạo
Kẻ vọng ké không biết

Hoặc có kẻ chấp trước
Các uẩn có trung gian
Như sinh cõi vô sắc
Vô sắc làm gì có
Sắc ở trong vô sắc
Tức không thể thấy được
Vô sắc tức trái tôn
Không xe, người đi xe (thừa, thừa giả)
Thức do tập khí sinh
Cùng các căn hòa hiệp
Tám thức trong sát na
Đều không thể nắm giữ
Nếu các sắc không khởi
Các căn không phải căn
Cho nên Thế Tôn nói
Căn, sắc, Sát nị ca (Ksanika)
Vì sao không rõ sắc
Mà có thức sinh được?
Vì sao thức không sinh
Mà có thọ sinh tử
Các căn cùng căn cảnh

Thánh giả hiểu nghĩa ấy
Kẻ ngu si vô trí
Vọng chấp thủ danh kia
Không nên chấp đệ lục
Có thủ cùng không thủ
Vì lia các lỗi lầm
Bậc thánh không định thuyết
Các ngoại đạo vô trí
Sợ hãi nơi đoạn thường
chấp hữu vi vô vi
Cùng ngã không sai khác
Hoặc chấp ngã là tâm
Hoặc là khác với ý
Tính một có thể giữ
Tính khác cũng như thế
Nếu thủ đã quyết định
Đặt tên tâm, tâm sở
Chấp thủ ấy vì sao
Không giải quyết "tính một"
Có thủ cùng tác nghiệp
Chứng đắc, nên thọ sinh

Như do lửa mà thành
Ý nghĩa giống, không giống
Như khi lửa thiêu đốt
Củi, vật đều cùng cháy
Vọng chấp ngã cũng thế
Vì sao không sở thủ
Dù sinh hay không sinh
Tâm tính thường thanh tịnh
Chỗ lập ngã ngoại đạo
Sao không lấy ví dụ?
rừng mê hoặc của thức
Vì vọng xa chân pháp
Vì ưa thích ngã luận
Mà tìm cầu bỉ thử
Chỗ của trí nội chứng
Tướng chân ngã thanh tịnh
Đấy tức Như lai tạng
Ngoại đạo không biết được
Phân tích các uẩn ra
Năng thủ và sở thủ
Nếu biết được tướng ấy

Tức sinh trí chân thật
Các kẻ ngoại đạo kia
Ở trong vòng thức tạng
Chấp Mạt na là ngã
Không phải chỗ Phật nói
Nếu rõ được chỗ này
Giải thoát thấy chân đế
Khiến tu các phiền não
Đoạn trừ liền thanh tịnh
Bản tính thanh tịnh tâm
Chỗ chúng sinh cầu được
Như lai tạng vô cấu
Xa lìa biên, vô biên
Bổn thức ở trong uẩn
Như vàng, bạc trong quặng
Gạn lọc thành tươi sạch
Vàng bạc đều hiện rõ
Phật không phải người, uẩn
Chỉ là trí vô lậu
Biết rõ thường tịch tịnh
Là chỗ về của ta

Bản tính thanh tịnh tâm
Tùy phiền não, ý thấy
Cùng với ngã tương ưng
Nguyện Phật vì con nói
Tự tính thanh tịnh tâm
Ý thấy là cái gì
nghiệp tích tụ của nó
Tạp nhiễm nên thành hai
Ý thấy(v.v.), ngã, phiền não
Làm nhiễm ô tịnh tâm
Ví như nước trong kia
Mà có các cấu bẩn
Như áo được lìa dơ
Cũng như vàng lìa quặng
Áo, vàng đều không hoại
Tâm lìa lỗi cũng thế
kẻ vô trí tìm cầu
Ổng tiêu cùng loa trống
Để tìm các tiếng hay
Ngã trong uẩn cũng thế
Như phụ nữ mang thai

Tuy có, không thể thấy
Ngã chân thật trong uẩn
Vô trí không thấy được
Nhu tinh túy trong thuốc
Lại như lửa trong cây
Ngã chân thật (kudgala) trong uẩn
Vô trí không thấy được
Không tính trong các pháp
Cùng với tính vô thường
ngã chân thật trong uẩn
Vô trí không thấy được
Các địa, tự tại, thông
Quyền, đánh, thắng, tam muội
Nếu không có chân ngã
Những thứ ấy đều không
Có người phá hoại nói:
"nếu có, chỉ ngã ra"
Bậc trí nên đáp rằng:
"Phân biệt ấy là ngã"
Kẻ nói không chân ngã
Báng pháp, chấp hữu vô

Tỳ kheo nên yết ma
Trục xuất chó giao thiệp
Thuyết chân ngã bùng thanh
Nhu lửa kiếp tận nôi
Thieu rừng rậm vô ngã
Lìa các lỗi ngoại đạo
Nhu tô, lạc, thạch mật
Cùng các thứ dầu ăn
Tất cả đều có vị
Kẻ chưa nếm không biết
Ở trong thân các uẩn
Năm món tìm cầu ngã
Kẻ ngu không hiểu được
Trí thấy tức giải thoát
Dụ do minh trí lập
Còn không rõ được tâm
Nghĩa chứa đựng trong đó
Làm sao hiển hiện rõ
Tướng sai biệt các pháp
Không rõ chỉ một tâm
Kẻ suy lường vọng chấp

Không nhân và không khởi
Bạc định quán nơi tâm
Tâm không thấy được tâm
Kiến do sở kiến sinh
Sở kiến nhân gì khởi
Hộ ta Ca chiên diên (kàtyàyana)
Ra khỏi Tịnh cư thiên (sùddhàvāsa)
Vì chúng sinh nói pháp
Khiến nhập Niết bàn thành
Duyên nơi pháp bốn trú
Ta cùng chư Như lai
Trong ba nghìn quyển kinh
Rộng nói Niết bàn pháp
Dục giới và vô sắc
Không ở đó thành Phật
Cõi trời sắc cứu cánh (Rùpadhàtvakanisttha)
Lìa dục được Bồ đề
Cảnh giới không chuyển nhân
Nhân chuyển được cảnh giới
Kiếm bèn trí bậc tu
Cắt lia phiền não kia

Vô ngã làm sao có
Các pháp huyễn hữu vi
Kẻ ngu thấy chân như
Sao nói không chân ngã
Pháp đã làm, chưa làm
Đều không nhân mà khởi
Hết thấy đều vô sinh
Kẻ ngu không hiểu được
Pháp năng tác không sinh
Sở tác và các duyên
Cả hai đều không sinh
Làm sao chấp năng tác
Kẻ vọng kể nói có
Nhân trước sau đồng thời
Dụ bình, các đệ tử
Nói các vật sinh khởi
Phật không là hữu vi
Các tướng tốt đầy đủ
Là công đức luân vương
Đó không phải Như lai
Phật lấy trí làm tướng

Xa lìa các kiến chấp
Lãnh vực tự nội chúng
Đoạn hết thấy lỗi lầm
Điếc mù cùng ngọng câm
Già, trẻ, ôm hờn oán
Nhất là những kẻ ấy
Không có phần phạm hạnh
Tùy hảo ản là trời
Tướng ản là Luân vương
Cả hai đều phóng dật
Chỉ hiện nơi người tu
Sau khi ta chết rồi
Sẽ có Tỳ da xá (Vyàsa)
Kana (Kanàda) Lê sa bà (Rishabha)
Kiếp tỳ la (Kapila) xuất hiện
Một trăm năm sau ta
Thuyết của Tỳ da xá
Cùng luận Bà đa la (Bhàraka) v.v..
Rồi có Bán trạch sa (Bàndava)
Kiều vi bà (Kaurava), La ma (Ràma)
Lại có Mao cuồng vương (Mauri)

Nan đà (Nanda) và Cúc đa (Gupta)

Đến Miệt lợi xa vương (Mleccha)

Sau đó đao binh khởi

Rồi có thời hắc ám (Kaliyuga)

Thời ấy các thế gian

Không tu hành chính pháp

Qua sau các thời ấy

Thế như bánh xe lăn

Lửa, mặt trời hòa hiệp

Thiên đốt ở cõi dục

Lại lập các cõi trời

Thế gian lại thành tựu

Các vương cùng bốn họ

Các tiên cùng pháp hóa

Vệ đà cùng tế tự

Sẽ có pháp ấy thịnh

Pháp đàm luận hí tiểu

Trường hàng và giải thích

Tôi nghe như vậy v.v..

Mê hoặc nơi thế gian

Các thứ y nhận được

Nếu có thứ chính sắc
Lấy bùn xanh phân trâu
Nhuộm đi cho hủy màu
Hết thầy các y phục
Phải lia tướng ngoại đạo
Hiện tướng bậc tu hành
Tướng oai nghiêm của Phật
(y phục phải nghiêm chỉnh)
Cần phải buộc giây lưng
Lọc nước rồi hãy uống
Lần lượt mà khát thực
Không đến chỗ phi xứ
Sinh cõi trời thắng diệu
Và sinh trong loài người
Đủ các tướng quý báu
Sinh trời và vua người
Vua có bốn thiên hạ
Pháp giáo trụ lâu đời
Lên cao tột cung trời
Do tham nên thối thất
Thuần thiện (Ktrayuga) cùng ba thời

Hai thời, thời cực ác

Phật khác hiện thời thiện

Thích ca ra đời ác

Sau khi ta Niết bàn

Tất đạt đa họ Thích

Tỳ nữ (Visnu), Đại tự tại (Mahesvara)

Các ngoại đạo cũng xuất

Như vậy tôi nghe v.v..

Điều Thích sư tử nói

Đàm cổ (purāvtttra) cùng tiểu ngữ (Itihàsa)

Tiên tỳ dạ sa nói

Sau khi ta Niết bàn

Tỳ nữ, Đại tự tại

Các thuyết kia nói rằng:

Ta làm nên thế gian

Ta tên Phật ly trần (Viraja-jina)

Họ Ca đa diễn na (Kàtyàyana)

Cha tên Thế gian chủ (Prajàpati)

Mẹ hiệu là Cự tài (Vasumati)

Ta sinh nước Chiêm bà (Campà)

Ông nội trước của ta

Do dòng mặt trăng sinh (Somavamsa)

Nên hiệu là Nguyệt tạng (Somagupta)

Xuất gia tu khổ hạnh

Diễn nói ngàn pháp môn

Thọ ký cho Đại huệ

Rồi sau đó diệt độ

Đại huệ truyền Đạt ma (Dharma)

Đạt ma truyền Di khư lê (Mekhala)

Di khư gặp thời ác

Kiếp tận pháp sẽ diệt

Ca diếp Câu lưu tôn

Câu na hàm Mưu ni

Cùng ta ly trần cấu

Đều sinh thời thuần thiện

Khi thời thiện dần giảm

Có đạo sư tên Huệ (Mati)

Thành tựu đại đồng mãnh

Giác ngộ được năm pháp

Không phải nhị, tam thời

Cũng không thời cực ác

Chỉ trong thời thuần thiện

Mới hiện đấng chính giác
Áo tuy không rách rưới
Nhưng vải vụn vá thành
Như lỗ đuôi Khổng tước
Không có ai xâm đoạt
Hoặc hai ngón ba ngón
Cách nhau mà may thành
Nếu làm khác như thế
Kẻ ngu sinh tham trước
Chỉ giữ ba chiếc áo
Thường tắt lửa tham dục
Tắm trong nước trí huệ
Ngày đêm ba thời tu
Như phóng tên rất mạnh
Tên rơi phóng tên khác
Lại như hai đầu cân
Thiện bất thiện cũng thế
Nếu một hay sinh nhiều
Tất có tướng dị biệt
Kẻ cho hễ như ruộng
Kẻ nhận hễ như gió

Nếu một hay sinh nhiều
Hết thầy không nhân có
Nhân sở tác bị hoại
Ấy là thuyết vọng kế
Nếu thuyết của vọng kế
Thêm dụ đèn, hạt giống
Một mà sinh ra nhiều
Chỉ tương tự, không nhiều
Mè thì không sinh đậu
Đậu nhỏ không (phải) giống lúa
Sao nói một sinh nhiều
Danh thủ (pàṇini) tạo Thanh luận (Sabhanatri)
Quảng chủ tạo Vương luận
vọng thuyết theo thể luận
Sẽ sinh trong phạm tạng
Ca đa diên (Kàtyàyana) tạo kinh
(Tiên) Thọ bì (Yajñavalka)
Câu lưu (Bhūdhuka) tạo thiên văn
Thời ác thế sẽ có
Chúng sinh các thế gian
Nhờ phước được làm ma

Đúng pháp cai trị thế

Giữ gìn cho cõi nước

Thanh nghị (Vàlurika) cùng Xích đậu (Masuràksha)

Trắc tích (Kautilya) và Mã hành (Asvalayana)

Những đại phúc tiên ấy

Sẽ xuất hiện đời sau

Tất đạt đa dòng Thích

Bộ đa (Bhùtanta), ngũ Kế giả (Pancacudaka)

Ngũ lực (Vàgbali) cùng Thông huệ (Medhàvin)

Cũng ra đời về sau

Ta ở nơi rừng hoang

Phạm vương đến cho ta

Trần bì (Ajina), Tam kỳ trọng (dandakàsthà)

Bác điều (Mekhalà) cùng quân trì (Cakramandala)

Bậc đại tu hành này

Sẽ thành đáng ly cầu

Nói pháp chân giải thoát

Tướng của các Mâu ni

Phạm vương cùng phạm chúng

Các trời cùng chúng trời

Cho ta áo da nai

Trở về cùng tự tại
Ta ở trong rừng cây
Tứ thiên vương để thích
Cho ta y phục đẹp
Cùng với bát khát thực
Nếu lập luận bất sinh
Nhân ấy sinh rồi sinh
Lập vô sinh như thế
Chỉ là thuyết hư huyền
Do vô thi tích tập
Vô minh nhân của tâm
Sinh diệt nối tiếp nhau
Phân biệt của vọng kiến
Tăng khu luận có hai
Thắng tính cùng biến dị
Trong thắng có sở tác
Sở tác phải tự thành
Thắng tính cùng với vật
Câu na nói sai biệt
Các món tác sở tác
Biến dị đều không được

Như thủy ngân trong sạch
Bụi bả không thể nhiễm
Tạng thức sạch cũng thế
Nơi chúng sinh y chỉ
Như các thứ rau hôi
Vị muối và thai tạng
Chúng tử cũng như thế
Tại sao mà không sinh
Tính nhất và tính dị
Câu bất câu cũng thế
Không sở thủ mà có
Không vô vi, hữu vi
Trong ngựa không tính trâu
Ngã trong uẩn cũng thế
Chỗ nói vi, vô vi
Đều không có tự tính
Trong giáo lý tìm ngã
Là ác kiến vọng cầu
Không hiểu nên nói có
Chỉ vọng thủ, không ngoài
Ngã ở trong các uẩn

Một, khác đều không thành
Lỗi lầm kia rõ rệt
Kẻ vọng kế không biết
N như gương nước và mắt
Hiện ra các thứ hình
Xa lìa tính một, khác
Ngã trong uẩn cũng vậy
Hành giả tu chính định
Kiến (darsana), đế (satya) cùng với đạo (màrga)
Siêng tu ba thứ ấy
Giải thoát các ác kiến
N như ở trong khe cửa
Thấy ánh chớp qua mau
Pháp thiên biến cũng thế
Không nên khởi phân biệt
Phàm phu tâm mê hoặc
Chấp Niết bàn có, không
Nếu có được thánh kiến
N như thật mà hiểu được
Nên biết pháp biến dị
Xa lìa nơi sinh diệt

Lại tìm nơi hữu vô
Cùng với tướng năng sở
Nên biết pháp biến dị
Xa lìa luận ngoại đạo
Lại lìa nơi danh, tướng
Diệt ngã kiến bên trong
Thân sung sướng cõi trời
Thân bị khổ địa ngục
Nếu không có trung hữu
Các thức không thể sinh
Nên biết trong các đường
Các loại thân chúng sinh
Loài sinh từ thai, trứng v.v..
Đều do trung hữu sinh
Lìa thánh giáo chính lý
Diệt dục hoặc càng tăng
Là cuồng thuyết ngoại đạo
Kẻ trí không nên nói
Trước nên rõ biết ngã
Và các thủ phân biệt
Không biết rõ phân biệt

Như con người Thạch nữ
Ta lìa xa nhục nhãn
Dùng huệ nhãn thiên nhãn
Thấy các thân chúng sinh
Lìa các hành các uẩn
Quán thấy trong các hành
Có sắc tốt sắc xấu
Giải thoát, không giải thoát
Có kẻ ở cõi trời
kẻ thọ nhân các cõi
Chỉ mình ta biết được
Vượt chỗ thế gian biết
Không phải cảnh suy lường
Vô ngã mà tâm sinh
Tâm ấy làm sao sinh
Há không nói tâm sinh
Như sông, đèn, hạt giống?
Nếu không vô minh v.v..
Tâm thức tất không sinh
Lìa vô minh không thức
Làm sao sinh tương tục

Thuyết của kẻ vọng chấp

Ba đời và phi thể

Thứ năm không thể nói

Chỗ các đức Phật biết

Các hành, thủ, sở thủ

Đều là nhân trí tuệ

Không nên nói trí tuệ

Gọi tên là các hành

Vì có nhân duyên ấy

Tất có pháp này sinh

Không riêng có tác giả

Đây là pháp ta nói

Gió không thể sinh lửa

Nhưng khiến lửa bùng dậy

lại do gió lửa tắt

Làm sao dụ cho ngã?

Chỗ nói vi, vô vi

Đều là nơi các thủ

Sao kẻ ngu phân biệt

Lấy lửa mà lập ngã

Sức các duyên xoay vần

Cho nên sinh ra lửa
Nếu phân biệt như lửa
Ngã ấy do ai sinh
vì ý thấy làm nhân
Các uẩn, xứ tích tụ
Ông thương chủ vô ngã
Thường với tâm cùng khởi
Cả hai như mặt trời
Xa lìa năng, sở tác
Lửa không thể thành lập
Kẻ vọng kế không biết
Chúng sinh, tâm, Niết bàn
Bản tính thường thanh tịnh
Nhiễm thói lỗi vô thi
Không khác như hư không
Các ngoại đạo tượng ngoại (Hastisayya)?
Bị các kiến tạp nhiễm
Ý thức làm che khuất
Chấp lửa là thanh tịnh
Nếu được như thật kiến
Sẽ đoạn được phiền não

Xả rừng rậm tà dụ (Drstàntagahana)

Đến lãnh vực của Thánh

Phân biệt thành khác nhau

Giữa trí cùng sở tri

Kẻ ngu vì không biết

Nói chỗ không nên nói

Như ngu lấy gỗ khác

Làm chiên đàn (candanàgaru), trầm thủy

Vọng chấp cùng chân trí

Nên biết cũng như vậy

Ăn xong cầm bát vè

Tẩy rửa cho sạch sẽ

Súc miệng sạch các vị

Nên tu hành như thế

Nếu nơi pháp môn này

Suy nghĩ đúng như lý

Tịnh tín là phân biệt

Thành tựu định tối thắng

Lìa chấp, ở nơi nghĩa

Thành kim cang pháp đấng

Phân biệt nơi hữu vô

Cùng các lưới ác kiến
Ba độc thầy đều là
Được tay Phật quán đánh
Ngoại đạo chấp năng tác
Mê phương hướng không nhân
Sợ hãi thuyết duyên khởi
Đoạn diệt, không thánh tính
Các quả báo biến khởi
Là các thức cùng ý
Ý từ tạng thức sinh
Thức nương Mạt na khởi
Tạng thức khởi các tâm
Như biển khơi sóng lớn
Do tập khí làm nhân
Tùy duyên mà sinh khởi
Sát na tương nối nhau
Chấp cảnh giới tự tâm
Các món hình cùng tướng
Ý căn và thức sinh
Do ác tập vô thi
Mà sinh tợ ngoại cảnh

Chỗ thấy chỉ là tâm
Ngoại đạo không hiểu được
Nhân kia và duyên kia
Mà sinh ra các thức
Cho nên khởi các kiến
Trôi lăn trong sinh tử
Các pháp như huyễn mộng
Trắng đáy nước, Càn thành
Nên biết hết thấy pháp
Chỉ là tự phân biệt
Chính trí nương chân như
Mà khởi các Tam muội
Thủ lãng nghiêm như huyễn
Các Tam muội như thế
Được nhập vào các địa
Tự tại và thần thông
Thành tựu trí như huyễn
Được các Phật rưới đầu
Thấy thế gian hư dối
Khi ấy tâm chuyển ý
Được vào hoan hỷ địa (Muditabhùmi)

Các địa cùng Phật địa
Đã được chuyển y rồi
Như ma ni nhiều màu
Lợi ích cho chúng sinh
Tùy hiện như trăng nước
Xa lìa kiến hữu, vô
Cùng với câu, bất câu
Siêu việt hạnh nhị thừa
Lại siêu đệ thất địa
Pháp hiện chứng bên trong
Từng bậc mà tu tập
Xa lìa các ngoại đạo
Nên nói là đại thừa
Nói pháp môn giải thoát
Như sừng thỏ, ma ni
Xả ly các phân biệt
Lìa chết cùng biến dịch
Giáo do lý mà thành
Lý nhờ giáo mà rõ
Nên y giáo, lý này
Chớ lại thêm phân biệt.

---o0o---

HÉT